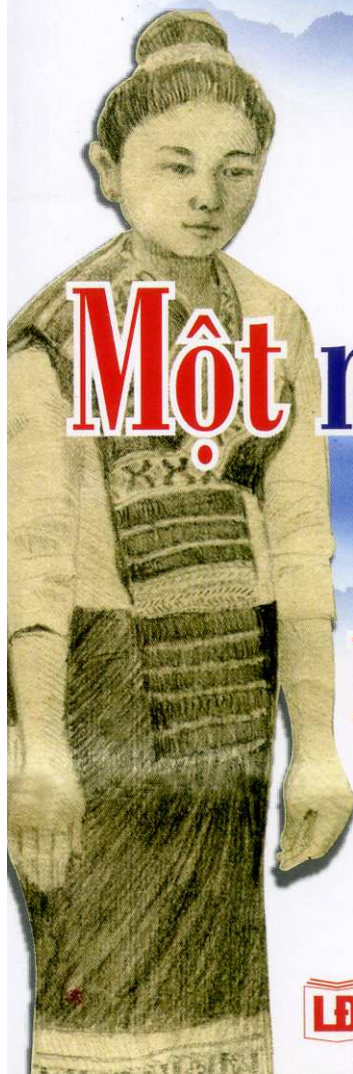


PHẠM QUANG ĐẪU



Một ngày
là
mười năm

TIỂU THUYẾT SỬ THI



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

MỘT NGÀY LÀ MƯỜI NĂM

Tiểu thuyết sử thi

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG-HÀ NỘI 2009



PHẠM QUANG ĐẦU

Sinh năm 1948, quê Vụ Bản, Nam Định, hiện ở Hà Nội

Nhiều năm làm việc tại tòa soạn báo Quân đội nhân dân, hàm Đại tá. Có chân trong Hội Nhà văn Việt Nam. Đã xuất bản 12 tiểu thuyết, truyện ngắn và thơ

**Lạ nhỉ ngọn gió nào thổi đến
Ngọn gió nào lạ nhỉ thổi hồn nhau...
P.Q. Đ.**

M Ồ Đ ẦU

Ông Nhị Nguyễn là một trung tá về hưu, 85 tuổi. Là càng về già ông như trẻ ra, những năm gần đây chưa ai đoán đúng tuổi ông cả. Dáng thanh thanh, đi lại nhanh nhẹn, tóc mới lốm đốm bạc, da mặt đỏ au chưa một nốt mồi và chiều nào đúng vào giờ ấy ông đạp xe đi đánh cầu lông. Ai mới gặp cũng bảo cái số ông sướng và đều muốn ông chia sẻ bí quyết kéo dài tuổi xuân, ông thường cười đưa ra lời khuyên: “Đơn giản mọi chuyện phức tạp. Không nghĩ ác. Có vậy!”

Sắp đến kỷ niệm 55 năm sư đoàn Trường Kỳ, ông trong số những cán bộ hiếm hoi còn sót lại từ buổi đầu đơn vị ra đời, ban tổ chức năm lần bảy lượt mời ông tham gia vào nội dung cuốn sử truyền thống. Cái ngày lĩnh sổ hưu, một nhất là ông về luôn bên bà xã, không so đo, cần cái. Và ông còn chế ra một câu châm ngôn sống, thi thoảng vẫn hay đọc cho bạn hữu nghe: sống vô tư, ăn từ từ, đi đột ngột. Nay nhận lời với đơn vị là phải mệt óc, mệt sức, sao mà vô tư được! Nhưng ông có tính cả nể, thấy các chú sư trưởng, chính uỷ khoản nài mãi, mà phải gật. Sư đoàn liền cử một trợ lý tuyên huấn đến, mang theo cái máy ghi âm to đùng, băng cối, ghi lại lời ông về các sự kiện thời chống Pháp, chống Mỹ. Ông đành hẹn làm việc ba buổi, mỗi buổi một tiếng. Buổi đầu, buổi thứ hai suôn sẻ, ông vẫn giữ đúng nếp, xong việc ăn uống nghỉ ngơi, chiều xách xe đến sân chơi liền. Buổi thứ ba mới được khoảng nửa giờ, ông bỗng thấy đầu ong ong, ngực trái thì nhoi nhói. Lâu lắm mới thấy cảm giác ớn như thế. Cậu trợ lý tuyên huấn bảo, hôm nay kết thúc sớm, cháu cũng hòm hòm tư liệu rồi, giọng bác nghe cứ yếu yếu thế nào ấy. Giá mà cậu ta báo động thêm cho ông biết một điều khác thường nữa, là chợt thấy mồm ông meo méo thì có thể mọi chuyện đã khác. Song do non kinh nghiệm, cậu ta cứ tưởng mình ngồi nhìn nghiêng nên thấy mồm ông hơi bị lệch như vậy. Thực ra đó là dấu hiệu ghê sợ nhất của tuổi già, khi hệ tim mạch đã quá xuống cấp, cơn lỵ não sẽ xảy ra ngay sau đó nếu không được cấp cứu kịp thời.

Nhưng với mỗi đời người làm gì có “giá mà”, bởi đây là định mệnh, định mệnh chẳng đã nằm ngay trong tâm nguyện “đi đột ngột” của ông đấy thôi! Sau lúc cậu trợ lý về không lâu, cuộc đời ông bất ngờ lật sang trang mới, trang cuối ngắn ngủi mà bi thảm, thân thể đóng khuôn vào cái giường thép nâng hạ được trước khi đóng khuôn vĩnh viễn, hạ thổ trong cỗ áo gổ.

Ông Nhị Nguyễn nằm thiêm thiếp, bất động hàng tháng. Các giáo sư, bác sĩ liên tục hội chẩn đưa ra những quyết định, dù là trúng cả thì cũng chỉ có thể giúp

cho linh hồn ông không rời khỏi thể xác ngay trong thời điểm một đoạn mạch của não bộ đứt, tưới đẫm máu ra xung quanh. Máy đo nhịp tim, đo huyết áp ở đầu giường ông vẫn liên tục vẽ biểu đồ thẳng giáng xanh lét. Thế nghĩa là ông vẫn sống, dù toàn thân đã thành khối bê tông cứng ngắc, phải tiếp năng lượng bằng cái ống nhựa nhỏ luôn qua thực quản. Ngày ngày vợ con và người giúp việc tất bật việc bơm thức ăn nước uống và lau rửa khi ông bài tiết.

Đến một hôm con mắt ông chợt mở bừng. Mọi người reo, “cơn lụt” đã bắt đầu “rút”! Giờ thì ai đến thăm, nhìn vào đôi mắt biết ông còn giao tiếp, cảm nhận, tai còn thực hiện được chức năng nghe. Và trong những ngày đó nửa bộ não không bị lụt, dường như vẫn gắng gỏi làm việc thay cho cả bộ não. Đó là miền ký ức sâu thẳm, nén chặt bấy lâu nay được đánh thức; đó còn là trạng thái kỳ lạ nhất mà không phải lúc sắp già biệt cuộc đời ai cũng có được cảm giác như ông, ngày ngày phiêu bồng với cõi vô thức cùng hữu thức.

Ông nằm vậy được thêm tám ngày đêm nữa, cộng với nửa ngày thứ chín. Trớ trêu thay, tính theo thang cuộc đời ông, một ngày là mười năm!

MỘT

Từ lúc rời trạm vào sâu trong núi, ba người cứ hàng dọc nhắm hướng mặt trời lặn, cầm cúi tự rẽ cây mở lối. Họ rất ít nói chuyện với nhau. Leo hết đỉnh núi này lại tiếp đỉnh núi khác, càng đi rừng càng rậm rạp và ánh nắng hầu như không xuyên qua nổi tầng tầng lớp lớp tán lá cành cuộng che chắn trên cao, làm cho mọi vật trước mặt họ lúc nào cũng sâm sẫm, mờ mờ. Phải chú ý lắm mới phân biệt được là sáng, trưa hay chiều. Không biết đã đi được bao lâu. Đói thì giở lương khô nhai trấu tráo, khát uống nước suối, mệt không bước nổi nữa mới dừng, trải lá, căng ni lông, đánh một giấc cho lại sức, tỉnh dậy đi tiếp. Ông Nhị Nguyễn có cái đồng hồ Viller lại không có cửa sổ báo ngày, lúc bước chân vào cửa rừng ông đã có chủ ý, ngắt một đoạn nhánh cây nhỏ bỏ túi, mỗi ngày là một nhánh. Thấm thoát rời Đô Lương đã được mười lăm nhánh cây rồi. Đến sáng ngày thứ mười sáu. Xung quanh nơi họ đang bước tới bỗng sáng bừng, thoáng đãng và trong làn gió mát rười rượi có pha lẫn mùi thơm dễ chịu của nhựa thông. Dường như cả ba cùng một lúc đều cất lên tiếng reo mừng rỡ, bởi trước mặt họ toàn thông, như được đúc cùng một khuôn, cây nào cũng to cỡ cột đình làng, thẳng tắp, tán vút cao lên trời xanh lấp lánh nắng. Đã đi đúng hướng, vượt qua triền đông, sang đến triền tây, đặt chân lên đất Lào rồi! Trạm trưởng Đỗ Trường đã dặn ông Nhị Nguyễn, khi nào ngửi mùi nhựa thông, thấy rừng thông là đã đến Sốp Sang đất bạn, đất ta không ở đâu có cánh rừng thuần thông quý hiếm như thế. Đỗ Trường từng hai lần đưa đoàn cán bộ cao cấp sang Thái nên khá rành đường, trong hai lần ấy đều có mặt Nguyễn Văn Bình, nhưng anh ta không phải người có trí nhớ tốt, đoạn đường cũ chỉ còn “mang máng” trong đầu, nên giờ gặp rừng thông anh mới thở phào, Sốp Sang thật rồi! Đây thuộc vùng đất do Pathét Lào kiểm soát, nên khá an toàn. Đoạn tới ngại nhất đụng cọp và thổ phỉ, sâu về phía sông Mê Kông mới hay gặp độn bốt địch.

Hôm ông Nhị Nguyễn nhập trạm, ở đấy đang có một cán bộ cao cấp mà trạm trưởng Đỗ Trường vẫn cung kính gọi là “thủ trưởng”. Ngày ấy từ “thủ trưởng” còn lạ lẫm lắm, trên Việt Bắc chỉ đôi lần ông nghe được từ chính miệng các vị...thủ trưởng. Rõ là nó du nhập mới toe lối xưng hô của người phương Bắc và không hiểu sao một anh trạm trưởng bé tí hìn ở tít miền Trung cách xa hàng vài trăm dặm này lại biết dùng và chỉ trang trọng dành cho mỗi một vị mới nhập trạm trước ông có vài ngày? Vị ấy trạc tuổi huynh trưởng Tạ Quang Bửu, tức khoảng ngoài bốn mươi, cao lớn, khuôn mặt vuông vức, đôi mắt một mí thâm trầm và vàng trán rộng vồ ra phía trước nom thật oai vệ. Sau khi Nhị Nguyễn làm xong thủ tục, trạm trưởng liền dẫn ngay đến thủ trưởng để xin chỉ thị. Diện kiến mới thấy

ánh mắt của thủ trưởng thật khác thường, sắc lạnh và có sức mê mị, khuất phục những ai đối thoại. Qua vài câu trao đổi, thủ trưởng tỏ ra rất thông thuộc tình hình các nước Đông Dương, đặc biệt là Thái Lan. Với cử chỉ thân mật của bề trên, thủ trưởng hỏi thăm nhiều vị lãnh đạo ở chiến khu, đôi lúc kể xen vào những kỷ niệm đáng nhớ về một cuộc tiếp xúc nào đó. Nhưng điều làm ông Nhị Nguyễn thắc mắc, tuyệt nhiên thủ trưởng không có lời nào hỏi thăm huynh trưởng, mặc dù ông đã nhấn đi nhấn lại là được chính Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu trực tiếp giao nhiệm vụ. Có lẽ vị này thường ở ngoài nước, ít có dịp tiếp xúc với giới quân sự hay giới khoa học kỹ thuật, ông Nhị Nguyễn tự giải thích cho mình như vậy. Những dặn dò của thủ trưởng không khác mấy những điều đã được văn phòng Bộ trao đổi trước ngày lên đường. Rồi thủ trưởng quay sang trạm trưởng quyết ngắn gọn, chuyện này phải cắt vệ binh hộ tống đến khi người và hàng qua khỏi biên giới Lào – Thái mới về. Đỗ Trường hỏi lại, cần bao nhiêu người ạ, sau giây lát suy nghĩ thủ trưởng liền giơ hai ngón tay, tỏ ý chỉ cần thế. Nhân câu chuyện về số người đi bảo vệ trên đường, trước mặt thủ trưởng, Đỗ Trường phê thẳng thừng các vị ở văn phòng Bộ đã mắc bệnh chủ quan, khinh địch, một kho của lớn như thế của quốc gia mà cho có một người theo áp tải, lại hớ hênh đèo sau “poooc ba ga” xe đạp, nhờ hồng phúc của đất nước mà chuyến đi trót lọt. Thủ trưởng không tỏ ra đồng tình cũng không phản đối lời phán đó. Nhị Nguyễn liền nói lại. Không phải văn phòng Bộ không chu đáo, không tính kỹ đâu. Càng nhiều người hộ tống càng dễ lộ, cao tay mới nghĩ ra được cách nguy trang sơ sài như vậy. Đó là cách đánh vào chỗ địch không phòng bị trong binh pháp Tôn Tử đấy. Đang nghe, bỗng thủ trưởng cười mỉm, nhìn ông Nhị Nguyễn và hỏi cắt ngang với đôi mắt nheo ánh lên tia tinh quái, rằng “me-xù” chánh văn phòng Bộ mà biết binh pháp Tôn Tử ư? Cuộc trao đổi không kéo dài, thủ trưởng chủ động đứng dậy bắt tay Nhị Nguyễn, chúc thượng lộ bình an, nhờ chuyển lời thăm hỏi sức khoẻ tới đại diện của ta tại Băng Kok là hai anh Nguyễn Đức Quý và Song Tùng. Khi trở về phòng riêng của trạm trưởng, đến lượt Đỗ Trường phê tiếp ý kiến vừa rồi của Nhị Nguyễn. Hắn anh luôn có niềm tin rằng cấp trên không bao giờ mắc sai lầm chứ gì? Ông Nhị Nguyễn bảo lại, không hoàn toàn như thế, nhưng với chuyến đưa bọc vàng từ chiến khu về Đô Lương, cách tính toán của các anh trên Bộ vậy là hợp lý. Đỗ Trường cười khẩy, tôi đã chứng kiến nhiều vị chức sắc bề bề qua lại đây, hơi thiếu thông minh, thiếu quyết đoán chứ chẳng có mấy hợp lý như anh nghĩ đâu. Ông Nhị Nguyễn liền nháy mắt hỏi: thủ trưởng vừa nãy thì thế nào? Đỗ Trường cười xoà, không đưa ra bình luận cụ thể nào nữa, cũng chấm dứt luôn cái lời “chụp mũ” vừa rồi. Và bảo gọi hai người vệ binh lên nhận nhiệm vụ mới. Trạm trưởng giới thiệu tên từng người. Đến khi bàn bạc, cắt cử ông Nhị Nguyễn định chia đều số vàng thành ba phần cho dễ mang, mỗi người một gói bỏ ba lô, thì trạm trưởng can thiệp ngay:

-Không được! Trách nhiệm đã rõ ràng. Tiền vàng là cấp trên giao phó trực tiếp cho đồng chí chứ có giao cho chúng tôi đâu. Tôi cử hai chiến sĩ cùng đi là để

bảo vệ vòng ngoài số tiền vàng đó. Đặt tình huống, gặp địch phải chiến đấu, ba người đều mang vàng cả, rủi ai bị hy sinh hay bị bắt có phải là mang tài sản quốc gia biểu không cho địch không. Còn tập trung một người giữ, khả năng bị mất, bị rơi vào tay địch ít hơn, lại luôn có hai người hợp sức bảo vệ sẽ an toàn hơn. Dù hai người có hy sinh mà số vàng giữ được nguyên vẹn thì vẫn là thắng lợi. Tôi phân tích thế có thuận lý không hở đồng chí cán bộ trung ương?

Lý lẽ như vậy không thể bác bỏ được, ông Nhị Nguyễn định hỏi thêm thì anh vệ binh cao lớn ngồi bên bồng nửa đùa nửa thật bảo:

- Chưa ra trận mà thủ trưởng rửa chúng tôi hy sinh...

Ông Nhị Nguyễn không khỏi ngạc nhiên khi anh chàng vệ binh kia đã quá nhậy bén, cũng gọi trạm trưởng của mình là “thủ trưởng” như vậy, rất có thể vô tình anh ta trong số những người đầu tiên ở ta đã “phổ thông hoá” từ này. Trạm trưởng liền trợn mắt “xà- lù” luôn:

- Đồng chí bỏ cái lối suy nghĩ đơm mầu mê tín dị đoan ấy đi! Đi làm việc cách mạng mà sợ chết, ở nhà núp váy vợ cho xong.

Không ngờ không khí trước lúc lên đường lại căng thẳng như thế. Mặt anh vệ binh nọ xạm lại. Ông Nhị Nguyễn liền đỡ cho anh ta:

- Không phải là sợ chết, anh Lèng Cảnh nói vui ấy mà. Ta chuẩn bị kỹ lưỡng thế này, là chắc phần thắng rồi.

Người vệ binh tên Lèng Cảnh tiếp lời:

- Thì cái giấy khen thủ trưởng vừa phát cho tôi sau chuyến vào Quảng Ngãi, đựng địch, vẫn bảo vệ ngon lành cả đoàn, thủ trưởng quên rồi à?

Cái nhìn của Đỗ Trường về phía Lèng Cảnh đã dịu. Nhị Nguyễn liền lái sang chuyện khác. Ông nói:

- Tôi có thêm một đề nghị, trạm cấp hoặc cho mượn một khẩu súng ngắn.

Đỗ Trường nhăn trán giây lát rồi bảo, trạm không có trách nhiệm phải trang bị súng cho các đoàn ra vào tuyến giao liên, song anh có thể cho mượn một khẩu Saint- etienne ở quay sản xuất trong Thế chiến thứ nhất còn dùng tạm tạm, đủ cơ số sáu viên, lâu dài phải tự xoay lẩy đạn. Sau đó trạm trưởng còn nhã ý đòi cho Nhị Nguyễn cái ba lô mới cứng. Mười tám kí lô vàng được bọc kỹ cho gọn vào đây, khẩu côn thì dắt thắt lưng. Nhị Nguyễn liền đeo thử, ba lô nặng chịch, những ngày tới phải vượt mấy trăm cây số đường rừng với vật bất li thân này sau lưng là mệt lắm đây! Mọi vật dụng đồ đạc, ông san bớt ra cho hai vệ binh đeo giúp. Dù sao qua mấy lần tiếp xúc, bàn bạc, ông cũng có cảm tình với người trạm trưởng tính tình bộc trực, thẳng mực tàu đau lòng gỗ ấy, nghĩ cho cùng anh ta cũng việc công cứ chiếu phép công mà làm. Lúc sắp lên đường, ông nắm chặt bàn tay thô ráp, to bè của Đỗ Trường. Rồi không biết trời xui đất khiến thế nào, ông lại buột ra một câu làm hỏng cả bầu không khí tiền đưa đang lưu luyến, thoải mái: giá được trạm trưởng tháp tùng chuyến này thì hay biết mấy, tiếc là mình không phải thủ trưởng. Nét mặt trạm trưởng đang tươi, bồng héo quắt, gắt mồm tôm :

- Đồng chí cho là tôi hay bám đít cấp trên phải không?

Trên đường ra khỏi trạm rồi, anh vệ binh tên Nguyễn Văn Bình, vốn ít mồm miệng, suốt cuộc chỉ mồm mím ngồi nghe, giờ mới bảo Nhị Nguyễn, trạm trưởng sớm nắng chiều mưa không biết thế nào mà chiều đâu, tốt nhất đừng khi nào nói bõn trước mặt cả, bọn mình đã đặt cho cái tên mới là “Trạm trưởng không biết đùa” đấy. Dù đã qua nửa ngày trên đường mà ông Nhị Nguyễn vẫn chưa nguôi ngoai ba cái chuyện vặt ấy, chỉ biết tự trách mình, không nên nói năng quá thoải mái với những người vừa quen.

Khu rừng thông phía trước, đã thấy mấy mái nhà tranh vách đất nằm liền kề con đường mòn. Lèng Cảnh bảo:

- Mấy tuần nay toàn nóc lương khô, chẳng hạt cơm cuộng rau nào, ruột xót lắm. Nghi lại xin tiếp tế chất tươi chứ hai anh?

Nguyễn Văn Bình nói:

- Biết trong bản thế nào mà vào. Nhỡ đụng địch thì sao?

- Ta cứ ở trong rừng- Ông Nhị Nguyễn nói- một anh đến trước tìm hiểu, ỏn ta vào. Hồi trên Việt Bắc có anh đã sang Lào về nói lại với tôi, bà con các bộ tộc Lào đều đối với ta tốt lắm.

Lèng Cảnh nhận đi dò đường, lát sau đã thấy quay lại mặt tươi hơn:

-Bản Sộp Phác của người Lào Mông. Biết bộ đội Việt Nam đến, dân bản vui như tết ấy các anh ạ.

- Anh biết tiếng Lào à? Ông Nhị Nguyễn hỏi.

- Tạm toạ vài câu đủ dùng. Tiếng Lào với tiếng Tày của mình là anh em đồng hao mà.

Chỉ có ít phút đến bản, mà Lèng Cảnh tỏ ra phấn chấn như được về thăm nhà, nhảy chân sáo đi trước. Bình ghé tai Nhị Nguyễn nói:

- Cái cậu này vừa ở ATK về được một năm nay, đã bập vào cô người Lào của trạm, án kỷ luật đang treo lưng. Không đùa với trạm trưởng không biết đùa được đâu.

- Cậu ấy cũng từ Việt Bắc về à? Ông Nhị Nguyễn ngạc nhiên.

- Quân của ông Cao Khắc Giáp đấy. Khoản xung phong thì được, nhưng nghe đâu tại cái mồm, bạ đâu nói đấy cấp trên không tin cậy, không thể để ở cơ quan đầu não.

Ông Nhị Nguyễn chợt nhớ lại, lúc đã khoác ba lô khỏi cổng trạm, quay lại không thấy anh ta đâu. Gọi như hò đò sông cái mới thấy anh ta chui tọt ra từ buồng của nhân viên nữ phía đầu nhà khách, theo sau lấp ló cô người Lào mặt phùng phùng, mắt đỏ hoe, may mà lúc đó trạm trưởng đang mải đón đoàn khách mới đến không để ý đến sự việc này. Trên đường đi, có lúc nghỉ, anh ta thần mặt đứng ngồi không yên, ông Nhị Nguyễn hỏi khan hỏi vãn thì bảo, nhớ Pen Ni quá, hể ngủ là toàn mơ thấy em thôi. Anh ta mới hai mốt, tức kém ông tới năm tuổi, có lẽ với cô gái Lào ấy là mối tình đầu, nên bị hớp hồn. Đêm qua, lúc ngủ trong lán dựng tạm trên đường lại xảy ra một chuyện tức cười. Đang quay lưng lại nhau, bỗng anh ta trở mình nằm úp thìa, thế là cứ thúc liên hồi cái “của nợ” như cục sắt

ngươi vào lưng ông. Sáng ra, hấn có vẻ ngượng, ông thì mặt tỉnh bơ, coi như không có chuyện gì. Cái anh chàng đang sức trai này xem ra mót vợ lắm rồi!

Vào bản Sộp Phác. Lèng Cảnh vẻ mặt rất phờ đờ đứng cạnh một ông già cùng hai thiếu nữ.

- Kin khẩu sê, khẩu ón, mi phắc cát nhưng mum, không máy tu po...

Bỗng anh chàng xô một tràng làm ông Nhị Nguyễn ngỡ ngàng, còn hai cô thì cười ngặt nghẽo, dúm dúm vào nhau. Ông trưởng bản vui vẻ bảo với khách bằng tiếng Việt khá sõi:

- Bộ đội không phải mời cơm dân bản. Dân bản khắc mời. Rửa ráy nghỉ ngơi trước đã.

Về sau ông Nhị Nguyễn được nói lại, câu tiếng Lào của Lèng là: bộ đội mời cả bản ăn bữa cơm thân mật. Thì ra cậu ta chưa thạo, định nói bộ đội muốn nhờ dân bản cho ăn cơm, các cô nhận ra ngay cách diễn đạt ngược của cậu ta nên mới cười ngặt nghẽo như vậy.

Bà con đến mỗi lúc một đông, nhiều người nói được tiếng Việt, đều hiếu khách. Ông trưởng bản nói:

- Bộ đội Việt Nam giúp Lào đánh Pháp, giải phóng quê hương, thì bộ đội cũng là con em của mình mà.

Nguyễn Văn Bình vốn kiệm lời, từ lúc vào bản chỉ cười và gật đầu với mọi người, giờ cứ nhào mắt khắp chốn tìm Lèng Cảnh, anh ta vừa dòn cả đồng ba lô và súng cho Bình giữ, biến mất tăm. Ông Nhị Nguyễn thì vẫn kè kè cái ba lô nặng chịch. Chẳng mấy chốc các mẹ các chị đã mang ra mấy típ xôi, cùng thịt gà luộc chấm muối ớt bày cả trên lá chuối, còn có cái xoong nhôm to vừa trong bếp bê ra bỏng rẫy, trưởng bản bảo đó là canh rau dỏ nàng hái trong rừng, bộ đội thử ăn xem có ngọt nước không. Thoạt nhìn các món ông Nhị Nguyễn đã từa nước miếng. Nhưng lại không thấy chàng Lèng đâu. Vẻ mặt Bình không dấu được sự khó chịu, người đi không bực bằng người trực nồi cơm. Ông Nhị Nguyễn liền để ba lô xuống nhờ anh ta trông cả thể, lẳng lẳng ra ngoài. Vừa đến đầu bản đã thấy cái dáng cao cao của Lèng Cảnh đang dòn một cô nhỏ nhắn, ngực nở, bụng thon, mông căng tròn tựa với cái váy Lào bó sát, vào cạnh góc thông cỏ thụ và nghe cô gái nói giọng Việt khá chuẩn:

- Em đẹp sao bằng gái Việt Nam.

- Đẹp lắm. Đẹp hơn kia. Giọng anh chàng lập bập như lú lờ và tiếp đến là giọng cô gái nài nỉ:

- Đừng, mà anh...

Ông Nhị Nguyễn liền đặng háng khá to. Không ngờ anh ta đánh bài cùn:

- Anh và Bình cứ ăn trước, ngủ trước. Em có chút việc về sau.

Không thể bừa phứa như vậy được! Ông liền bước nhanh đến chỗ góc thông, đang lúc Lèng cô kéo cô gái lại gần hơn, định thơm lên gò má rục màu tảo chín của cô, nói dứt khoát:

- Đồng chí Lèng Cảnh. Về ăn cơm!

Lèng như người say rượu được dội gáo nước lạnh, tỏ ra tỉnh hẳn, còn cô gái cũng thoát được khỏi vòng tay anh ta, sượng sùng nhìn ông Nhị Nguyễn.

-Về. Mọi người đang chờ- Nhị Nguyễn hạ giọng. Lèng Cảnh kịp giới thiệu tên cô là Vi Lãm, rồi hai người cun cút đi sau lưng ông.

Chao ôi, chưa bao giờ có bữa ngon đến vậy! Gà luộc thịt bên trong còn chút hồng nhạt, mềm chắc thớ chấm muối ớt, ăn vào như chưa bao giờ được biết đến thịt gà. Xôi nếp nắm vào lòng tay, dẻo quẹo thơm nức, còn canh dĩa nằng thì ngọt lịm chỉ có canh rau sắng hay rau ngót của ta mới sánh được. Bình bên cạnh ông, cầm cúi chén tí tí, chỉ Lèng Cảnh là tay nắm xôi, mồm nhai thịt mà mắt cứ lơ lảo tìm đối tượng ban nãy. Giờ Nhị Nguyễn mới có dịp nhìn khắp lượt, cậu ta “chiếu tướng” quả không nhầm, Vi Lãm là đoá hoa xinh tươi nhất bản. Hồi ông còn học ở Cao đẳng khoa học Hà Nội, cũng vào năm hai mươi một tuổi như Lèng bây giờ, yêu Nghĩa học lớp dưới, cả hai đều đã say như điếu đổ rồi, nhưng chỉ là say trong mộng tưởng, còn ngoài đời lại e dè ý tứ, lần mạnh bạo nhất là cầm tay nằng đưa lên môi hôn, như cách thể hiện của hoàng tử quý tộc với công nương trên phim ảnh. Giờ đây nhìn cô gái Lào, ông chợt nhớ đến Nghĩa và tự hỏi, sao mình không thể đốt cháy giai đoạn như anh chàng vệ binh này nhỉ? Đang mãi nghĩ, Bình ngừng lên khẽ nhắc:

-No. Đóng trại. Kẻo có chuyện lôi thôi đây.

Nhị Nguyễn liền quay sang ông trưởng bản nói:

-Thưa bà con bản Sộp Phác. Sáng mai chúng tôi lên đường rồi, rất cảm ơn bà con đã giúp đỡ...

Ông trưởng bản bảo mấy cô đưa ra một túi vải căng phồng đựng khoảng chục cân gạo nếp, cùng bọc rau. Ông nói, bộ đội Việt Nam có việc đi gấp, không giữ được, có ít gạo rau xanh làm quà. Nhị Nguyễn cảm ơn thịnh tình của bà con, bảo đi đường không có xoong nồi để nấu, chỉ ăn lương khô thôi, nên xin được để các thứ đó lại. Một chị nghe vậy liền sốt sắng, thế thì sáng mai sẽ dậy thật sớm đồ xôi cho bộ đội mang ăn đường.

Ông Nhị Nguyễn ghé vào tai Lèng Cảnh mệnh lệnh ngắn gọn: về ngủ, mai hành quân sớm! Lèng miễn cưỡng đi theo ông, sau hẳn là Bình, chặn đầu khoá đuôi thế sao tẩu thoát được. Vậy mà nửa đêm tỉnh giấc, ông Nhị Nguyễn quờ tay không thấy hẳn nằm bên nữa. Có chuyện rồi. Ông lẹ làng tuồn ra khỏi giường, không để Bình thức giấc. Mảnh trăng liềm lơ lửng trên bầu trời đen thẫm, cao vợi, cả bản Sộp Phác say giấc trong yên bình dưới tán thông. Nhưng lại có hai người thức cùng ngọn lửa tình đang hùng hực. Và Nhị Nguyễn đứng khựng như bị điện giật khắp người. Đập vào mắt là hai con người đang dính chặt vào nhau, trắng lốp, lẫn lộn dưới ánh trăng mờ ảo bên bờ suối. Lần đầu tiên trong đời người con trai, Nhị Nguyễn được cận mục sở thị đến từng đường nét, cử động, hơi thở, giọng điệu tận cùng lạc thú. Họ làm tình như hai cái hạt mẩy ộp chặt vào nhau, khởi thủy của sự sinh sôi viên mãn trong trái trời chín nẫu bọc xung quanh. Và lúc này ông trở thành cái hạt lép thừa ra. Ông ngồi bệt xuống cỏ, mắt vợi dời đi nơi khác mà

trong lòng vẫn nao nao khó tả. Rồi Nhị Nguyễn lảng lạng đứng lên về. Mãi gần sáng mới thấy cái bóng cao lớn của Lèng vào nhà, hần rón rén như tên trộm, lẹ làng nằm cạnh, một loáng đã mẫn nguyện trong tiếng ngáy nho nhỏ, đều đều, người hần thì sực nức mùi cỏ đập nát và nhựa thông. Sau đó đến lượt Nhị Nguyễn chợp mắt. Ông bỗng thấy mình đang cùng Nghĩa, cũng lăn lộn bên bờ suối dưới tán thông ban nãy, có khác là sự trình diễn quá ngắn, chưa kịp để cảm nhận khoái cảm đến chân tơ kẽ tóc và cái đập nước đầy ứ đã vội oà vỡ trong tích tắc không để lại giọt nước nào, người tình cũng biến theo, sau cơn mộng tỉnh bao giờ cũng là tiếc nuối, rỗng không.

Có thể Bình không hay biết sự việc nửa đêm qua, cũng có thể anh ta biết nhưng không nói, mới đi với Bình có mười ngày ông Nhị Nguyễn bỗng thấy ngại sự kín đáo ấy. Lèng Cảnh cứ cầm cúi đi bên ông một chặng dài, mãi sau mới hỏi chuyện:

- Anh quen thân với chú Tạ Quang Bửu phải không ạ?

- Phải rồi, là huynh trưởng, là thủ trưởng trực tiếp của mình.

- Em cũng có lần được đi bảo vệ thủ trưởng Bửu đấy. Thủ trưởng không giống các thủ trưởng khác, tay lúc nào cũng kè kè quyển sách, nghỉ trên đường là mở đọc, toàn chữ Tây. Em hỏi, chú đọc nhiều thế để làm gì, cháu thì chưa bao giờ cầm quyển sách nào, mới qua lớp xoá mù thôi mà.

- Có phải lần ấy cậu đi với thủ trưởng gặp một vị chức sắc, rồi cậu đối đáp làm cho vị đó chịu cái sự bảo mật “ba không” phải không?

- Chuyện đó anh cũng biết à. Em cứ trả lời theo cách của em thôi. Trước mặt ông nói biểu dương, nhưng về sau em mới biết, mình phải rời chiến khu về trạm khách là do có ý chỉ đạo của ông ấy đấy. Được về cơ sở em càng thích, thoải mái, lại có nhiều em.

- Mình hỏi thật. Cậu đã yêu Pen Ni sao còn lém tếng với cô khác?

Hỏi trúng vào cái tổ con tò vò, anh chàng mặt đỏ tía tai chẳng nói lại được lời nào. Nhị Nguyễn gằn giọng:

- Vậy là quan hệ nam nữ không đứng đắn. Tội hủ hoá nặng lắm. Nhờ cô ấy chữa thì có phải làm hại cả đời người ta không, cậu đã nghĩ đến điều ấy chưa? Chưa nói việc cậu làm đã phạm vào kỷ luật dân vận, kỷ luật quan hệ quốc tế. Phức tạp lắm.

Lèng Cảnh cụp tai đi bên ông, vẻ mặt buồn thiu, không biết cậu ta hỏi hận hay đang thả hồn về phía sau với em Vi Lãm mỗi lúc mỗi đi xa bao giờ gặp lại. Khi đến chặng nghỉ, nhìn Lèng ngồi ủ rũ như con gà rù, ông bỗng thấy thương hại. Chợt nhớ đến lời huynh trưởng, con người ta tính cách đã định hình từ lúc thiếu niên, đến già vẫn giữ tính cách ấy, vậy làm sao thay đổi được “nhóm máu dê” trong người cậu ta cơ chứ!

Ông lại gằn đưa nắm xôi, cậu ta nhận mà mắt cụp xuống. Lát sau thì thào vào tai ông Nhị Nguyễn, cố ý không để Bình nghe được:

- Anh à, người có học như anh chắc không bao giờ mắc tội hủ hoá đâu nhỉ?

Ông cười, bảo:

- Không biết chừng. Chuyện đó không ai nói mạnh được.

- Em thì lúc nào cũng thèm đàn bà. Hồi trên chiến khu cố nhịn, muốn phát cuồng. Đến khi về trạm thì như chim xỏ lồng. Đơn vị kiểm điểm em quan hệ bất chính với Pen Ni, em đã hứa cắt đứt. Trong cuộc họp nói vậy chứ cắt thế nào được, hàng ngày thấy mặt nhau cái máu yêu nổi lên liền. Hôm chia tay, em nói thật anh đừng mắng nhé, lúc anh gọi em đã vật ngựa được cô ấy ra giường rồi, mỡ đến miệng mèo mà phải bỏ. Chuyện này về là cưới, tổ chức không thuận thì chịu kỷ luật ra quân, về quê cô ấy cày ruộng. Còn với Vi Lãm, không hiểu sao vừa gặp em đã thấy như được gặp lại Pen Ni. Cô ấy quá hiền, dễ tin, em càng làm tàng. Đàn bà đẹp có bùa, đàn ông bị ếm bùa thì thôi rồi, trời cũng bé. Cái đầu không chỉ đạo được cái cu.

Nói đến đây, anh chàng bỗng toét miệng cười như đứa trẻ làm ông Nhị Nguyễn cũng phải bật cười.

#

#

Từ lâu, với Thứ trưởng Tạ Quang Bửu ông Nhị Nguyễn còn có thâm tình của thầy trò, anh em, nhưng để hiểu được hết tính cách của huynh trưởng thì chưa, bởi hiếm khi được ở lâu bên huynh trưởng. Sáu năm trước, ông đã được chọn trong đoàn đi hỏi vợ cho huynh trưởng, tiếp đến ở lễ thành hôn thì đóng vai phù rể. Đám cưới ngày ấy đã trở thành một sự kiện thu hút mối quan tâm của hàng ngàn Hướng đạo sinh cả nước. Huynh trưởng lấy con gái một huynh trưởng khác. Ông Tạ Quang Bửu ở miền Trung, ông Hoàng Đạo Thuý ở miền Bắc, hai vị đều là lãnh đạo chủ chốt Đoàn Hướng đạo Việt Nam và họ không chênh nhau quá nhiều tuổi. Huynh trưởng Bửu ngày ấy không có nhà ở Hà Nội, phải nhờ nhà một người quen trong làng ven nội Đại Yên làm căn cứ xuất phát cho cuộc đám hỏi và sau đó là lễ đón dâu. Máy tráng sinh nom cao ráo, keng trai được chọn đội quả, đưa đồ sính lễ. Đoàn ăn hỏi đi vòng vèo trong làng, Nhị Nguyễn và mấy chàng phù rể cứ bám nhau cười khúc khích: “Này, không biết hôm nay huynh trưởng Bửu phải xưng hô với huynh trưởng Thuý thế nào nhỉ? Bình thường anh anh tôi tôi, toàn bàn những chuyện lớn, nay bố bố con con...” Chú rể dường như không quan tâm đến chuyện ngôi thứ như vậy, trước mặt mọi người đã chuyển từ “anh” sang “ba” ngon lành. Và hôm đến nhà gái huynh trưởng đã có chủ ý, yêu cầu đoàn bên nhà trai bận bộ đồng phục Hướng đạo soóc xanh, sơ mi nâu. Ngay từ đầu chú rể đã truyền sự tự tin cho các tráng sinh, tất cả đều tỏ ra rất có phong độ khi tiến vào nhà gái, một gia đình gia giáo nổi tiếng ở nội thành. Chỉ có mấy mục hay hóng hớt via hè là có dịp dẫu mở dè biau: “Ôi dào! Tưởng cụ Thuý kén cho cô con gái xinh đẹp, hiền thực một chàng rể to cao đẹp trai, con nhà giàu, ai dè lại là một ông đồ Nghè nghèo kiết, già, lùn, mòm rọng!”. Thói đời hời hợt, ngộ nhận hay nhìn vào cái mẽ

bên ngoài để chôm chia. Họ đâu biết chú rể ngày đó đã là một nhân vật kiệt xuất, tấm gương cho bao thanh niên chuông sự học để phụng sự tổ quốc noi theo. Năm 19 tuổi, huynh trưởng cùng một lúc đỗ đầu cả tú tài bản xứ lẫn tú tài Tây, có học bổng sang Pháp. Rồi đang học vào loại xuất sắc tại một trường ở miền nam nước Pháp, huynh trưởng lại có suất học bổng tu nghiệp tại Đại học Oxford lừng danh bên Anh quốc. Nhưng huynh trưởng khác người ở chỗ, học chỉ để lấy kiến thức chứ không lấy bằng cấp, rốt cuộc năm, sáu năm du học không nhận một bằng cấp cụ thể nào, khi trở về nước cũng nhất định không ra làm quan, chỉ đi dạy ở một trường tư thục tại Huế. Bởi thế, không có gì đáng ngạc nhiên, là người có đủ công, dung, ngôn, hạnh như trưởng nữ của huynh trưởng Hoàng Đạo Thúy khi tiếp xúc với đồng chí của ba mình, đã có cảm tình ngay, rồi “tình trong như đã, mặt ngoài còn e” càng ngày nàng càng khâm phục tài cao, trí lớn của chàng, bất chấp sự chênh lệch về tuổi tác và những lời dèm pha của thiên hạ...

Sao người đầu tiên ông Nhị Nguyễn nhìn thấy trong cơn mê man kéo dài lại là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu, mà ông vẫn theo cách xưng hô trên dưới ở đoàn Hướng đạo ngày xưa là “huynh trưởng” và “tráng sinh”, chứ không phải những người thân nhất như vợ, con, bạn hữu? Câu hỏi này không bao giờ có câu trả lời, đơn giản bởi chỉ ông biết điều ấy và giờ đây vùng nói của não đã bị thương tổn nặng làm ông vĩnh viễn câm lặng.

Khi có điện báo lên gặp Thứ trưởng ngay, ông Nhị Nguyễn đã linh cảm, hẳn đây là một việc hệ trọng của đời ông (Thời kỳ này ông Nhị Nguyễn là phó giám đốc kỹ thuật của Đài Tiếng nói Việt Nam và bộ phận của ông thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Quốc phòng). Lạ vậy, ở tuổi hai năm, hai sáu, từng tám mình trong dòng thác trào cuộn khuynh đảo của cuộc cách mạng như ông, vậy mà vẫn còn cái cảm giác bần chồn, hồi hộp hết như cậu trò nhỏ chưa thật tự tin bước vào kỳ thi vấn đáp. Ngay cả lúc phải lội qua khúc suối khiếp hãi, như mọi lần ông đã luôn dè chừng dưới chân xem có con đĩa nào bám để gọt đi ngay trước khi nó no căng máu. Lần này mãi nghĩ, leo đến lưng đồi, ông mới chợt nhận ra dưới bàn chân nhờn nhớt, lép nhép, nhìn xuống máu đã đỏ ôi cả một bên dép lốp. Ông vội tuột quai hậu, dứt phứt trong gan bàn chân một con đĩa trâu bằng đầu đũa cả. Ở kheo chân cũng lủng liềng hai chú nữa. Vũng suối vừa phải lội là một vương quốc đĩa quái đản. Chúng đông cỡ quân đoàn, trường kỳ mai phục trong rêu cỏ ven bờ, chỉ chờ động nước là lúc nhúc lao thẳng vào mục tiêu, không chỉ với bản năng say hút máu nóng của người và súc vật lội qua, có gần hai năm cuộc chiến, chúng thêm bước tiến hoá nữa là say hút thịt rữa nát của người và súc vật tử nạn. Những con trâu, con lợn bị trúng bom hay đạn trương phình dưới suối, lập tức đĩa bu đen tranh hết cả phần lũ cá. Chiến dịch thu- đông năm ngoái, khi giặc Pháp giương hai gọng kim thép vào ATK (An toàn khu), ông Nhị Nguyễn đã chứng kiến một cảnh đau lòng. Có chú bé người miền xuôi theo bố mẹ tản cư lên Việt Bắc, chạy giặc đạp phải rêu trơn đập đầu vào đá, bị nước cuốn xuống vực, mãi mấy ngày mới vớt được, thay vì vải mặc là thứ “quần áo đĩa” rùng rợn làm thẳng bé tội nghiệp toàn

thân biến dạng. Ngay cả loài hạ đẳng như đĩa, mà có chỗ sống thuận lợi, bản năng cố hữu của nó càng được dịp phát tác thành nhiều bản năng ghê rợn khác!

Từ ngôi nhà trong rừng, huynh trưởng bước ra cửa đón tráng sinh. Đó thực ra là cái lán tre, lợp lá gồi nằm dưới tán rừng ở mỏm đồi Định Hoá cách nay gần sáu mươi năm, nơi đôi lần ông đã từ khu vực kỹ thuật của đài phát thanh ở quả đồi bên kia, về đây để nhận chỉ thị của cấp trên. Vẫn là dáng đi nhanh nhẹn, cùng cái cười không thể lẫn khi gặp anh em, bạn bè của huynh trưởng: xuể xỏa, khoé miệng kéo rộng đến mang tai.

- Cậu có già đi chút ít đấy- Ông Bửu bắt tay, hồ hởi nói với Nhị Nguyễn- Sao lâu lắm mình không còn gặp cậu nào trong đoàn Lam Sơn hồi năm bốn tư nhỉ?

Ông Nhị Nguyễn biết ngay con người thông thái kia đang có sự nhầm lẫn trong cảm nhận không- thời gian. Giờ đây ông mới trở lại với quá khứ, trong khi huynh trưởng Tạ Quang Bửu đã vắn du vào cõi vĩnh hằng được hai mươi một năm rồi và điểm gặp không phải ở Hà Nội nữa, mà là chiến khu Việt Bắc sau ngày Toàn quốc kháng chiến. Trưa 21-8-1986, hôn huynh trưởng lặng lẽ rời thể xác và thăng thiên khỏi căn biệt thự bao cấp ở đường Hoàng Diệu, cái vỏ ngoài thì rộng, mà cái ruột rỗng, chẳng có thứ đồ đạc gì đắt tiền, chỉ chất toàn sách đông tây kim cổ. Và đó là thời điểm huynh trưởng cũng đã rời xa trụ sở Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp trên cương vị bộ trưởng được đúng mười năm. Từ ngày ấy, ông đã thành công dân của thế giới hoàn toàn khác với dương thế. Nhưng những sự kiện hệ trọng thuộc về lịch sử có liên quan tới mỗi đời người trên dương thế đây biến cố, thì dường như sau đó vẫn được tích tụ, lừng lơ, bất biến trong cái thế giới vô cùng vô tận, vô thủy vô chung ấy, như vô vàn những tiểu hành tinh liên tục chuyển động ngang dọc trong vũ trụ bao la, vấn đề chỉ là mỗi khi ta cần đến “tiểu hành tinh” nào (tức sự kiện nào) thì phải tự tiếp cận theo tâm thức của riêng mình, lau sạch lớp bụi thời gian bao phủ bên ngoài làm cho nó sáng rõ lên mà thôi!

-Vâng, số anh em tráng sinh chúng tôi học ở Cao đẳng khoa học Hà Nội đi theo huynh trưởng lên chiến khu ngày ấy, giờ đã tạ thế vắn, tôi thì ít bữa nữa cũng vào cõi...

- Hôm nay mình mời cậu lên để trao một nhiệm vụ mới- Sự việc trở lại thời khắc đầu tháng 5-1948, và giọng Thứ trưởng Tạ Quang Bửu bỗng trầm xuống, đôi mắt sáng, đôn hậu vẫn đắm đắm nhìn về phía những ngọn đồi trùng điệp nhấp nhô trước cửa.

-Vâng, xin huynh trưởng cứ chỉ thị. Nhị Nguyễn ngồi đối diện và chăm chú nghe.

- Cuộc kháng chiến đã có những bước chuyển biến thuận cho ta nhiều mặt- Ông Tạ Quang Bửu nói- Đài phát thanh là một công cụ tuyên truyền hữu hiệu nhất trong lúc này, cần phải được tăng cường về mọi mặt, trước hết ở khâu kỹ thuật. Tăng công suất, thời lượng phát sóng và khả năng chống nhiễu phá sóng. Tóm lại, phải hiện đại hoá đài trong một thời gian ngắn nhất.

-Theo định hướng của Bộ đề ra cho đài- Ông Nhị Nguyễn tiếp lời- lâu nay chúng tôi vẫn khẩn trương làm chuyện ấy đấy ạ.

- Mình biết. Nhưng chưa đủ- Ông Bửu chột nhìn thẳng vào người đối thoại- Cần lấp thêm những thiết bị hiện đại hơn, mới đáp ứng được yêu cầu cao của Trung ương và Bác giao phó về công tác thông tin tuyên truyền. Cậu phải sang Thái Lan một chuyến.

Sang Thái! Ông Nhị Nguyễn sững người bởi điều này ông chưa bao giờ nghĩ tới. Huynh trưởng đã nhận ra sự bất ngờ của thuộc cấp, cười bảo:

- Mình đã cân nhắc, không ai thích hợp hơn cậu. Cậu là đảng viên lại có bằng cử nhân khoa học...

- Chưa kịp lấy bằng ạ- Ông Nhị Nguyễn tiếp lời- Còn học nửa năm nữa thì toàn quốc kháng chiến nổ ra, cả lớp xếp bút nghiên lên đường.

- À, mình nhầm với Lê Văn Giảng...

- Không ạ- Ông Nhị Nguyễn lại ngắt lời- Anh Giảng, anh Phú, anh Hoàng, anh Điền đều cùng lớp và chúng tôi cùng theo huynh trưởng một ngày lên chiến khu mà.

Đến đây thì huynh trưởng Tạ Quang Bửu bỗng cười sáng khoái và thừa nhận là mình “lắm cảm”.

-Huynh trưởng mà lắm cảm ư- Nhị Nguyễn cũng cười, vui vẻ nói lại- chỉ là bé cái nhầm thôi. Có thể huynh trưởng nhớ sang thời kỳ tôi về điện Yên Phụ thực tập, lại tưởng đã là kỹ sư chính của nhà máy. Vâng, như chỉ thị của huynh trưởng, điều làm tôi băn khoăn nhất là chưa bao giờ cầm lượng tiền lớn đi mua bán, lại là ở nước ngoài.

- Cậu không phải trực tiếp đi mua. Nhiệm vụ là mang tiền sang. Giao cho cơ sở bên ấy, họ sẽ chạy những thứ ta cần. Nhận đủ hàng thì áp tải về. Lãnh đạo Bộ đã cân nhắc kỹ, vì biết cậu có đủ năng lực, phẩm chất để làm chuyện này- Nói đến đây, Thứ trưởng Tạ Quang Bửu dừng lại, quay về phía tấm liếp che cửa buồng ngủ có gài một tấm bản đồ Đông Dương khá lớn, rồi cầm cây bút chì chỉ lên từng vị trí- Ta đang ở Thái Nguyên, chỗ này đây. Cậu sẽ phải qua mấy tỉnh đồng bằng sông Hồng, vào miền Trung. Trình diện ở phòng biên chính của Trung ương đặt ở Ngọc Lặc, Thanh Hoá đây. Điểm tập kết là trạm khách ở Đô Lương, Nghệ An đây. Có người đón, cùng cậu vượt Trường Sơn sang Lào. Đoạn cuối, đi thuyền trên sông Nậm Ca Đình đến Pạc Ca Đình thì dừng. Bên kia là Boungh Khla, đất Thái. Chi tiết đường đi nước bước thế nào, gặp ai sẽ có anh em của văn phòng trao đổi kỹ hơn. Như vậy cậu sẽ đi trọn con đường được đặt tên danh nghĩa là Hữu Nghị theo lịch trình của riêng đoàn cậu. Cậu đã bao giờ nghe nói đến con đường xuyên bán đảo Đông Dương ấy chưa nhỉ?

Ông Nhị Nguyễn chăm chú dõi theo đầu cây bút chì, rồi nhìn huynh trưởng tỏ ý chưa biết gì nhiều về con đường.

Ông Tạ Quang Bửu nói tiếp:

- Bác từng hoạt động ở nhiều nước, nhất là với Xiêm thì Người rất am tường, có nhiều cơ sở cách mạng bên ấy. Địch khổng chế ta trên biển. Biên giới phía Bắc giờ mới bắt đầu khai thông. Lâu nay chỉ còn con đường xuyên bán đảo là có thể giao lưu với quốc tế. Tình hình hiện nay càng thuận hơn. Ông Pridi, thủ tướng Thái có cảm tình tốt với cuộc kháng chiến của ta, nên các hoạt động cứu quốc của Việt kiều được tiến hành công khai. Tại Băng Kok, ta có đặt cơ quan đại diện do anh Nguyễn Đức Quý đứng đầu. Từ Việt Bắc vào Nam Bộ, từ Nam Bộ ra Việt Bắc đều có thể qua con đường Bô Ri Khan sang Băng Kok. Con đường Hữu Nghị thiên biến vạn hoá, dài hàng ngàn kilômet, qua biên giới bốn nước mà không ai có thể định cụ thể vị trí của nó trên bản đồ. Mỗi chuyến đi có một lịch trình riêng, cung đường riêng. Cho nên địch muốn ngăn chặn, cô lập ta mà không thể. Nhưng nguy hiểm thì luôn rình rập bất cứ đoàn nào, trong lúc nào, ở đoạn nào. Đầu năm nay, đoàn anh Phạm Ngọc Thạch dự quốc khánh Miến Điện, tiếp sang Berne Thụy Sĩ, gặp đại diện Đại sứ quán Liên Xô, đặt quan hệ với bạn bè châu Âu là đi theo tour cậu sắp đi, may mà an toàn, thông đồng bén giọt.

Thế nào, đã thông chưa?

-Thông ạ- Không hiểu sao, đến lúc đó mọi nỗi bòn chòn, hồi hộp ban đầu biến hết cả, chỉ còn cảm giác ấm lòng, vững tin vì có được sự chọn mặt gửi vàng của cấp trên. Gian nguy gặp phải trên đường là cái chắc rồi, nhưng hẳn sẽ có nhiều điều thú vị như một chuyến du lịch xuyên bán đảo vậy. Đó có thể là lỗi suy nghĩ lãng mạn tiêu tư sản vốn thường trực trong con người mình chăng? Ông Nhị Nguyễn nói với huynh trưởng- Tôi muốn hỏi thêm, tiền mang sang bên ấy là Dollar Mỹ hay...

- Vàng ròng. Sang đây mới đổi tiền Bạc Thái mà mua bán chứ.

- Bao nhiêu ạ?

- Chủ trương của Bộ là vậy. Bây giờ cậu về thống kê cụ thể các thiết bị, linh kiện cần mua. Còn phải tổng hợp đơn đặt hàng của các bộ phận khác. Bên Bộ Tổng tham mưu đang cần nhiều máy thu phát EMK 15 wat trang bị cho tiểu đoàn bộ binh, máy phát điện nhỏ chạy dầu diesel cơ động được trong rừng. Điện ảnh cần máy quay 16 li và phim nhựa. Mình lưu ý thêm về bộ phận của cậu. Trong thiết bị phát sóng radio, hiện ta rất thiếu tấm thạch anh áp điện thay đổi tần số, nếu ở Băng Kok khó mua thì có thể liên hệ với anh Tình giám đốc Sở Vô tuyến điện, anh ấy có người bạn thân là một kỹ sư vô tuyến điện ở Hồng Kông, nhờ mua giúp rồi gửi thẳng sang Băng Kok. Đừng quên những sách khoa học kỹ thuật đấy nhé. Mua loại tiếng Anh, Pháp, Đức chứ mang chữ Thái về là bỏ xó, ai mà đọc được. Các anh Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng thì đang rất cần sách, tạp chí về y khoa...

- Huynh trưởng đã ước lượng số vàng mang đi là bao nhiêu chưa ạ?

Huynh trưởng nhíu cặp mày rậm giây lát, rồi bảo:

- Chắc không thể dưới mười kí lô đâu. Cậu cứ thống kê chi tiết mọi khoản. Duyệt xong, tôi sẽ bảo bên tài chính đưa cậu vào kho lĩnh vàng. Năm ngoái kho đặt ở Bản Thi, địch nhảy vào thị xã Bắc Kạn, ta đã kịp sơ tán về Pắc Chôm trên

một đỉnh núi rất an toàn. Từ đây lên đó không xa lắm. À mà, hiện tủ kho là cậu Lương, cũng là tráng sinh Lam Sơn đấy. Vậy nhé. Một tháng làm dự trù, chuẩn bị. Trên đường từ đây vào Đô Lương sẽ có một vệ binh đi cùng. Kiếm một cái xe tốt mà đạp. Bốn, năm trăm cây số, một số đoạn đường nhựa đã tiêu thổ kháng chiến toàn ổ trâu ổ voi, không có hiệu sửa xe nào dọc đường đâu. Tính kỹ mọi tình huống. Chuẩn bị tinh thần đi hàng năm. Về hậu phương của cậu, còn điều gì cần cái không nhỉ?

- Thưa, không ạ.

- Cậu đã có người thương, người nhớ chưa nhỉ?

Ông Nhị Nguyễn cười cười. Và khi định đứng lên thì huynh trưởng bảo ngồi thêm lát nữa, thầy trò ít có dịp ngồi với nhau. Huynh trưởng liền quay sang giá sách rút ra một cuốn, đưa Nhị Nguyễn:

-Mình viết vào cuối năm ngoái. Nha nghiên cứu kỹ thuật quá thiếu tài liệu tham khảo. Đã đưa đi hết rồi, còn một cuốn biểu cậu nốt.

Đó là cuốn “Nguyên tử, hạt nhân, vũ trụ tuyến” in trên giấy nửa dây màu nâu sẫm, phía dưới bìa đề: “Chiến khu 1947- Nha nghiên cứu kỹ thuật, Cục Quân giới, Bộ Quốc phòng Việt Nam giữ bản quyền”; Lật trang cuối sách: “Viết ngày 7, 8, 9-X- 1947, in xong ngày 19- XII-1947, kỷ niệm một năm toàn diện kháng chiến. Ngoài 500 bản thường có in thêm 200 bản trên giấy Ngọc Khẩu đánh số từ 1 đến 200, 3 bản in trên giấy kháng chiến đánh số Việt Nam, Dân Chủ, Cộng Hoà”.

-Trên trăm trang, viết có ba ngày, đáng ghi vào sách kỷ lục Guinness! Ông Nhị Nguyễn nói.

- Hà- Huynh trưởng cười hết cỡ- kỷ lục thức trắng ba ngày ba đêm thì có. Run rủi thế nào, vừa vặn buông bút chấm hết thì Pháp nhẩy dù. Đến khi Pháp cuốn gói, bản thảo liền được chọn mở hàng cho cơ sở in mới của Bộ. Tệ là dạo này mỗi đêm mình chỉ ngủ chừng ba, bốn tiếng. Đói ngủ. Có lúc họp Chính phủ, ngáp, chỉ sợ Cụ nhìn thấy. Bác sĩ Hồ Đắc Di có lẽ bắt quả tang mấy lần, hôm rồi đi qua đây chủ động kê “toa” an thần cho mình, toàn lá cây rừng, vị cốp được của người Mán đeo tiền. Cậu cần mình sẵn lòng biểu không bài thuốc gia truyền ấy.

- Huynh trưởng ơi,- Nhị Nguyễn cười bảo- tôi thì lại muốn tìm cơn ngủ chả được. Mệt đến mấy đặt mình là ngáy pho pho. Đang hành quân, vẫn có thể gói đầu lên đá núi đánh giắc ngon lành trong ít phút nghỉ giải lao dọc đường.

- Thế mới thanh niên. Còn mình là ông lão rồi.

Ông Nhị Nguyễn ngẩng lên bảo:

- Sức làm việc của huynh trưởng, thanh niên chúng tôi có vắt chân lên cổ theo cũng không theo kịp.

- Cậu năm nay bao nhiêu tuổi nhỉ? Bõng huynh trưởng hỏi.

- Huynh trưởng Canh Tuất, tôi Nhâm Tuất. Hơ nhau đúng một giáp.

Đến đây ông Nhị Nguyễn chỉ vào chỗ vừa xem lướt trên cuốn được tặng, nói tiếp:

- Khoa học khô khan mà huynh trưởng viết thế này đọc thật dễ vào...
- Đoạn nào?
- Ngay câu mở đầu: “Xin xem quyển này như một Phong Thần 1947 để tiêu khiển giữa hai trận đột kích giết giặc”.
- Phải rồi. Lúc viết mình chợt liên hệ đến quyển Phong Thần mới lạ chứ. Có lẽ do hồi bé đã mê, phức lẫn cái trí tưởng tượng của tác giả. Các phép biến hoá của thần tiên ma quỷ không tình huống nào giống tình huống nào, chứ không như Tây Du Ký, Tôn Ngộ Không có mỗi món võ, gặp yêu quái là biến thành con muỗi rồi chui tọt vào bụng, xuống tấn cho gan ruột nó lộn tùng phèo, phải quy hàng.
- Tôi thì mê cả hai.
- Cậu có biết chi tiết hay nhất của Tây Du Ký là gì không?
- Huynh trưởng ơi, bọn tráng sinh chúng tôi đều giống nhau ở chỗ, các truyện chương, võ thuật Tàu chỉ đọc cho thư giãn đầu óc, xong quên ngay ấy mà. Ông Nhị Nguyễn thú nhận.
- Đó là chi tiết, một ngày trên trời bằng một năm dưới mặt đất, phù hợp với tinh thần cơ bản của Thuyết Tương đối của Albert Einstein. Trong cuốn này mình trình bày khá kỹ về điều ấy đấy.
- Câu chuyện lại chuyển về chủ đề ban đầu, cái thuyết gây chấn động thế giới của nhà bác học người Đức gốc Do thái hồi đầu thế kỷ. Thực ra ông Nhị Nguyễn chỉ biết sơ sơ cái thuyết ấy, quá rối rắm, khó hiểu.
- Mình định khi nào có thì giờ sẽ viết thêm một cuốn nữa, đại loại “Thuyết Tương đối cho một triệu người”, tức là làm cho người bình thường có thể hiểu được.
- Chao ôi, đang đánh giấc bằng mã tấu, súng kíp, mà huynh trưởng lại nghĩ đến chuyện cao siêu thế!
- Ông Nhị Nguyễn buột miệng và sợ câu ấy sẽ làm méch lòng. Nhưng huynh trưởng cười, cái cười hiền khô. Rồi gương mặt ông thoáng trầm xuống giây lát, bảo:
- Đã có vị tặng mình cái biệt danh “Thiên tài chủ nghĩa” đấy.
- Chắc đó là lời khen ngợi sự hiểu rộng, biết sâu của huynh trưởng.
- Không. Ngâm phê cái chất “tạch tạch sè”(tiểu tư sản) mơ mộng viễn vông của cánh ta. Chẳng sao! Do quan niệm sống của từng người. Tính cách mỗi người đều hình thành và định hình đến suốt đời từ lúc mười hai, mười ba tuổi. Nay mình ở tuổi tứ thập nhi bất hoặc rồi. Điều cốt yếu trong đánh giá, là có dốc toàn tâm, toàn lực cho kháng chiến kiến quốc không. À, có chuyện này khá vui, mình cũng là người trong cuộc.
- Đến đây huynh trưởng lại cười thoải mái và kể:
- Mình cùng một cậu bảo vệ người dân tộc Tày đi cơ sở, trên đường về. Vào lán dân công bỏ không bên đường nghỉ chân, thì gặp vị nọ cũng vừa đến. Mình chào, cậu cảnh vệ cũng đứng nghiêm chào. “Anh biết tôi là ai không?” Bỗng vị đó hỏi một câu mà đến mình cũng bất ngờ vì hơi tỏ ra quan dạng. “Không biết!” Cậu

cảnh vệ thì phản ứng tấp lự như vậy. “Không biết sao chào?” Cậu ta liền chỉ vào mình, rành rọt: “Vì ông đây chào ông trước nên tôi chào theo.” “Vậy anh biết ông đây là ai rồi chứ?” Vị nọ căn vặn, có vẻ không hài lòng về cách đối đáp thẳng băng của cậu cảnh vệ mặt còn búng ra sữa. “Thưa không.” Nét mặt anh chàng vẫn tỉnh queo. “Không biết sao đưa ông đây đi?” “Cấp trên bảo đưa thì đưa, chứ không nói tên người đưa và đi đâu.” “Anh từ đâu đến đây?” Vị nọ chưa tha, truy kích tiếp. “Thưa không biết.” “Không biết sao lại đi được?” “Cấp trên bảo cụ thể qua đường này, cầu nọ, miếu kia, cứ thế mà đi.” Đến đây thì vị đó bỗng phá lên cười, gật gù vỗ vai cậu cảnh vệ: “Chịu tinh thần bảo mật phòng gian của đồng chí rồi. Thứ ba không này mới đáng để anh em khác học mệt nghỉ đây.” Khi vị đó đi rồi mình mới hỏi cậu cảnh vệ: “Cậu không biết thật à?” “Cháu lạ gì ông ấy.” Cậu cảnh vệ cười khì. “Sao cái gì cậu cũng không biết, không biết?” “Nói ra người ta lại phê là lộ bí mật quốc gia à.”

Cậu thấy không, suy nghĩ của người cảnh vệ rất gần với lối suy nghĩ của các triết gia hiện sinh Pháp như Jean Paul Sartre, Anbe Camus, danh đang nổi như cồn ở phương Tây. Họ đề cao thể nghiệm cá nhân, tính chân thật trong thể nghiệm và diễn đạt, cho đó là giá trị nhân văn cao nhất của con người...

Thật không ngờ, cái anh chàng đầy bản năng tự nhiên ấy lại cùng đi với ông chuyên này và ngay khi vừa đặt chân lên đất lạ, anh ta đã gây nên chuyện rắc rối cũng bởi cái bản năng hoang dã ấy!

HAI

Qua đất Sốp Sang, xuống thấp dần, thông lá kim cũng thưa dần nhường chỗ cho nhiều loài cây lá rộng của rừng mưa nhiệt đới. Ba người lại chui vào một khu rừng còn rậm rì rậm rịt hơn cả khu rừng trên đất ta bữa trước. Cây ken như thành lũy, tịnh không vết dao hay vết rìu của con người, chốc chốc lại gặp những cỏ thụ gốc bốn, năm người ôm không xuể. Cứ cắm cúi bước trên thảm lá hoai mục tích lũy hàng bao thế kỷ đã dày hàng mét, bông bênh như lò so. Chốc chốc lại thấp thoáng phía trước, không nai, hươu thì sơn dương, gấu, báo. Cọp chưa thấy lộ diện, Bình bảo, xuống thấp nữa mới hay gặp. Sóc nhiều vô kể, cứ chuyên cành rào rào trên đầu chào đón khách lạ. Thú ở đây lần đầu gặp người, có lẽ chúng đều tưởng là bạn, chẳng đáng sợ, ngó nghiêng giây lát bằng đôi mắt mọng nước rồi mới lững thững bỏ đi. Kỷ luật trên đường là không được bắn thú, chỉ bắn khi thật nguy cấp. Chắc cọp Lào không khác mấy với cọp Việt Bắc ở sự hung dữ, giờ có hai khẩu súng trường sức công phá mạnh như vậy thì còn ngại gì chúa sơn lâm. Nhưng thật oái ăm, quật đở ông lại không phải con thú có sức mạnh đáng sợ như thế, mà là một loài tí ti, di nhẹ đủ tan, đó là muỗi rừng. Trong ba người, Nhị Nguyễn dân thị thành, da dẻ trắng mịn, hễ ngồi nghỉ là muỗi vo ve bu lại, chỉ vài mũi châm chích cũng đủ để ông lây nhiễm căn bệnh nguy nhất đối với những người dưới xuôi lên, vẫn gọi là sốt rét ngã nước mà thoát nhìn là biết ngay: da vàng như nghệ, tóc rụng, bụng báng.

Đạo này cứ đến chiều Nhị Nguyễn lại gây gấy sốt. Lúc đi đã chuẩn bị được vài cơ số thuốc, nhưng toàn loại thông thường như cảm cúm, đau bụng, chống vắt, chữa rắn cắn không có thuốc trị sốt rét là ký ninh. Giờ gục giữa chôn hoang thế này là hỏng mọi chuyện. Nỗi lo sốt rét ám dật vào cả ba trên đường. Rồi biết cũng chẳng tránh được, kẻ “thơm thịt” bị lên thốt trước tiên. Nhị Nguyễn không còn gây sốt nữa, mà là sốt cao. Trong người ông, lúc hầm hập như lò than, lúc lại rét run như rơi vào bể băng. Sờ tay lên trán bỏng rẫy. Mồ hôi toá đầm đìa sống lưng. Phải dừng, tìm một chỗ thoáng rộng, chắt củi, đốt đồng lửa to. Cảnh bảo Bình, ngày bé ở nhà, mẹ mình vẫn vào rừng tìm thuốc nam, có cây sốt rét, nhưng mình lại chẳng biết mặt mũi nó thế nào. Bình bảo, biết mặt cây thì chắc gì đây đã có, mình hỏi thật, cậu đã nghĩ đến chuyện nếu anh ấy “tịch” ngay bây giờ chưa? Phui phui cái mồm cậu! Cảnh vội kêu lên. Bình lại bảo, một người ở lại, người kia xuống núi vào bản nhờ giúp. Khi Cảnh định đi, thì Bình gọi giật lại, anh ta đổi ý, trời còn sáng, thay nhau công, ngủ đêm trong rừng ngại lắm. Nhị Nguyễn ngồi ôm gối tựa gốc cây làm cái cây cũng rung rinh theo nhịp hàm răng va lập cập, dù sao ông vẫn nghe loáng thoáng câu chuyện của hai người. Cảnh đèn bên ông, khom lưng định

công, Nhị Nguyễn bảo lấy cho cái gậy, tự chống đi được. Nhưng vừa chệch choạc được vài bước, ông sa sầm mặt mày, ngã bệt đít, chân tay chống cả lên trời. Mắt ông bỗng trợn ngược, sùi bọt mép, hừ hừ cấp tập. Bình hoảng, nâng đầu, còn Cảnh vội trái đồng lá khô, sau đó hai người xô ông nằm cạnh đồng lửa. Nước! Nước! Nhị Nguyễn tu sạch mấy bi đông mang theo. Tiếng rên của ông mỗi lúc một to, làm các chú sóc đang ngó nghiêng trên đầu trón mắt tằm. Ông vẫn ý thức, không được rên rầm tỏ ra yếu đuối, nhưng răng càng cắn chặt thì cái nóng, cái rét trong người càng tìm cách cạy bặt hàm cho xả bớt sự khó chịu đang bào xé ruột gan. Lèng Cảnh nhìn Nhị Nguyễn vật vã trên đồng lá, thù người chẳng biết nên làm gì. Rồi anh cầm ống nửa ngộ đến khe đá hứng nước. Bỗng nhiên trong đầu vụt nảy ra một ý. Để ống nước lên bếp đun, anh liền vớ con dao dựa đi quanh, gập lá gì cũng ngắt đưa lên miệng nhấm, còn đẽo cả vỏ cây, chặt đoạn dây leo và đều nhấm nháp. Thấy lạ, Bình hỏi.

- Mình xem thứ nào có vị đắng- Lèng nói- thuốc ký ninh chẳng đắng như mật công đầy thôi. Sốt rét sợ cái đắng. Cứ giã thứ đắng, may ra.

- Cần thận kẻo ăn phải lá ngón thì chôn luôn cả ở đây đây. Bình nhắc.

- Lá ngón mình biết- Nói rồi Lèng ngắt một nhánh cây dưới chân có lá giống như lá cây rau ngót vẫn trồng ở vườn nhà cho Bình xem- ăn hết bằng này là đủ nghèo rồi.

Một loáng “lang băm” Lèng đã có được cả mớ các loại lá lấu, vỏ, dây leo nhựa tươi chảy rờng rờng, anh bảo đều đắng rứt lưỡi. Tình thế lúc này là vô vọng. Thêm cơn sốt cao nữa, phát cuồng là Nhị Nguyễn đi. Thôi, cứ nhắm mắt liều một phen! Lèng phạt mấy ống nửa, chọn loại to như cổ chân, chia đều các thứ đắng vào các lóng, đổ nước, đặt trên đồng lửa đang đun. Chẳng mấy chốc các ống đã sôi sùng sục. Lèng đổ nước ra ca, thứ nước màu xanh đen, sóng sánh bốc mùi hăng hắc. Chờ cho nước nguội, anh ngửa cổ uống liền một hơi, bảo với Nhị Nguyễn:

- Độc em chết trước.

Nhị Nguyễn toàn thân bại hoại, đầu nặng chân nhẹ, chỉ còn hiệu lờ mờ việc Lèng Cảnh vừa làm. Cái chết cận kề rồi! Không ngờ sức như trâu, lại đang tuổi xuân, mà mới có cơn sốt rét rừng đã đưa ông về châu tiên tổ đến nơi. Hơn hai năm qua sống trên chiến khu, lại ở đúng khu vực “lữ đừ lữ đừ không Đại Từ cũng Võ Nhai”, ô dịch sốt rét lớn hoành hành mà ông không dính đòn, có lẽ do ngày ấy được thường xuyên nằm màn, đôi khi quân y còn phát ký ninh uống phòng. Nay hơn một tháng không màn, không thuốc phòng là trúng độc rừng thiêng liền. Câu mà Bình hỏi Cảnh lúc nãy, ông đã nghĩ đến, phải chuẩn bị trước tinh thần cho các cậu ấy. Ông liền vẫy tay ra hiệu cho hai người đến gần, thều thào:

- Tôi mà chết. Hai cậu mang vàng trở về Đô Lương giao cho...

Chưa nói hết câu mồm đã cứng đơ. Lèng Cảnh bỗng hét vào tai ông:

- Em chưa chết, anh chưa chết được!

Nói rồi Lèng liền bung ca thuốc đầy, vục Nhị Nguyễn dậy uống. Vừa chạm lưỡi vào lợm giọng đắng ngắt. Đến tận cùng cái đắng. Nhưng ăn nhằm gì với cái

khát, cái chết. Ông nhắm mắt và cứ để thứ nước gọi là thuốc đó trôi tuột cả vào ruột gan giống ca nước lạnh đổ xèo vào đống than hồng. Còn ực tiếp ca nữa. Xong nằm vật, co quắp, hừ hừ rên. Bỗng chốc, từ trên trời như có thứ mực đen kịt đổ ập xuống khu rừng. Trong khoảng tối bùng, ánh sáng lân tinh lạnh lẽo kết thành từng mảng xanh lè cạnh chỗ ba người, đó là khi tầng hoại mục trên mặt đất “bật điện”. Đom đóm cũng từ đâu túa ra từng đàn góp vào phần rừng rợn, bí hiểm của rừng nguyên thủy, tạo hồn ma lập loè trên doạ khắp các bụi cây hốc đá xung quanh. Qua một chập hành hạ, con ma rừng trong người ông Nhị Nguyễn “thương tình” cho khổ chủ nằm yên được một lúc.

Giữa lòng đêm tịch mịch, mới có dịp nghe mọi cung bậc của bản nhạc bất tận, man dại nơi hoang sơ chưa dấu chân người. Bóng tối vừa ập xuống, là con chim bắt cô trói cột liền mở màn lặp đi lặp lại tiếng gọi thê thiết, buồn thảm. Ôi, tiếng chim đêm này nghe sao mà ghê rợn, giá như là buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều thì cái chất giọng trong trẻo, đùa nghịch của bọn liểu điểu, chào mào, sáo sậu, hoạ mi, cà cưỡng...lại ngọt tai, an ủi được người ta phần nào! Càng về khuya, điểm tuyết thêm nhiều tiếng thú hoang gọi bạn tình hay rủ nhau đi kiếm mồi, nơi cỏ hòng chúng đều phát ra thứ âm thanh cộc cằn: cú hú, sói tru, nai tác, bò rống, báo gầm, khỉ choé...Tất cả các giọng điệu đó đều diễn ra trên nền râm ran, rỉ rỉ không khi nào dứt của triệu triệu côn trùng dẫu mặt. Bản hoà tấu hỗn tạp chỉ làm tăng thêm sự cô đơn, cùng nỗi bất lực, hãi hùng của con người khi phút chốc lạc vào không gian hồng hoang tiền sử. May sao còn có ngọn lửa làm bầu bạn. Ngọn lửa phần phật toả sáng, toả nóng, phát ra âm thanh tí tách vui vui, đủ làm tan đi một phần khối đen đặc quánh cùng cái giá buốt của sương núi bịt bùng vây bủa, cũng đủ làm mãnh thú cùng rần rết hoảng hồn mà lánh xa.

Như những lần ngủ rừng trước, Bình canh chừng, tựa lưng vào gốc cây tay không rời khẩu súng. Mắt anh đảo qua lại, tai lắng nghe mọi tiếng động khác thường, mũi khìn khịt tìm mùi lạ. Nhưng đến nửa đêm các giác quan đều đã quá tải, anh ngheo đầu vào khẩu súng, ngủ vùi. Chỉ Lèng Cảnh là tỉnh. Không hiểu cái gì đã làm mất anh cứ chong chong. Chốc chốc anh lấy khăn mặt ướt đắp lên vùng trán bỏng rẫy của người bệnh. Cái khăn bốc khói ngùn ngụt, khô rất nhanh. Anh còn cho ít xôi nếp vào ống nứa ngô, đổ nhiều nước nấu thành cháo. Lúc nửa đêm anh đỡ Nhị Nguyễn dậy, cho uống lần nữa ca “thuốc hú hoạ”. Và phải cố lắm ông mới nuốt thêm được ít cháo loãng.

Thời gian chậm chạp trôi. Thần chết dường như đã trôi từ dưới âm tào địa phủ lên, hùng hổ chuẩn bị ghé cái lưỡi hái sắc lạnh vào cổ ông. Lèng Cảnh nhìn đồng hồ trên tay Nhị Nguyễn, đã năm giờ sáng. Anh bỗng giật mình, không tin vào xúc giác ngón tay, trán bệnh nhân đã mát hẳn! Chàng “lang băm” sờ đi sờ lại thêm mấy lần nữa, cơn sốt lui thật rồi sao? Sáng ra, Nhị Nguyễn nằm còng queo bên bếp lửa đã tàn than, không còn vật vã, tiếng rên rầm cũng nhỏ dần, tắt hẳn. Bình đã tỉnh ngủ, vươn vai đứng dậy. Nghe Cảnh báo, anh vội vàng sờ lên trán Nhị Nguyễn. Quả cơn sốt lui thật rồi! Bình bỗng cười to, cười hết cỡ, cái cười làm

khuôn mặt cau có, ủ dột mấy ngày qua tươi mới lại. Và anh nhìn thầy lang bắt đắc dĩ gật gật đầu với ánh mắt kiêu ngạo:

- Chịu cậu rồi!

Nhị Nguyễn tỉnh dậy lúc gần trưa. Mấp máy đôi môi bạc phếch nứt nẻ, ông muốn nói mà không thành tiếng, muốn cười mà không nhếch được mép. Đang có sự nhẹ nhõm trong lục phủ ngũ tạng mình đây các cậu ơi! Lèng Cảnh liền nấu ống nước thuốc, cho uống tiếp. Ở trên rừng thêm một ngày đêm nữa. Ông Nhị Nguyễn đã gượng dậy được, tỉnh táo hơn hẳn trước. Phải mau chóng xuống núi. Hai người thay nhau cõng bệnh nhân, dò dẫm từng bước. Mất một ngày vất vả mới đến được bản với gần chục nóc nhà sàn nằm rải rác bên bìa rừng. Đó là một bản của người Lào Thương. May nữa là trong bản có một ông lang già. Xem lại các loại lá lấu, vỏ, thân cây mà “lang trẻ” thu hái, ông này nhận mặt được ngay trong đó có một vị thuốc thuộc loại đầu bảng ông vẫn dùng để chữa trị bệnh sốt rét cho bà con, tên Lào là khua cao ho. À cái cây khua cao ho này, Lèng nhớ lại, vỏ xù xì, lá to như lá trầu không, thân chỉ nhỏ bằng ngón tay là loài dây leo bám, lúc đó anh cố dứt được một đoạn khá dài khi đã có cả mớ lá, vỏ đắng. Khua cao ho không đắng bằng các loại kia, chỉ nặng nhặng đắng thôi. Ai ngờ nó lại là đầu vị, nó lại là cứu tinh! Vậy thì điều may mắn đến với Nhị Nguyễn từ sự dứt cổ đoạn dây leo ấy, một tình huống ngẫu nhiên có lẽ là độc nhất vô nhị trên thế gian này, nếu không ông đã vùi xác ở rừng già Tây Trường Sơn rồi. Ông lang “thật” biết chuyện, có lời khen lang “giả” mát tay. Ông còn chỉ cho anh biết thêm các loại cây thuốc khác phối hợp với khua cao ho trị sốt rét hay hơn (Và biết đâu trong số lá lấu, vỏ đắng mà Lèng đã cho tuốt vào ống nứa ngộ trên rừng, cũng đã có vị thuốc phối hợp được với khua cao ho mà chính lang “thật” không biết!?) Nửa tháng chữa trị, ngoài thuốc bệnh có thuốc bổ nâng đỡ thì vị khí huyết, bà con trong bản còn ủng hộ thịt, rau quả bồi dưỡng, Nhị Nguyễn dần hồi phục, chóng gậy đi lại được. Ngày lên đường, ông đeo thử cái ba lô vàng, bỗng thấy đầu gối bủn rủn, cả người như có ai kéo ngược về phía sau. Giờ với ông khối vàng trở thành khối đá hàng tạ. Lèng Cảnh liền sốt sắng đeo hộ. Bình bảo, ba lô vàng để anh đeo, Lèng nhận thêm cái ba lô của anh nhẹ hơn nhiều.

Cuộc hành tiến lần này chậm hẳn. Nhị Nguyễn soi gương, ông giật mình như thấy một người khác: má hóp, da xanh lợt, mắt vàng khè, môi thâm xỉn. Lèng Cảnh luôn đi bên ông, tỏ ý rất phấn khích từ lúc được khen là “mát tay”, bảo kháng chiến thành công sẽ về quê làm nghề thầy lang bốc thuốc, trong những ngày qua anh học mót được khối bí quyết từ ông lang già người Lào Thương. Có thể anh chàng có duyên với nghề trị bệnh cứu người, các cây thuốc, vị thuốc, bài thuốc do lang Lào chỉ dẫn anh nhập tâm ngay, khi cần đọc vanh vách. Ông Nhị Nguyễn bảo, không nên ỉ vào trí nhớ, hãy viết cả ra giấy, cất đi dùng về sau. Ông đưa cho “thầy lang” một cuốn vở mỏng cùng cây bút chì, những lúc nghỉ trên đường đều thấy cậu ta cầm cúi, ngheo đầu ngheo cổ tô từng nét chữ. Khi “thầy lang” đưa ông

xem lại cuốn vở, eo ôi chữ to đùng như trứng gà mái, lại thiếu dấu, đầy lỗi chính tả. “Lang băm” cười khì:

- Em mới qua lớp xoá mù thôi mà. Nhiều chữ để rơi bên đất Việt mình rồi.

- Trên đường, lúc nào nghỉ mình dạy lại nhé.

- Thôi, anh đang mệt. Vẽ chữ thế mình em hiểu. Khi nào về nước nhờ vợ dạy. Vợ dạy mới vào chứ anh dạy chữ thầy lại trả thầy.

Trong lúc hai người vừa đi vừa nói chuyện, Nguyễn Văn Bình đeo ba lô vàng cùng khẩu súng trường lúi lũi theo sau. Khu rừng đang vượt không rậm rạp bằng khu rừng trước, có nhiều chỗ bị chặt phá. Đến một con suối chảy cắt ngang, Bình bỗng bảo với hai người phía trước:

- Im lặng nào. Mình nhớ ra rồi. Lần trước đoàn cán bộ qua đoạn này, người dẫn đường nói khu vực có phi hoạt động, phải đề phòng bị đánh úp.

Lập tức chuyển đội hình hàng dọc. Lềng tiên phong, Nhị Nguyễn giữa, Bình đoạn hậu, súng trên tay, đạn lên nòng. Được một chặng dài, thấy bên sườn núi thấp thoáng mái nhà sàn, Lềng hỏi:

- Có dừng nghỉ ở bản kia không?

- Còn sớm- Bình nói- Cố một đoạn nữa mới tính tiếp được.

Ông Nhị Nguyễn mệt bã bời, chưa biết đến bao giờ mới tiết được cái nọc sốt trong người. Nhưng ông vẫn cẩn rắng bước, không để bị thúc vào lưng. Sắp đến một khúc ngoặt, ba người không ai bảo ai đều chột dừng vì nghe có tiếng rì rầm phía trước. Và chưa kịp tránh, đã thấy nhô ra trước mặt hai người đàn ông. Lềng Cảnh giờ “vỡ”, mồm kết hợp tay khuya khoảng một hồi, quay lại phiên dịch:

- Hai ông đi thăm người nhà ở bản Pu Loong, giờ về quê ở bản Huồi. Bảo bộ đội đi nhanh kéo tới không đến được Pu Loong đâu.

Hai người trạc trung niên, mặt đen đúa hóc hác, đều mặc quần áo chàm, đội mũ nồi da đen đã bạc hết tuyết, lưng đeo ba lô căng phồng thủng lỗ chỗ và bên sườn có con dao quắm. Từ hôm rời trạm Đô Lương, đây là lần đầu tiên đụng người trên đường. Bên này xét nét, bên kia nhìn lại với ánh mắt dè dặt. Rồi chia tay luôn. Bình ngoái lại dõi theo, hai người rảo bước vừa lội qua suối đã bỏ đường mòn tạt ngay vào rừng. Bình đánh động:

- Nom rất khả nghi. Dám là người của phi lắm.

- Phải vượt nhanh qua đoạn này. Lềng Cảnh nói.

- Hay là ta tạt vào rừng, ém một chỗ chờ xem động tĩnh thế nào. Ông Nhị Nguyễn nói.

- Đẳng nào cũng phải đến bản Pu Loong, ta cứ tránh đường mòn, cắt rừng mà đi. Tới ngủ trong rừng an toàn hơn. Bình nói. Thế là ba người bỏ đường mòn, rẽ vào rừng rậm, nhắm hướng mặt trời đang lặn. Ông Nhị Nguyễn gắng thêm chừng một giờ nữa thì thở dốc, đôi chân nặng như đeo đá. Phải tìm chỗ ngủ lại. Nhưng lần này không thể đốt lửa, không nói chuyện to, biết đâu sào huyệt của phi gần đây? Lềng đã mang theo một ít thuốc sắc và mấy thang thuốc lá dự phòng, anh

đưa bình toong thuốc cho ông Nhị Nguyễn uống. May mắn, cơn sốt rét chưa thấy trở lại.

Chợt trắng cỏ rộng trước bụi cây ba người đang rải ô, rục lên trong chốc lát ánh vàng tươi rói rồi tắt lịm. Đó là nắng quái chiều hôm. Xa xa, mặt trời như cục tiết đông đặc lừ lừ rơi vào nếp vồng của dãy núi màu xanh thẫm, để lại phía đỉnh núi một áng mây dát bạc lóng lánh mãi sau mới chịu tan. Mảng sáng còn lại bầu trời phía tây trong giây lát chuyển từ màu sáng trắng sang đậm, cho tới khi cả bầu trời tím thẫm, xuất hiện những ngôi sao đầu tiên nhấp nháy. Đã lâu lắm ông Nhị Nguyễn mới được ngồi nhìn cảnh hoàng hôn như thế. Hoàng hôn trên đất bạn cũng giống hoàng hôn trên đất ta, song thường ngày tắt bật, đã mấy ai có thì giờ chỉ để chờ ngắm một cảnh tượng ngoạn mục của trời đất.

Đến khi thấy đói bụng, ba người đã bảo nhau giở cơm nắm, thịt gà luộc, muối trắng của dân bản ủng hộ lúc lên đường, ăn uống xong xuôi, tuy còn sớm đã trải lá ngả lưng. Nhị Nguyễn nằm giữa gói đầu lên ba lô vàng, hai vệ binh hai bên, ôm súng quay mặt ra ngoài. Một đêm ngủ chập chờn, không có ngọn lửa làm bầu bạn, chỉ còn nhờ hơi ấm chuyển sang nhau mà không đến nỗi bị lạnh cóng. Sáng, quần áo, đầu tóc ai cũng ướt nhèm sương núi. Lại lạnh thình lăm lũi cắt rùng. Mãi chiều tối ba người mới tới bản Pu Loong và trên đường không gặp dấu vết nào của phi. Thật tình cờ, ba người được đón tiếp và ăn ngủ tại nhà trường bản, lại chính là nhà mà hai người đàn ông trung niên gặp trên đường ngày hôm trước đã ở, đúng là họ có họ hàng và từ bản Huổi đến đây chơi. Khi đã tìm hiểu được điều này, ba người ý tứ đưa mắt nhìn nhau không khỏi cười thắm trong bụng về sự trùng ghè hoá cuộc vừa rồi. Nhưng một khi đã vào sâu vùng đất lạ, nhan nhản đồn bốt, thì sự cảnh giác vừa rồi cũng chẳng phải là thừa.

Thật trớ trêu, ngay sau đó ông Nhị Nguyễn lại chưa học được bài học cảnh giác với chính đồng đội mình.

#

#

Vào đầu năm 1999, khi ông Nhị Nguyễn đã ở tuổi 77 và ông Nguyễn Văn Bình tuổi 75, hai người gặp lại nhau. Hôm đó, ông Nhị Nguyễn sau khi đánh cầu lông về, như lệ thường tạt vào quán bia hơi bên đường. Vừa nhắm nhấp bọt tràn đầy miệng vai, ông nhác thấy một ông già đi vào và ngồi ở bàn đối diện. Ông ấy gầy, đen, khuôn mặt vuông vức, tóc bạc phơ, dáng đi tất tả, ngồi thì vắn vẹo. Người này trông quen quen, đã gặp ở đâu nhỉ? Suốt mấy chục năm đời lính, ông từng đi khắp các nẻo đường chiến dịch, qua bao tỉnh thành và quen bao người, cảm giác như thế là thường thấy và sau đó để cho qua. Nhưng vì ông già kia ngồi ở bàn đối diện đập thẳng vào mắt, vả lại chất men bia mỗi lúc mỗi ngấm làm đầu óc ông Nhị Nguyễn trở nên minh mẫn hơn, ông không thể bỏ qua sự “nghĩ vẩn”,

cố lục tìm trong quá khứ bộn bề của đời mình, đã gặp người này ở đâu nhỉ? Và bỗng trong giây lát người đó cũng tình cờ bắt gặp ánh mắt ông. Hai cái nhìn xéo nhau. Rồi người đó bỏ dở cốc bia vụt đứng dậy đi nhanh ra cửa, như chạy trốn. Vùng nhớ trong não ông bỗng mạch bảo, ông đuổi theo, kịp bên người đó, hỏi:

- Xin lỗi cho tôi hỏi, bác có phải là Nguyễn Văn Bình ở Từ Sơn, Bắc Ninh không?

Với ánh mắt thẳng thốt ông ta nhìn thẳng vào Nhị Nguyễn, hỏi lại:

- Thưa, bác có phải Đào Nhị Nguyễn người Hà Nội không?

Rồi hai người ôm chầm nhau. Nhị Nguyễn kéo bạn trở lại bàn bia. Sau chuyến vượt Trường Sơn sang Lào thời trai trẻ, đến bờ sông Mê Kông trên đất Thái họ chia tay nhau, tức là đã hơn nửa thế kỷ nay mới gặp lại. Chính vì sự đẹp lão, ít thay đổi của Nhị Nguyễn mà Nguyễn Văn Bình ngay từ cái nhìn đầu tiên đã nhận ra ông. Gia cảnh Nguyễn Văn Bình như lời ông kể thì khá ổn, con cái cháu chắt đầy nhà, chỉ tiếc bà vợ của ông đã mất cách đây mười năm và ông lấy bà hiện nay đã ngoài năm mươi tuổi, không con cái gì thêm nữa. Ở tuổi già ai chẳng vậy, con cái thành đạt là cái nổi sướng không thể để lâu trong lòng, hễ có dịp là đem khoe ngay với bạn bè. Ông Nhị Nguyễn liền kể với Nguyễn Văn Bình về cái sự con hơn cha nhà có phúc của mình. Cậu cả học Đại học Tổng hợp Hà Nội, được giữ lại trường, rồi làm tiếp tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, do có công trình nghiên cứu xuất sắc vừa rồi còn được mời sang Mỹ nghiên cứu, đã đưa cả vợ con sang đó (Vì Nguyễn Văn Bình không quen biết huynh trưởng Tạ Quang Bửu, nên ông không kể thêm việc cậu con ông dù thông minh, giỏi giang nhưng nếu thiếu sự chỉ giáo từng đường đi nước bước của huynh trưởng từ lúc nó còn sinh viên, thì khó có thể đạt được nhiều thành công như thế trên con đường phát triển tài năng). Cô con thứ, cũng học một lèo đã có bằng tiến sĩ, là cán bộ nghiên cứu tại khu công nghệ cao phía Bắc. Giờ ông bà đang sống trong một căn hộ tập thể ở trung tâm thành phố. Rõ là, cuối đời hai cụ binh già đều sống thoải mái đầu óc, khá xông xênh về kinh tế, ấy vậy mà một lỗi lầm thời trẻ đã lùi xa tít tắp, vẫn còn làm một cụ e ngại, xấu hổ khi tình cờ gặp lại cụ kia.

Chuyện xảy ra tại Pu Loong ngày ấy. Một nhánh thượng nguồn của con sông cái Nậm Ca Đỉnh chảy qua, gần như ôm trọn Pu Loong, tạo cho nó một địa lợi mà không một bản vùng Trung Lào nào có được. Tàu thuyền từ thị trấn biên giới Pạc Ca Đỉnh ở ngã ba sông Mê Kông giáp Thái Lan, đều có thể ngược lên ngọn nguồn và chọn bản này làm nơi giao lưu buôn bán. Mang lên hàng hoá, trở về mua gom lâm sản, mà rừng Lào ngày ấy ở đâu cũng là “rừng vàng”, ê hề sản vật quý hiếm. Bản Pu Loong lúc nào cũng tấp nập trên bến dưới thuyền. Đây là vùng giải phóng do lực lượng Pathét Lào kiểm soát, an ninh tốt, chỉ những vài nơi phụ cận là còn có những toán phi quấy phá, ra sông cái đến Pạc Ca Đỉnh mới có đồn bắt địch. Tới được Pu Loong, cái đích cuộc hành trình xuyên bán đảo đã rất gần. Ông Nhị Nguyễn trong những ngày ở đây luôn trong trạng thái gầy gầy sốt, mệt mỏi bã bời, căn bệnh quái ác giữa rừng già tháng trước đang nhắm nhe quay

lại. May mà bản không thiếu hiệu thuốc tân dược. Cấp trên đã cho phép mang dư ra một ít vàng lẻ để đổi tiền Lào, mua những vật dụng cần thiết dọc đường. Và hai bạn đường của ông Nhị Nguyễn đều lạ lẫm với phố phường đã đành, còn mắt tròn mắt dẹt khi biết vàng lại có thể đổi được nhiều tiền giấy đến thế! Lèng Cảnh đầu quân từ một xóm núi heo hút ở Chợ Đồn, Bắc Kạn, ngày đó anh chưa hề biết mặt đồng tiền. Hồi ở chiến khu, rồi khi về trạm Đô Lương nhất nhất mọi thứ đều được cấp phát hiện vật, ít khi dùng đến tiền mua bán. Nguyễn Văn Bình thì đang chăn vịt ngoài đồng, nghe nói có mấy chỉ huy Việt Minh đến xã, liền bỏ vịt đấy về năn nỉ xin bằng được anh chỉ huy cho đầu quân. Hai năm qua là vệ binh, anh ta chỉ có nhiệm vụ đi bảo vệ các đoàn khách, giống như Lèng Cảnh mọi chi phí trong sinh hoạt đã có trạm lo. Hồi ở nhà anh đã đổi lần tiêu tiền, nhưng chỉ là vài xu, vài hào. Hai người theo Nhị Nguyễn đến cửa hàng vàng, đổi được một bọc tiền to, mua được khôi thứ, vẫn dư giả để dành cho đoạn sắp tới. Bình còn mượn ông Nhị Nguyễn lai vàng lẻ để xem kỹ, anh ta cứ dán mắt mân mê, xoay dọc xoay ngang lai vàng. Song với kẻ máu gái như Lèng Cảnh thì sự ngạc nhiên ấy là cơn gió thoảng, điều cuốn hút cậu ta vẫn là: sao ở cái xóm ven sông này nhiều em xinh tươi thế cơ chứ ! Nhưng lần này thì không thể làm tới với các em như ở bản Sộp Phác được, lời răn đe trên đường của Nhị Nguyễn đã làm cậu ta luôn tỏ ra thiếu tự tin khi gặp các em. Địch trà trộn trong dân, làm bậy là nguy hại cho cả đoàn đấy, mót gái mấy cũng phải nhin! Lèng cười khi đánh bài giả bộ “ngây ngô” nói với Nhị Nguyễn: mót em Pen Ni thôi, không nhìn em khác thành Pen Ni là không còn mót nữa đâu. Thế rồi, trong những ngày ở bản Pu Loong, cậu ta đã không để xảy ra chuyện nhăng nhít nào, cũng không “trông” em nào là Pen Ni cả. Mới sống có vài tháng với Lèng Cảnh, ông Nhị Nguyễn chợt nhận ra cái bản năng của cậu ta thật mạnh, thật lạ. Chính cái bản năng ấy đã xui khiến cậu ta có một sự liên hệ rất mơ hồ, chất phác rằng, thuốc ký ninh đắng trị sốt rét, vậy sốt rét sợ đắng, để rồi tìm trúng trong vô thức cây khua cao ho đặc trị sốt rét cứu được ông. Và đấy cũng là một thứ linh cảm đặc biệt trời cho ở một người bình thường, như lời huynh trưởng đã từng nói với ông hồi trên chiến khu. Và, chính bản năng tự nhiên ấy lại một lần nữa giúp ông ngăn chặn được một sự khuất tất bọc phát của Nguyễn Văn Bình hôm ấy.

Ông Nhị Nguyễn mệt không muốn đi chơi chợ Pu Loong, bảo Bình và Cảnh tự đi cho biết. Bình đang ở nhà ngoài, ngắm đi ngắm lại trước gương bộ cánh mới mà ông đã sắm cho hôm trước bằng tiền Kíp, mỗi người một bộ mặc khi ra đường. Chợt Lèng Cảnh đẩy mạnh cửa đi vào nói:

- Em thấy từ sáng nét mặt anh Bình khang khác.
- Khác là thế nào?- Nhị Nguyễn hỏi lại- Mình thì thấy cậu ta vẫn như thường.
- Khác là khác, thế thôi! Em không biết cách nói cho anh hiểu đâu. Anh xem lại bọc vàng đi.

Nghe vậy, ông giật thót, vội cúi xuống lôi ba lô giấu dưới gầm giường ra. Mười tám cân vàng được cho vào một bao vải dày miệng có dây thắt nút, toàn bộ bao lại được đặt trong một cái hộp các tông hình chữ nhật, dán giấy kín xung quanh, bên ngoài hộp còn bọc một lớp ni lông. Vừa mở hộp, ông Nhị Nguyễn nhận ra ngay có chỗ giấy dán bị rách, dù được cố ý phết lại bằng hồ. Choáng. Đúng lúc đó Lèng Cảnh cầm tay lôi sênh sệch Nguyễn Văn Bình từ nhà ngoài vào, ngồi đối diện với ông. Mặt Bình bỗng xám ngoét, chân tay run rẩy khi nhìn thấy cái hộp vàng. Không cần tra hỏi, anh ta đã thú nhận luôn:

- Em lấy mười lai vàng. Em không đấu tranh tư tưởng được. Xin anh...

- Đồ tôi! Lèng Cảnh bỗng nổi xung túm ngay cổ áo Bình định táng, Nhị Nguyễn ngăn, nghiêm giọng với Bình:

- Nộp!

Bình vội móc trong túi áo ngực một bọc giấy nhỏ đặt trước mặt. Ông mở ra đếm còn đủ mười lai.

- Sao đồng chí làm vậy? Ông hỏi.

- Em định để lúc về, qua đây mua ít thuốc tây, quần áo gửi cho bố mẹ già ở Từ Sơn. Bố mẹ em ốm yếu lắm.

- Bố mẹ tao không ốm yếu à! Lèng Cảnh chen ngang, xung mày tao liền.

- Cũng định chia cho anh một ít đấy, khi về cùng có quà cho nhà.

- Không thêm! Lèng Cảnh quát.

- Đồng chí lấy lúc nào? Nhị Nguyễn hỏi.

- Nửa đêm qua. Lúc cả nhà ngủ say, em đưa ba lô ra nhà ngoài.

- Sao lấy có vậy?

- Thế là nhiều rồi. Lấy ít khuyết điểm ít phải không ạ?

- Dù lấy một li một lai của công cũng là ăn cắp của công! Tội rất nặng, vì đây là xương máu đồng bào chiến sĩ ta.

Bỗng Bình òa khóc nức nở như đứa trẻ, làm ông Nhị Nguyễn không nói thêm câu nào nữa. Chợt có tiếng con gái eo éo trước cửa nhà, Lèng Cảnh dòng tai, rồi gãi đầu bảo ông Nhị Nguyễn:

- Anh giải quyết nốt, em ra xem sao.

Việc hệ trọng thế này mà cậu ta cũng cho qua chỉ vì mấy đứa con gái, ông ấn cậu ta ngồi lại, bảo:

- Đã xong đâu!

Lèng lại ngồi ngay thuỗn. Ông bảo anh ta, giúp một tay, thật cẩn thận và mở miệng túi cho mười lai vàng vào. Khi nhét ba lô trở lại gầm giường, Lèng còn giơ nắm đấm trước Bình, gằn từng tiếng:

- Mày còn tư tưởng đến vàng, liệu hồn! Nói rồi cậu ta định co cẳng chuồn.

Ông Nhị Nguyễn kéo lại bảo:

- Cậu phải cùng đi với Bình ra chợ. Nói rồi ông mở túi ngực lấy ít tiền Kíp đưa Bình, nói:

- Cầm ra chợ tiêu vặt. Mọi chuyện cho qua!

Những ngày ở bản Pu Loong, hễ ra ngoài Bình cứ cầm mặt xuống đất, không dám nhìn ai. Lúc lên đường, anh ta nhất định đòi đổi ba lô vàng để Lèng Cảnh khoác, bảo mình không xứng đáng được đeo nó nữa...

Từ cuộc hội ngộ bất ngờ ở quán bia, hai năm sau thì Nguyễn Văn Bình ốm nặng, từ trần, ông Nhị Nguyễn biết tin đã sang tận Từ Sơn viếng bạn. Chắc hẳn ít bữa nữa ông cũng đi gặp Bình dưới suối vàng. Biết đâu cậu ấy vẫn còn mặc cảm và lẩn tránh ông, chỉ vì sự việc định thủ mười lai vàng ở bản Pu Loong hơn nửa thế kỷ trước!

BA

Ông Nhị Nguyễn biết là mình đã sống được đến ngày thứ ba trên cái giường thép chết tiệt này. Ý nguyện lúc còn khoẻ, còn tỉnh táo là “đi đột ngột” cơ mà, kéo dài đời sống thực vật thể này là khổ vợ, khổ con! Dù sao ông có ý chờ cậu cả từ Mỹ về.

- Ba ơi, có bác Đỗ Trường đến thăm ba.

Tiếng gọi của cô con gái đã phứt cắt thước phim đang tái hiện trong tâm thức ông Nhị Nguyễn sáu mươi năm về trước. Giờ trước mắt ông là con người bằng xương bằng thịt mà sáu mươi năm về trước ông đã gặp, và sau đó đời ông ngẫu nhiên gắn với anh bạn khó chơi này một thời gian khá dài của hai cuộc kháng chiến. Giờ bộ dạng hằn da bọc xương, lồng không, mặt sứt da, hõm mắt sâu hoắm, đôi mày sâu róm luôn dựng ngược thiếu não, đầu còn là cái anh “Trạm trưởng không biết đùa” to con, hét ra lửa ngày xưa. Tiến sát, hấn cúi xuống, chúm cái mồm móm, tưởng như muốn hôn vào bên má người ôm để biểu thị tình thân mến, song lại ghé sát vành tai ông, phều phào, thập thồm của chất giọng đã trống hết răng cửa:

- Nhị Nguyễn ơi. Còn nhận được “phình” không? Đỗ “Phường”, “phạn” cùng sư “đòm” đây!

Ông không thể gạt, cũng không thể lắc, chỉ có mí mắt cụp xuống thay cho câu trả lời: “Biết!” Hấn kém ông ba tuổi, tức năm nay tám hai. Hấn bị cơn đột quy trước ông một năm, chỉ bị nằm liệt giường có nửa tháng rồi vịn cầu thang lần lần, tự tập, thế mà giờ có thể hồi phục đi lại được thế này là quá tốt rồi. Ông trời cũng có ý trêu người, suốt bao năm luôn đặt hấn bên cạnh ông, dường như để tiện cho việc so sánh thiệt hơn, được mất. Đến tuổi sáu mươi, Đỗ Trường từ cơ quan Bộ về nghỉ với quân hàm đại tá, được quân đội cấp mảnh đất gần sân bay Bạch Mai, lại tranh thủ lấn ra xung quanh một ít, tổng cộng chừng hơn một trăm mét vuông, hấn liền cất phăng một nửa bán, có tiền xây căn nhà ba tầng to đùng. Trong khi ông Nhị Nguyễn về hưu trước mấy năm, lúc đó không có chế độ được chia đất, ông vẫn chui ra chui vào căn hộ tập thể ba chục mét vuông của cơ quan vợ đạo nào. Nhưng khi cuộc chen đua vào vòng chức quyền lợi lộc đã chấm hết, thì Đỗ Trường lại gặp những chuyện chẳng mấy vui vẻ trong nhà và đã đôi lần hấn chủ động đến gặp ông để tâm sự, thực ra bên cạnh sự nhờ vả, cũng là dịp để xả bớt nỗi buồn phiền, cô quạnh lúc mãn chiều xế bóng. Hôm ấy Đỗ Trường ra tận sân cầu

lông, kiên trì chờ cho đến khi ông chơi xong mới rủ ông vào quán bia bên đường, tìm một cái bàn ở góc khuất mà thổ lộ nỗi lòng.

- Vợ tôi nó viết đơn li dị bác ạ. Đỗ Trường thủng thảng nói.

- Bác bảo sao?- Ông Nhị Nguyễn tưởng mình nghe lầm – Ai li dị?

- Bà lão nhà tôi đấy. Đốc chúng rồi.

Ngày ấy Đỗ Trường sáu năm, còn bà vợ năm năm tuổi. Bà ấy vốn trong đội tuyên văn sư đoàn, thời xuân sắc có biết bao chàng xin chết mà chẳng ai lọt được vào đôi mắt nhung huyền của nàng. Rồi mỗi tuổi đuổi xuân đi, ngoảnh đi ngoảnh lại nàng sắp “đầu ba” mà vẫn phòng không và đã rời bỏ nghiệp văn công, chỉ còn làm công việc hành chính văn thư trên cơ quan sư bộ. Khi Đỗ Trường là chủ nhiệm chính trị, tuổi đã gần bốn mươi, có lẽ do mãi việc, lại đi nhiều chiến trường, chuyển nhiều đơn vị nên chưa từng có mảnh tình vắt vai, được anh em trong cơ quan gán cho cô tuyên văn quá lứa lỡ thì ấy, quả là “vung đã úp đúng nôi”. Chỉ một năm sau ngày cưới, vợ chồng Đỗ Trường đã có cậu con đầu lòng, rồi không hiểu sao sau đó bà ấy không đẻ thêm nữa. Ông Nhị Nguyễn chỉ biết có vậy về đời tư của “Trạm trưởng không biết đùa” và cứ nghĩ họ hạnh phúc lắm, thì nay...

- Sao bác gái lại đốc chúng vậy? Ông hỏi Đỗ Trường.

- Bà ấy có nhân tình nhân ngãi. Nhục nhã lắm bác ơi- Nói rồi đôi mắt Đỗ Trường rơm rớm, tưởng như sắp òa khóc - Từ lâu bà ấy đã nhạt nhẽo với tôi rồi, vẫn bảo tôi khô khan, thiếu tình cảm với vợ con, mà nào tôi có lỗi gì, lương đưa không thiếu đồng nào, hết giờ là về nhà ngay, thậm chí việc giặt giũ, chợ búa nhiều khi tôi cũng tự giác làm đỡ cho bà ấy.

- Có đúng bà ấy ngoại tình không? Ông Nhị Nguyễn hỏi- Tôi không tin. Tuổi này rồi mấy ai còn làm chuyện tội tệt, tự phá hạnh phúc gia đình mình như thế.

- Có đấy. Với tay đội trưởng tuyên văn ngày trước ấy mà. Cấp dưới của tôi, cấp trên của bà ấy. Tôi bắt gặp mấy lần anh chị ngồi dí dỏm với nhau trong quán cà phê.

- Ngồi nói chuyện trong quán thì có gì khuất tất đâu- Ông Nhị Nguyễn nói- Chắc là bác lại ra mặt ghen tuông chứ gì?

- Tôi lại thêm ghen với thằng cấp dưới của mình à!- Bỗng Đỗ Trường trợn mắt nói như quát- Tôi chỉ vạch mặt hai người, già khú để còn giữ cái thói trắng hoa. Người đời đàm tiếu trước hết là nhắm vào tôi đây này, từng chần chỉnh cho hàng nghìn hàng vạn lính, mà không chần chỉnh được vợ...

- Bác cũng nói ở nhà như thế à?

- Tôi sợ gì mà không nói!

- Thế tôi hiểu rồi- Ông Nhị Nguyễn cầm vỉa mới đưa Đỗ Trường- Bác uống tiếp đi. Hôm nay bác kể chuyện này ra với tôi để làm gì?

Đỗ Trường uống ực một hơi hết gọn vai bia, tửu lượng vô biên ngày xưa, giờ già thì có già chứ đâu đã hết khả năng. Rồi hắn đưa mắt nhìn ra xa, lừ đừ như người đã sắp say xỉn. Bỗng hắn quay lại nhìn thẳng vào Nhị Nguyễn, nói:

- Giờ tôi không còn thằng bạn nào bác ạ. Đứa chết bệnh, đứa thấy mình đã hết quyền thì ngoảnh mặt đi, chỉ còn bác, chẳng gì ta cũng gắn bó với nhau suốt hai cuộc chiến tranh. Mà tôi nghĩ, bác là người giỏi chịu đựng, quăng lên quật xuống mấy cũng không nhụt chí khí. Về già bác vẫn giữ được phong độ, sống đàng hoàng tử tế, người ngoài ai cũng nể trọng...

- Bác quá lời- Ông Nhị Nguyễn vội cắt ngang- Tôi đâu được như vậy.

- Bác đừng yên tôi nói đã- Ông Đỗ Trường mắt đã nhòe, có lẽ còn do những vai bia kích thích làm lòng ông mềm lại, dễ xúc động- Hôm nay tôi đến đây là muốn nhờ bác đến nhà thuyết phục mẹ nhà tôi rút đơn. Li dị tôi không sợ, nhưng sợ nhất phải ra tòa thưa gửi với bọn trẻ ranh xét xử, rồi bia miệng, quan trên nhìn xuống người ta trông vào. Có mà thành mặt mo bác ơi!

Ông Nhị Nguyễn nể mà phải đóng vai trung gian hoà giải. Quả như ông dự đoán, ông bạn ghen quá mất khôn. Bà vợ Đỗ Trường khi nghe ông Nhị Nguyễn gọi chuyện về môi bất hoà trong nhà thì lập tức tỏ ra giận tràn hông. Bà bảo, bác biết rồi đấy, anh đội trưởng là chỗ thân tình ngày xưa, từ lâu vẫn coi em như em gái, mà người ta đã lên ông nội, ông ngoại rồi, ở cái tuổi sáu mươi còn trắng hoa gì được nữa, chẳng qua là sau mỗi buổi đi tập dưỡng sinh ngoài trời, thì rủ nhau vào quán sữa dê bổ dưỡng, ngồi ôn nghèo nhớ khổ cho vui thôi. Mà ông ấy cứ lòng lộn, nói nhiều câu xúc phạm em, có lần còn gặp cả anh đội trưởng kia mà nói những câu ngang phè, giờ đã phó thường dân cả, còn cấp trên cấp dưới gì nữa đâu mà huấn thị, dạy khôn như hồi ở sư đoàn cơ chứ. Thế là suốt nửa buổi hôm đó, “ông hoà giải” cứ tâm niệm một chữ “nhẫn” mà ngồi nghe bà vợ Đỗ Trường kể lể khúc ruột, trút cơn hờn ghét. Rồi hình như “xả” ra được cái khí uất ấy, lòng bà cũng nhẹ nhõm, cầu thị hơn mà xuống thang dần, bà bảo, nể bác đã đến, chứ như cách xử sự của cái lão già dở hơi nhà em là em cho đi tàu suốt đấy, sắp xuống lỗ rồi còn ghen với tuông, rõ dơ dáng dạng hình! Thế là lần ấy ông Nhị Nguyễn có công dẹp yên một cuộc nổi loạn trong nhà Đỗ Trường. Sau sự kiện đó không lâu, “Trạm trưởng không biết đùa” lại đến, nhờ ông uôn ba tác lười tiếp, lần này đối tượng là cậu quý tử. Chả là đang yên đang lành, bẽ bẽ công chức nhà nước, lương bổng chẳng đến nỗi nào, nó ùng ùng viết đơn xin thôi việc ra làm ngoài. Thật chẳng hiểu là đưa điên hay khùng nữa. Bụt gần chùa không thiêng, nói mãi nó chẳng nghe, đành phải nhờ đến “nhà thuyết khách bất đắc dĩ” vậy. Lại vẫn tính cả nể, ông Nhị Nguyễn tìm đến văn phòng uỷ ban quận, nơi cậu cả nhà Đỗ Trường làm việc. Bác cháu nói chuyện một hồi, cuối cùng thì chính “nhà thuyết khách” bị thuyết phục. Thì ra cậu cả có chí làm giàu, đã hùn vốn với mấy đứa bạn lập công ty riêng, giờ nó chỉ còn chờ quyết định nghỉ việc ở uỷ ban quận là ra ngồi vào cái ghế giám đốc điều hành. Bác ơi, cậu cả nói với ông, ba cháu tư duy vẫn xưa như trái đất, cứ phải bám vào nhà nước, sáng cấp ô đi tối cấp ô về mới là hoành tráng

cơ, không chấp nhận cho cháu làm tư doanh vì cháu là con nhà cách mạng nòi. Thế hệ chúng cháu đang ở thời đã khác quá nhiều so với thời bác và ba cháu đã sống, phải không ạ. Cháu cũng biết tiếng anh con bác giỏi về khoa học, thì cứ để anh ấy nghiên cứu khoa học, đi Tây đi Tàu thoải mái, mài chất xám làm ra công trình phục vụ nhân loại. Còn cháu, có chí hướng làm giàu để cháu đi làm ra của cải cho xã hội, chứ bám vào nhà nước lương ba cọc ba đồng mà làm gì. Chính mẹ cháu còn sáng suốt, tận tiền hơn ba cháu. Bà đã ủng hộ cháu, còn bảo, thời trẻ ông phiêu lưu lang bạt, nếu cứ ru rú xó nhà liệu có được chức tước như lúc cuối đời không, mà nay muốn ngáng chân bọn trẻ từ bỏ ao ngòi ra biển khơi lập nghiệp...

Đây là chuyện nhà Đỗ Trường mà ông được nhờ can dự, tuy không thuyết phục được cậu con, nhưng rồi chỉ sau mấy năm ra làm ngoài nó đã phát lên ghê gớm, chính Đỗ Trường phải ngạc nhiên, thán phục và tuy sĩ diện không nói ra trước cả nhà, nhưng trong lòng thì tự hào về cậu quý tử lắm. Gặp lại ông Nhị Nguyễn khi mọi chuyện trong nhà đã ổn, Đỗ Trường hể hả, có lần còn nói không biết là đái bì hay thật lòng: “Bác quả sáng suốt, ở hiền gặp lành. Giờ phải đánh đổi hàm đại tá lấy trung tá của bác, mà có được cái hậu vận tốt như thế là tôi đổi liền!” Lại chuyện quân hàm, chức tước. Ông về hưu sau bao nhiêu năm phục vụ trong quân ngũ, chỉ với quân hàm khiêm tốn như thế, trong khi bạn bè hầu hết đã là thượng, đại tá, nhiều người chuyển ngành ra ngoài làm đến bộ, thứ trưởng, mềng cũng vụ trưởng. Vậy mà đầu óc ông vẫn thanh thoả, chẳng hề so bì với ai, đúng như câu ca thuở đầu xanh ông đã cùng bạn bè hát vang lúc từ Hà Nội lên chiến khu đạo ấy: “Coi thường công danh như phù vân”. Ấy vậy mà nhiều khi cách sống, cách nghĩ trước sau như một như thế của ông, lại là cái đề tài để bạn bè xung quanh bàn luận và họ đều tỏ ý kiêng nể.

Hôm ấy, cũng là sau một buổi chơi thể thao, ông ngồi uống với một anh bạn trẻ hơn mình gần hai chục tuổi trong đội cầu lông, tên Kiên. Có chút men vào, Kiên mới dốc bầu tâm sự. Anh ta bảo, em có tính xấu hay so đo thiệt hơn với người khác bác ạ, mỗi khi thấy người hơn mình là như con cà cuống chết đến đít còn cay. Lính nghĩa vụ loại “a một” đợt đầu năm 1958 đây, gùi thò vượt Trường Sơn đợt đầu đây, rồi dự trận Vạn Tường cũng đụng Mỹ trận đầu đây, mấy lần bị thương, thương binh hạng hai, mà về hưu có thượng tá lữ trưởng. Thằng cháu con ông bạn hàng xóm, sinh năm 1960 đúng năm em đi B, đại học ra tuyển thẳng vào quân đội, chưa từng vào chiến trường ngày nào mà giờ đại tá rồi. Nó còn bảo, bạn cháu ở Tổng cục Chính trị, mấy đứa kém cháu hai, ba tuổi đợt này cũng lên ngang cháu cả, có trần mà chú. Nhiều đêm trần trọc, nghĩ mình không gặp thời, cống hiến mấy cũng uống, chẳng bằng lũ hậu sinh đến hẹn lại lên. Vậy mà từ hồi được tham gia đội cầu lông, đầu óc em đã nhẹ nhõm hẳn, ấy là khi quen biết bác. Bác tham gia cách mạng từ lúc em vắt mũi chưa sạch, chống Pháp, Mỹ đủ cả, tù thực dân đê quốc đủ cả, thương binh có thể hẳn hoi, mà lúc về có “trung”, kém hẳn em một cấp quân hàm, lại những lúc ngồi hàn huyên kể về thời đi B đi C, cảm thấy bác thắc mắc với ai, hay oán thán tổ chức một câu. Gương người tốt việc tốt ngay

trong đội cầu lông ta đây này chứ tìm đâu xa. Rõ em có mắt mà không thấy núi Thái. Chìu cái lập trường cách mạng của bác! Nghe anh bạn vong niên nói vậy, ông cười khà khà mà bảo, núi Thái núi thiếc gì đâu, là gò đất thì có. So bì với người thì vô cùng lắm anh bạn ạ, chẳng biết thế nào cho đủ, còn bao người chiến tích bẽ bẽ, vào sinh ra tử, mà khi xanh cỏ chẳng đở ngực đã đành, đến nắm xương cũng còn vùi nơi đất khách quê người, chẳng ai biết đến. Chính mắt tôi đây này, thấy mười hai thủy thủ chết chìm dưới đáy biển Đông, chỉ có mình là sống, thế có phải mình ngàn lần may mắn hơn họ rồi không! Thôi thì, trông lên chẳng bằng ai, trông xuống chẳng ai bằng mình, được thế này là tốt lắm rồi. Vẫn là cái câu “tổng kết” chẳng có gì là thâm thúy ấy, ông đã nói không biết đã bao lần với bạn bè và coi đây như một liều thuốc trấn an tinh thần linh diệu cho mình, cho bạn lúc cuối đời. Nói ra những điều như thế, quả ông đã không hề dối lòng mình. Mọi chuyện đời ông đều đã công khai minh bạch cả, mà sao chỉ còn mỗi một chuyện, lúc tình tảo, khoẻ mạnh ông vẫn không thể công khai được với vợ con? Một thời gian dài ông vùi sâu chôn chặt trong tâm khảm mối tình với cô gái người Lào đạo ấy, muốn quên đi, mà lạ càng về già nó lại luôn động cựa, muốn xé toang bức màn trá ngụy nào đó mà đòi hỏi sự phán xét công bằng của tình người. Giá những ngày này Khăm Đi có mặt tại đây, ông sẽ nói với vợ, đây mới là cậu cả, tôi có con với bà ấy, trong một hoàn cảnh thật đặc biệt trước ngày chúng ta cưới và tôi vẫn giấu bà, nay bà có tha lỗi cho tôi không, có nhận Khăm Đi vào đại gia đình chúng ta không? Ông sẽ bảo với hai con Long và Hiền: các con còn một người anh nữa, anh con từng chiến đấu với ba ở Cánh Đồng Chum- Xiêng Khoảng, lính ra lính đấy. Nếu được thế mới thực là có hậu, về thế giới bên kia thực thanh thản cõi lòng...

Ông Đỗ Trường vừa chào ra về được một lúc, thì Hiền từ buồng ngoài vào, ghé vào tai ông nói:

- Ba ơi, các anh ở sư đoàn Trường Kỳ đến thăm ba. Lần ba nằm cấp cứu trong bệnh viện các anh ấy đã đến thăm.

Ông chớp chớp mắt, các chú chu đáo quá, cảm ơn các chú! Ngoài hoa quả, sữa, ông thấy họ còn đưa cho vợ ông cái phong bao khá dày, chú sư trưởng nói với bà, chúng cháu không biết mua gì để bồi dưỡng cho bác trai, nhờ bác. Cuộc đời ông đã được chứng kiến bao sự kiện, bao đổi thay của đất nước, trong đó nhiều tập tục, quan niệm, thói quen cũ đã mất đi nhường chỗ cho cái mới, thì với riêng ông, vẫn tồn tại một cách “phân loại cổ hủ” đại loại như: Thời trước nghèo đến tận cùng, nên sạch đến tận cùng, còn thời nay là “thời đại phong bì phong bao”, tuy không thể gọi là “bẩn”, nhưng sao mà hoàn toàn sạch, tránh không tì vết được! Con người thời ông sống có thể tu luyện thành thánh, thành phật được, chứ con người thời nay sao đủ đức tin cùng hành động để tu nghiêm chỉnh, mà họ cũng chẳng mong thành thánh, thành phật khổ hạnh, ép xác để làm gì. Chẳng nói đâu xa, như cái phong bao rất tử tế, sạch sẽ và chắc hẳn không có giá trị kinh tế đáng kể mà chú sư trưởng vừa đưa vợ ông, có lấy từ túi chú ấy đâu, từ quỹ của sư đoàn, có khi lại từ ngân sách quốc gia đấy, liệu có khoản nào dành cho những người đã

cách xa sư đoàn hơn hai thập niên được tiêu chuẩn như vậy không? Vậy là chú ấy đã phải “vận dụng” chính sách, chế độ để thể hiện lòng tử tế của mình, của tập thể chỉ huy sư đoàn mình. Có biết bao sự vận dụng, thừa trừ như thế, đã dẫn đến những sự tiêu cực không đáng có, chưa nói thời kinh tế thị trường này, kẻ hám giàu rồi hành động bất chính, phải ngồi nhà đá thì nhan nhản. Đấy, cánh già sắp xuống lỗ lại cứ thích “tổng kết”, bói lông tìm vết như vậy đấy! Nhìn, nghe bất cứ điều gì của thời nay, mà họ chẳng nghĩ về “thời xưa” xa lắc lơ của mình cơ chứ. Đến đây, ông chợt liên hệ đến cụm từ “tương đối” trong cái Thuyết Tương đối của Einstein mà có lần trên chiến khu huynh trưởng đã giảng giải cho ông. Thì ra, trong cuộc dấn thân, đua chen với đời, ông lại là môn đồ của cái “Thuyết tuyệt đối” nào đó cơ, chứ không phải “Tương đối”! Với ông lúc nào cũng phải đúng, sai phân minh, yêu ghét rõ ràng, hai cộng với hai là bốn chứ không phải là bốn rưỡi hay ba phẩy năm. Và nếu như khoẻ mạnh bình thường, thì lúc này ông đã chẳng bật ra tiếng cười to để tự điều mình, vì cái ý nghĩ lắm cảm, vợ vẫn như thế cứ ngự trị trong đầu ông và không ít bạn bè suốt bao năm mà không sao gột đi được.

- Ba ơi, anh Long đã về! Tiếng cô con gái reo lên, cắt đứt luồng suy nghĩ miên man của ông. Cả vợ con nó cùng về nữa. Tất cả ùa đến bên ông, cầm tay ông, nhìn ông khóc thút thít. Thì ta đã chết hẳn đâu mà khóc! Nghĩ vậy nhưng thấy cay cay nơi sống mũi, có lẽ từ khoé mắt ông đang có giọt lệ rơi ra. Thế hệ con ông, cháu ông đã khác hẳn cái thời ông cùng huynh trưởng lên chiến khu, thời cùng Cảnh, Bình sang Lào, tiếp đến là thời chống Mỹ. Con cháu hôm nay đؤه huề phương trưởng thế này còn mong gì hơn nữa!

#

Mãi đến khuya mọi người trong nhà ông mới đi ngủ, còn ông cũng thiếp đi. Như lệ thường là lúc “bộ phim ngày ấy” lại hiện ra. Và lần này đưa ông trở lại sống những ngày trên chiến khu đạo ấy, mà những con người quanh ông dường như đều có phẩm hạnh của những vị thánh tử vì đạo.

Một ngày giữa năm 1948, ông Nhị Nguyễn cầm lệnh xuất kho của văn phòng Bộ Quốc phòng, theo anh vệ binh dẫn vào khu rừng già Pắc Chom. Thu đông năm ngoái, Pháp mở cuộc tấn công quy mô, định chụp lẹ đầu não chính phủ kháng chiến. Mở màn là cuộc nhảy dù chớp nhoáng chiếm thị xã Bắc Kạn. Trên đường số 4, xe tăng, lính lê dương từ Lạng Sơn hùng hổ đánh vào Đông Khê, Thất Khê, Cao Bằng. Đó là gọng kìm thứ nhất. Gọng thứ hai, tàu chiến từ sông Hồng, sông Lô ngược Tuyên Quang vào sông Gâm, đánh Đàm Hồng, Bản Thi. Nhưng cả hai gọng vừa giương ra chưa kịp “xiết” đã bị đập gãy. Thất bại thảm hại, đến tháng 11- 1947 quân viễn chinh phải rút khỏi núi rừng Việt Bắc, cuộc kháng chiến lật sang trang sử mới.

Thời trước có câu “Bản Thi có đi không về” bởi khu mỏ kềm ở đây, những người phu mỏ bị vắt kiệt sức cộng với dịch sốt rét hoành hành, họ đều phải bỏ xác nơi rừng thiêng nước độc. Trong năm đầu của cuộc kháng chiến, Bản Thi bỗng chốc là phố đông vui giữa rừng. Cửa hàng cửa hiệu mở ra, có cả một dãy phố buôn bán của người Hoa. Dịch đánh hơi được kho vàng trong khu vực này, định quăng mẻ lưới nằng nặng. Song ta đã nhanh hơn một bước, lúc chiến sự vừa nổ ra, một đại đội vệ binh thuộc đơn vị bảo vệ ATK đã áp tải chiếc xe chở bọc lớn, bọc nhỏ đựng toàn bộ ngân khố quốc gia, nhanh chóng vượt đèo Tác về mạn đông sông Gâm, không một li một lai vàng nào lọt vào tay giặc. Ngày dịch rút, ai đi trên đường phố Bản Thi đều phải bịt mũi bởi khảm lăm do thịt hộp, cá hộp khẩu phần của lính lê dương mở ra chưa kịp ăn đã thiu thối, có cả những tảng thịt trâu chúng chưa kịp chế biến nhưng nhúc dồi bọ.

Anh vệ binh dẫn đường cho ông Nhị Nguyễn là người dân tộc Nùng Cháo ở Thái Nguyên, khá thông thuộc địa hình. Chỉ tay lên khu rừng rậm rì xanh thẫm trước mặt, anh bảo:

- Còn đoạn này nữa là đến bản Pắc. Trông thì gần mà đi mất mấy cái vắt vai nữa đấy.

Lên vùng đồng bào dân tộc thiểu số được hơn một năm, ông Nhị Nguyễn đã hiểu cái “đơn vị đo lường” độc đáo ở đây. Khăn vắt trên vai, đi miết đến khi mồ hôi mồ kê nhễ nhại, lấy xuống để lau, đó là một “đơn vị tính”. Với “đơn vị tính” như thế, “cái vắt vai” rất co dãn. Người khoẻ vắt vai khác người yếu, người quen đường khác người mới đi lần đầu. Xem ra, vượt được mấy “cái vắt vai” của anh vệ binh này là một bở hơi tai đây! Lên Pắc Chom không có đường mòn, cứ men theo bờ một dòng suối lớn chảy giữa rừng già. May mà mới vào hè, lũ chưa về, dòng nước róc rách trong vắt. Càng trèo lên cao, gặp toàn những tảng đá gan gà to cỡ gian nhà án ngữ, mỗi lần vượt qua tim đập thình thịch. Phải như con thằn lằn bấu chặt từng đầu ngón tay vào vách đá, để tuột không mất mạng cũng thành tật như bỡn. Anh vệ binh chậm rãi trèo trước, ông Nhị Nguyễn cứ nhất nhất theo động tác ấy, vị trí bấu víu ấy mà trèo theo. Cũng có lúc anh lom khom làm thang cho ông đứng hẳn lên vai, bám vào dây rừng đu bồng, mới lên được một chóp đá để rồi lại có chóp nữa sừng sững ngay trước mặt. Hai người cứ thế đánh vật với những khối cự thạch khổng lồ, về chiều mới thoát hẳn lên được gần đỉnh núi, nơi có dòng thác đang sôi réo âm âm, bụi nước phả dầm vào một vùng cây cối xanh mướt. Bên địa thác đã thấy sẵn những bậc đục vào vách đá, trèo lên không còn khó như ở đoạn trước nữa. Anh vệ binh bảo, bà con bản Pắc trong lần chuyển kho ngân khố hồi cuối năm ngoái, đã dùng cuốc chim, xà beng mất nhiều công đào bẫy mới tạo được những bậc đó. Chẳng mấy chốc hai người đã bước lên lưng chừng trời. Mát rượi. Sương núi cuộn cuộn đuổi nhau. Ông Nhị Nguyễn cứ thả sức vươn vai hít hà căng lồng ngực, bao nhiêu mệt nhọc dường như đều đã quẳng tòm cả vào vũng nước quần ngẫu bọt dưới chân. Phóng tầm mắt ra xa, thấy trước mặt con đường mòn như sợi chỉ vắt qua quả đồi thấp bạt ngàn cỏ tranh cùng cây bụi lúp xúp. Anh

vệ binh giờ mới kể, lúc này nói ra sợ ông hãi, chính chỗ có hòn đá to cạnh thác, hôm sơ tán kho tiền, một vệ binh đồng hương với anh đã trượt chân ngã nhào, đập người cái bét như con gián vào vách toé óc chết tươi ngay. Lúc trèo đến đây, anh bỗng thấy rung mình rồi như có bàn tay ai đỡ, hẳn hồn người vệ binh đồng hương xấu số vẫn đang luẩn quẩn quanh thác. Anh còn bảo, người Hà Nội, “công tử bột” như Nhị Nguyễn mà leo được thế là hơi giỏi đấy! Lời khen mộc mạc thế lại làm ông phồng phao cánh mũi, quên cả sự chật chưỡng, run rẩy ban này, thực ra ông có được chút kỹ năng leo núi trước khi lên Việt Bắc là do thời sinh viên được đoàn Hướng đạo đào luyện trong các cuộc tập trận giả, hành quân dã ngoại. Hai người đi tiếp trên đường mòn, cỏ tranh lút đầu, phải vừa đi vừa rẽ lá cỏ mềm sắc như dao lia rất mặt. Chốc chốc gió ngàn từng đợt ào ào thổi về đê đám cỏ ngã rạp. Đi được chừng nửa giờ, bỗng anh vệ binh đột ngột dừng, tai đỏng như tai thỏ. Rồi anh quay sang hỏi nhỏ:

- Thấy mùi gì không?

Ông Nhị Nguyễn lắc đầu. Anh vệ binh liền rút từ cặp quần ra khẩu súng còn nòng ngắn, tay lăm lăm.

-Mùi cọp! Anh vệ binh nói nhỏ.

Giờ ông Nhị Nguyễn cũng nhận ra trong gió có một thứ mùi thật lạ: khăn khăn, khen khét. Cọp ư, tóc gáy ông bỗng dựng đứng. Kìa, thấp thoáng trong bụi cây bên đường chừng một chục thước có con vật to như con bò mộng đang ngo nguậy, lông vàng thẫm xen những vệt vằn đen ánh. May mà hai người ở cuối gió, cọp ở đầu gió đang say sưa vờn mồi. Anh vệ binh quả quyết giơ súng nhắm vào con vật bộp cò. Đoành! Đoành! Hai phát nổ chát chúa. Con cọp dường như bị giật mình chứ viên đạn còn không đủ sức xuyên thủng da nó, trong chớp mắt vọt về phía bụi cây rậm rạp, mất dạng. Anh vệ binh ngoắc tay ra hiệu cho ông Nhị Nguyễn chạy lên. Đến nơi, một con trâu đang nằm chổng bốn vó trong bụi cỏ, khắp mình be bét máu, ruột lòi hàng đống. Anh bảo:

- Thế nào nó cũng quay lại. Chạy thôi!

Cả hai cầm đầu cầm cổ chạy thục mạng. Đến khi ra khỏi khu đồi tranh thì Nhị Nguyễn mồ hôi toá như tắm, mồm mũi tranh nhau thở, lâu lắm mới có cuộc kiểm tra tốc độ nước rút thế này. Đã thấy mấy mái nhà bên đường. Khi anh vệ binh dừng lại không đến nỗi phải thở dốc, còn Nhị Nguyễn thì lặn đùng ngã ngựa xuống vệ cỏ ven đường, vẫn còn dờn được một câu:

- Cọp đến, đành nằm thẳng cẳng cho nó xơi tái.

- Nó chẳng bén mảng đến bản vào ban ngày đâu- Anh vệ binh cười và cúi xuống kéo tay ông – Dậy. Vào bảo dân bản ra khiêng ngay con trâu về mà thịt, kéo cọp quay lại chén hết phần.

Thế rồi theo chỉ dẫn của anh vệ binh, hơn chục người đàn ông trong bản rậm rạp mang thùng chảo, cây tre đực, dao dứa, súng kíp trở lại trảng cỏ tranh ban này. Và khi đang khiêng con trâu lòi ruột về, họ luôn bị mùi cọp ám suốt dọc

đường, hẳn “ông kễnh” hậm hực bám sát một đoạn dài mà không thể nhảy ra cướp lại mối. Vậy là người đã nhanh hơn cạp có nửa bước chân.

Pắc Chom là một bình nguyên ở lưng chừng trời. Hơn một chục nóc nhà tranh vách đất, nhà nào cũng liền sát vườn, trồng toàn một thứ mận, đào đang độ ra quả xanh nhỏ như cúc áo bám lúc liu các cành nhánh. Điều làm ông Nhị Nguyễn bất ngờ, đây lại không phải là bản của người dân tộc thiểu số Tày, Nùng hay Dao, Mông mà toàn dân Kinh gốc. Khi mọi người đang xúm quanh con trâu bị hổ vồ, lột da xả thịt chuẩn bị bữa liên hoan cả làng, thì ông Nhị Nguyễn gặp một cụ già da đỏ au, râu tóc bạc phơ nom như tiên núi trong truyện cổ tích. Đó là người cao niên nhất, thực sự là một “Thành hoàng làng” sống. Cụ đã đến độ lú, chỉ còn nhớ mang máng có gốc gác dưới xuôi, chứ không thể nói rõ quê ở huyện nào, tỉnh nào. Cụ theo gia đình lên miền thượng du sinh sống từ rất lâu rồi. Ban đầu họ ở chân núi, lẫn với đồng bào thiểu số. Nhưng những người dân lành như đất ấy thường bị quan Tây, lang đạo sách nhiễu, cướp bóc, hà hiếp. Đói nghèo và áp bức đã đẩy những người trong gia tộc cụ bịu dúi tìm đường lên cư ngụ ở nơi chót vót này. Thấy vùng đất hoang sơ, màu mỡ, lại phẳng phiu thì họ dừng lại dựng nhà, phát nương trồng ngô, lúa, trồng lanh dệt vải, tự túc cái ăn cái mặc. Các nhà cứ dần đông lên, đều là con cháu cụ phân đàn ra cả. Heo hút, cheo leo, lại lắm beo, hùm thành ra Tây, tề đều không dám bén mảng đến Pắc Chom, đây trở thành vùng đất bị quên lãng, sống khép kín biệt lập với thế giới văn minh. Con người ở đây vốn hiền lành chất phác, thời gian dài co mình trong vương quốc nhỏ bé của mình càng làm họ hiền lành, chất phác hơn. Tưởng như thời gian gió thổi mây bay, họ chẳng còn biết đến thời cuộc dưới chân núi xoay vần ra sao nữa, bằng lòng với đời sống “cộng sản nguyên thủy” của mình, vậy mà cuối năm ngoái, khi có anh cán bộ Việt Minh lên, nói là cần lập kho hàng, nhờ bà con che chở, giúp đỡ, thì “Thành hoàng làng” cùng bà con đồng tình ngay. Chưa hiểu Việt Minh, nhưng thấy nói Việt Minh đánh Tây, đánh bọn lang đạo ác bá thì rõ là Việt Minh vào phe dân làng rồi. Khi hàng về chân thác, bà con liền hè nhau cùng cán bộ dỡ hàng, chia nhỏ để gánh, gùi lên cao, không ai hỏi, cũng không cần biết đó là thứ hàng gì. Cụ già chậm rãi rót trong ấm ra cái bát sành sứ miệng thứ nước lá rừng màu đỏ đậm mời khách. Ông Nhị Nguyễn uống thấy vị hăng hắc, ngòn ngọt nơi cổ họng. Ông hỏi già:

- Cụ được bao tuổi rồi?
- Không biết. Già làng lắc lơ mái đầu bạc.
- Cụ thử nhớ lại đã qua bao vụ rét?
- Lúc nào cũng rét, cũng ấm.

Có anh là cháu cụ vừa ở chỗ thịt trâu về, nghe vậy thì đỡ lời cho cụ:

- Cụ tôi hỏi còn minh mẫn thường kể, ở dưới thấp mỗi năm có một cuộc tung quả còn bọc bằng vải chàm, mỗi cuộc như vậy là thêm một tuổi. Lên đây không còn hội tung còn nữa, cũng chẳng ai hỏi tuổi của nhau nữa...

Ngay chiều hôm đó từ cái làng của những người không có tuổi, hai thầy trò ông Nhị Nguyễn vào khu vực nhà kho cách đây không xa. Đó là mấy ngôi nhà tre bương kín đáo nằm dưới tán cây cổ thụ, không có công gác, cũng chẳng có hàng rào che chắn. Cái “Sở kho bạc” bảo vệ sơ sài nhất thế giới, mà cũng an toàn nhất thế giới! Chẳng phải làm thủ tục gì nhiều, bởi ông thủ kho Nguyễn Văn Lương vốn là bạn cũ với ông Nhị Nguyễn thời sinh viên, cùng sinh hoạt trong tráng đoàn Lam Sơn. Từ dạo theo huynh trưởng Tạ Quang Bửu lên chiến khu, giờ hai người mới gặp nhau nên tay bắt mặt mừng.

-Huynh trưởng đã gọi điện trước cho mình rồi- Ông Lương cầm tờ giấy giới thiệu ông Nhị Nguyễn đưa, nói- Uống nước đã, rồi mình đưa đi lĩnh hàng.

- Cậu về đây hỏi nào nhỉ? Ông Nhị Nguyễn hỏi.

- Cánh ta tản mác mỗi người một việc. Mình vốn là viên chức sở kho bạc Hà Nội, thì lại giao giữ kho bạc. Hôm nhận việc, mình được ông Đỗ Đình Thiện phụ trách quỹ trung ương ở Hà Nội cho biết, toàn bộ Quỹ Độc lập thu được trên hai mươi triệu đồng Đông Dương, còn Tuần lễ vàng từ 17 đến 24-9-1945, đồng bào ủng hộ được ba trăm bảy mươi kí lô vàng, tương đương số thuế thu được trong một năm dưới chế độ thực dân Pháp. Ông Thiện còn bảo, trong Tuần lễ vàng mỗi ngày có hàng trăm người đến hiến cho chính phủ của Cụ Hồ những đồ quý giá, nào nhẫn, kiềng, hoa tai, dây chuyền, hạt xoàn...tất cả được gom cả vào bao tải đem về để tạm ở nơi làm việc. Mọi người từ nhân viên đến thủ trưởng, chẳng ai bợn trong lòng ý nghĩ muốn tở hào số của quý đó cả, mà ai cũng mừng khi thấy hôm sau bao tải đem về đầy hơn, nặng hơn hôm trước. Rồi khi Pháp gây hấn trở lại, số vàng được bí mật chuyển ngay, ban đầu để ở Bản Thi sau đưa lên đây. Mình cùng hai anh Nguyễn Tấn, Nguyễn Kim Giao được huynh trưởng và chánh văn phòng Bộ Quốc phòng Nguyễn Ngọc Minh trực tiếp giao giữ kho vàng. Nghề giữ của bọn mình phải giữ mồm giữ miệng là chính. Cậu biết không, lúc ở Bản Thi, ba chúng tớ nhét vàng vào bao tải gai, lèn thêm sách báo cũ, buộc túm, để dưới phản nằm. Nhiều người đến công tác cứ tưởng bao tải đựng giấy tờ lưu trữ sắp đem huỷ. Có anh đồng hương ở đơn vị Vệ Quốc Đoàn đến chơi, tò mò hỏi thì mình cứ nói lửng lơ, anh ta nghe vậy hẳn trong lòng nghi hoặc. Hôm trước ngày Pháp tấn công, gặp nhau trên đường, mắt nhìn trước nhìn sau, anh ta mới ghé vào tai mình hỏi nhỏ: cái bao tải đựng thuốc phiện dưới gầm giường đã tẩu tán được chưa? Lúc chuyển hàng lên Pắc Chom, cánh lính trẻ của tiểu đoàn bảo vệ của anh Cao Khắc Giáp thì cứ hồn nhiên hỏi mình: sao sách báo cũ mà nặng chình chịch thế? Đến khi kho chuyển lên đây, của quý từ bao tải san cả ra trong mấy cái hòm thiếc, có nắp đậy mà không có khoá, chỉ đánh số rồi dán giấy niêm phong thôi. Cánh thủ kho mình cũng muốn có khoá cho chắc đấy, nhưng đã lùng khắp Bắc Kạn, Tuyên Quang, Phú Thọ cũng chẳng gặp mọt bán khoá nào.

- Vẫn phải kiểm kê, tịnh kho định kỳ chứ? Ông Nhị Nguyễn hỏi.

- Vẫn - Ông Lương cười - Có lần đích thân huynh trưởng đến, còn thường xuyên ba tháng một lần anh Minh trực tiếp kiểm. Bọc nhỏ chúng mình cân bằng

cân tiểu li, còn cả túm phải dùng cân lợn. Cân xong từng túm, ký vào giấy trình lên thủ trưởng Bộ duyệt.

- Có khi nào thụt kết không?

- Sai số thì có, là do mỗi mắt nhìn không thật ngang cân. Lần trước sụt tí tí, lần sau lại tăng lên. Tóm lại, ngân khố không suy chuyển một li một lai nào. Cậu có tin không?

- Tin quá đi chứ!

Khi ông Lương xuất kho cho ông Nhị Nguyễn, tất cả số vàng lá nhãn sư tử được cho cả vào một bao vải, tổng cộng mười tám kí lô. Nặng, một người khó xách. Lại phải đổ ra chia đôi. Ông Nhị Nguyễn và anh cảnh vệ mỗi người một nửa cho vào cái ruột tượng đựng gạo, quàng chéo qua vai cho dễ đi.

#

#

Áp tải số vàng từ chiến khu vào Đô Lương với ông Nhị Nguyễn, không ai khác chính là anh cảnh vệ người Nùng Cháo nọ. Giờ không thể chia đôi số vàng cho vào ruột tượng như lúc đi trong đường rừng. Gộp lại, đèo sau póc- ba- ga, số vàng được bọc hai lớp bao vải và bao gai, có cái mo cau ốp ngoài. Trên bọc để đề lên linh kinh đồ nghề tay thước, dùi đục, tràng, đục, cưa. Rồi dùng dây cao su buộc ghì các thứ vào nhau cho thật chắc. Ông Nhị Nguyễn và anh vệ binh đóng vai phó mộc về các miền quê làm ăn, trên người ngoài cái thẻ căn cước giả không được giữ giấy tờ gì khác. Hôm ở căn cứ trước lúc đi, “thợ cả” Nhị Nguyễn đã phải học thuộc lòng bảng danh mục các thứ cần mua, tổng cộng gần năm mươi loại vật tư, linh kiện cùng thiết bị lớn nhỏ và nhiều loại vật dụng, sách vở. Sang đất Thái rồi, khi bàn giao số vàng, thì những điều nhập tâm ấy mới được viết ra thành tờ phiếu đặt hàng. Trí nhớ của Nhị Nguyễn thời trẻ thuộc loại “siêu”, hồi sinh viên có lần bạn bè thách đố, ông từng thuộc lòng cả một trang bảng tra lôgarit thập phân, nhắm mắt đọc không thiếu, không nhầm một con số nào. Huỳnh trưởng Tạ Quang Bửu biết khả năng nhớ dai ấy đã hỏi, cậu có thiên hướng toán học, sao không chuyên sâu về toán nhỉ? Ông cười bảo là không thích những con số khô khan, chỉ có hứng với việc giải bài toán khoa học kỹ thuật cụ thể thôi. Đây là chuyện của mấy năm về trước, giờ đây phải giải một bài toán tưởng đơn giản, mà rất hệ trọng: số vàng lớn như vậy làm sao mang trót lọt? Đi mấy trăm cây số trong vùng tề, mọi tình huống trên đường đều phải được tính kỹ. Rủi khi bị lính Tây hay lính đồng xét hỏi, thì chỉ trần xì là hai anh thợ mộc nghèo dót mùng toi bỏ quê đi ngoại tỉnh kiếm sống. Vàng không thể giấu trong người, bàn đi tính lại thấy là cứ để sờ sờ ngay sau xe lẫn vào mấy thứ đồ nghề quen thuộc, mạo hiểm đấy nhưng lại dễ qua con mắt tò mò trên đường. Quả nhiên, hai thợ mộc nhếch nhác, bụi bặm, với hai cái xe đạp cà tàng lọc cọc đạp qua bao nhiêu thị xã, thị trấn, làng bản mà chẳng ma nào hỏi đến. Chỉ một lần qua bến đò Trung Hà, Sơn Tây, anh lái đò xăng sái chạy

lên bê giúp xe cho ông Nhị Nguyễn xuống đò, chọt kê toáng, đèo cái quái gì mà nặng thế, anh vệ binh liền nói đỡ ngay, cái hòn đá mài tràng mài đục đầy mà. May mà không ai rỗi hơi để ý đến điều khác thường ấy nữa, khi đò vào bến, anh vệ binh vội nâng thật nhanh phía sau cho ông Nhị Nguyễn xách xe nhảy đại lên bờ.

Vào đến trạm khách Đô Lương, anh vệ binh xong việc, chia tay với “thợ cả”, từ đó ông Nhị Nguyễn không gặp lại anh nữa. Bẵng đi mấy chục năm, sau ngày nước nhà thống nhất, tình cờ ông được một người quen cho biết, kháng chiến chống Pháp kết thúc, anh vệ binh người Nùng Cháo yếu sức khoẻ trở về quê ở Đồng Hi, Thái Nguyên với vợ con. Đến khi có quyết định nghỉ hưu, có thời gian rảnh dỗi, ông Nhị Nguyễn liền lên Đồng Hi, dò hỏi mãi mới tìm được nhà thì người vệ binh ấy đã qua đời vì trọng bệnh cách đây hơn ba năm rồi. Đúng lúc trời ập cơn mưa rào. Căn nhà tranh vách đất dột như giá, chậu to chậu nhỏ hứng nước, tiếng bình boong vang khắp nhà đến não lòng. Vợ bận lại mới từ viện mổ thiên đầu thống về, mắt vẫn còn băng, dờ dẫm đưa ông đến bên bàn thờ chồng, bà đang ở với người con gái cả. Ông Nhị Nguyễn bỗng ứa nước mắt. Ông thấp nén nhang trên bàn thờ bận làm rằm khẩn khứa, mong linh hồn người dưới suối vàng chứng giám, xót xa lắm trước gia cảnh đồng đội, mà lực bất tòng tâm chẳng giúp được gì nhiều. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh, ôi thương thay cho số kiếp mỗi con người!

Người con gái kể, bao năm bố cháu vẫn hay nhắc đến bác, bảo bác giờ làm to rồi, xuống Hà Nội tìm ngại lắm, không muốn mang tiếng là thấy người sang bắt quàng làm họ. Bố cháu kể chuyện hồi ở Việt Bắc, cùng bác lên tận kho trên đỉnh núi linh vàng, rồi mang mười mấy cân vàng, đèo sau poóc ba ga xe đạp vào tận Nghệ An giao cho tổ chức. Bố còn bảo, hồi ấy có thó đi vài chỉ vài cây cũng chẳng ai biết, nhưng bác và bố cháu chẳng bao giờ nghĩ đến điều khuất tất ấy. Bố cháu lúc phục viên còn trẻ, về nhà chẳng có chế độ chính sách gì...

#

#

Ở bản Pu Loong hơn hai mươi ngày, cũng là để ông Nhị Nguyễn dưỡng bệnh, lần này có “độc- tở” người Thái khám hẩn hoi và thuốc uống thuốc tiêm đầy đủ. Ông đã dứt sốt. Nước da bớt tái, mắt bớt vàng và môi bớt thâm. Hôm lên đường ông tự khoác lấy cái ba lô của quý mà không cảm thấy nó kéo người ngửa về phía sau nữa. Sinh lực đang dồi dào trở lại. Lần này theo lời khuyên của cơ sở, không nên mang súng vì rất có thể đi đường bị khám xét. Hai khẩu súng trường cồng kềnh khó dấu phải để lại, khi trở về sẽ lấy. Khẩu Saint- etienne thì ông vẫn mang theo. Hồi ở Hà Nội, ông từng có kinh nghiệm giấu súng trong người. Ấy là khi Tổng hội sinh viên tuyển người vào học trường quân chính đặt trụ sở tại trường Nguyễn Hữu Vị, phố Quán Thánh (nay là trường Phan Đình Phùng) ông trong số hai mươi sinh viên trúng tuyển, trở thành anh Vệ Quốc Đoàn, đầu đội mũ

ca lô, mặc quần soóc, chân đi dép lốp. Sau hai mươi ngày học bắn súng, đâm lê, ném lựu đạn, bò toài và chiến thuật chiến tranh du kích lai vô ảnh khur vô hình, khi làm nhiệm vụ ông được phát một khẩu súng ngắn, cũng là loại côn bát này. Ngày đó hai mươi vạn quân Tưởng của Lư Hán vào giải giáp quân Nhật, thực chất là muốn dùng mẹo “mượn đường diệt Quốc” thừa cơ bóp chết chính quyền cách mạng non trẻ. Nhiều khi chúng lộng hành trên đường phố, mà theo chủ trương của trên, ta phải nhường, tránh bị khiêu khích. Chúng thường dở trò khám xét bất ngờ các thanh niên chúng vu cho là thân Nhật. Ông được các bạn trong đội võ trang bảo cho cách giấu súng vào phía bụng dưới. Tối hôm đó từ trụ sở Tổng hội về, Nhị Nguyễn bỗng nghe tiếng “hùi, hùi” từ một gốc cây to trên đường Gambetta (đường Trần Hưng Đạo bây giờ), một tên Tàu Tưởng đeo kính cận, cầm tiểu liên xò ra, nó dùng nòng súng đẩy ông về phía giữa đường nơi có đèn sáng để khám. Nó sờ nắn, lục túi, chỉ lôi ra được chiếc khăn tay có thêu hoa và con chim hoà bình do Nghĩa tặng bữa trước, còn chẳng được thứ gì khác. Nó bèn hất mũi súng cho ông đi. Nếu hôm đó nó thấy khẩu súng thì lôi thôi to. Giờ đây ông cũng giấu khẩu côn xuống dưới bụng như thế, có súng khi nguy cấp cách xử dễ hơn. Nửa đêm. Cả ba lặng lẽ xuống một con thuyền nhỏ có mui che, xuôi sông nhánh ra sông cái Nậm Ca Đình. Thuyền do bạn đứng ra thuê giúp, giống như nhiều chiếc thuyền buôn lâm sản khác đang qua lại trên sông. Chủ thuyền trạc ngoài bốn mươi, khá sõi tiếng Việt, ông ta có cảm tình với Việt Nam vì đôi lần nghe ông nói đến Bác Hồ, đến Việt Minh với lời lẽ kính trọng.

Cuối mùa lũ, dòng Nậm Ca Đình cũng như những dòng sông của Việt Nam còn đỏ lừ phù sa. Tiếng sóng tấp mạn oàm oạp, thuyền chao như đưa vồng, làm tăng cảm giác buồn ngủ. Hai anh vệ binh mới rời bản được một đoạn đã khò khò ngon lành. Ông Nhị Nguyễn gồi đầu lên cái ba lô vàng bỗng không ngủ được, nhớ Hà Nội, nhớ Nghĩa da diết.

Nghĩa là con một chủ tiệm vải giàu có ở phố Hàng Đào, cô học sau ông ba lớp. Nhà Nghĩa có hai chị em, bà chị đã đi lấy chồng. Hai người quen nhau trên Sa Pa vào dịp nghỉ Noen năm 1944. Năm ấy Đoàn hướng đạo Lam Sơn tổ chức cắm trại, định chinh phục đỉnh cao nhất Việt Nam là Phan Xi Pan. Đi tàu hoả đến Sa Pa trời đổ lạnh ghê gớm, ba, bốn độ âm, dân địa phương bảo đã mấy chục năm chưa bao giờ rét như vậy. Không thể leo núi, thì có được cái may mắn là ngắm trời tuyết. Cánh sinh viên mới chỉ biết tuyết trong phim ảnh phương Tây, còn đây được nhìn, sờ, ném tuyết thoả thích ngay trên đất ta, ai cũng hứng khởi. Sáng, tuyết phủ trắng từng mảng trên ngọn cây, nóc nhà, ngoài bãi đá cổ. Khi mặt trời lên, các bông tuyết bay phơ phất, lấp loá, tuyết trên cỏ thì dòn vụn lao xao như thuỷ tinh dưới chân mọi người trước lều trại. Dãy Hoàng Liên Sơn sừng sững trần ngang một vùng trời đang quàng phủ tấm chăn bông nhẹ tênh, bông bênh, mãi trưa mới để lộ ra chóp nhọn màu ngọc bích, đấy chính là cái đích các hướng đạo sinh chưa có dịp được chinh phục. Trưa hôm đó, phía trước trại của lớp ông có một thiếu nữ dáng nhỏ nhắn, mái tóc đen mượt dài chấm lưng đang ngửa mặt lên đỉnh núi ngắm

nhìn hồi lâu và Nhị Nguyễn từ phía sau vẫn thấy gò má cô vì trời lạnh nên ửng màu quả bồ quân chín, đôi môi chúm chím như sắp cười. Sao cô ấy lại cười một mình? Ông tiến lại làm quen. Cái khăn choàng len hồng cuốn quanh cổ, tóc, càng làm khuôn mặt tròn trắng trẻo của cô trở nên hồng hào, tươi tắn hơn. Cô nhìn ông và nói rất tự nhiên như đã quen nhau từ trước rồi:

- Giá hôm nay chúng ta được leo tới Phan Xi Pan anh nhỉ.

- Giờ ta cùng đi chinh phục nhé. Nhị Nguyễn nói ra câu ấy cũng hết sức tự nhiên.

- Có hai người thôi ư? Nói rồi cô cười giòn tan, đôi mắt hơi nheo nheo hóm hỉnh.

Quen thoáng chốc và nói ra những câu chẳng đâu vào đâu như vậy. Khi chia tay, Nhị Nguyễn không quên hỏi:

- Em tên là gì?

- Nghĩa ạ.

- Đệm Thuý hay Mộng?

- Nguyễn Thị Nghĩa ạ.

- Giống tên thôn nữ quá nhỉ.

- Em là gái quê mà.

- Thật ư? Ở tỉnh nào?

Đến đây nghe có tiếng cười khúc khích, các bạn cùng lớp với Nghĩa đã đến sau lưng do mãi nói chuyện không biết. Một cô tinh nghịch bảo với Nhị Nguyễn:

- Bạn ấy ở quê thật đấy. Xã Hàng Đào, huyện Bờ Hồ, tỉnh Thăng Long ấy mà.

Sau chuyến Sa Pa tuyết trắng ấy, hai người năng gặp nhau, phần nhiều do ông chủ động tìm đến, có khi chỉ là cái nhìn băng quơ cùng nụ cười tình tứ và cái vẫy tay. Rồi hẹn hò. Hay vào là quán cà phê nhỏ ở góc phố Jambert (phố Hàng Bún bây giờ) cắt đường Quán Thánh. Chuyện lúc nào cũng nở như ngô rang. Chuyện thời cuộc trong nước, thế giới, chuyện nhà, chuyện học, chuyện bạn bè, cả chuyện riêng tư. Cứ nói qua lại hàng giờ không thấy chán. Ban đầu là cảm mến, nhớ nhung, hình ảnh nhau luôn hiện về trong giấc ngủ. Không biết từ lúc nào, nhớ nhau đến chấy lòng mỗi ngày không gặp là không thể chịu được. Bà chị Nghĩa biết chuyện bảo, cậu ấy nom cao ráo bảnh trai, đứng đắn, chỉ phải cái nhà hơi nghèo. Mà nhà Nhị Nguyễn quá chênh so với nhà Nghĩa. Cha dạy tiểu học, lương ba cọc ba đồng, mẹ bán hàng xén, mở cửa hàng tại nhà, một căn nhà nhỏ mặt tiền nhìn ra ô Cầu Giấy ven nội. Nghĩa có lần bảo, em yêu, chẳng quan tâm đến giàu nghèo. Câu nói ấy làm ông cảm động mãi. Ông trân trọng nàng, trân trọng đến mức coi nàng như thứ đồ quý giá dễ vỡ, chỉ kính nhi viễn chi thôi, chạm vào là vỡ vụn ra đấy. Có lẽ vì cái sự “trân trọng” ấy mà suốt gần hai năm bên nhau không biết bao nhiêu lần, đi khắp Hà Nội, nội ngoại thành đâu cũng có dấu ấn kỷ niệm, mà ông mới chỉ dám một lần cầm tay nàng đưa lên môi hôn. Máy bạn trai cùng lớp chê ông quỳnh, có cậu bặm trợn bảo, vào tay tao chỉ một tuần là có “khám phá”. Nghĩa

lại bảo, kệ họ kê kích, mình có lập trường của mình chứ. Sự khích lệ của nàng làm ông càng thêm dè dặt, chỉ ánh mắt là nói với nhau nhiều điều. Một mối tình trong mộng, mối tình sách vở, mối tình thuần khiết. Những ngày đầu năm 1945 ở Hà Nội sôi sục phong trào cách mạng và những sinh viên trong đoàn Hướng đạo có nhiều sự lựa chọn, họ có thể tham gia Việt Minh, Đại Việt hay Việt Quốc, Việt Cách. Ngay từ đầu ông đã theo huynh trưởng, vì ông biết Việt Minh là tổ chức cách mạng rộng lớn, đòi độc lập cho đất nước. Ông nhớ lần ấy, vừa cùng Nghĩa định rẽ vào quán cà phê phố Jambert thì gặp Bùi Diễm, một bạn học ở Cao đẳng khoa học và cũng hoạt động trong Tổng hội sinh viên. Là con một nhà nho có tiếng ở Bắc Kỳ, nhưng được cái tính Bùi Diễm không kênh kiệu, dễ chơi. Gật đầu chào nhau, rồi anh ta chủ động đến gần nói với Nhị Nguyễn, mình biết cậu có nhiệt huyết, theo Việt Minh, nhưng mình cho đây không phải con đường của cậu, thực chất đây là phong trào của công nhân, nông dân, bọn trí thức chúng ta chẳng có vị trí gì đâu. Ông cười bảo lại, mình thấy Việt Minh đối xử rất bình đẳng, không phân biệt trí thức hay công nông, một trí thức như huynh trưởng Tạ Quang Bửu còn theo và đang có vị trí lớn cơ mà. Không thuyết phục được Nhị Nguyễn, anh ta lẳng lẳng bỏ đi. Sau đó ông mới được bạn bè cho biết, Bùi Diễm đã ra nhập Đại Việt từ năm 1944 và đang là trợ thủ đắc lực của lãnh tụ đảng này là Trương Tử Anh, một phần tử chống Việt Minh quyết liệt. Gần ba mươi năm sau, đến thời chống Mỹ, một lần từ chiến trường Lào về Hà Nội họp, đọc trên tờ Nhân Dân, ông mới biết Bùi Diễm là đại sứ của chính quyền nguy Sài Gòn tại Hoa Kỳ trong các năm 1967- 1972 và còn làm tiếp đại sứ lưu động cho đến khi chính quyền này hoàn toàn sụp đổ ngày 30-4-1975. Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, hầu hết bạn bè lớp Nhị Nguyễn đều “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, xếp bút nghiên coi thường công danh như phù vân...” đúng như lời một bài ca mà hai người bạn cùng trường với ông là Lưu Hữu Phước và Huỳnh Văn Tiêng đã sáng tác, trở thành bài ca cách mạng được nhiều người thuộc và hát vang trên đường phố. Số phận hoá là người của chiến tuyến bên kia như Bùi Diễm, cũng không phải là hiếm.

Hôm chia tay ông lên chiến khu, Nghĩa ở lại Hà Nội với gia đình, nàng khóc sung mọng cả mắt. Ông bảo, nhất định anh sẽ về trong ngày giải phóng, em chờ anh chứ? Đôi mắt huyền với làn mi dài cong dằm lệ, nàng nhìn ông khẽ gật gật đầu thay cho lời ước hẹn, em sẽ chờ! Vậy là đã ba năm rồi. Một lần, một anh quân báo của Bộ tổng tham mưu hoạt động nội thành trở về, đưa cho ông lá thư của Nghĩa (Có lúc anh ở trong nhà Nghĩa, một cơ sở đặc tình của ta). Lá thư khá dài, trong đó có đoạn “...H cô bạn thân của em vừa phải đi nạo thai, nó vẫn yêu T, anh biết rồi đấy. Hôm đón nó, người xanh dớt, đi không vững, nom tội quá. Nó bảo, mình không trách anh ấy đâu, yêu là vậy, phải hết mình. Mình nói điều này cậu đừng giận, Nhị Nguyễn yêu cậu vậy có nhạt quá không. Em không biết nói với H thế nào và cũng chẳng nghĩ đến chuyện nhạt hay không nhạt. Lập trường của anh thật kiên định! Dù sao cũng thấy buồn buồn. Bao giờ kháng chiến thành công hờ anh?” Sau khi đọc thư, ông cảm thấy bi quan. Nàng chê cái sự quá nhất trong tình

yêu đầy. Nàng sẽ đi lấy chồng, chứ việc gì phải đợi chờ một anh chàng vừa nghèo, vừa khô như ngói như ông kia chứ. Nhưng sau đó ông nhận được tin đưa ra, Nghĩa vẫn học hành chăm chỉ và chưa hề có “vê sĩ” ngày ngày đưa đón. Ông còn ấp ủ trong lòng một tia hy vọng mong manh.

Thuyền xuôi dòng được một đoạn dài trong đêm. Trời hửng. Tia nắng mới phía đông vô tình dội thẳng vào mắt làm Lèng Cảnh bừng tỉnh dậy. Anh nhòai người ra đầu thuyền, bỗng gọi rôi rít:

- Anh Nhị Nguyễn, anh Bình ra xem này. Cảnh đẹp chưa!

Ông cũng chỉ chớp mắt được một lúc, nghe gọi nhìn ra cửa mũi thuyền, quả là nơi ngã ba sông trên bến dưới thuyền tấp nập. Chủ thuyền bảo, đó là nơi giao nhau của con sông nhánh Nậm Muôn với Nậm Ca Đỉnh, về thị trấn biên giới Pạc Ca Đỉnh chỉ còn khoảng sáu chục cây nữa thôi. Đúng lúc ấy, nhác thấy trên bờ có toán lính đi tuần, súng khoác vai. Bỗng chúng tất tả chạy ra sát mép sông, một tên hướng mặt về phía thuyền cầm cờ hiệu vẫy vẫy, còn hai tên đều làm động tác giương súng tỏ ý sẵn sàng bắn. Chủ thuyền bảo, nó đòi vào kiểm tra. Lèng Cảnh bảo, cứ chạy được không? Không được, chủ thuyền bảo, nó bắn và truy sát đến cùng. Ông Nhị Nguyễn nhìn cái ba lô vàng để trên đầu sạp, tránh sao khỏi chúng bắt mở. Khoảnh khắc, trong đầu ông nảy ra một quyết định. Ông bảo chủ thuyền:

- Anh cho một đoạn dây để dồng cái ba lô này xuống sông. Nó phát hiện trên thuyền là rất nguy.

Mặt chủ thuyền biến sắc. Chắc hẳn lúc nhận chở, ông ta cũng chỉ lơ mờ biết đoàn sang Thái vì một việc hệ trọng, chứ không phải chỉ là thăm người nhà hay dưỡng bệnh. Giờ nếu lính phát hiện trong ba lô kia có đồ quốc cấm, thì chẳng những khách bị bắt mà chủ thuyền cũng liên lụy. Cảnh chợt hiểu ý ông Nhị Nguyễn, quay ra giục chủ thuyền, phải tìm ngay sợi dây nhỏ mà bền. Ông chủ thuyền liền cúi xuống chỗ buộc mái chèo, cởi một sợi dây thép mềm được một đoạn khá dài. Bình cầm lấy sợi dây vội buộc túm vào quai ba lô, thử nhấc, không thể tuột. Người chủ thuyền đến chỗ giữa mạn, cài buộc đầu dây thật chắc vào phía ngoài mũi. Ông Nhị Nguyễn cùng Lèng Cảnh từ từ thả cái ba lô xuống. Ba lô chìm nhanh ngay. Ông còn nhìn đi nhìn lại đoạn dây thép, may mà màu nó lẫn vào màu gỗ, phải để ý kỹ mới nhận ra. Thuyền cập bến. Một tên lính cầm súng đứng canh trên bờ, còn hai tên nhảy lên, làm thuyền hơi chòng chành. Tên đội trưởng hỏi chủ thuyền bằng tiếng Lào, chúng quay sang nhìn ba người, bắt xuất trình giấy tờ. Cơ sở của ta ở bản Pu Loong đã làm cho mỗi người một giấy tùy thân, là Việt kiều sang Nong Khai, Thái Lan thăm người nhà. Chúng lại yêu cầu kiểm tra hành lý và còn bắt chủ thuyền lật cả ván dưới lòng thuyền lên cho ngó. Tên đội trưởng nhìn ba lô rồi nhìn ông Nhị Nguyễn, giơ hai ngón tay, có ý hỏi ba người sao có hai? Ông Nhị Nguyễn sắc mặt không đổi, bảo với chủ thuyền dịch cho nó hiểu, ông mới ốm dậy sang Thái vừa là thăm người nhà, vừa chữa bệnh, đồ đạc tư trang không có gì nhiều, chia ra cho hai người em đây mang giúp. Tên đội trưởng chăm chú nhìn tên lính giở từng thứ trong cả hai ba lô, toàn quần áo, đồ dùng sinh hoạt

cùng một ít thuốc sốt rét. Nhìn chúng lục tung ba lô, ông Nhị Nguyễn chột nghĩ, chúng khám từng người thì sao, khẩu súng ngắn ông vẫn giấu dưới bụng, nếu chúng lần ra không cách gì khác là phải liều, khử cả hai và ép chủ thuyền tháo chạy. Hoặc giả, chúng nhìn thấy sợi dây thép đáng ngờ buộc ngoài mũi thuyền. May mà không diễn ra các tình huống xấu ấy. Hai tên lơ láo nhìn quanh một hồi trong thuyền, trả lại giấy tờ rồi nhảy lên bờ. Cả ba đều thờ phào. Thuyền lại từ từ ra giữa dòng, kéo theo mười mấy cân vàng bên dưới mạn. Trước lúc đi, cơ sở của ta ở bản Pu Loong đã lường trước việc bị khám xét, nhưng cái ba lô vàng họ cũng không biết, chỉ biết ông Nhị Nguyễn sang Thái với một trọng trách nào đấy, nên tưởng ba lô chỉ đựng những đồ bình thường. Còn ông Nhị Nguyễn thì lại chưa lường được tình huống này, may mà...

Thuyền đã rời trạm kiểm soát của địch được một đoạn. Ông Nhị Nguyễn nói với hai bạn:

- Từ đây đến biên giới còn nhiều trạm, cũng không ngoại trừ khả năng có nội gián báo, chúng sẽ tìm mọi cách khám xét gắt gao hơn. Nếu cứ đi thuyền kiểu này thì rất mạo hiểm. Phải tìm cách khác.

Lèng Cảnh và Bình đều bảo, đến giờ tim còn đập thành thịch. Có súng trong tay cùng lắm là tử chiến. Đàng này lại ở thế hoàn toàn bất lợi. Bây giờ bỏ thuyền lên cạn cũng dở. Đoạn từ đây đến biên giới phải qua nhiều đồn bót, chỗ có rừng, chỗ trống trải, khi bị địch phát hiện khó thoát. Nên hỏi chủ thuyền, ông này tin cậy được cơ sở ta mới thuê, chỉ cần giữ kín việc mang ba lô vàng. Chủ thuyền được mời vào khoang. Ông ta cũng bảo, càng về gần biên giới càng bị kiểm kỹ hơn. Suy nghĩ một lát, ông nói:

- Hay thế này. Thuyền ta to, đi chậm dễ bị phát hiện. Thuê thuyền độc mộc, đi nhanh lại ít động nước. Ngày nghỉ, đêm đi. Những nơi có bót canh tôi biết cả, trù tính vượt qua vào lúc nửa đêm lơ lửng kiểm soát.

Thuyền đi chậm lại chờ trời tối, rồi cặp vào một bờ vắng. Cái ba lô được kéo lên. Nước chảy tong tong, khi Nhị Nguyễn cầm đặt xuống bờ, đáy ba lô lún hẳn vào bùn non. Trên đường vào bản, chủ thuyền không nén được cơn tò mò, hỏi riêng Lèng Cảnh:

- Hay các ông đi buôn thuốc phiện, lấy ngân quỹ cho chính phủ kháng chiến?

Lèng chẳng biết trả lời ra sao, gãi tai, đe:

- Phải cam như thóc đáy nhá. Nói ra là mất đầu!

- Yên tâm. Chủ thuyền nói.

Đêm đó nghỉ tại một bản cách bờ sông không xa. Đây là bản lớn toàn người Lào Lùm. Nhà, đường đi lối lại được phân chia mạch lạc. Có vài ngôi nhà gỗ to đẹp nổi bật, cửa hàng bày biện nom hoa cả mắt, trước sân còn có cả ô tô chuyên chở hàng. Đoàn của ông Nhị Nguyễn vào một quán trọ, thuê phòng đàng hoàng. Sáng. Chủ thuyền đi liên hệ, mãi trưa mới về, bảo là đã tìm được một thuyền độc mộc, nhận chở. Nhị Nguyễn đi xem thuyền, còn hai người ở lại trông đồ. Đúng là

độc mộc, một cây gỗ liền không có tí nào chấp vá nom thật thon thả, vững chắc. Chủ thuyền vui chuyện kể, nhà ông đã ba đời làm nghề đẽo thuyền nổi tiếng nhất vùng. Thuyền làm ra để nhà dùng, ai muốn mua thì bán, giá gần bằng chiếc ô tô chở hàng. Trên rừng chỉ có hai loài cây làm thuyền độc mộc tốt nhất là chò chỉ và sang lẻ. Phải chọn cây thẳng tắp, không vết sần, mục trên thân và có tuổi từ một trăm rưỡi đến hai trăm năm trở lên, tức cỡ hai người lớn vòng tay ôm quanh gốc vừa khít. Chặt về tước hết vỏ, ngâm trong ao bùn từ một đến hai năm mới vớt lên, để khô trong bóng râm. Việc đẽo, khoét hoàn toàn bằng rìu, thành một chiếc thuyền dài khoảng bốn mét, rộng một mét, phía mũi lượn cong hình cánh cung. Hoàn chỉnh rồi, lấy quả cây nhội về giã nhuyễn trộn với nhựa cây sơn, thành một thứ hồ sền sệt quét kỹ mấy nước trong, ngoài thuyền, không còn sợ một mục. Đôi mái chèo thì bằng gỗ thừng mực là tốt nhất, vừa nhẹ vừa dẻo.

Việc thuê chong vánh, nhưng chủ thuyền độc mộc cứ nhất định không giao thuyền, anh ta muốn tự chèo. Ông Nhị Nguyễn không chịu. Biết anh ta là người thế nào mà cùng đi. Thuyền lại không có mũi, trơ khác ra đầy cả ba cái ba lô, nếu gặp địch hết đường giấu. Chủ thuyền cũ thuyết phục chủ thuyền mới, không phải lo mất thuyền, chính ông ta sẽ lái trả khách ở biên giới rồi quay lại, cái thuyền của ông để lại đây làm bằng cơ mà. Chủ thuyền độc mộc nhận tiền rồi, ngần ngừ mãi sau mới gật.

Thêm một tuần sống trong sự chòng chành, im hơi bất tiếng trên con thuyền độc mộc, tốc độ hành tiến ấy là ngang rùa bò. Ngày nghỉ đêm đi. Có mấy đoạn phải ém lại đến sát ruột trong lùm cây, vì thấy từ xa bột địch rà đèn pha trên mặt nước loang loáng, phải chờ lúc gần sáng chúng lơì quét mới vụt qua được.

Một đêm trăng mờ. Mặt nước mênh mang. Hơi sương bốc nghi ngút. Thuyền độc mộc như mũi tên lao vút qua ngã ba sông Nậm Ca Đỉnh- Mê Kông cắm phập vào địa phận đất Thái. Đã nghe tiếng lạo xạo dưới đáy thuyền. Vậy là trót lọt rồi! Tất cả cùng nhảy lên cạn. Bờ sông hoang vu, gió ràn rạt, mãi xa xa thấy có ánh đèn lập lòe. Vùng đất an toàn- xứ người.

Ba người đứng sát nhau. Ông Nhị Nguyễn khoác ba lô, cảm thấy sắp rơi lệ khi ôm Lềng Cảnh. Ông thủ thỉ:

- Về nước rồi cố học cho hết tiêu học nhé. Bộ đội văn hoá thấp quá không tiến bộ được đâu. Mà em thông minh lắm. Cho gửi lời thăm Pen Ni nhé. Đừng có đứng núi này trông núi nọ đấy. Yêu không phải trò đùa đâu.

Không ngờ anh chàng lại mau nước mắt, cứ thổn thức, nước mắt nhỏ xuống bờ vai ông.

- Bao giờ mới gặp lại anh? – Lềng ghen lời- Kháng chiến thành công em và Pen Ni về Hà Nội tìm anh nhé...

Ông lại ôm Nguyễn Văn Bình, tạm biệt. Anh chàng mãi sau mới nói nhỏ vào tai ông, giọng buồn rười rượi:

- Anh tha lỗi cho em chứ?

- Cho qua lâu rồi mà. Ai chẳng có lúc mắc khuyết điểm. Trên đường về, nhớ dừng để Cảnh sa vào chuyện gái gả đấy. Cho gửi lời chào “Trạm trưởng không biết đùa” của cậu nhé.

- Anh tha lỗi cho Bình thật chứ? Bình gặng. Khô cho cậu ấy, lương tâm còn cắn dứt khôn nguôi. Rồi ông mở túi áo ngực lấy ra cả xấp tiền Kíp đưa cho Bình, nói:

- Đây là số tiền cấp trên cho phép tiêu dọc đường, còn lại ngân này. Hai cậu về bản Pu Loong mua thuốc và quần áo làm quà cho bố mẹ. Minh sang đây có chỗ nương nhờ rồi.

Bịn rịn, nắn ná hồi lâu. Rồi con thuyền độc mộc lùi lũi quay đầu, lát sau bị màn đêm nuốt chửng. Sóng vẫn táp liên hồi vào bờ và tiếng có gà gáy ran ran nơi xa vọng lại. Ông Nhị Nguyễn đứng ngẩn ngơ trên bờ cát phù sa hồi lâu, cái vật bất ly thân sau lưng, vậy là sau chặng đường dài dặc với bao tai ương rình rập, vẫn giữ được nó vẹn nguyên. Hai anh bạn đã trở lại, chỉ còn mình ông đi tiếp. Họ đã chia xẻ với ông bao hiểm nguy. Từ đây mỗi người phiêu dạt một phương trong cái guồng quay nghiệt ngã của cuộc chiến trên khắp bán đảo rộng lớn này. Nhưng ông đâu biết, sẽ còn có ngày gặp lại nhau trong những cảnh huống thật éo le ngang trái.

Khi đã tìm đến được cơ sở của ta trên đất Thái, ông trao đủ số vàng, cùng việc viết ra giấy những thứ linh kiện, vật tư, thiết bị cần mua mà ông vẫn nhớ như in trong óc. Ông không quên đem những mẫu cây vắn ngắt trên đường để vào túi áo mỗi ngày. Cả thấy một trăm bảy ba mẫu, tức là đoàn vượt Trường Sơn xuyên bán đảo Đông Dương mất gần nửa năm.

#

#

Hôm đó ông đang ngồi ở nhà thì có điện thoại gọi đến:

- A lô. Có phải nhà riêng bác Đào Nhị Nguyễn cựu sinh viên Cao đẳng khoa học Đông Dương khoá 1941- 1944 không ạ?

- Vâng, tôi Đào Nhị Nguyễn đây. Bác là ai thế ạ?

- Tôi Hà Dương, cũng tráng sinh của Đoàn Lam Sơn đây. Chuyện hơi dài. Nếu bác không bận, tôi có thể đến nhà hầu chuyện bác được không ạ?

- Rất hân hạnh. Tôi ở số nhà...

Chỉ khoảng nửa tiếng sau, ông Hà Dương đến. Ông vóc người tầm thước, tinh tường, nhanh nhẹn và cũng trạc tuổi ông Nhị Nguyễn. Cả hai đều không thể nhớ là đã gặp nhau ở đâu, và lại hỏi trước cách mạng, Lam Sơn có hàng nghìn tráng sinh, sao mà quen biết hết được. Nhưng cái tình của người cùng thời máu lửa, cùng trong một tổ chức, cùng yêu mến cảm phục một huynh trưởng, và còn có cả cái tình đồng niên, đồng tuế, đã gắn kết họ ngay từ cái bắt tay, ánh mắt đầu tiên.

- Tôi đã đọc bài báo viết về chuyến đi đời người của bác - Ông Hà Dương vui vẻ nói- Bài báo có nói, lúc đầu chuyến hàng từ Thái định chở về ta bằng máy bay, đến phút chót người chủ máy bay đổi ý, phải chuyển sang đi bằng đường biển. Nhưng còn một chuyện nữa không có trong bài báo và có lẽ bác cũng không biết. Chính tôi đã được huynh trưởng Tạ Quang Bửu chỉ thị chuẩn bị sân bay dã chiến để đón chuyến hàng của bác đấy...

Chả là cách đây vài ngày, một phóng viên của tờ báo phát hành ở thủ đô, không biết do ai mách đã tìm gặp ông Nhị Nguyễn để tìm hiểu về chuyến đi xuyên bán đảo mấy chục năm về trước. Lâu nay ông vẫn giữ kín chuyện này. Đành rằng chuyến đi được chuẩn bị công phu như vậy mà thất bại, lỗi không phải do ông, song ông thấy sự kết thúc không có hậu ấy kể ra cho hậu sinh biết thật chẳng hay ho gì. Cái mặc cảm thất bại chẳng đã ám ảnh ông suốt một thời gian dài đấy sao! Và ngày ấy, ông đã khước từ du học nước ngoài, đã để tuột mất mối tình đầu, chỉ mong xoá hết cái kết cục đáng buồn trong trí nhớ. Nhưng cậu phóng viên nọ quả có lòng kiên trì đến lì lợm, mấy buổi cứ đến hoài, năn nỉ, cuối cùng tính cả nể lại bắt ông phải nhượng bộ. Bài báo đăng lên, ông nhận nhiều cú điện thoại như của ông Hà Dương đây, thì ra nó lại có một tác dụng tích cực khác, chấp nối được với những người bạn một thời. Ông Nhị Nguyễn rót nước trà Thái đặc sánh mời khách và hỏi:

- Bác có học ở Cao đẳng khoa học không nhỉ?

Ông Hà Dương trả lời:

- Sau khi đỗ tú tài ở Huế tôi ra Hà Nội, học một năm PCB (tức năm đầu dự bị, thi lấy chứng chỉ các môn lý, hoá, sinh) sau đó vào Cao đẳng canh nông, ban lâm nghiệp chứ không học Cao đẳng khoa học. Dù sao chúng ta cùng khoá, cùng trường Đại học Hà Nội cả.

- Thế là cuối năm bốn tư bác tốt nghiệp?

- Vâng- Ông Hà Dương nói tiếp- Cuối năm bốn tư tôi được bổ về Nghĩa Lộ làm hạt trưởng thuỷ lâm. Tuy ở xa nhưng tôi vẫn có quan hệ thư từ, điện thoại với các anh trong Tổng hội sinh viên. Sau ngày Nhật hất cẳng Pháp, tôi về Hà Nội biết các anh Phan Anh và Tạ Quang Bửu tổ chức một lớp quân sự lấy tên là Thanh niên tiên tuyến, hai huynh trưởng đều là người yêu nước tôi xin học lớp quân sự ấy ngay. Riêng đối với huynh trưởng Tạ Quang Bửu thì tuy tôi học ở Huế 8 năm, tiếc là không được là trò của thầy. Chỉ sau khi khoá trường võ bị Trần Quốc Tuấn bế mạc cuối năm bốn sáu, tôi mới được giới thiệu về làm “et” cho thầy.

- Sao bác lại liên quan đến việc chuẩn bị sân bay dã chiến dạo ấy nhỉ? Ông Nhị Nguyễn hỏi.

- À, đến đầu năm bốn chín tôi mới được Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp ký quyết định bổ nhiệm Trưởng ban nghiên cứu không quân, còn trước đây đi giúp việc cho Thứ trưởng Tạ Quang Bửu. Tôi được giao những việc như hỏi cung tù binh là phi công, dịch rồi soạn tài liệu về bản máy bay. Chắc bác cũng biết đấy vào năm bốn bảy, bốn tám trên trời các loại Spitfire, Hellcat, Dakota Pháp tha

hồ hoành hành, thấy chúng là quân ta chỉ tìm chỗ nấp. Không thể thụ động mãi như thế, trên có chủ trương phải tìm cách chủ động tấn công. Và rồi anh Bửu tìm được tài liệu về tính năng của các loại máy bay này, bảo tôi dịch, biên soạn lại sao cho ngắn gọn, dễ hiểu để phổ biến rộng rãi. Không biết bác có biết hàng binh phi công người Đức là Schulze, tên ta là Đức Việt không?

- Tôi chỉ có nghe tiếng ông ấy, chứ chưa được gặp. Ông Nhị Nguyễn trả lời.

- Tôi đã cùng ông ấy dịch tài liệu từ tiếng Đức, rồi viết thành cuốn “Bản máy bay bằng súng trường tập trung”. Cuốn thứ hai cũng được cơ sở hoan nghênh là “Nhận dạng máy bay ta-tức Đồng minh và địch-tức Đức, Ý, Nhật”. Cả hai cuốn đều có đủ hình vẽ, kích thước, tốc độ, bán kính hoạt động của máy bay hai phe. Ở xưởng in Bộ Quốc phòng ngày đó có một ông thợ khắc gỗ rất “xuya”, hình vẽ trong các cuốn sách dạy bắn máy bay đều khắc chính xác, sắc nét thủ trưởng Tạ Quang Bửu duyệt tỏ ý hài lòng. Bác còn nhớ cái vụ trên đường Thái Nguyên- Bắc Kạn, chiếc Junker 52 ba động cơ của Đức bị ta hạ không, là do một đơn vị bộ đội phối hợp với dân quân bắn bằng súng trường tập trung đấy. Huỳnh trưởng bảo tôi xuống hỏi cung ba tên phi công sống sót, chúng bị bỏng nặng rồi đều chết cả. Vậy là tuy học về lâm nghiệp, trong thời kỳ ở chiến khu tôi lại làm nhiều việc liên quan đến không quân, nên đến năm sau Bộ có chủ trương thành lập các ban chuyên sâu về thủy quân, không quân, pháo binh, công binh, tôi mới được lãnh ban nghiên cứu không quân. Còn công việc liên quan đến chuyến đi xuyên bán đảo của bác, ở nhà vẫn theo dõi khá sát sao. Khi hàng đã tập kết đầy đủ, ở nhà bàn chuyển bằng máy bay là thuận tiện nhất, qua biên giới hai nước về ta chỉ khoảng một trăm cây số đường chim bay. Vả lại đây là việc chưa từng có, địch sẽ hoàn toàn bất ngờ, không kịp đối phó. Đã liên hệ được với một bà tư sản người Thái có chiếc thủy phi cơ Catalina. Toàn bộ các thứ bác đã mua khoảng gần ba tấn, chiếc này đủ tải, bay cất Trường Sơn rồi hạ cánh ở miền Trung. Địa điểm chọn là tây Nghệ An. Tôi cùng anh Đức Việt đi ngày đêm vào. Nỗi lo dọc đường lại là anh ấy mắt xanh mũi lõ, sợ dân quân tưởng là lính Pháp bắn nhầm. Ở nhà huỳnh trưởng đã dặn đi dặn lại, phải bảo vệ anh ấy chu đáo, để sử dụng vào việc lái máy bay và đào tạo phi công, vì ta đang có hai chiếc do Bảo Đại hiến còn cất giấu ở Chiêm Hoá. Quả nhiên, lúc chúng tôi qua Quỳnh Lưu, vừa xuống biển tắm thì bị toán dân quân ùa ra tóm liền, vì tưởng Pháp và Việt gian đổ bộ vào đêm trước. Tôi phải xuất trình giấy giới thiệu có chữ ký của Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp mới được thả. Đến Nghệ An, chúng tôi tìm được một địa điểm ưng ý trên quả đồi thấp có thể san làm sân bay đã chiến dài khoảng một cây số. Huy động hàng chục dân địa phương chặt cây, san ủi bằng tay, một tuần mới xong. Còn có cả một tổ điện đài trực sẵn, liên lạc hàng ngày báo cáo tình hình với Bộ và sẵn sàng thông báo thời tiết khí tượng với máy bay khi đang hoạt động. Mọi việc xong xuôi thì anh biết rồi đấy, kế hoạch phải huỷ bỏ vì mục chủ kia ngại một chuyện gì đấy đã đơn phương cắt hợp đồng. Thật tiếc...

BỐN

Giữa năm 1951, được thả từ cǎng (nhà lao) Phú Lâm, ông Nhị Nguyễn trở về Hà Nội tạm chiếm. Hơn một năm qua, không lúc nào trong lòng ông ngoài được nổi cay đắng, hình ảnh con tàu bốc lửa dữ dội rồi từ từ chìm xuống biển Đông luôn hiện về trong giấc ngủ như một ác mộng. Xác ông chôn trong cỗ quan tài sắt ấy cùng mười hai thủy thủ kia thì là một nhẽ, nay chỉ mình ông sống để nổi đau dày vò cùng mối thù bầm gan tím ruột. Nổi đau và mối thù ấy còn thấm sâu hơn, khi ông còn bị những trận đòn dã man trong những ngày ở bót Catinat, Sài Gòn.

Kế hoạch vận chuyển hàng bằng máy bay phải bỏ, chỉ còn cách là theo đường biển. Suốt mấy tháng ròng, đại diện của ta ở Băng Kok huy động ghe, thuyền của bà con Việt kiều chia nhỏ các kiện hàng bí mật tập kết về một nơi trên đảo Cô Chang ở biên giới Thái Lan- Cam Pu Chia, rồi từ đây lại “tǎng bo” về đảo Phú Quốc của Việt Nam, chuẩn bị cho chuyến dài ngày ra Bắc bằng tàu biển. Ông Nhị Nguyễn liên hệ với cơ sở ở Nam Bộ mua được một con tàu cũ pha sông biển, trọng tải khoảng hai trăm tấn. Tàu có một máy đã ọc ạch, phải sắm thêm máy và lắp thêm chân vịt. Tên tàu là “Prasamus”, anh em bảo đổi thành “Sông Lô”, chiến thắng những năm trước ở con sông miền cực Bắc vẫn còn âm vang mãi trong lòng người miền cực Nam. Đây chỉ là tên danh nghĩa, bề ngoài nó vẫn là một con tàu buôn gạo đã bao năm bộn Tây đoan các cǎng ven biển nhắm mắt. Hàng chính mua từ Thái được để xen với hàng phụ là gạo, khi đến nơi tập kết số gạo ấy cũng sẽ rất cần cho bộ đội ngoài tiền tuyến. Sau cái khó tìm tàu chọn máy, là khó tuyển người. Phải những thanh niên khoẻ, quen sông nước và chuẩn bị kỹ về ý chí chiến đấu cho họ. Khác với thuyền độc mộc trên sông Nậm Ca Đĩnh, ngày nǎu đêm đi, con tàu này thiếu hoa tiêu, phương tiện dẫn đường trong đêm, phần lớn thời gian trên biển là xa bờ trên hải phận quốc tế và phải đi ban ngày. Dễ bị địch phát hiện nhất là chǎng cuối, từ khơi vào nơi tập kết. Ta chỉ có mấy khẩu súng trường, lựu đạn, trận thủy chiến nếu xảy ra là hoàn toàn không cân sức, cho nên ngay từ đầu còn phải chủ động chọn một cách hy sinh. Mọi tình huống xấu nhất được ông Nhị Nguyễn thay mặt chi uỷ nêu rõ ràng, đi hay không là tự nguyện, vậy mà đến phút chót không có ai thoái lui. Chốt danh sách, gồm thuyền trưởng, thuyền phó, thủy thủ, tổng cộng mười hai người, cộng với ông là người thứ mười ba. Khi vǎn các

phuy xăng lên để lẫn với hàng, không ai nói gì thêm, tất cả đều lẳng lặng, đều hiểu, chuyên ra khơi này là cảm tử.

Sau ba tháng lênh đênh trên biển Đông, đến đoạn chót điều dự báo không ai muốn đã xảy đến. Tàu đang đi ở vĩ độ ngang với Đà Nẵng, chợt một chiếc Hellicat xoẹt qua đầu. Trưa hôm sau vẫn là chiếc Hellicat quái quỷ ấy quần thảo dọc ngang. Chúng đánh hơi thấy hàng khả nghi, dù anh em đã cố ý mở bạt cho trên cao có thể thấy rõ những bao gạo xếp chặt cứng trong khoang. Tàu tăng tốc, nhưng không thể nào vượt ra ngoài tầm kiểm soát của máy bay. Đảo Hải Nam, Trung Quốc dần hiện trước mặt. Đang tiến thẳng, tàu đột ngột chuyển hướng tây-tây bắc, dự kiến chập tới sẽ cập bờ là bãi biển thuộc đất Nghệ An. Lúc đó là giữa trưa. Mặt trời chói lói trên đỉnh đầu. Mặt biển xanh thẫm dưới chân, phẳng lì, yên ả mà chứa trong lòng bao đợt sóng lừng. Thần kinh mọi người căng như sợi dây đàn, dường như ai cũng linh cảm giờ phút bi tráng nhất về số phận con tàu đã được định đoạt.

Tàu Sông Lô không ngừng tăng tốc, đổi hướng. Tiếng động cơ rú ầm ầm át tiếng sóng. Hầm máy nóng bỏng. Từng đụn khói đen đặc thoát ra trên ống khói, phủ mù mịt một khoảng trời. Mới đi được khoảng một chục hải lý. Bỗng từ phía đường chân trời có ba cái chấm bé xíu. Chẳng mấy chốc ba cái chấm lớn nhanh thành ba con quái vật, đen trũi, súng ống tua tủa như lông nhím. Chúng đang dàn hàng ngang đối đầu. Cự ly giữa Sông Lô và ba hải quái ngày càng rút ngắn. Đón giây phút quyết tử, chiến binh tàu Sông Lô uất nghẹn là không thể cầm súng, lưỡi lê, tạc đạn thậm chí là tay không lặn xả vào chúng như cuộc giáp lá cà trên đất liền, trên tay họ chỉ có mỗi lửa. Mỗi lửa tiêu cực mà không thể không dùng đến. Cùng chết và hàng không thể rơi vào tay thù! Xăng đã được tưới đẫm mặt boong, trên các kiện hàng. Khoảnh khắc ấy, trong lòng ông Nhị Nguyễn trào lên nỗi đau, xót xa vô bờ khi lần cuối nhìn những kiện hàng là mồ hôi xương máu của bao người, và công sức bỏ ra trong gần hai năm qua, ông cùng đồng đội đã vượt qua bao hiểm nguy, có lúc cái chết cận kề mới có được nó, mà nay phải tự tay huỷ hoại nó khi sắp về đến đích!

Ba tàu chiến tạo thành thế gọng kìm, sắp kẹp bẹp dí con tàu Sông Lô bé nhỏ, tay không. Tiếng loa vọng đến bằng tiếng Pháp: Đầu hàng; Giương cờ trắng; Giảm tốc độ! Đúng lúc đó, con tàu Sông Lô bùng vụt thành khối lửa hình cầu khổng lồ khoả lấp cả mặt trời. Mặt biển Đông sôi sùng sục, in đậm màu đỏ lừng của lửa, đen đặc của khói. Và hiện ra trong chớp lửa, những con người bé nhỏ nhất loạt lao đầu xuống vùng biển đỏ và đen ấy...

Khi ông Nhị Nguyễn tỉnh dậy, thấy mình đang trên chiếc tàu chiến. Một tên sĩ quan đeo kính trắng, có cái mũi khoằm như mỏ quạ và cái đầu trọc lóc không còn sợi tóc nói là đã vớt được ông đúng lúc kiệt sức rời tay, bám vào tấm ván bập bênh gần chỗ tàu chìm. Hắn còn bảo, sức sống của Việt Minh thật kỳ lạ. Ông nói với tên sĩ quan:

- Tôi là người đi buôn gạo.

- Đi buôn gạo sao phải đốt tàu? Tên sĩ quan thoảng bất ngờ khi thấy ông thành thạo tiếng Pháp.

- Tôi chỉ có năm mươi tấn gạo, chiếm một phần ba - Ông Nhị Nguyễn nói. Còn hàng của các chủ khác tôi không biết. Ông thấy đấy, tôi đã mất cả chì lẫn chài.

Tên sĩ quan Pháp chột làm động tác nhún vai, cười nhếch mép tỏ ý không tin và bảo:

- Phòng Nhì sẽ làm việc cụ thể với ông, ông chủ gạo Việt Minh ạ.

- Có còn ai sống sót nữa không? Ông Nhị Nguyễn hỏi và tên sĩ quan lại nhún vai lắc lư cái đầu hời hợt thay cho câu trả lời.

Tiếp đến là những ngày tra hỏi của Phòng Nhì, Sở hiến binh Hà Nội, rồi chúng đưa ông vào giam giữ ở bót Catinat Sài Gòn khét tiếng. Kể từ ngày đó, cơn ác mộng chìm tàu luôn ám vào giấc ngủ. Ông thấy mình rơi, rơi mãi cùng khối sắt thép đen xì xuống biển không đáy với bao nhiêu của quý tan rã trước mắt mà không sao vớt lại được chút gì. Cứ mỗi lần mê mụ như thế, khi tỉnh dậy, mồ hôi ông toá ra, tim đập thình thịch...

Sau ngày nước nhà thống nhất, đầu năm 1976 ông Nhị Nguyễn có dịp vào thành phố Hồ Chí Minh, việc đầu tiên là thăm lại bót Catinat. Tuy ông chỉ bị giam và tra hỏi ở đây có hơn một tháng rồi chuyển về cãng Phú Lâm, nhưng những ấn tượng ngược đãi tù nhân khủng khiếp thì không bao giờ quên được.

Hôm đó, từ xa ông nhận ra ngay cái bót nằm kín đáo đằng sau Sở thú, thoát nhìn bên ngoài nó thô kệch, trần trụi như một cái máy chém thời trung cổ, mấy chục năm trôi qua, hình thù quái thai vẫn thế. Thành phố có chủ trương giữ nguyên trạng bót Catinat thành một di tích lịch sử cho mọi người đến thăm quan. Bước vào giữa khám, ông ngừng lên. Vẫn là bầu trời vuông. Gần ba mươi năm trước đây ông đã bị đưa từ Hà Nội vào và buổi sáng hôm ấy cũng bất giác ngửa mặt lên, thấy bầu trời vuông như thế, chành chạnh mỗi chiều hơn hai chục mét. Bầu trời xám xịt, lạnh lẽo, quất mãi làn roi mưa vào đám tù mới gom về. Mấy trăm con người trần trụi từ nhiều miền nép sát vào nhau, vượt nước trên mặt không kịp, đầu tóc, quần áo rã rượi. Đứng chán mỏi, tất cả ngời thục, chụm đầu vào nhau, đêm thì lại nằm nghiêng thân sát thân như cá xếp làm mẫm trong bể chượp bê tông. Đến trưa, họ thưởng thức bữa cơm tù đầu tiên. Các nắm cơm ném lẫn lóc trên nền xi măng ướt nhèm, gạo hẩm bã bởi nhạt nhẽo, phải bẻ ra từng miếng nhỏ và nhanh tay chাম kéo đồng muối trắng đổ trên sàn đang bị tan rã hết theo nước mưa. Có cái thùng sắt đựng canh cải lổng bõng pha mùi ri sét tanh ngòm để bên cạnh cửa ra vào. Muốn nuốt trôi miếng cơm khô khốc, không có thìa múc, người tù phải cùm lòng bàn tay thọc vào thùng, hót nước, cuộng rau và ập lên mồm. Ăn uống là vậy còn kém cả con vật trong chuồng, bữa ăn đòn phủ đầu cũng rất ấn tượng. Tên chúa ngục người Pháp cỡi trần, núc ních như con lợn cạo đã cho ông ném món khai vị nhẹ nhàng: cột hai ngón cái vào hai sợi dây điện và nó điềm nhiên quay manheto. Điện vọt cao áp, giật ông ngã bở chửng, tim thót ngừng đập.

Nó còn bảo, mày thích đi đường biển hả, đã biết tàu lặn là thế nào chưa? Nó chìm đầu ông vào bể nước cho sặc, nhấc ra, lại chìm, cứ thế một hồi bụng ông căng như cái trống, nằm thẳng cẳng trên sàn nước ông ộc tuôn ra mồm, ra mũi. Hôm sau đổi món. Nó bắt ông quỳ hai đầu gối lên sàn, ép ngực vào mép ghế đầu và dùng chày gõ nện thình thịch lên lưng sau mấy lần “hự”, máu ứa đầy miệng, ngất xỉu. Còn một món “đặc sản” khác: vẫn chày gõ ấy, gõ liên hồi xung quanh đầu ông, không gõ quá mạnh, chỉ vừa phải cho không quỵ ngay mà phải đứng đến khi cảm thấy đầu như muốn nổ tung mới ngã gục. Đã biết thế nào là Catinat Sài Gòn chưa! Tên chúa ngục hất hàm bỏ ra sau hai ngày cật cừ hành lễ ra mắt như thế. Tiếp đến là hỏi cung. Hàng tháng trời chúng lặp đi lặp lại những câu: Hàng gì? Ai chỉ đạo? Ai nhận? Ở đâu? Sau cung, lại xen kẽ các màn trình diễn tương tự như lễ ra mắt, song còn mạnh tay hơn, hiểm ác hơn.

Một hôm, tên đại úy Pháp chuyên hỏi cung cầm ra một tập hồ sơ để trên bàn. Chiều đôi mắt cú vọ vào ông, hấn gằn giọng:

- Đào Nhị Nguyễn. Mày (Từ hôm bị tra hỏi chúng đều xưng hô mày tao) là cựu sinh viên trường Cao đẳng khoa học Hà Nội. Giấu sao được. Nhân thân của mày đã được hiến binh Hà Nội gửi vào cho chúng tao. Mày từng tham gia Việt Minh. Từng bỏ Hà Nội lên Việt Bắc. Hai năm qua đi đâu không rõ, nhưng có thể khẳng định mày thi hành một công vụ quan trọng, như chuyên chở vũ khí tiếp tế cho Việt Minh ngoài Bắc Kỳ chẳng hạn. Chúng tao đã vớt được trên biển vài miếng bao bố, còn có cả những mảnh gỗ thông, ni lông, bọt xốp, đó là những thứ lót trong hòm súng đạn. Tóm lại, gạo chỉ để nguy trang. Còn gì để nói nữa không?

Ông Nhị Nguyễn vẫn một mực trả lời không xa điều trước đây đã khai:

- Đúng, tôi đang học Cao đẳng khoa học thì ra chiến khu theo Việt Minh. Nhưng sống với họ một thời gian ngắn, tôi không chịu được gian khổ, vất vả đã bỏ về thành và đi buôn gạo...

- Ông chối quanh được tích sự gì- Bỗng tên đại úy chuyển từ “mày” sang “ông”- Hối cái sẽ được hưởng lương khoan hồng vì ông cũng là một thanh niên từng được nước Pháp chúng tôi đào tạo. Nói, thực sự là hàng gì? Ai chỉ đạo? Điểm tập kết ở đâu?

- Tôi đã nói rồi, ngoài số gạo có, hàng của các chủ khác tôi không biết. Đáng tiếc là họ đã chết cả.

- Mày vẫn không thành thật! Tên sĩ quan vẫn mắt, trở lại cách xưng hô trước và vụt cầm tập hồ sơ, giậm dứ đứng lên quay ra.

Chúng thả ông khi đã giam tiếp một năm ở cảng Phú Lâm. Về sau ông được biết, chúng cho ông không phải nhân vật quan trọng, chỉ là nhân viên, không biết nhiều điều bí mật của Việt Minh. Chúng buộc ông phải trở về cư trú ở Hà Nội trong sự quản lý của hiến binh.

Trong mấy ngày ngồi trên tàu hoả ra Bắc, ông suy nghĩ mông lung mọi chuyện. Phải tìm cách trở lại chiến khu, nhất định là như vậy rồi! Trên các ga, cứ mỗi lần thoáng thấy bóng tên cảnh binh hay sĩ quan Pháp, trong lòng ông bức bối,

niềm căm uất trào sôi. Hình ảnh con tàu cùng bao đồng đội chìm dưới biển Đông lại hiện về. Những đòn thù còn chưa lành sẹo trên người ông... Tất cả, đòi hỏi phải trả cho hết món nợ, chúng nợ ông, nợ đồng đội ông quá nhiều!

Hơn một năm trong tù ông bật tin Nghĩa. Nàng có còn chờ? Khi tàu gần về đến Hà Nội, câu hỏi ấy cứ luẩn quẩn trong đầu. Và ông cố bầu vịu vào một tia hy vọng mơ hồ, mong manh để tự an ủi, nàng vẫn chờ. Chập tối, bước xuống ga Hàng Cỏ. Ông lưỡng lự giữa về nhà mình hay đến ngay nhà nàng? Cả nhà mình đã tản cư lên Việt Bắc hồi cuối năm bốn sáu rồi, đến nhà nàng, đến nhà nàng thôi. Ông cứ lăm nhăm câu ấy khi đi ra khỏi ga như một kẻ mộng du.

Kìa, cửa hiệu vải quen thuộc ở phố Hàng Đào tấp nập, không to hơn cũng không nhỏ hơn, vẫn sáng trưng phô ra cái sự làm ăn phát đạt. Người ông gặp đầu tiên không phải Nghĩa, mà là bà chị nàng. Bà chị của Nghĩa thoáng ngạc nhiên, dù sao chị ấy vẫn nhận ra ông ngay. Bà chị mời ông vào nhà và bảo, hôm nay cậu mợ có việc sang Gia Lâm ăn giỗ ở nhà một người họ nội, chị thì cũng vừa đến.

- Nghĩa có đi cùng cậu mợ không ạ? Ông hỏi.

- Anh uống nước đã- Bà chị rót chén trà nóng man mác mùi ngâu- Anh ra hôm nào vậy?

- Chị hỏi ngày em ra tù hay ngày lên tàu?

- Việc anh ra tù ngoài này có biết. Không hiểu anh có biết chuyện cậu mợ đã chạy nhiều cửa để giảm án cho anh không?

Ông khẽ lắc, có chuyện ấy ư? Bà chị nói tiếp:

- Cậu cậy nhờ một vài người bạn làm thông ngôn, thừa phái ở phủ toàn quyền và bảo lãnh cho anh đấy. Tất nhiên cũng phải lo lót các cửa chứ chẳng nói xuôi được. Ngày người ta ký quyết định tha ngoài này biết cả, chỉ không biết ngày anh ra Bắc thôi. Cậu mợ làm chuyện này vì Nghĩa đấy, mấy tháng qua cô ấy liên tục điện từ Paris về hỏi thúc, bảo...

- Nghĩa đi Pháp rồi? Ông Nhị Nguyễn cắt lời.

Bà chị cố giữ vẻ mặt điềm tĩnh, song vẫn lộ ra nét bối rối, đã động đến điều khó nói nhất. Bà giục khách uống chén trà kéo nguội. Nhị Nguyễn uống ực chén trà ngâu có vị đắng chát nơi cổ họng và cũng kịp tĩnh tâm trở lại. Bà chị nói nhỏ nhẹ:

- Vợ chồng cô ấy đã xuất dương hồi đầu năm. Trước khi đi cô ấy đã có lời với cậu mợ, khẩn khoản xin tìm mọi cách cho anh sớm ra, muốn phần nào trả món nợ ân tình trước đây. Lúc lên đường cô ấy có để lại một lá thư nhờ tôi đưa hộ khi anh trở về. Cô ấy cũng đau lòng lắm. Chồng cô ấy là bạn học cùng lớp, hai người sang Pháp làm tiến sĩ.

Ông Nhị Nguyễn ngồi lặng phắc nghe bà chị Nghĩa nói mà tâm trí để tận đâu đâu. Ông đã nghĩ đến tình huống này, vậy mà vẫn có đủ các cảm giác: bất ngờ, hụt hẫng, tiếc nuối, cay đắng. Bà chị hỏi:

- Bây giờ địa chỉ anh ở đâu để tiện liên hệ?

- Trước mắt em vẫn về Cầu Giấy, nghỉ ngơi ít bữa rồi tính tiếp.

- Phải rồi anh nghĩ ngơi, bồi bổ sức khoẻ, chú trọng sức nhiều. Nghe nói bị đánh đập ghê lắm phải không?

- Tránh sao được hả chị. Hai chiến tuyến mà.

- Anh còn tiếp tục theo Việt Minh nữa không? Sở mật thám vẫn theo dõi riết đây. Gia đình tôi đứng ra bảo lãnh...

- Chị yên tâm- Ông Nhị Nguyễn nhếch mép cười gượng và đứng lên- Khi nào có dịp chị cũng nhắn sang cho Nghĩa, cho em gửi lời cảm ơn và chúc vợ chồng Nghĩa thành đạt, hạnh phúc. Thôi, em về.

- Anh còn đến nữa chứ?

- Vâng thế nào em cũng đến lần nữa để cảm ơn cậu mợ.

Tiến ra đến ngoài vỉa hè bà chị còn nói nhỏ với ông:

- Cô ấy đã chờ đến bốn, năm năm còn gì. Mà đòi con gái...

- Không em có giận gì Nghĩa đâu- Ông nói nhanh và nhỏ như nói với chính mình- Nghĩa đã quá tận tâm với em rồi.

Về đến ô Cầu Giấy, ông thoáng ngỡ ngàng trước căn nhà, hoang phế, cô liêu quá! Vậy là cả nhà đã đi khỏi đây được tròn ba năm rồi. Ông thuê thợ khoá phá cái khoá đã rỉ sét mới vào được nhà. Phải một ngày cất dọn dẹp có chỗ ở tạm. Ngay buổi sáng hôm sau, bà chị Nghĩa đã cho người mang đến cho ông lá thư nàng để lại trước ngày lên đường:

“ Anh. Biết nói với anh thế nào đây, tất cả đã thay đổi, đã đổ vỡ. Quyết định là rất nhanh, mọi chuyện diễn ra trong vòng một tháng, lấy chồng, ra nước ngoài. Em biết mình có lỗi nhiều, giá như anh không phải chịu khổ thì có lẽ lòng em đã thanh thản hơn khi quyết định như vậy. Từ lâu rồi em đã tự hỏi, chúng mình có yêu không, hay đây chỉ là tình bạn đơn thuần? Em vợ vẫn thế đấy, dù biết lòng anh luôn quý mến em. Ruột cuộc, em chỉ là một cô gái bình thường như tất cả mọi cô gái quê bình thường, giống cái tên em không có chữ đệm màu mè nào. Em đã đòi hỏi ở người mình yêu những cái bình thường vật vãnh đến mức tầm thường phải không anh? Hình như trong anh còn có mộng tưởng cao cả vượt lên trên tất cả, mà em có lần nói vui với anh gọi đó là “lập trường” đấy. Cái lập trường của anh thật kiên định và khó lay chuyển. Và tình yêu của chúng ta trở nên lu mờ khi đứng cạnh cái lập trường ấy. Hình như chính cái đó làm cho khoảng cách hai ta ngày càng doãng ra nhiều hơn so với hồi đang học thì phải. Thôi, em lại nói vợ vẫn nhiều quá về chuyện ngày xưa ngày xưa ấy làm gì nữa. Em biết những ngày qua anh phải chịu đựng nhiều sự đau đớn về thể xác, tinh thần, có người bạn từng ở tù đã nói với em về sự tàn bạo của bọn cai tù. Anh có tin được không, lúc nào em cũng muốn mình được chia xẻ bớt đòn đau cho anh, người bạn tốt của em ạ. Thôi, điều cuối cùng em muốn nói: hết sức xin lỗi đã không thể chờ... Anh ấy cũng là người tốt, đã theo đuổi em còn trước cả anh kia. Chúc anh gặp nhiều may mắn và có một hạnh phúc bền lâu. Em đi đây. Nguyễn Thị Nghĩa”

Ông Nhị Nguyễn đọc lại lá thư lần nữa, rồi châm lửa đốt. Có cơn gió nhẹ bỗng thổi tới, hất tàn giấy bay tứ tung lên tóc, lên người ông, rũ mãi mà không hết.

Đúng vào hôm ấy, buổi tối anh cán bộ quân báo hoạt động nội thành từ chiến khu trở về, đến nhà Nghĩ và biết địa chỉ đã lên Cầu Giấy tìm ông. Vừa gặp, anh ta bảo:

- Trên ấy đã biết mọi chuyện xảy ra với tàu chở hàng. Tồn thất là lớn song không quy trách nhiệm cho ai cả. Bất khả kháng. Về anh, cũng đã chứng minh được lòng trung thành của mình. Anh chánh văn phòng có nhờ tôi nói với anh ý kiến của lãnh đạo Bộ. Anh có thể về lại Đài phát thanh đảm nhận công việc như cũ. Còn một sự lựa chọn nữa. Qua mối liên hệ của Việt kiều yêu nước tại Pháp, nhà khoa học nổi tiếng Joliot Curie nhận bồi dưỡng cho ba sinh viên Việt Nam về ngành vật lý hạt nhân, cấp trên đã giao cho thành uỷ Hà Nội lựa chọn người đi học. Thủ trưởng Bưu muốn dành một suất cho anh, thủ trưởng bảo biết anh có năng khiếu về vật lý.

- Anh có gặp trực tiếp thủ trưởng?

- Không, nghe anh chánh văn phòng nói lại. Nhưng tôi biết ý thủ trưởng và lãnh đạo Bộ, cử anh ra nước ngoài là tính đến chuyện kiến quốc sau này. Nước nhà độc lập rất cần có người tài, phải được chuẩn bị trước.

- Nếu anh là tôi anh sẽ lựa chọn thế nào? Ông Nhị Nguyễn hỏi.

- Được ra nước ngoài học thì còn gì bằng- Anh quân báo nói- Tôi mà có trình độ thì tôi cũng đề đạt xin một suất chưa biết chừng.

Ông Nhị Nguyễn không nói gì thêm, có ý định mời anh bạn trên chiến khu ăn bữa cơm tại nhà. Anh từ chối, bảo không thể ngồi lâu, mật thám quanh đây nhan nhản, và hỏi:

- Anh định về bao giờ?

- Về ngay thôi. Anh giúp tôi đường đi nước bước cụ thể.

Trở lại Việt Bắc. Việc đầu tiên ông Nhị Nguyễn xin gặp Thủ trưởng Tạ Quang Bưu. Có mấy năm xa căn cứ, nom huynh trưởng già đi nhiều, cái tình với tráng sinh một thời thì vẫn nồng hậu thế. Huynh trưởng hỏi ngay về tình trạng sức khoẻ và nói đã bảo quân y mang thuốc đến bồi bổ cho ông. Ông sẽ được nghỉ ngơi, an dưỡng một thời gian. Nhưng chuyến sang Pháp cũng đã tới gần, phải khẩn trương chuẩn bị mọi thứ, kể cả việc ôn lại toán, lý, hoá cao cấp, sang đây nhập học được ngay.

- Tôi sẽ nhập ngũ chứ không nhập học huynh trưởng ạ. Ông Nhị Nguyễn nói.

- Cậu bảo sao? Huynh trưởng ngạc nhiên thực sự- Nhập ngũ?

- Vâng! Còn tâm trí đâu để học, xin huynh trưởng hiểu cho.

- Học cũng là nhiệm vụ đấy. Kháng chiến thành công, quân ta từ chiến khu về đã phải có ngay một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Chuẩn bị từ giờ không sớm đâu.

- Tôi biết đấy cũng là nhiệm vụ. Tôi đã nghĩ kỹ chuyện này rồi huynh trưởng ạ.

- Nếu không thích học, cậu có thể về trở về cương vị cũ vốn quen thuộc mà. Bên đài vẫn khuyết chân phó giám đốc kỹ thuật. Vào quân đội phải học lại từ đầu đấy. Ra trận càng cần kỹ năng chiến đấu chứ.

- Tôi biết điều ấy. Thú thật với huynh trưởng, tổn thất vừa qua vẫn ám ảnh ghê gớm. Ra trận là cách để giải tỏa tinh thần tốt nhất.

Huynh trưởng yên lặng giây lát, đôi mắt tinh tường của ông lại nhìn về phía cửa, những quả đồi nhấp nhô đang có đường viền nắng sớm mai, rồi ông nhẹ nhàng, chậm rãi nói:

- Tôi cũng đau xót lắm khi được tin tàu chìm, anh em hy sinh và lúc đầu còn nghĩ có cả cậu cũng trong số đó nữa kia. Chiến tranh là một mất một còn. Không tránh được rủi ro, mà lần này thật sự là trắng tay. Cậu đã xem cuốn “Chiến bại” của nhà văn Nga Phadeiep chưa? Kẻ chiến bại phải biết chấp nhận và vượt lên làm lại. Tất cả mọi chuyện của cậu khi sang bên Thái, chuẩn bị về rồi sống sót vào tù, cơ sở đều có báo cáo. Không ai nghi ngờ sự tận tụy, kiên tâm của cậu với Đảng, với tổ quốc. Việc dành suất học bổng Joliot Curie cũng nên ngầm hiểu đó là sự tri ân cho những cống hiến, tinh thần dũng cảm kiên cường trong thời gian qua của cậu đấy. Thôi cậu về suy nghĩ thêm. Nếu cứ nhất định nhập ngũ thì tôi sẽ bảo quân lực biên chế vào đơn vị thích hợp. Cậu đã học ở trường quân chính hồi trước rồi, coi như đã có những kiến thức cơ bản về quân sự, lại đã có cương vị công tác, thế nào cũng sẽ làm cán bộ chỉ huy ngay, đại đội trưởng hay tiểu đoàn phó gì đó...

Thế là cuối năm năm một ông Nhị Nguyễn nhập ngũ. Lúc đầu được bổ làm trung đội trưởng, chỉ một thời gian ngắn sau đã có quyết định lên thẳng đại đội trưởng thuộc một tiểu đoàn dự bị của ATK.

NĂM

Khi đó, ngay từ đầu ông Nhị Nguyễn đã dị ứng với nhiệm vụ được giao gọi là “võ trang tuyên truyền”, gặp thẳng cấp trên ông bảo, tôi tình nguyện nhập ngũ là để được trực tiếp chiến đấu chứ đâu lại về hậu cứ sau lưng địch thế này! Đồng chí từng làm dân vận rồi đấy, làm tốt là đảng khác, vị cán bộ cấp trên nọ vốn nổi tiếng là mềm, lạt mềm buộc chặt, giải thích, đó là những năm đồng chí hoạt động ở Trung Lào, Thái, rồi về Nam Bộ. Đừng tưởng chúng tôi ở xa, đánh giá cán bộ lơ mơ. Biết rõ gan ruột cán bộ mình quản lý cả đấy. Chẳng hạn như với đồng chí, hội đủ các đức tính cần có của người cán bộ vũ trang tuyên truyền khi luôn sâu vào hậu địch, như nhẫn, nhu, cương. Còn đồng chí nói thích đánh trực diện, nên nhớ việc này có lúc phải thẳng thừng vỗ mặt chứ không “oong- đơ” thuyết phục suông đâu. Hiện khu vực cao nguyên Bô Lô Vên của bạn đang còn nhiều vùng trắng, cần gieo những hạt giống đỏ như đồng chí xuống đó. Anh Bửu có gặp tôi nói nhiều về tâm tư, nguyện vọng của đồng chí đấy. Tôi cũng biết nổi căm giận bầm gan tím ruột của đồng chí. Nhưng trước mắt Đảng cần đồng chí làm việc này. Cứ thử làm một thời gian, khi có điều kiện chúng tôi có thể sẽ rút về đơn vị chiến đấu sau. Thế nào, thông rồi chứ?

Cách nói thế vừa để thuyết phục, vừa là áp đặt, không thông cũng phải thông!

Quân Pháp sau lần “úp nơm” hụp vào Việt Bắc cuối năm 1947, đã phải chuyển chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, sang đánh lâu dài và đẩy mạnh cái gọi là “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”, chia rẽ khối liên minh Việt- Miên- Lào. Do bạn yêu cầu, từ cuối năm 1947 chính phủ ta đã điều động một bộ phận quân chủ lực cùng nhiều cán bộ cơ sở với danh nghĩa chính thức là quân tình nguyện sang đất bạn chiến đấu. Cao nguyên Bô Lô Vên cùng với Tây Nguyên của Việt Nam được gọi là mái nhà của Đông Dương, đó là một bên mái dốc nơi thấp nhất khoảng ba trăm mét, cao nhất tới ngàn mét, còn dài rộng mỗi bề cả trăm cây số. Nơi đây suốt những năm chống Pháp và sau này là chống Mỹ đã diễn ra nhiều cuộc đấu trí, đấu lực khốc liệt giữa ta và địch để giành dân, giành đất. Vùng đất của bộ tộc Nha Hồn ngay từ đầu đã trở thành tâm điểm của các cuộc đấu ấy.

Và Nhị Nguyễn không ngờ, chỉ gần hai năm ở Bô Lô Vên lại có dấu ấn không phai trong đời ông đến vậy! Dấu ấn ấy bắt đầu từ lần ông phải nấu trong

buồng của Xảo Xọi, đóng vai chông nạng để che mắt địch. Như lời Khăm Đi thì mẹ đã qua đời vào năm nó mười hai tuổi, tức năm 1964 sau trận sốt rét ác tính. Nhưng bao năm qua, tuyệt nhiên không thấy Xảo Xọi hiện ra ngay cả trong giấc mơ, ở cái thời ông còn tỉnh táo, tráng kiện. Trong mấy ngày mê tỉnh vừa qua, ông luôn hy vọng sẽ gặp lại nạng, là người âm rôi gặp nhau dễ lắm, nói được với nhau những điều mà khi đang kiếp dương khó nói. Nhưng nạng vẫn không hiện ra. Vậy là nạng vẫn còn rất giận, vẫn không tha thứ cho ông...

Lần ấy ông cùng mấy anh em trong đội trên đường đến bản Pha Lan của Xảo Xọi, phải qua một bản cũng của người Nha Hồn là Đác Bun. Nội bộ các bản ở vùng này đang âm ỉ hiềm khích bắt nguồn từ một tục lệ có từ thời xa xưa. Mỗi bản lập một đội quân trang bị cung tên, khiên, giáo như thời trung cổ để đi tiểu phạt lẫn nhau. Chiến trường mở ra trong không gian hẹp từng bản, không tiếng súng nổ mà chan chất giáo gươm, hò hét bên công bên thủ. Kết thúc mỗi cuộc tiểu phạt, kẻ mạnh đột nhập được vào thành lũy bắt kẻ yếu phải mổ lợn, giết trâu, thết đãi cơm rượu, sau đó cống nộp chiêng, ché, nôi đồng, mâm thau. Đác Bun đã thua đau từ mấy năm trước. Nhưng mỗi thù chưa kịp trả thì quân Pháp đã đặt ách cai trị lên toàn cao nguyên. Cung tên khiên giáo chông sao nổi tàu bay, hoả pháo, súng liên thanh, ruột cục hai làng đều bị Tây đè xẹp lép, chỉ còn biết hầm hè chờ thời cơ là nhoi ra cắn trộm nhau. Màn đêm vừa buông, mấy anh em qua Đác Bun thấy rào chông tua tủa, ở mặt chính diện có con đường đất đỏ chọc thẳng vào giữa bản. Trong ánh lửa đuốc cà boong bập bùng, các toán lính “trung cổ” rậm rạp tuần tiểu bên trong, gương mặt đờ đờ sát khí. Ông Nhị Nguyễn đang đứng sau lùm cây gần cổng, chưa biết nên qua bản này bằng cách nào, bỗng thấy mấy người từ xa đang tới. Người to cao đội mũ rộng vành chụp mặt đi đầu, dừng trước cổng đang đóng chặt, rồi rút từ thắt lưng ra khẩu pạc khoọc khua khua, nổ liên ba phát chỉ thiên, sau đó quát to:

- Trưởng bản đâu ra nói chuyện. Quân Chính phủ Cầu đây!

Ông Nhị Nguyễn bỗng giật mình. Vậy họ cũng là đội vũ trang tuyên truyền Việt Nam, và giọng người này nghe quen quen. Trước khi rời ATK, ông đã có mấy tháng tập trung học tiếng Lào, nghe phổ biến về tình hình nhiệm vụ, phong tục tập quán từng bộ tộc trên đất bạn. Vào giữa năm 1948, đồng chí Phạm Văn Đồng đại diện chính phủ ta ở Nam Trung Bộ đã ký quyết định thành lập một khu đặc biệt, bổ nhiệm các đồng chí Nguyễn Chính Cầu, Trần Công Khanh làm chính uỷ và khu trưởng, bà con hai bên đường biên tín nhiệm bộ đội tình nguyện Việt Nam, thường gọi bằng cái tên chung là “Quân Chính phủ Cầu”.

Mấy người cầm đuốc có lẽ choáng sau phát súng thị uy. Họ tỏ ra bối rối, ngơ ngác, chụm lại. Mấy phút im lặng, một người nói vọng ra:

- Xin chờ để đi gọi trưởng bản.

Lát sau một ông già tóc bạc phơ, da mặt đỏ au xuất hiện, có lẽ từ bên trong ông đã nhìn rõ vị khách cầm pạc khoọc là người quen, nên giọng trở nên thân mật:

- Xá hải xam bai đi bờ?(Người anh em có khoẻ không?)

Người đội mũ rộng vành đáp lại bằng một câu chào của Nha Hớn, rồi nhét khẩu pạc khoọc vào bao, bảo:

- Mở cửa! Có việc muốn bàn với xá hải đây.

Ông Nhị Nguyễn liền bước nhanh ra khỏi lùm cây, đến bên người đội mũ hỏi:

- Đồng chí là...

Người ấy thoáng bị bất ngờ quay lại, ánh đuốc hắt rõ khuôn mặt.

- Ô, anh Đỗ Trường! Ông nhị Nguyễn thốt lên.

Định thần giây lát, rồi Đỗ Trường choàng tay kéo ông lại gần, cũng tỏ ra ngạc nhiên không kém:

- Nhị Nguyễn! Sao anh lại ở đây?

Trường bản thân ra mở cổng rào, đón tất cả vào.

Đỗ Trường nom thấy người, oai vệ hơn hẳn hồi ở trạm Đô Lương. Anh vận bộ quân phục xanh lá cây bó sát thân, khẩu súng ngắn trễ hông, đôi giày đinh cao cổ nện cộm cộp bụi đỏ cuộn lên dưới chân. Cả đoàn theo ông già đi vào trung tâm bản, đến trước một ngôi nhà sàn bẽ thế, ông mời mọi người lên cầu thang. Đỗ Trường nhanh nhẹn cởi giày bước lên nhà, chưa ngồi nóng chỗ anh đã hát hàm nghiêm giọng nói với trưởng bản đang rối rít giục người nhà bung nước ra mời:

- Tôi đã nói với xá hải rồi, phải dồn sức chống Pháp chứ không phải dồn sức chống lẫn nhau thế này.

- Bản tôi mất mấy bộ chiêng, ché cổ rồi đấy- Ông già trưởng bản mặt nhăn nhó, mệt mỏi- Nhờ bộ đội nói với bản Phắc Phai trả lại cho. Có vậy thì thôi rào làng chống nhau.

Đỗ Trường quay sang ghé vào tai ông Nhị Nguyễn đang ngồi sát bên, nói nhỏ:

- Chắc anh biết cái hủ tục ở bộ tộc này rồi chứ. Đang dần xẹp, chưa ai chịu ai. Bản nào giải quyết mềm mà không xong là tôi chơi rắn, làm cho hã mà phải xuống thang.

Ông Nhị Nguyễn đưa mắt tỏ ý đã biết chuyện ấy, Đỗ Trường lại quay sang trưởng bản, bảo:

- Tôi đã thương thuyết với trưởng bản Phắc. Họ bảo cách đây mười năm bên ông thắng, sao không trả lại món đó. Tổ thiện chí cầu hoà trước đi.

Trưởng bản Đắc Bun ngao ngán lắc mái đầu bạc:

- Tây cướp hết cả rồi. Bên ấy cũng đã biết như vậy mà.

- Thấy chưa!- Đỗ Trường dẫn giọng- Bọn Tây khôn lỏi, toạ sơn quan hổ đấu. Khi hai bên đều bị thương, chúng thịt túa lua cả hai con hổ què cho mà xem. Đừng mắc mưu chúng, phải hợp sức đánh Tây trước, đòi nợ sau. Nghe chưa!

Chủ nhà vẫn tỏ ra bức xúc:

- Bộ đội Chính phủ Cầu xử cho công bằng, tôi nghe mà bên Phắc Phai có nghe đâu, vẫn khiêu khích trước đấy.

- Được- Đỗ Trường gật đầu nhìn thẳng vào ông trưởng bản - tôi có cách giải quyết rồi. Chuyện trong nhà dừng ở đây, còn chuyện đánh Tây. Xá hải đã cho người đi trinh sát đồn địch như ta đã bàn với nhau lần trước chưa?

Già bản Đác Bun liền quay sang người thanh niên đang đứng cạnh nói nhỏ, anh ta vào trong buồng đưa ra một tờ giấy cuộn tròn. Trưởng bản trình trọng cầm hai tay đưa Đỗ Trường, nói:

- Mọi thứ xá hải cần, có cả trong này đây. Giải quyết xong cái đồn thì giải quyết nốt cái bản kia giúp chúng tôi với nhé. Chúng tôi cũng biết, người Nha Hồn cứ đánh nhau liên liên thế này sẽ bị tuyệt diệt mất thôi.

- Yên tâm - Đỗ Trường mở tờ giấy xem qua, gật đầu tỏ ý hài lòng rồi đưa nó cho một chiến sĩ ngồi bên, vỗ về tiếp già bản- Quân của Mặt trận It Sa La của ông Xi Thôn Cô Ma Đăm đang phối hợp với quân của Chính phủ Cầu, chỉ nay mai là quét sạch quân Pháp cùng tay sai Bun ùm ra khỏi Bô Lô Vên thôi. Người Nha Hồn không thể bị tuyệt diệt được.

Trưởng bản Đác Bun vui ra mặt, bảo người nhà giết gà, khui chum rượu quý khoản đãi khách. Chẳng mấy chốc mâm bát được bê ra, căn nhà sàn hoạt náo hẳn, chuyện trò, chúc tụng râm ran tới khuya. Đỗ Trường cùng với hết người này đến người khác, liền cả chục bát rượu, còn ông Nhị Nguyễn mới cạn lần đầu đã thấy chệnh choáng, nên bát sau cứ dập dứ nhấp môi cho phải phép. Nhìn anh bạn trạm trưởng tả xung hữu đột mới thấy quả là tay tửu lượng cao hiem có. Và từ chập tối đến giờ trong cuộc “tao ngộ chiến” này, anh ta luôn tỏ ra bản lĩnh đầy mình.

Gà gáy canh một. Bắc đèn lom đom cạn dầu, gian nhà sàn tối xảm xì. Khổ chủ cùng mấy cận thân dầu có là sâu rượu cũng đều đã đổ kênh ra sàn, có kẻ còn nhắm mắt khò khò ngon lành xung quanh mâm bát tanh bành chỏng chơ. Đỗ Trường vẫn tỉnh queo. Anh thấy “địch” đồ ngồn ngang thì đứng dậy kéo ông Nhị Nguyễn về ngủ cùng ở tận cuối góc nhà sàn. Vừa nằm, anh đã hồn nhiên gác cái chân to như chân voi lên ngang đùi ông. Nặng, hát ra không tiện, ông Nhị Nguyễn cứ phân vân hoài, không biết phải xử sự ra sao với cái cử chỉ thân mật mà quá xuống sã của người anh em lâu ngày mới gặp lại này. Giờ mới là lúc anh ta có dịp dốc bầu tâm sự, chứ từ khi gặp ngoài bìa làng đã hỏi nhau được câu nào đâu và chắc hẳn vị trưởng bản cứ tưởng ông và Đỗ Trường cùng trong một toán.

- Ngủ hả? Đỗ Trường lay lay cái chân voi, hỏi.

- Chưa.

- Nghe nói chuyện mang hàng ra Bắc thất bại, có nhỡ cậu sống sót thôi hả?

- Ồ- Ông Nhị Nguyễn không muốn nhắc đến cái chuyện đáng buồn ấy nữa, trả lời qua loa rồi lái ngay sang chuyện khác- Cậu định hoà giải giữa hai làng thế nào?

- Yên trí, đã có cách- Đỗ Trường cũng trả lời qua loa, rồi lại hỏi tiếp- Sao cậu chuyển sang ngạch dân vận, cấp trên không cho về làm việc cũ nữa à?

- Cho, nhưng mình không thích. Muốn đi chiến đấu. Dân vận là bị ép làm, không quen.

- Không quen rồi cũng phải quen. Cũng giống tớ- Đồ Trường còn rung mạnh cái khúc gộc trên người ông lần nữa- Đầu năm 1950, tớ không thích làm chân đầu binh cuối cán ở trạm, viết đơn xin chuyển về đơn vị chủ lực, thì họ cho lãnh một đội võ trang tuyên truyền thế này đây. Ở Trung Lào một thời gian ngắn, họ bảo tình hình Bô Lô Vên phức tạp, đồng chí là hạt giống đỏ cần gieo ở đây để thành quả cách mạng đơm hoa kết trái. Về đây hai năm rồi. Chẳng biết giống gieo có mọc được không, thấy khó lắm. Tây lập ra “Goum Nha Hồn” tranh dân, giành đất với ta quyết liệt. Mà nội bộ Nha Hồn thì lũng củng, cậu vừa nghe lão trưởng bản nói là biết rồi đấy. Thế cậu được phân công về nắm vùng nào?

- Pha Lan.

- Cái bản ấy cũng xương xẩu, lại sát đồn địch. Thằng sếp Xu nổi tiếng ác ôn đấy.

Chợt dưới gầm sàn rộ lên tiếng gà gáy canh hai, canh ba, Đồ Trường lệnh:

- Ngủ. Mai chuyện tiếp!

Đến lúc này anh ta mới lẳng cái chân voi của mình khỏi đùi ông Nhị Nguyễn và lập tức tra tấn tiếp màng nhĩ ông bằng tiếng ngáy như sấm dền.

Sáng. Hàn huyền đôi hồi rồi chia tay, Đồ Trường ở lại bản Đác Bun, Nhị Nguyễn về Pha Lan.

#

#

Phu Luồng là khu vực có nhiều quả đồi thấp sườn dốc thoải nối tiếp nhau, rừng không mấy rậm rạp, phần nhiều là cây bụi lúp xúp. Ba anh em đang đi trên con đường mòn lưng chừng đồi, bỗng ông Nhị Nguyễn ngửi thấy mùi khèn khét ngọn gió thoảng mang lại, phản xạ tự nhiên có từ hồi ở Việt Bắc làm ông vội kéo hai người bạn đi bên dừng bước. Ông rút khẩu súng ngắn, còn hai người hai súng trường cầm tay, lên đạn lách cách. Chợt có tiếng gầm gừ xen tiếng oai oái tang thương phía trước. Cả ba cùng chạy lên. Thoáng thấy cái đuôi hổ ngoắt khỏi bụi cỏ tranh. Hai phát súng trường nổ liền chát chúa. Đạn bay cả lên mây, nhưng lại làm chúa sơn lâm giật mình, chỉ kịp nhìn thấy lưng con hổ vằn to như lưng con bò mộng nhảy vút, mất tăm. Một người đàn ông mặt bệch như vôi đang nằm chổng chơ trong bụi cỏ, máu ướt đầm cánh tay trái, quần áo toỉ tả. Nhị Nguyễn vội chạy đến đỡ ông ta dậy, móng hổ cào thành vết rớm máu dài suốt từ bụng xuống đùi, chỉ có một vết răng bập sâu vào cánh tay là máu tứa sũng đỏ cả vạt áo. Một anh đội viên đỡ túi cứu thương mang bên người, rồi quờ tay về bụi cây bên đường dứt đại một nắm lá tươi, đưa lên miệng nhai trấu tráo, nhả ra dịt vào chỗ có vết răng hổ, sau đó cuốn băng. Chừng vài phút máu cầm. Người bị nạn thì vẫn cứng lưỡi, ú ớ, thất thần, mồ hôi thành giọt trơn tuột trên khuôn mặt bột bạc. Ông Nhị Nguyễn chợt nhìn thấy giữa háng người bị nạn không còn vải che, chẳng thấy cái bộ phận sinh dục đàn ông đâu, chỉ còn lơ phơ túm lông đen đúa, xen nhiều sợi đỏ

quạch, sợi bạc phếch. Sức nhớ đến lời anh vệ binh người Nùng Cháo hôm gặp hồ ở bản Pắc Chom dạo nào, ông Nhị Nguyễn liền xúc người bị nạn đứng dậy, nhìn quanh rồi bảo với hai đội viên:

- Phải dờn ngay! Hồ sẽ quay lại tìm môi.

Một anh đội viên nhanh nhẹn cúi xuống ghé vai công người bị nạn. Ông Nhị Nguyễn thấy cái túi vải của ông ta vút cạnh đấy nhặt lên, mang theo. Ba người nhấp nhòm, bước thấp bước cao trên con đường mòn đá sỏi lổn nhổn ven sườn đồi. Được một đoạn, anh đội viên công người bị nạn mồ hôi mồ kê nhễ nhại, dừng lại định đổi cho anh bạn đi bên công tiếp. Người đàn ông bị nạn như chợt tỉnh, vội tụt xuống, máu đã đông cứng bên ống tay áo. Giờ ông ta mới biết mình gần như ở truồng, tỏ ra ngượng nghịu lấy bàn tay không bị thương che chỗ kín và ngồi thụp bên vệ đường. Ông Nhị Nguyễn thấy vậy liền đặt ba lô đang đeo sau lưng xuống đất, rút ra trong đó cái quần dài đưa cho người bị nạn. Trong lúc ông này luyến quýnh mãi mới mặc được quần, ông Nhị Nguyễn quay ra hỏi anh đội viên vừa công:

- Lá gì mà cầm máu hiệu nghiệm thế?

- Việt Nam mình gọi là cây cứt lợn đấy mà- Anh đội viên nói- đâu chẳng thấy nó mọc.

Người bị nạn đã mặc quần xong, cái quần khá dài so với đôi chân ngắn tũn của ông ta, phải vén lên mấy gấu. Rồi ông ta hỏi:

- Mấy eng chừ về đâu?

Ông Nhị Nguyễn và hai đội viên đều bất ngờ, người bị nạn hỏi bằng giọng Huế chuẩn.

- Ô! Ra bác người Việt? Ông Nhị Nguyễn hỏi lại.

- Dạ. Huế gốc. Sang ni mới từ năm bốn năm. Tá túc trong nhà một người họ xa ở thị xã Pắc Xê, về giúp việc cho nai koong (tiếng Nha Hồn chỉ tộc trưởng) Nõn ở Pha Lan mới hai, ba năm ni thôi.

- Bác đi đâu mà có một mình? Một đội viên hỏi.

- Nai koong có việc gấp muốn báo với trưởng bản Phắc Phai, sai đi. Vẫn biết vùng tê lấm hùm beo, nhưng chúng chỉ vồ heo, bò chứ chưa đụng người bao giờ, ai dè miêng thành vật thí thân đầu tiên. Thú thiệt với mấy eng, trước khi đi tui đã tính giờ cẩn thận. Bữa ni ngày thân, hạp với chính thìn là giờ hoàng đạo mới xuất hành, ai dè vẫn không tránh được kiếp nạn. Cái hạn tuổi bốn chín đến sớm quá. Ôn cứu mạng của bộ đội lớn lấm không biết khi mô mới trả hết. Rứa mấy eng có việc chi đến vùng ni?

- Có việc đến bản Pha Lan- Ông Nhị Nguyễn trả lời và hỏi tiếp- Sao ông phiêu bạt sang tận đây, vậy vợ con vẫn còn ở Huế à?

Thoáng thấy nổi sầu muộn trên gương mặt người bị nạn, rồi ông ta nói nhỏ:

- Chuyện dài lắm. Chừ miêng là người Nha Hồn rồi. Cứ gọi là Phon Kẹo. Mấy eng theo miêng dẫn về Pha Lan.

Ông Nhị Nguyễn có dịp ngắm kỹ Phon Kẹo. Rất khó đoán đúng tuổi. Khuôn mặt ông ta tròn trịa, nhẵn nhụi, nhưng cách đi lại không lạch bạch như thường thấy ở người có cái dáng béo lùn đã hết tuổi xuân. Ông ta xin lại cái túi vải, khoác vào bên vai không bị thương, rồi cầm cúi đi đầu, đôi khi ngoái lại hỏi một hai câu, thì đều bằng tiếng Lào, dường như cố ý giấu cả chất giọng Huế gốc của mình.

Đi chừng một giờ nữa qua dãy Phù Luồng, bản Pha Lan với vài chục nóc nhà sàn quần tụ hiện ngay trước mặt. Cái tin người giúp việc cho nai koong bị hổ vồ loang nhanh, cả bản lục tục kéo đến. Nai koong Nõn liền vui vẻ mời bộ đội Chính phủ Cầu về nhà mình khoản đãi. Nai koong đã ngoài sáu mươi tuổi, khổ người cao lớn, gương mặt tròn phúc hậu, nói năng lưu loát, là bậc cao niên được trọng vọng nhất vùng này. Trước mặt mọi người, ông bảo Phon Kẹo đứng cúi lạy các ân nhân cứu mạng. Ông Nhị Nguyễn vội ngăn:

- Không phải làm thế. Nếu chúng tôi đi đường bị nạn cũng được dân cứu vậy mà.

Nai koong Nõn không chịu, bảo:

- Người Nha Hồn chúng tôi bao năm rồi vẫn bị ba điều làm cho chết dần mòn. Điều đầu là ông trời không cho mưa, hạn cháy lúa nên bị chết đói. Điều hai ít đẻ quá, mà có đẻ được không nuôi được là phần nhiều. Còn điều ba, con ma rừng hay nhằm bắt con cháu chúng tôi. Nay lại thêm một điều nữa, con hổ rừng cũng thêm thật người Nha Hồn. May mà có mấy anh ra tay cứu giúp, không thì có người Nha Hồn đầu tiên thiệt mạng vì hổ dữ. Vùng này nhiều hổ nhất trên cao nguyên Bô Lô Vên, có khi chúng đi kiếm ăn theo đàn năm, sáu con đấy. Hôm nay Phon Kẹo đụng hổ độc, bị súng bắn thị uy đã sợ mất mật, ngày sau sẽ không dám nhằm vào con cháu người Nha Hồn nữa. Cái ơn ấy lớn lắm, như được sinh ra lần nữa. Phon Kẹo phải lạy bộ đội như lạy cha mẹ mình.

Ông Nhị Nguyễn giật mình. Phon Kẹo hơn cả ba anh em tới hơn hai chục tuổi, nay bắt lậy như đối với cha mẹ sao được, nhưng xung quanh dân bản đều tỏ ý tán đồng lời nai koong và thúc giục Phon Kẹo. Ông ta nom thật tội nghiệp. Một bên cánh tay băng bó to xù, luyến quýnh quý hướng về phía ba anh em Nhị Nguyễn mà không thể chấp hai bàn tay vào nhau được. Ông Nhị Nguyễn vội đến đỡ ông ta đứng dậy. Và để dồn sự chú ý của mọi người vào việc khác, ông Nhị Nguyễn liền lấy trong ba lô tấm ảnh chân dung khổ lớn, đưa cho nai koong Nõn, nói:

- Bộ đội Chính phủ Cầu phối hợp với bộ đội của ông Xi Thôn Cô Ma Đăm đây, quyết đánh đuổi quân Pháp ra khỏi cao nguyên Bô Lô Vên. Chúng tôi về Pha Lan là mong nai koong giúp, nhờ cho được cái bột Huội Koòng của thằng sếp Xu...

Cầm ảnh ông Xi Thôn, nai koong Nõn cười sáng khoái, ngắt lời:

- Bộ đội yên tâm. Ông Xi Thôn Cô Ma Đăm là cha chúng tôi, bảo gì dân Nha Hồn đều theo. Thằng sếp Xu dạo này được Pháp đứng sau, bạo ngược lắm.

Chúng tôi cũng mong bộ đội về giải cứu. Hôm nay sai Phon Kẹo sang bản Phắc Phai là muốn liên kết với bên ấy để chống lại sếp Xu đấy.

- Sao không liên kết cả với Đắc Bun? Ông Nhị Nguyễn hỏi.

-Nghĩ đi nghĩ lại hiện giờ chưa liên kết được- Nai koong Nõn nói- Phắc Phai còn giận Đắc Bun lắm. Ngày trước thắng đã trả cả bộ chiêng chế cổ rồi, mà vẫn không cho hoà còn rào làng lăm le đánh trộm. Tôi liên kết với Phắc Phai không phải để đánh Đắc Bun. Rồi đây có bộ đội Chính phủ Cầu về giúp, tôi sẽ tìm cách liên kết tất cả các bản Nha Hồn.

- Tôi vừa ở Đắc Bun,- Ông Nhị Nguyễn nói- họ rào làng chuẩn bị đội quân cung tên, không phải để đánh Phắc Phai đâu, mà chuẩn bị đánh Pháp đấy. Pháp muốn lập goum Nha Hồn để người Nha Hồn chống lại cách mạng, chống lại ông Xi Thôn Cô Ma Đăm, chúng tôi muốn nai koong nói rõ cho các tộc trưởng, trưởng bản biết cái mưu sâu của Pháp.

- Đúng rồi- Nai koong Nõn nói- Bộ đội Chính phủ Cầu đã cứu được người của tôi, nay xin theo lời chỉ dạy đó. Tôi sẽ mời trưởng bản Phắc Phai sang đây cùng bàn cụ thể. Chờ cho Phon Kẹo đỡ đau, ông ta sẽ lại sang mời. Mấy người thân tín của tôi chỉ có ông ấy là ra ngoài đối đáp được, những đứa khác vụng nói năng dễ hỏng việc. Trước hết tôi viết giấy bảo các chánh tổng, trưởng làng trong toàn châu Nha Hồn phải giúp bộ đội Việt Nam. Được không?

Rượu được rót ra từ cái chum sành, đều khắp cho mọi người có mặt. Nai koong cầm chén chạm với ông Nhị Nguyễn cùng các đội viên, rồi uống một hơi. Ông Nhị Nguyễn uống, thấy khác hẳn rượu ở bản Đắc Bun hôm trước, thứ rượu này nhẹ hơn, giòn ngọt, dễ vào hơn. Như biết cảm giác của khách, nai koong giới thiệu ngay. Đây là rượu cất từ nước ở buồng quả tà vạt trong rừng sâu, men ủ từ vỏ cây chuồn, chỉ khách quý mới đem mời. Đặt chén xuống sàn, ông Nhị Nguyễn nhắc nai koong:

- Xin viết cho cái giấy.

Nai koong Nõn liền bảo người thư ký lấy giấy bút, viết ngay: “Phải đón tiếp và bảo vệ chu đáo những người này, nếu để xảy ra việc gì bất trắc thì các người phải bị tội theo pháp luật!” Ký: nai koong Nõn. Viết xong, nai koong đưa cho ông Nhị Nguyễn. Giọng điệu cứng vậy, cũng đã nói lên quyền uy của người này với bộ tộc Nha Hồn, ông Nhị Nguyễn xem và cất vào túi áo ngực.

Vậy là việc sâu rẫy chuỗi buổi đầu vào Pha Lan khá thuận. Hàng tuần liền, hai đội viên thay nhau đi nắm tình hình địch, còn ông Nhị Nguyễn xuống bản, tìm hiểu đời sống của dân. Trừ nhà tộc trưởng, trưởng bản là có của ăn của để, còn dân đều xác xơ, nghèo đói. Nhà nào cũng mái tranh cũ nát, liếp nửa, sàn bương ọp ẹp, cột kèo xiêu vẹo. Thức ăn thì rau tàu bay hay măng rừng trộn bột ngô nấu chung trong một cái chảo gang. Đến bữa, già trẻ trai gái ngồi xung quanh cái chảo, chờ chia suất ra miếng lá chuối, động tác cuối bao giờ cũng dùng ngón tay vết sạch mọi thứ hủ lớn còn sót lại trên mảnh lá. Muối trên cao nguyên được quý như vàng. Có lần vào buổi trưa, ông Nhị Nguyễn giở món cơm nắm chấm muối của

mình cùng ăn với một gia đình. Nhà này vợ chồng trẻ mà đông con, năm đứa lóc nhóc cỡ trứng gà trứng vịt, khi mọi thứ đã sạch bong, ông vô tình vo mảnh giấy báo đựng muối ném qua cửa sổ ra vườn. Đứa lớn liền len lén đi xuống và ông thấy nó bới tìm vo giấy ấy, cẩn thận gỡ ra rồi dùng đầu lưỡi liếm dọc liếm ngang hồi lâu.

Hôm ấy, ông lên sở chỉ huy phân khu báo cáo tình hình, vừa trở về đến bản, thì chính “cậu bé liếm muối” đó từ đâu chạy đến, hồn hên nói:

- Xá tu ma! Xá tu ma!(Có địch!)

Ông Nhị Nguyễn nhắc thấy bóng mấy tên lính thấp thoáng sau lùm cây ngoài đường, vội trèo lên cầu thang một nhà dân gần nhất. Trên sạp bương ở phía ngoài trời không mái che, có một người đàn bà đang ngồi xe sợi. Người đàn bà xe sợi ngừng lên thấy ông lộ mặt, bảo ngay:

- Vào buồng đi! Xảo Xối đợi chồng nửa ngày rồi, nó bị mệt đấy.

Dưới sân tiếng chân người lạo sạo, chớ sủa tứ phía, ông Nhị Nguyễn nhìn xuống, hai tên lính Âu Phi cùng một lính nguy vừa tới. Ngõ ngàng giây lát trước lời bà mẹ, chột hiệu, ông mạnh dạn đẩy cánh liếp buồng liền kê cầu thang. Trong đó, một cô gái đang lúi húi làm một việc gì đấy, thấy động cô ngừng lên, ánh mắt hốt hoảng. Bên ngoài, có tiếng hỏi lớn:

- Ai vừa đến đây?

- Con rể. Nó đi rẫy về. Tiếng bà mẹ cũng khá to.

Hai tên Âu Phi xì xồ, ông Nhị Nguyễn nghe chúng bảo nhau, con rể của bà này rất đáng khả nghi. Ông vội ngồi xuống cạnh cô gái có tên Xảo Xối, đúng lúc ba gương mặt ác ôn hiện trước cửa buồng.

- Chồng cô? Tên lính nguy sừng sộ nhìn Xảo Xối hỏi.

- Ừ! Có việc gì mà hỏi chồng tôi?- Xảo Xối bật ra câu trả lời gần như tức thì. Tên lính nhìn ông Nhị Nguyễn hỏi tiếp:

- Đi đâu về?

- Lên nương- Ông Nhị Nguyễn giữ được vẻ mặt bình thản trả lời, ánh mắt chiếu thẳng vào tên lính- Vợ mình bị mệt kêu về, chứ không phải đến chiều mới về.

Hai tên lê dương đưa mắt nhìn quanh, buồng hẹp như cái lỗ mũi, chẳng có thứ đồ gì, rồi làm hiệu với tên lính Lào, cả toán quay. Tiếp đến, mảng sàn bương của ngôi nhà lại rung lên theo bước chân chúng rầm rập xuống cầu thang. Đợi một lúc, trong bản mới tắt hẳn tiếng chớ sủa, tiếng giầy đinh.

Xảo Xối nhích người ra sát liếp. Cô còn trẻ quá chỉ khoảng mười tám, đôi mươi, khuôn mặt trái xoan trắng trẻo hồng hồng vì ngưng ngạt. Rồi cô hơi cúi người về phía Nhị Nguyễn, giành lấy cái gối đang trong tay ông khách bắt đấm đĩ, ôm vào lòng mình, dựa hẳn lưng vào vách.

- Cảm ơn Xảo Xối nhé! Ông Nhị Nguyễn thấy tay mình lóng ngóng không biết để đâu, chắc hẳn mặt ông cũng chín như mặt cô gái kia. Đúng lúc ấy bà mẹ mở cửa liếp, bảo:

- Chúng đi cả rồi- Có lẽ thấy hai người còn đang ngô ngọng đối diện nhau như vậy, bà cười nói tiếp- Con ơi, theo tục lệ Nha Hồn, đã bước vào buồng người con gái là chồng thật rồi đấy, nếu không ma quỷ sẽ quấy nhiễu nhà mẹ đấy. Xảo Xoi con mẹ chưa có ai đâu.

Ông Nhị Nguyễn vội đứng lên, vẫn thấy nóng ran mặt, quay lại nói với bà mẹ:

- Con cảm ơn mẹ đã cứu...

Bà mẹ ngắt lời:

- Cơ duyên do Phật độ đấy con ạ- Rồi bà bảo con gái- Ra ngoài này ngồi chơi với anh.

Có lẽ Xảo Xoi còn chưa hết bàng hoàng, sự việc diễn ra quá nhanh, mặt cô vẫn đỏ ửng, mãi sau mới nói được một câu:

- Mẹ, anh ra trước đi.

Ngồi ngoài sạp, bà mẹ nói với Nhị Nguyễn là buổi trưa hôm ấy mẹ cũng đến nhà nai koong Nồn, đã biết mặt mấy anh bộ đội Chính phủ Cầu rồi, còn Xảo Xoi hôm ấy đi thăm người họ hàng bên Phay Phia, khi về nghe mẹ kể mới biết chuyện. Rồi bà mẹ nhìn Nhị Nguyễn nhỏ nhẹ hỏi:

- Mẹ hỏi thật, con đã có vợ ở Việt Nam chưa?

Giây lát suy nghĩ, ông trả lời:

- Chưa. Nhưng...

Không để ông nói hết câu, bà mẹ đã nói ngay:

- Vậy là được rồi.

- Kỷ luật quân tình nguyện không cho phép...

- Mẹ sẽ gặp chỉ huy của con nói cho- Bà mẹ lại ngắt lời.

- Không được đâu mẹ- Ông Nhị Nguyễn bật ra một câu để chống chế- Con đã có vợ chưa cưới bên nước rồi.

Bà mẹ hơi nhúu cặp lông mày, vẫn giọng quả quyết:

- Chưa cưới coi như chưa có vợ. Tục lệ người Nha Hồn con trai vào buồng con gái thì là chồng rồi đấy.

- Mẹ ơi!- Bỗng Xảo Xoi mở tung cửa liếp, đến bên mẹ, nói- Sao mẹ cứ bắt ép anh ấy thế? Anh ấy có vợ chưa cưới rồi mà.

Ông Nhị Nguyễn cảm thấy bối rối, như có lỗi với người vừa cứu mình, chẳng biết nên nói thế nào. Bà mẹ khẽ thở dài, lát sau nhìn Nhị Nguyễn, bảo:

- Mẹ không ép con đâu.

- Con rất biết ơn mẹ và Xảo Xoi. Con đang làm nhiệm vụ, không thể...

- Thế thì khi xong nhiệm vụ- Bà mẹ lại ngắt lời- đừng quên con gái mẹ nhé.

Vậy là con đã quen biết nhà mẹ rồi, nhớ đến thăm mẹ và Xảo Xoi luôn đấy.

Ông Nhị Nguyễn hỏi:

- Bỏ con đi đâu?

Bà mẹ im lặng hồi lâu, nói:

- Ông ấy theo Ít Xa La của Xi Thôn Côm Ma Đam đánh vào thị trấn Pạc Xoòng bị Tây bắn chết rồi, năm ngoái. Xảo Xọi và mẹ vừa về Pạc Xoòng thăm mộ ông ấy đấy. Ông ấy chẳng có cái ảnh nào, bàn thờ chỉ thắp hương không thôi.

Giờ Nhị Nguyễn mới nhìn thấy một bàn thờ nhỏ để giữa nhà, ông bảo bà mẹ cho thắp một nén hương tưởng nhớ người đã khuất. Ông cầm nén hương vái, bà mẹ cùng Xảo Xọi đứng hai bên vái theo.

Mấy ngày sau. Ông Nhị Nguyễn đến nhà nai koong Nõn, định xem vết thương ở cánh tay Phon Kẹo đã đỡ hẳn chưa rồi cùng ông ta sang Phắc Phai, thì bất ngờ nhận được tin báo: đêm qua trưởng bản Phắc Phai vừa bị giết ngoài bìa rừng, trên ngực có vết đạn súng ngắn. Nai koong Nõn ngồi lặng hồi lâu. Ông ta chột ngừng lên nhìn Nhị Nguyễn cùng hai đội viên lúc đó đang ngồi đối diện, với ánh mắt giận giữ và bỏ vào buồng không nói thêm lời nào. Phon Kẹo ghé tai ông Nhị Nguyễn nói, trong mấy tháng qua đã có hai người cầm đầu thị tộc ở các bản U Pa Xa và Huội Xôi bị hạ sát, đều là đạn súng ngắn bắn trúng tim. Chỉ huy và lính đồn Huội Koòng đến đâu cũng tung tin, quân Việt Nam giết các tộc trưởng, trưởng bản.

Ông Nhị Nguyễn thấy phản ứng của nai koong Nõn như vậy, không khỏi lo lắng, từ nay việc xâm nhập bản không còn dễ dàng nữa. Pháp và tay sai Bun ùm riết ráo tranh đất, giành dân trên cao nguyên bằng việc lập ra cái gọi là “goum”. Goum không phải một tên viết tắt, mà là từ tiếng A Rập có nghĩa “đội quân”, mật danh này quân Pháp dùng để chỉ tổ chức vũ trang người dân tộc thiểu số do chúng lập để chống lại chính quyền cách mạng. Nha Hớn, một bộ tộc có khoảng ba nghìn dân, sống tập trung trong sáu tổng, ba mươi sáu bản Hạ Lào. Goum Nha Hớn ra đời sẽ là bình phong phía tây bắc cao nguyên Bô Lô Vên, chuẩn bị cho kế hoạch này, Pháp đang tìm cách ve vãn tranh thủ các tộc trưởng, trưởng bản. Chúng còn nhiều lần mời nai koong Nõn nhận chức châu mường ở thị trấn Pạc Xoòng mà ông chưa nghe. Hồi này ông chẳng đã nói với Nhị Nguyễn, bọn Pháp xảo trá khó lường, vả lại ông không bao giờ muốn xa đất Nha Hớn. Vậy mà giờ đây cái chết của trưởng bản Phắc Phai đã đảo lộn tình thế, sự nghi kỵ bao trùm Pha Lan, dù nai koong Nõn chưa ra mặt đối đầu với bộ đội Chính phủ Cầu.

Sau đó vài ngày, có lệnh gọi ông Nhị Nguyễn về họp ở căn cứ. Chỉ mình ông lên đường lúc tảng sáng. Vừa đến đầu bản, bỗng thấy có bóng người đứng chờ bên đường, đến gần là Xảo Xọi. Gương mặt cô nhạt nhòa trong sương đêm mù mịt, giọng run rẩy, đầy lo âu, hỏi:

- Anh đi thật à?

Ông Nhị Nguyễn bị bất ngờ, hỏi lại:

- Sao Xảo Xọi biết tôi đi vào giờ này?

- Em không ngủ được, nóng ruột quá. Em đứng ở đây từ nửa đêm, không biết anh đi lúc nào. Anh có còn quay lại Pha Lan nữa không?

Nàng đến sát hơn, ánh mắt nhìn ông như sáng rực lên trong đêm. Nhị Nguyễn cảm thấy lúng túng chưa biết nên xử sự ra sao, thì thấy một bóng người thấp đậm từ trong bản bước nhanh tới, nhìn ra là Phon Kẹo. Phon Kẹo nói:

- Chiều qua tôi gặp một anh đội viên, biết là đội trưởng sáng nay lên đường. Có việc cần báo gấp, chờ từ canh tư rồi – Ông ta nhìn sang Xảo Xọi tỏ vẻ ngạc nhiên- Sao cô cũng ở đây?

Xảo Xọi không nói gì, mắt cứ hướng về phía Nhị Nguyễn chờ trả lời câu hỏi ban nãy. Phon Kẹo liền chủ động kéo Nhị Nguyễn đi thêm vài bước, nói nhỏ chỉ đủ để ông nghe:

- Nai koong đã có bằng chứng, trưởng bản Phắc Phai bị đội công tác bắn đây. Người của bản Đắc Bun mật báo. Nai koong rất buồn và hoang mang. Chiều qua có người ở đồn Huội Koòng đến gặp riêng nai koong, hai bên nói chuyện với nhau khá lâu. Người kia về rồi nai koong gọi tôi vào báo, tôi sẽ thay ông chỉ huy đội quân Nha Hớn, còn ông sẽ đưa gia đình về thị trấn Pạc Xoòng lánh cuộc binh đao. Lực lượng mới được bố trí theo hai tuyến. Tuyến đông đồn Huội Koòng đảm nhiệm, tuyến tây của dân vệ người Nha Hớn. Sếp Xu nói, hai gọng kìm này sẽ kẹp nát quân tình nguyện Việt Nam và quân It Xa La khi xâm phạm bờ cõi Nha Hớn.

Chợt gà gáy rộn. Phon Kẹo bảo phải về, sợ có người trông thấy, từ nay ông ta và đội công tác không thể gặp nhau công khai như trước. Bỗng đổi sang giọng Huế, ông nói với Nhị Nguyễn:

- Eng nhớ giữ gìn. Bữa ni ngày dậu, eng xuất hành vào chánh dần, tiền trở hậu thành, có quý nhân phù trợ đó.

Nói xong Phon Kẹo biến ngay vào màn sương trắng đục tụ dày đặc. Xảo Xọi vẫn đứng đó. Ông Nhị Nguyễn đến bên, cầm bàn tay nhỏ nhắn lạnh toát hơi sương và nói:

- Tôi còn trở lại mà. Em về đi.

Cô cứ đứng ngây, để yên tay trong tay ông. Một cảm giác xúc động đến nôn nao khó tả chợt dâng trong lòng, thiếu chút nữa Nhị Nguyễn ôm cô sát vào mình, nhưng ông chỉ ghé vào tai cô, thì thào:

- Em về đi kéo lạnh!

Nói xong ông dứt ra, cắm cúi bước thật nhanh. Được một đoạn khá dài, Nhị Nguyễn quay lại, vẫn thấy bóng Xảo Xọi đứng giữa con đường lạnh vắng dỗi theo.

Đến căn cứ. Nhị Nguyễn gặp ngay Đỗ Trường, anh ta đã dẫn cả đội về trước ông có ít phút. Nhị Nguyễn kéo Đỗ Trường ra một góc vắng, hỏi:

- Cậu có biết trưởng bản Phắc Phai bị giết?

- Chuyện đã loang âm cả Nha Hớn, sao tớ không biết. Trên lập trường cách mạng, cậu nhìn nhận cái vụ này thế nào? Đỗ Trường hỏi lại.

Ông Nhị Nguyễn im lặng ít phút, rồi nói giọng trở nên gay gắt:

- Tộc trưởng Nôn nghi ta khử hấn đây. Mình thì cho rằng bọn Pháp và tay sai đứng sau chuyện này, giết hấn rồi đổ vấy cho ta.

Đỗ Trường vẻ mặt thản nhiên, bảo:

- Vụ ở Huội Xôi có thể bọn Pháp giờ trò đó và chúng đã khéo đóng kịch. Còn vụ này, tương kế tựu kế, tay trưởng bản Phắc Phai lâu nay tỏ ra cứng đầu trong hoà giải với Đác Bun, hẳn trở thành vật cản cho liên minh giữa các tộc Nha Hớn...

- Nên cậu đã giết hẳn? Ông Nhị Nguyễn không tin ở tai mình, ngắt lời.

- Một mũi tên trúng hai đích- Đổ Trường tỏ ra đắc ý- Ta loại trừ được kẻ phá hoại khối đoàn kết, địch lại phải chịu tiếng là kẻ thủ ác, hẳn bị giết ở gần đồn Huội Koòng, mình đã...

- Sao cậu mạnh động thế!- Chưa để Đổ Trường nói hết, ông Nhị Nguyễn kêu lên- Tộc trưởng Nõn từ chỗ ủng hộ ta đã quay ngoắt sang phía bên kia. Cậu đã xin ý kiến trên chưa mà làm việc này?

Nước da tai tái của Đổ Trường bỗng trở nên trắng bệch. Đó là biểu hiện anh ta đang bị chạm nọc và cơn giận dữ sẽ nổ ra ngay sau đó. Ở trạm Đô Lương năm ấy, khi ông buột miệng nói vui một câu, chạm tự ái, làn da mặt mỏng tang của anh ta lúc đó cũng bệch ra như thế này. Mắt anh ta trợn trừng, tiếng rin rít phát ra giữa hàm răng:

- Cậu bảo sao? Tớ mạnh động? Này, đừng phát ngôn bừa bãi! Đây là việc hệ trọng chứ không nói chơi đâu nhá. Hôm nay trên gọi về, để khen sự quyết đoán, dám chịu trách nhiệm của tớ và rút ra bài học kinh nghiệm cho các đội khác đấy. Còn cậu, cả tháng qua xuống cơ sở đã làm được việc gì chưa? Tớ hỏi cậu: vì sao Pha Lan ngay sát đồn địch như thế, lại không tiến hành phương thức hoạt động bí mật, bám dân mà chỉ dựa vào quan hệ với tầng lớp trên để tuyên truyền bề rộng thôi? Vì sao người cầm đầu bộ tộc lại quá tốt với cậu như vậy, phải chăng cậu đang bị vào tròng trong âm mưu phân hoá nội bộ của kẻ địch? Đấy, sơ sơ chỉ chừng ấy câu hỏi, sẽ trả lời thế nào đây trước cấp trên. Đừng dạy khôn. Nên nhớ, tớ vào nghề này trước cậu đấy.

Nói rồi Đổ Trường quay ngoắt, đi về phía ngôi nhà đoàn bộ. Cuộc họp diễn ra ngay sau đó. Quả như lời anh ta, người chỉ huy ở phân khu đã biểu dương tinh thần cách mạng tiến công của một số đội trưởng, trong đó có Đổ Trường và phê phán biểu hiện hữu khuynh, tuy không nêu đích danh trường hợp nào, nhưng ông Nhị Nguyễn biết là ám chỉ mình. Cuối bài phát biểu, vị này cho rằng thời cơ giải phóng toàn cao nguyên đã chín muồi, các đội vũ trang tuyên truyền cần chủ động đánh địch hơn nữa, đề cao tinh thần cảnh giác hơn nữa, tránh ăn phải viên đạn bọc đường của địch...

#

#

Cứ ba ngày một lần, ông giáo sư viện trưởng, một nhà y học có tiếng về tim mạch, trực tiếp đến nhà khám cho ông Nhị Nguyễn. Hôm nay giáo sư tỏ ra ngạc

nhiên sau khi xem các phim chụp, đọc các xét nghiệm trên máy, ông nói với vợ và con trai ông Nhị Nguyễn:

- Vùng não không bị lụt có dấu hiệu hoạt động mạnh hơn trước đây vài ngày, cứ đà này không biết chừng có thể phục hồi được vùng nói. Nếu vậy thì thật tuyệt vời, khi bác nhà ta cùng một lúc có thể nhìn, nghe và nói được.

Giáo sư Đào Hữu Long, con trai ông, nói với vị giáo sư cũng trạc tuổi nó:

- Thưa anh. Theo ý kiến của anh, tôi đã liên hệ được với hai giáo sư về tìm mạch bên Mỹ vốn quen biết. Sáng mai, đúng tám giờ ta lập một câu hội chẩn trực tuyến qua Internet tại đây. Hy vọng là điều anh vừa nói sẽ thành hiện thực.

Vị giáo sư gật đầu tỏ ý hài lòng. Ông Nhị Nguyễn nghe giáo sư và cậu con nói vậy tuy không hiểu lắm, sao lại có chuyện hội chẩn từ nơi xa chỗ bệnh nhân nằm đến nửa vòng trái đất cơ chứ, nhưng từ lâu ông đã biết một điều: thời nay có thể làm được những chuyện mà chỉ cách đây khoảng một chục năm thôi là điều không tưởng. Và ông, người sáu mươi năm về trước, trong rừng già Tây Trường Sơn đã được cứu sống bằng phương pháp chữa trị cổ sơ nhất, mù mờ nhất, đến hôm nay cuối đời lại được chữa trị bằng một phương pháp hiện đại nhất, tường minh nhất. Hoá ra cơ thể ta còn là nơi để ghi nhớ, để thể hiện bước tiến nhanh đến khủng khiếp của khoa học kỹ thuật, điều này thật thú vị và may mắn biết bao! Và ông khắp khởi mừng trong lòng: Một khi ta đã nói được, quỹ thời gian chỉ còn rất ngắn, không để mất thì giờ vào những chuyện dông dài, ta sẽ nói ngay với vợ con về chuyện của Xảo Xội và Khăm Đi. Ôi, vậy là đời ta kết thúc hoàn toàn có hậu rồi!

Suốt cả ngày ông không chớp mắt lúc nào, có lẽ do quá vui vì cái tin mà vị giáo sư kia mang lại, mãi đến khuya ông mới chớp mắt. Và “bộ phim” của những năm 1951- 1952 hoạt động ở Nam Lào lại hiện ra...

Cuộc họp ở căn cứ hôm ấy diễn ra khá nhanh, chỉ có chỉ huy sơ kết, nhận định tình hình, giao nhiệm vụ mà người dự không được phát biểu, rồi ai nấy về địa bàn của mình ngay. Khi chia tay, Đỗ Trường nhìn ông với con mắt kẻ cả, bảo:

- Cậu thấy chưa, anh bạn đồng hương của tớ có chung quan điểm và rất sáng suốt.

“Anh bạn đồng hương” đây là vị chỉ huy vừa chủ trì hội nghị, cùng quê Nga Sơn, Thanh Hoá với Đỗ Trường. Các đội trưởng đã lục tục về cả, ông Nhị Nguyễn nán lại, xin gặp “Anh bạn đồng hương” ấy. Sau khi kể sơ sơ về chuyện nai koong Nồn, những diễn biến mới nhất ở Pha Lan sau cái chết của trưởng bản Phắc Phai, Nhị Nguyễn nói thẳng toẹt:

- Đáng lẽ ta cần hết sức tranh thủ những chức sắc, già làng trưởng bản có uy tín thì mới phân hoá được kẻ địch, đằng này lại dùng cách thủ tiêu những người chống đối. Theo tôi là quá tả, sẽ đẩy thêm nhiều người Nha Hồn về phía bên kia. Đây là một sai lầm!

Ông Nhị Nguyễn nói vừa dứt, đã bị “Anh bạn đồng hương” của Đỗ Trường lấn át:

- Đồng chí mới thấy một mà chưa thấy hai. Chủ trương của ta vẫn nhất quán từ trước tới nay, vừa vận động, vừa võ trang. Tức mềm kết hợp với rắn. Đúng là Đổ Trường có quá rắn, đáng lẽ rắn đe trước, không nghe, lúc ấy mới dùng biện pháp quân sự. Tôi đã có trao đổi riêng rút kinh nghiệm với cậu ấy về chuyện này rồi, mặc dù trên hội trường vẫn phải biểu dương tinh thần cách mạng tiến công của cậu ấy để tạo khí thế chiến đấu chung cho các đội. Còn đồng chí, theo tôi lại mềm quá. Tức là hữu khuynh. Tộc trưởng Nồn là kẻ từng trải, khôn ngoan, xảo quyết chỉ vận động thuyết phục không hiệu quả, phải có biện pháp khống chế, rắn đe. Đồng chí chưa làm tốt điều sau, nên kết quả xây dựng cơ sở ở Pha Lan đến giờ vẫn là bí bết Đồng chí về đó làm lại như tôi nói, không nên thắc mắc với người khác cho mất thì giờ. Hãy nhìn lại chính mình đi!

Ra khỏi căn nhà nhỏ lợp lá trong rừng của vị chỉ huy nọ, ông Nhị Nguyễn cảm thấy bước chân hụt hẫng, mắt hoa hết hồi giữa rừng Trường Sơn sắp lên cơn sốt rét. Ông định thần, một ý nghĩ vụt đến: bỏ quách đây đi, về nước chiến đấu cho nhẹ đầu óc! Rồi ông lại tự giễu, vào sinh ra tử, tra tấn tù đầy còn không nản, nay mới đụng chạm có tí ti mà đã thoái chí ư? Đi được một đoạn, có tảng đá lớn khá bằng phẳng nhô khỏi mặt đất ngoài bìa rừng, ông liền ngồi hẳn lên, nghỉ một lát cho khuây khoả rồi về Pha Lan tính tiếp. Vũ trang và tuyên truyền- việc tưởng đơn giản mà rách việc thế đấy. Sau mấy năm gặp lại, đã thấy anh “trạm trưởng không biết đùa” trở thành con người chủ quan, tự mãn đến vậy. Và “người đồng hương” của anh ta nữa, tuổi quân cao hơn, cấp bậc cao hơn, đáng lẽ phải có tầm nhìn xa hơn kia. Đúng, sai thế nào, giờ ở đây có ai là trọng tài phân xử cho công bằng đâu. Ông bỗng nhớ đến huynh trưởng Tạ Quang Bửu. Hôm đó ông đến chào từ biệt trước khi vào miền Trung dự lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác dân vận, đúng lúc trên tay huynh trưởng có một cuốn sách dày cộp, hỏi mới biết đó là cuốn Phật học do một học giả Trung Quốc viết, dịch sang tiếng Anh. Lại có một bất ngờ mới: huynh trưởng quan tâm cả đến giáo lý nhà Phật nữa! Thư giãn trong giờ nghỉ thôi mà, huynh trưởng cười, bỏ cuốn sách xuống rồi bảo:

- Cậu sẽ đến một môi trường hoàn toàn mới đấy. Đã chuẩn bị kỹ về tư tưởng chưa?

- Kể ra, nếu được về đơn vị chiến đấu mới là toại nguyện huynh trưởng ạ. Ông Nhị Nguyễn nói.

- Việc gì được Đảng giao phó cũng hệ trọng cả- Huynh trưởng nói tiếp- Mình chỉ lưu ý cậu, trình độ nhận thức của cán bộ ta ở cơ sở còn chênh nhau nhiều lắm đấy, có khi phải đối mặt với những sai lầm, khuyết điểm khá là ấu trĩ của họ.

- Dù thế nào cũng phải đấu tranh đến cùng, phải không ạ? Ông Nhị Nguyễn chen vào.

- Đúng, nhưng phải có phương pháp. Thường thì nhu vẫn hơn cương. Nên tâm niệm một chữ “nhẫn”- Đến đây, huynh trưởng giở cuốn Phật học dày cộp nói tiếp - Trong này dẫn ra câu của kinh Phật: Thế trí biện thông. Đó là một trong tám nạn cản trở sự giác ngộ. Kinh nghiệm sống của mình, đụng những kẻ dở ông dở

thẳng như thể là mệt mỏi nhất. Họ lúc nào cũng tranh biện giành phần hơn, cho mình là chân lý. Giờ đây huynh trưởng ơi, tôi đang phải đối mặt với những kẻ thế trí biện thông đấy! Nhị Nguyễn liền đứng trên tảng đá, vươn vai hít một hơi dài cho căng lồng ngực, cho đầu óc đỡ mê mụ. Sau đó ngồi xuống doãi thẳng hai chân, hai tay chống về phía sau, mắt ông nhìn đăm đăm về phía dãy Phù Luồng xa xa. Dưới chân núi ấy có một bản Nha Hồn, có một người con gái tuổi trăng rằm. Ánh mắt trong sáng, hồn nhiên, sự phấp phồng lo âu về một cuộc chia xa của nàng sáng qua bỗng làm ông cảm động. Nàng quyến luyến mình thật rồi! Mình thì vô tình quá. Từ hôm ở nhà nàng về, ông không hề có ý định gặp lại, dường như chẳng có sợi dây tình cảm nào ràng buộc, ngoài sự hàm ơn. Nàng thì khác hẳn. Bản năng yêu thương đã bùng dậy từ khi ấy và nàng coi cuộc gặp bất đắc dĩ của ông trong căn buồng liếp sơ sài như cơ duyên trời định. Hơn một năm nay, từ khi biết tin Nghĩa lấy chồng, ra nước ngoài, ông cố gạt khỏi đầu óc cái ý nghĩ là mình đã bị phản bội. Rồi có lẽ cũng từ đó, trong lòng ông có phần e ngại mỗi khi tiếp xúc với phụ nữ và khi đã trải những năm tháng sống trong khổ hiềm, tù ngục, càng làm trái tim ông như chai đá hơn, không còn chỗ cho những tình cảm riêng tư chen vào. Vậy mà giờ đây, trong lúc buồn nản, cảm thấy cô quạnh ở nơi xa lạ này, thì người con gái tình cờ gặp ấy lại nhen lên trong ông một thứ tình cảm mới lạ, thương cảm xen lẫn ân hận. Cô gái ấy cứ hồn nhiên yêu đơn phương, còn ông thì thành kẻ lãnh cảm, nhạt nhẽo. Có đáng phải như thế không? Ông bỗng tự hỏi mình. Nàng đẹp, trong trắng, thuần phác, hết mình, chỉ những điều ấy thôi cũng đủ làm trẻ lại trái tim con người như ông lâu nay già cỗi vì lý trí ngự trị. Ý nghĩ mới mẻ ấy xuất hiện như một liều thuốc kích thích, làm ông thấy mình trẻ trung, hưng phấn trở lại và cả cái cảm giác lâu nay chưa bao giờ có: nóng lòng muốn gặp lại nàng. Thì ra, trong cuộc chiến bộn bề, nghiệt ngã, cũng cần những giây phút lắng lại cho riêng mình, lắng lại để nghe tiếng gọi của con tim mình. Không hiểu sao lúc đó ông chợt liên tưởng đến anh chàng máu gái Lèng Cảnh, hẳn mà gặp tình huống hiện giờ của ta nhỉ, Xảo Xọi sẽ nhớ hẳn đến phát điên, yêu hẳn đến phát cuồng cho mà xem, bởi hẳn mạnh mẽ và quyết liệt hành động. Hình ảnh “cái hạt mảy trong đêm trăng chín nẫu” ở bản Sộp Phác lại hiện ra. Phải chăng, tình yêu đi liền với tình dục mới làm cho con người trở nên đam mê, thành thật hơn với chính mình? Bỗng ông không muốn lý giải điều ấy cho ngọn ngành, mà lại muốn tự giấu “cái anh thầy tu ép xác” không hiểu đã có trong con người mình tự lúc nào. Bất giác ông mỉm cười...

- Sao đồng chí lại cười một mình?

Giật mình ngừng lên. Một người đội mũ nan, đeo túi dết bên hông đến bên ông có lẽ đã được một lúc và hỏi với giọng điệu vui vẻ. Cách không xa, còn có một người trẻ hơn đang đứng cạnh một con ngựa lông đen nhánh. Người đeo túi dết liền ngồi xuống tảng đá cạnh Nhị Nguyễn. Dáng thấp đậm, giọng miền Nghệ Tĩnh hơi trầm, đôi mắt sáng, cái nhìn đôn hậu ấm áp, nhất là khoé miệng rộng của người đó, bỗng làm ông nhớ đến huynh trưởng Tạ Quang Bửu, có lẽ người này cũng xấp xỉ tuổi huynh trưởng.

- Ngồi hóng mát anh ạ- Ông Nhị Nguyễn sau thoáng bất ngờ, hỏi lại- Anh từ đâu đến?

Người đó nhìn Nhị Nguyễn, nói là vừa từ tỉnh Chăm Pa Xắc về, trên đường đã gặp một số anh em đội công tác và cũng đoán ông vừa dự cuộc họp của phân khu ra. Người dắt con ngựa mun đi đến, giới thiệu với Nhị Nguyễn về người đeo túi dết:

- Đây là đồng chí Nguyễn Chính Cầu, bí thư Ban cán sự Hạ Lào.

Ông Nhị Nguyễn bị bất ngờ. Thời kỳ học nghiệp vụ ở miền Trung, giảng viên hay nhắc đến chính uỷ Nguyễn Chính Cầu và dân vùng này chẳng đã gọi tắt những chiến sĩ tình nguyện Việt Nam với cái tên chung là “Bộ đội Chính phủ Cầu” để tỏ lòng kính trọng đó sao. Đáng lẽ khi lớp học kết thúc vào cuối năm ngoái, chính uỷ Nguyễn Chính Cầu có buổi nói chuyện với anh em về tình hình nước bạn trước khi lên đường nhận nhiệm vụ mới, nhưng do bận một việc gì đấy đến phút chót chính uỷ không đến được.

- Đồng chí thuộc đội nào? Chính uỷ hỏi.

- Đội võ trang tuyên truyền khu vực Pha Lan, Huội Koòng. Tôi cũng mới về chưa được một năm anh ạ.

- Trước khi sang đây anh ở đơn vị nào? Chính uỷ hỏi và chuyển cách gọi từ đồng chí sang anh một cách nhẹ nhàng.

- Ở Việt Bắc. Chuyện cũng hơi dài, chỉ nói tóm lại là tôi ở một đơn vị kỹ thuật trực thuộc Thứ trưởng Quốc phòng Tạ Quang Bửu.

Chính uỷ Cầu nói:

- Hồi năm bốn bảy tôi còn ở Quân khu Năm, có lần ra Việt Bắc họp, được gặp, nói chuyện với Thứ trưởng Tạ Quang Bửu, ông là người giản dị dễ gần và nắm vấn đề rất sâu. Ấn tượng của tôi với ông là vậy, vì tôi bên ngạch chính trị, cũng ít có dịp làm việc trực tiếp với ông ấy.

- Tôi thì đang từ ngạch kỹ thuật chuyển sang chính trị đấy. Ông Nhị Nguyễn cười, nói lại với chính uỷ.

- Địch chú trọng xây dựng gôm Nha Hồn để chống ta, đội công tác của anh có gặp trở ngại khi tiếp cận dân địa phương không? Chính uỷ hỏi.

Ông Nhị Nguyễn nhớ đến cuộc gặp tay đôi chẳng mấy vui vẻ ban nãy, liền hỏi lại:

- Tôi không đồng ý với phương thức hoạt động vừa qua của ta với bộ tộc Nha Hồn và đã bày tỏ quan điểm, song không được chấp nhận. Không biết đồng chí Bí thư ban cán sự có cần nghe nói lại điều vừa trao đổi với cấp trên trực tiếp của tôi không?

Ông Nguyễn Chính Cầu xoay hẳn người đối diện với Nhị Nguyễn và trở lại cách xưng hô ban đầu:

- Đồng chí cứ nói hết, nói thoải mái. Chuyến đi của tôi lần này lấy trọng tâm là tìm hiểu tình hình các gôm, chuẩn bị cho kế hoạch giải phóng cao nguyên Bô Lô Vên của quân tình nguyện ta phối hợp với quân đội It Xa La bạn.

Ông Nhị Nguyễn nói lại những việc làm của một số đội vũ trang tuyên truyền khi xâm nhập các bộ tộc trên cao nguyên. Không thật sự tôn trọng phong tục tập quán của họ, phá tề trừ gian không có cân nhắc, chọn lọc, nhiều trường hợp nhằm cả vào những tộc trưởng, trưởng bản còn có thể tranh thủ, phân hoá được, cái chết của trưởng bản Huội Xôi, gần đây là Phắc Phai là một thí dụ. Nhiều tộc trưởng Nha Hồn từ chỗ ủng hộ đã xa lánh, có chỗ đối mặt với ta. Quân Pháp đang bận tranh chấp quyết liệt ở phía tây bắc cao nguyên và đang sa lầy với du kích huyện U Đôm Xin, cũng đã chớp lấy cơ hội này, nhảy vào lập ra các gòum, nhằm tạo một đội quân người dân tộc thiểu số bảo vệ vòng ngoài cho chúng. Như vậy, chỉ vì một sai lầm quá tả đã dẫn đến việc mất dân, mất đất. Giờ đây cần phải làm lại từ đầu để lấy lại niềm tin của dân Nha Hồn.

Chính uỷ chăm chú nghe, để Nhị Nguyễn nói xong một lúc lâu, mới hỏi lại:

- Nếu ta thay đổi, thực lòng muốn giúp bộ tộc Nha Hồn khỏi nạn tuyệt chủng, đồng chí có dám chắc là sẽ lấy lại được lòng tin của những người như nai koong Nồn không?

Suy nghĩ giây lát, ông Nhị Nguyễn nói:

- Ông ấy là một người hay có định kiến, lấy lại lòng tin thật không dễ. Nhưng tôi nghĩ nai koong Nồn từ lâu đã không tin Pháp và Bun ùm, rất sợ việc Pháp đưa con cháu ông ra làm bia đỡ đạn. Hiện giờ cú sốc sau cái chết của hai tộc trưởng còn chưa nguôi ngoai trong lòng ông. Phải có thời gian để ông ấy hiểu ta hơn. Và bằng hành động thực tế ta phải chứng tỏ thực sự muốn người Nha Hồn được sinh sôi phát triển trên mảnh đất của quê hương mình. Tôi về lại Pha Lan lần này hoạt động chắc sẽ khó hơn, dù cái giấy ông ra lệnh cho các tộc trưởng, trưởng bản đón tiếp, giúp đỡ chưa phải đã mất hiệu lực. Cũng còn một thuận lợi, người vừa được chỉ định thay nai koong chỉ huy gòum, dân Huế gốc, cảm tình với ta, ông ấy có thể sẽ ngầm ủng hộ, cung cấp được những tin quan trọng...

SÁU

Trên căn cứ có sự chấn chỉnh ngay. Vị chỉ huy “đồng hương” với Đỗ Trường bị cảnh cáo về Đảng và đã phải chuyển công tác mới. Đỗ Trường cùng một đội trưởng khác liên quan đến vụ thanh trừng trưởng bản Huội Xôi bị gọi về làm kiểm thảo và cách chức. Đội của ông Nhị Nguyễn được tăng cường thêm một đồng chí của bạn cũng người bộ tộc Nha Hớn, tên là Nôm, chỉ thị của cấp trên là: “Bám địa bàn. Nắm chắc tình hình goum và đồn Huội Koòng. Hết sức thận trọng, bảo đảm an toàn”.

Pha Lan, Huội Koòng đã hình thành đồn lũy, lính Pháp cùng dân vệ Nha Hớn thay nhau tuần tra râm rập. Đêm hôm đó, ông Nhị Nguyễn cùng Nôm lọt vào Pha Lan theo đường tắt qua các thửa ruộng khô hạn. Nôm trẻ hơn ông vài tuổi, ít nói và ánh mắt buồn buồn, anh được điều về địa bàn này vì có người bà con trong bản, có thể tạo cơ sở hoạt động. Hai người vừa bước chân lên con đường đất đỏ giữa bản, chợt nghe có tiếng quát:

- Từ đâu tới?

Ông Nhị Nguyễn nhận ra giọng Phon Kẹo, liền trả lời:

- Đắc Bun. Về thăm người nhà.

- Cho đi. Vẫn giọng Phon Kẹo. Sau đó có tiếng Tây xì xồ, thì ra đây là một trạm gác hỗn hợp, được tăng cường lính Huội Koòng. Như đã bàn định trước, Nôm về nhà người họ hàng, còn ông Nhị Nguyễn về nhà Xảo Xọi. Hai người đã tính kỹ điều này trước lúc đột nhập Pha Lan. Người họ hàng của Nôm tên là Phấn lâu lắm mới gặp lại, có thời gian ông ta đi lính nguy, yếu sức khoẻ phải về, chưa biết chính kiến thế nào và không thể khinh xuất, ngay buổi đầu hai người cùng đến ở đây. Hồi mới về Pha Lan, Nhị Nguyễn và hai đội viên tá túc ngay trong nhà nai koong Nỡn, nay gia đình nai koong đã chuyển đi hết, giao lại cho Phon Kẹo và mấy tùy tùng. Phon Kẹo có vị trí mới, phải giữ cho ông ta, không thể gặp gỡ công

khai, càng không thể ở trong nhà với ông ta. Một số nhà Nhị Nguyễn đã xuống sâu chuổi thì đều có người thân tham gia dân vệ, họ không còn đáng tin cậy như trước nữa. Chỉ còn nhà của mẹ con Xảo Xọi ở cuối bản, vả lại đã một lần Nhị Nguyễn đóng vai “con rể”, cái vỏ bọc này chưa lộ với lính đồn Huội Koòng. Nhưng ông cảm thấy ngay điều bất tiện khi đến ở nhà nàng. Giờ đây, đối mặt với sự sống chết chắc hẳn không còn chỗ xen vào chuyện tình cảm riêng tư. Ông không hé lộ điều gì về Xảo Xọi với người bạn mới, chỉ nói đây là cơ sở cũ, bà chủ có chồng liệt sĩ. Không còn cách nào khác, ông tự nhủ phải hết sức tỉnh táo.

Mới khoảng chín giờ đêm mà các nhà trong bản đã tắt đèn, cửa đóng im ỉm. Đứng dưới cầu thang, ông Nhị Nguyễn phân vân, cả nhà đã ngủ, hay cứ nằm tạm dưới gầm sàn chờ sáng? Bỗng có tiếng hỏi vọng xuống:

- Anh Nhị Nguyễn à?

Ông giật thót. Giọng Xảo Xọi, nàng chưa hề ngủ. Sao nàng biết ông đang dưới cầu thang? Có ánh đèn lập lòe trên sàn. Giọng bà mẹ:

- Ai đó?

Bước một bậc thang, ông Nhị Nguyễn nói vọng lên:

- Con là bộ đội Chính phủ Cầu đây ạ.

Lên đến sàn, thấy hai người đàn bà đứng đón. Xảo Xọi mừng rỡ:

- Em nghe được tiếng bước chân anh từ xa mà.

Ngọn đèn đốt bằng nhựa cây cà boong bập bùng hắt ánh sáng đỏ quạch, làm khuôn mặt mẹ con chủ nhà bỗng trở nên rạng rỡ. Ông Nhị Nguyễn nói:

- Con vừa trên cứ về, xin ở tạm nhà mẹ ít bữa.

Bà mẹ đặt ngọn đèn lên giá trên vách rồi quay sang bảo con gái:

- Con lấy nước cho anh rửa mặt.

Xảo Xọi ra chỗ vại nước đặt ngoài hiên, ông Nhị Nguyễn đi theo, mang trên tay cái khăn mặt. Múc đầy nước vào chậu sành, rồi nàng lấy cái khăn trên tay ông cho vào vò, còn định lau mặt cho ông, Nhị Nguyễn vội cầm lấy khăn, bảo:

- Để anh. Em vào nhà đi.

Xảo Xọi cứ đứng đấy chờ ông rửa mặt, xong mới vào. Bà mẹ cầm ra mấy củ sắn luộc, bảo:

- Lúc chiều luộc xong bỏ đấy, mẹ thấy mệt nằm sớm. Xảo Xọi cũng không ăn đi ngủ theo. Giờ cả nhà cùng ăn.

Ông Nhị Nguyễn giở túi dết, lôi bọc cơm nắm, có mấy miếng thịt gà kho mặn, suất ăn đường do nhà bếp ở cứ cấp. Nắm cơm được ông cắt ra nhiều phần, mấy miếng thịt bỏ vào bát đặt ở giữa. Ông đưa bà mẹ cùng Xảo Xọi miếng cơm nắm, còn mình cầm khúc sắn luộc. Bà mẹ nói:

- Lâu lắm rồi nhà mới có bữa thế này. Nhà mẹ neo người, có con về mẹ mừng lắm.

Ông Nhị Nguyễn lại đón từng miếng thịt gà kho đưa bà và con gái, hai người nhận, ăn ngon lành. Lát sau Xảo Xọi cầm miếng cơm nắm và miếng thịt đưa ông, bảo:

- Anh ăn nhiều sắn nóng ruột đấy.

Trò chuyện một hồi, tiếng gà gáy vọng đến. Bà mẹ nhẹ nhàng bảo với Nhị Nguyễn:

- Con vào buồng, mẹ ngủ ngoài này.

Nghe câu ấy ông cảm thấy vã mồ hôi hột. Bà mẹ coi ông là con rể thật rồi!

- Không được mẹ ơi- Ông vội nói- Chúng con đã có gì đâu. Con đang chiến đấu, nhiệm vụ còn nặng lắm. Mẹ và em ngủ trong buồng, con ngủ ngoài này.

Xảo Xội níu vào vai mẹ rồi đứng lên kéo mẹ theo, bảo:

- Anh là bộ đội mà mẹ, có phải người Nha Hồn đâu.

Gà đã gáy canh hai. Ông Nhị Nguyễn nằm ngoài sạp, hơi sương giá lạnh bay tấp từng chập qua tấm liếp nửa sơ sài, phải vội lấy cái vỏ chăn đơn cá nhân trùm đầu, trần trọc không ngủ được. Thỉnh thoảng nghe tiếng cọt kẹt trở mình từ trong buồng vọng ra. Ông chợt nhớ cuộc gặp lại chính uỷ Nguyễn Chính Cầu hôm rồi khi quay về căn cứ. Không ngờ “Ông trọng tài” ấy định rõ đúng sai, phân xử chóng vánh đến vậy, mấy vị bị khiển trách, kỷ luật cũng đều phải tâm phục khẩu phục cả. Và trước lúc ông lên đường, chính uỷ đã ân cần dặn: “Đội anh hoạt động độc lập nhưng không đơn độc đâu. Nên nhớ, cùng với tổ xung phong công tác luôn sâu, còn có trung đội vũ trang tuyên truyền, các đại đội ở vòng ngoài hỗ trợ. Trước mắt phải phối hợp với nhau cho tốt để nhổ gọn bớt Huội Koòng, làm rung động tuyến phòng thủ của địch, tạo thời cơ giải phóng toàn Nha Hồn. Tôi muốn nhắc lại với anh, lời đồng chí Phạm Văn Đồng căn dặn tôi trước lúc sang Nam Lào: Chúng ta phải chống tư tưởng dân tộc đàn anh, tư tưởng ban ơn, công thần đối với bạn. Các anh hành động độc lập, càng cần cần trọng giữ mình trong từng đường đi nước bước”. Ngày ông và Nôm lên đường về Pha Lan, cũng là lúc chính uỷ xuống tìm hiểu thực tế ở Huội Xôi, đó quả là một mẫu người chỉ huy sâu sát, quyết đoán. Suy nghĩ miên man, ông thiếp đi có lẽ đã được một canh giờ. Bỗng ông cảm thấy bên mình ấm nóng, thẳng thốt chạm đầu ngón tay vào da thịt ai đó mềm như nhung. Tiếng Xảo Xội như từ nơi rất xa, cùng cơn gió thoảng vào tai:

- Anh, anh...

Ông choàng tỉnh, mở chăn khỏi đầu. Thân thể nàng đang sát bên. Trong đêm tối mịt mờ, ông vẫn cảm nhận được bàn tay nóng hổi của nàng chơi với tìm đến người ông. Toàn thân ông run lên như đang cơn sốt rét. Ông nhòm dậy, định thần. Đã qua cơn mơ? Cúi xuống, có gương mặt trắng mờ, bộ ngực trắng mờ và làn tóc xoã cùng bóng đêm. Có điều gì còn mạnh hơn cả bản năng, ông nhẹ nhàng luôn cánh tay qua làn tóc dày, nâng nàng cùng ngồi dậy. Ông chủ động cài khuy áo ngực lại cho nàng và khẽ khàng bảo:

- Em gái. Ta ngồi thế này nói chuyện nhé.

Và tay kia ông quờ trúng cái bật lửa để cạnh gối, bật. Thoáng thấy mặt Xảo Xội bừng bừng, ông vừa định với tay châm lửa vào ngọn đèn trên vách, thì Xảo Xội đã vụt thoát ra, bước nhanh vào trong buồng.

Mờ sáng. Ông Nhị Nguyễn dậy ra đứng ngoài hiên, thấy bà mẹ làm lúi trong bếp. Ông trở vào sắp xếp tư trang nhét căng phòng túi dết. Từ lúc Xảo Xọi về buồng của nàng, ông đã quyết định phải đi khỏi đây ngay, trước hết gặp Nôm tìm một chỗ ở mới. Như vậy sẽ làm mẹ và nàng buồn tủi, song không còn cách nào khác! Ông đến bên bà mẹ đang lúi húi nhóm bếp, bảo:

- Mẹ ạ, con...

Bà mẹ vụt ngẩng lên, nhìn ông với gương mặt hốt hoảng, tái nhợt, nói ngay:

- Con cũng bỏ đi à? Lúc còn tối trời Xảo Xọi đã bỏ đi rồi.

- Xảo Xọi đi đâu ạ? Ông vội hỏi.

- Không biết nữa- Bà mẹ nhìn ông, đôi mắt nhòa lệ- Gần sáng mẹ tỉnh dậy, đã thấy nó ngồi, dựa lưng vào vách gục đầu từ lúc nào, hỏi không nói. Rồi nó đi xuống cầu thang, cứ tưởng một lúc thì lên, đến sáng không thấy nữa.

Ông nhị Nguyễn bần thần, chợt nhận ra một điều khó xử, bà mẹ sẽ ra sao nếu Xảo Xọi bỏ đi, ông vừa chân ướt chân ráo đến cũng bỏ đi nốt. Ông đặt túi dết xuống sàn, hỏi bà:

- Mẹ có đoán Xảo Xọi đi đâu không?

Bà mẹ lắc mái đầu bạc một cách tuyệt vọng.

- Mẹ nghĩ lại xem Xảo Xọi hay đến nhà ai, thử đến tìm, để con trông nhà.

Bà mẹ nhìn vào mắt Nhị Nguyễn, hỏi:

- Anh không bỏ mẹ mà đi chứ?

- Trước hết phải tìm được Xảo Xọi, mẹ ạ.

Bà mẹ lật đặt xuống cầu thang. Được chừng một giờ bà trở về, bảo đã đến mấy nhà bạn gái thân của nó mà không thấy. Ngồi thừ một lúc, bà nói:

- Có chỗ này. Hồi bé khi giận dỗi nó hay bỏ ra đây. Cái chòi canh trên rẫy.

- Rẫy có gần đây không ạ?

- Từ sau nhà, cứ theo đường mòn là tới. Giờ con ngồi nhà mẹ lên rẫy tìm.

- Mẹ để con đi- Ông Nhị Nguyễn nói và khoác túi dết vào người.

- Sao con mang cả túi? Bà mẹ hỏi.

- Để ở nhà phải giấu, kéo lính bắt chợt đến lục soát, con mang luôn theo cho tiện. Con phải tìm bằng được Xảo Xọi về cho mẹ.

Ánh nắng ban mai lúc đó đang tãi một màu vàng tươi, cho các mái nhà sàn xám xịt đỡ buồn tẻ. Một ngày mới lại đến với bản Nha Hồn nghèo xác xơ dưới chân dãy Phù Luống. Đã rục rịch có người đi lại trên con đường đất đỏ chạy giữa bản. Vườn nhà Xảo Xọi sát ngay cửa rừng, ông Nhị Nguyễn lẩn nhanh vào lùm cây không để ai nhìn thấy. Đường mòn hẹp chỉ vừa bước chân len lỏi qua các tảng đá, gốc cây, bụi rậm còn đọng sương mù dày đặc. Đi chừng nửa giờ thì mở ra trước mắt ông một khoảng trời thoáng đãng ngập nắng, đó là khu nương rẫy của đồng bào, vẫn còn sót lại những gốc rạ vụn vặt trước. Thoạt nhìn, đã thấy trên đỉnh rẫy có cái chòi chênh vênh, mái lợp cỏ tranh, vách nứa, ông Nhị Nguyễn liền hỏi hả trèo ngược một đoạn sườn đồi. Đứng dưới chân chòi, ông ngửa mặt gọi:

- Xảo Xọi ơi!

Không có tiếng thưa. Lại gọi lần nữa. Không phản hồi. Bức lên chòi gần như thẳng đứng là một thân cây được đẽo thành những bậc, bên cạnh có tay vịn, cái chòi rung rinh theo nhịp chân bước. Ông nhô đầu nhìn vào. Xảo Xoi đang ngồi bó gối, thu lu ở góc chòi, mái tóc dày xoã trùm ra phía trước che kín hết váy.

-Xảo Xoi! Ông khẽ gọi lần nữa.

Nàng vẫn không nhúc nhích. Ông lên sà nứa, mấy bước đến bên, cúi xuống lay vào vai nàng. Ngừng đầu, mắt Xảo Xoi đỏ hoe. Rồi nàng vụt đứng dậy, ôm ghì, gục vào vai ông nức nở. Cứ thế nàng khóc như mưa như gió, khóc cho thoả cơn hờn dỗi tằm tức suốt đêm qua. Ông chỉ còn biết đứng ngây, cứ để cho nước mắt nàng nhỏ xuống đầm vai mình. Đến khi thôi khóc, chỉ thỉnh thoảng nấc lên vài tiếng, nàng buông tay, lùi lại một chút, ngược đôi mắt nai xoáy vào ông, hỏi:

- Em đáng khinh lắm phải không?

- Không, không...

Lúc đó ông chẳng thể tìm được lời nào thích hợp để an ủi, để nói lên nỗi lòng mình. Vậy mà chỉ một tiếng “không” như thế, cũng đủ làm tan biến cơn hờn cùng nỗi mặc cảm của nàng. Và không gì có thể cản nổi, vòng tay nàng choàng lấy ông, xiết chặt đấm đuôi. Giờ đây ông hoàn toàn là của nàng!

Như có luồng điện từ đường nét trên thân thể qua làn vải mỏng của nàng truyền sang và bản năng mạnh như thác đổ của người con gái đang tuổi xuân môn mơn ấy, phút chốc đê bẹp, làm tan biến cái lý trí phòng vệ mong manh vốn thường trực, ông hồi hải áp môi mình vào đôi môi nóng bỏng, vào đôi mắt ướt át, vào bờ ngực tròn căng của nàng. Tiếp đến, ông bỗng thụp xuống, để đầu mình áp vào phía bụng nàng, ôm gọn nâng cả người nàng lên, hết như trò công kênh một đứa trẻ. Cứ thế ông hào hứng bước trọn một vòng trên sà nứa chật hẹp. Như không thích chơi trò “công kênh” nữa, ông đặt nàng xuống và cả hai cùng ngã lăn ra sà nứa. Nàng vụt trở nên mạnh mẽ nằm đè hẳn lên ông, cắn vào môi, vào má, vào cổ ông cho thoả cơn khao khát bấy nay, tay thì lần cởi khuy áo ngực của ông. Chẳng mấy chốc đầu nàng vùi gọn trong bộ ngực vạm vỡ nhiều lông tơ của ông và cứ hít lấy hít để cái mùi đàn ông mê mị mà lần đầu trong đời nàng được biết. Rồi nàng vục dậy điên cuồng, bỏ phăng những thứ vương vãi cản ngăn cho chúng bay lả tả xung quanh, tất nhiên cái túi dết bị quăng trước tiên, xuýt nữa oan gia bay khỏi chòi. Hai người cùng tận dụng mọi giác quan để khám phá nhau đến cực điểm, cái hồ nước tích lũy bao năm bỗng bờ bị vỡ oà, nước tuôn dào dạt. Màn khởi thủy của hai con người đang quần quai giữa núi rừng thanh vắng ấy, dường như chỉ để tỏ rõ sức mạnh một khi âm dương hoà hợp. Tiếng rên rỉ của sung sướng thần tiên hoà cùng tiếng ọp ẹp của phen nứa trần tục, chỉ thương cho cái chòi chênh vênh lúc đó bất chợt bị lên cơn sốt rét, may mà nó còn sức bền chắc để chịu đựng được hàng giờ đồng hồ trước sức mạnh huỷ diệt của “cơn bão tình”!

Sà nứa khô ráo bỗng chốc nhẽ nhại thứ dư thừa của cơn hoan lạc và sau đó là giấc ngủ mãn nguyện giữa “bãi chiến trường” ngổn ngang. Trưa. Ánh nắng trên chọc, dội vào mắt làm Nhị Nguyễn bừng tỉnh dậy. Nàng vẫn ngủ gối đầu trên

tay ông, đôi môi mỏng phơn phớt hồng he hé. Nàng đang nằm đó khoả thân trắng ngần, tóc mun xõa trước bộ ngực tròn căng vẫn để lộ đôi núm nhô cao màu cánh sen. Ông khẽ khàng rút tay mình ra và quờ lại cái túi dết vừa bị “hắt hủi” cho nàng gói.

Nhưng, chính cái túi dết dưới đầu nàng lại nhắc nhở ông về một điều hệ trọng, giúp mang lý trí trở lại sau thời khắc diễn ra như một giấc mơ, mà nào có ai biết trước được lúc ngủ sẽ mơ gì, là lành hay dữ.

Xảo Xối tỉnh dậy lúc quá trưa. Vừa mở mắt nàng đã nhoèn miệng cười hồn nhiên như đứa trẻ no sữa, khi thấy ông đang lơ đãng tựa lưng vào vách nhìn ra khoảng trời xa, thì hỏi:

- Anh nghĩ gì vậy?

Ông nhẹ nhàng đưa quần áo cho nàng mặc lại, rồi bảo ngồi bên có chuyện muốn nói. Nàng ngoan ngoãn làm theo.

- Xảo Xối à- Ông chậm rãi- Anh còn đang làm nhiệm vụ, không thể lúc nào cũng gần em được đâu...

- Nhưng anh là chồng em. Xảo Xối ngắt lời buống bình.

Ông gật đầu, quàng tay lên bờ vai nhỏ nhắn của nàng, nói tiếp:

- Anh vẫn phải đi chiến đấu đến khi giải phóng toàn cao nguyên này.

- Em đi theo anh. Làm gì cũng được mà.

- Không được. Em phải ở nhà trông mẹ chứ.

Gương mặt đang ngời ngời hạnh phúc của nàng bỗng xịu xuống, rồi nàng ngả đầu vào ngực ông nói nhỏ:

- Anh đừng bỏ em đây. Anh thề đi.

Ông khẽ xiết tay vào bờ vai nàng, cử chỉ như thay cho lời thề thốt, rồi ông quay hẳn người nhìn thẳng vào mắt nàng, nói:

- Em có biết anh đã phạm vào kỷ luật của quân tình nguyện không?

Đôi mắt của con nai vàng bỗng trở nên ngờ ngác, chưa hiểu hết câu ông vừa nói, nhưng lại linh cảm được hẳn đó là điều hệ trọng lắm. Nàng hỏi lại:

- Kỷ luật gì hở anh?

Ông cười, trả lời:

- Trong khi làm nhiệm vụ không được...

- Em hiểu rồi- Nàng nhoèn cười cắt lời- Nhưng mà em yêu anh, anh là chồng em cơ mà.

- Chính thế mới phạm...

- Có việc gì không anh?

- Kỷ luật nặng đấy. Bị đuổi về nước. Không được làm nhiệm vụ nữa.

Xảo Xối vội thoát khỏi vòng tay, xoay hẳn người nhìn thẳng vào mắt ông mà bảo:

- Không! Em sẽ gặp chỉ huy của anh. Anh là chồng em rồi mà, sao đuổi được? Có bao nhiêu bộ đội Pa Thét có vợ ở nhà đây thôi.

- Đúng vậy- Ông Nhị Nguyễn muốn xoa dịu nỗi lo lắng của nàng- Nhưng anh là quân tình nguyện, có khác bộ đội Pa Thét đấy.

- Người Việt Nam lấy vợ Lào được chứ! Xảo Xoi quả quyết.

- Được. Nhưng anh là bộ đội. Kỷ luật không cho phép như vậy, chỉ khi đã ra khỏi quân ngũ.

Nàng ngồi thừ một lúc, nhìn ông, bỗng oà khóc như con trẻ. Ông vội kéo nàng lại gần vỗ về:

- Thế nên anh mới bàn với em việc này. Em nghe anh thì mọi chuyện sẽ không có gì nghiêm trọng cả. Được không?

- Anh nói đi. Nàng lại gục đầu vào ngực ông, vẫn còn giậm dút khóc.

- Trước mắt anh chưa thể làm chồng em được- Ông nói- Coi như giữa em và anh chưa có chuyện gì...

- Anh là chồng em rồi mà. Xảo Xoi tỏ ra không hiểu lời ông vừa nói.

- Đúng rồi. Nhưng nếu ra công khai anh bị ra khỏi quân ngũ ngay, bị đuổi về...

Nàng lại cắt lời:

- Anh ơi, sao anh sợ bị đuổi về thế? Bị đuổi vẫn có em làm vợ anh cơ mà.

- Anh không sợ bị đuổi, nhưng anh sợ bị mất danh dự...

- Danh dự là cái gì mà ghê thế hở anh?- Nàng lại hỏi, có thể đây là lần đầu tiên nàng nghe đến câu ấy và vì câu ấy mà nàng có thể mất người mình đã gửi gắm cả cuộc đời. Nàng lẩm bầm- Danh dự...

- Nói ngắn gọn để em hiểu. Giống như việc em bị xỉ nhục, bị mắng ấy, em đã bị thế chưa?

- Em vẫn bị mẹ mắng lúc em làm điều gì sai. Em thấy bình thường thôi. Còn chưa ai xỉ nhục em cả. Mà em đã làm gì sai đến mức bị xỉ nhục.

- Anh nói vậy để em hiểu phần nào thôi. Mất danh dự thì còn nặng nề hơn bị mắng nhiều lắm. Cả đời sẽ ân hận, sẽ buồn khổ vì điều đó.

Nàng thôi không dựa vào ông nữa, ngồi yên, đôi mắt ử dột nhìn ra phía rừng cây, chắc hẳn nàng đã hiểu phần nào cái án kỷ luật đang treo lơ lửng trên đầu ông khi chuyện ông đã trở thành chồng nàng bị lộ ra. Một lúc lâu, nàng ngược lên hỏi:

- Có cách gì để không mất danh dự không anh?

- Thế nên anh mới bàn chuyện này với em- Ông nói- Vẫn có cách đấy.

- Anh nói ngay đi. Nàng giục.

- Em đừng để lộ chuyện này cho bất kỳ ai. Anh thì phải đi ở nơi khác, không thể thường xuyên gặp em được.

Nghe đến đây, Xảo Xoi nhích người ra xa ông và dựa hẳn lưng vào vách nứa phía đối diện, đôi dòng lệ lặng lẽ lăn trên gò má nhọt nhọt. Mãi sau, nàng hỏi:

- Anh không bỏ em chứ?

- Không! Ông bỗng thấy sống mũi mình cay cay khi lại chỉ thốt ra được câu ấy...

#

Phon Kẹo mật báo, trong mấy ngày tới sếp Xu sẽ cùng lính đi lùng sục từng nhà, chúng cho rằng người của đội công tác đã ém sẵn trong Pha Lan làm nội ứng cho cuộc tiến công đang tới gần. Ban ngày ông Nhị Nguyễn và Nôm phải rút ra rừng, đêm mới quay về cơ sở. Từ khi nai koong Nôn ra đi, Pha Lan không có trưởng bản, mọi việc do Phon Kẹo quyết định. Nhưng điều bất ngờ là hôm rồi sếp Xu tập họp dân bản lại, tuyên bố từ nay ông Phấn sẽ là trưởng bản, Phon Kẹo chỉ phụ trách đội dân vệ thôi. Ngay hôm Nôm về ở nhà, ông Phấn đã nói là sếp Xu trong bụng không tin Phon Kẹo đâu vì ông ta từng được bộ đội Việt Nam cứu, nhưng hẳn còn ngại là người thân tín của nai koong Nôn mà để thôi, nay đã tìm cách gạt bớt quyền của ông ta. Theo Nôm, có thể tin được Phấn, ông này từng là lính của sếp Xu, biết sự tàn bạo, xảo trá của hẳn nên cáo bệnh về nghỉ. Trước khi nhận làm trưởng bản ông có hỏi Nôm, anh khuyên nên nhận, ông ra làm sẽ có lợi cho cách mạng. Tối hôm đó Nhị Nguyễn cùng Nôm từ trong rừng về gặp ông trưởng bản Phấn.

Ngôi nhà nằm kín đáo dưới chân một quả đồi, cây cối um tùm bao quanh. Trưởng bản Phấn là em họ Nôm, trạc ngoài ba mươi tuổi, ông có một đứa con gái mười tuổi, vẫn ao ước có thêm đứa con trai mà bà vợ không thể đẻ vì ốm yếu quặt quẹo. Nôm đã nói trước với chủ nhà về ông Nhị Nguyễn, nên lúc gặp không có gì phải e dè. Phấn bảo:

- Sếp Xu ngày càng không tin Phon Kẹo. Hôm trước có cả tôi đứng đây, ông ta bảo đang tìm tung tích Phon Kẹo, không chắc phải là người Nha Hồn, có khi người Việt trà trộn. Pháp đã hứa trang bị cho lính Nha Hồn một nửa là súng tiểu liên, thế mà đã cả tháng nay sếp Xu chưa phát xuống khẩu nào, Phon Kẹo hỏi cứ lờ đi.

- Phon Kẹo đã biết ý tứ của sếp Xu chưa? Ông Nhị Nguyễn hỏi.

- Biết chứ- Ông Phấn nói- Hôm qua ông ấy ra Pạc Xoòng, nói là xin ý kiến nai koong Nôn, tìm người thay ông chỉ huy gôm Nha Hồn. Đã đến lúc ông phải rút lui, giống như việc nai koong đi lánh nạn vừa rồi. Tôi còn biết ý ông sợ sếp Xu ngầm hãm hại, đi đâu cũng có kè kè hai lính Nha Hồn.

Ông Nhị Nguyễn hỏi về tình hình đồn Huội Koòng. Ông Phấn đem ra một bản sơ đồ, nói là từ khi lập xong gôm ở Pha Lan, việc canh phòng ở đồn lại lơ lửng hơn, sếp Xu vẫn huênh hoang, quân tình nguyện, quân Ít Xa La mà lọt vào là không có đường ra. Hỏi về sếp Xu, ông Phấn nắm khá rõ về lai lịch tên này. Hẳn quê ở A Tô Sơ, từng tham gia đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh, làm đến huyện đội trưởng. Khi quân Pháp và nguy Bum ùm lên nắm quyền cai trị cao nguyên, hẳn liền trở cờ ngay. Do khá hiểu về nội bộ ta và thông thạo địa hình, hẳn có nhiều thủ đoạn chống phá cách mạng còn tàn bạo hơn tất cả những tên đồn trưởng khác do Pháp dựng lên. Thường khi đến cơ sở nào, hẳn chỉ mặt, điểm tên từng người

và hay dẫn lính đi đón lõng cán bộ ta vào lúc nhá nhem tối. Gần đây còn có thêm thủ đoạn gọi là rung chà bắt cá. Hắn cho một tiểu đội vào làng gây náo loạn trước, cán bộ ta phải rút ra, lính mai phục bên ngoài sẽ chụp gọn. Hôm rồi đã xảy ra một chuyện đau lòng. Anh cán bộ của Mặt trận Ít Xa La tên là Thọ Xiêm rơi vào ổ phục vòng ngoài của sếp Xu. Hắn nhận ra Thọ Xiêm ngay. Hắn muốn biết nơi đóng của cơ quan tinh bộ, Thọ Xiêm một mực không khai, còn chửi hắn là tên phản bội, chớ sẵn cho giặc. Hắn đã đâm thẳng vào mặt, đá mũi giày đinh vào ngực, rồi túm tóc, dí mũi súng vào đầu Thọ Xiêm, nếu không khai sẽ bắn bỏ. Thọ Xiêm nhổ cả bãi máu cùng cái răng bị gãy vào mặt tên phản bội. Điên cuồng, hắn bóp cò, óc Thọ Xiêm vỡ toé cả ra người hắn...

Đã gần nửa đêm. Ông Nhị Nguyễn vừa cầm bản sơ đồ định cất vào túi dết cùng Nôm trở về chỗ ở trong rừng, thì có người nhà của trưởng bản chạy lên báo tin. Đáng lẽ ông Phon Kẹo từ Pạc Xoòng về chiều nay như đã hẹn, đến giờ vẫn không thấy, bên ấy đang nháo nhào đi tìm. Trưởng bản Phấn về mặt lo âu, hỏi lại:

- Hai lính hộ vệ đã về chưa?

- Chưa!- Người nhà Phấn nói- Thế mới lo chứ.

Đến trưa ngày hôm sau, trưởng bản cho người vào rừng báo, đã tìm thấy xác hai người lính hộ vệ, không thấy Phon Kẹo, hai xác đều bị khoét mắt rất thảm thương. Lính đồn Huội Koòng vào bản tung tin, Phon Kẹo cùng hai lính về gần đến Pha Lan thì bị đội công tác của Việt Nam phục kích, hai lính chết tại chỗ, bị móc mắt liền, còn Phon Kẹo bị thương chạy thoát vẫn chưa thấy về. Đội công tác làm vậy để trả thù việc nai koong Nôn cùng Phon Kẹo lập ra gôum Nha Hởn chống lại Việt Nam và Mặt trận Ít Xa La. Ông Nhị Nguyễn bàn với Nôm, rõ ràng đây là âm mưu ác độc của sếp Xu, cùng một lúc hắn đạt hai mục tiêu, khử Phon Kẹo và đổ vấy cho quân tình nguyện. Có thể Phon Kẹo bị thương, trốn trong rừng bọn chúng chưa tìm ra, phải nhanh chóng cứu ông ta, cũng vừa là cách làm sáng tỏ vụ này. Ông Nhị Nguyễn và Nôm chia làm hai ngả đi tắt sang khu rừng Phon Kẹo vừa bị phục kích, phải hết sức kín đáo, rất có thể sếp Xu cũng chia lính lùng sục, trừ khử bằng được đôi thủ. Ông Nôm thông thuộc địa hình hơn, đi phía sườn núi rậm rạp, còn ông Nhị Nguyễn tìm dọc theo bìa rừng sát bản Pha Lan.

Không có đường, ông Nhị Nguyễn phải mò mẫm vạch đường mà đi, gai sắc đã cào rách toạc vạt áo từ lúc nào, còn đôi dép râu mấy lần tuột quai, ông phải lấy dao vót cái nẹp xỏ lại. Trước lúc khởi hành hai người ăn nắm cơm nhỏ, giờ đã qua nửa ngày bụng ông còn cào sôi réo. Đang lần mò từng bước, chợt ông nhìn thấy một cây vả quả sai lúc liu, thứ cây mọc nhiều ở rừng Việt Bắc mà đã đôi lần ông được bà con người thiểu số hái cho ném thử. Trái vả to như cái bát, vỏ chín thẫm, bỏ ra mật đông đặc trong ruột. Ông chọn ăn liền ba quả to nhất, bụng no căng. Thấy một khe nước nhỏ chảy tí tách, ông cuộn lá vả làm đài hứng, uống ngon lành. Trời về chiều. Nghe tiếng chim ríu rít trên đầu, ông ngừng lên, vả cũng là miếng ngon của sáo sậu, chào mào, cà cưỡng, chèo béo, cu gáy...Đang mãi ngắm lũ chim, bỗng ông thấy đầu óc choáng váng, sa sầm mặt mày, ngã ngối cạnh gốc

vả. Rồi từ miệng nôn thốc tháo mọi thứ có trong dạ dày, tiếp đến ra cả mật xanh mật vàng. Mình bị ngộ độc rồi! Trái vả vốn lành cơ mà, hay vả Lào độc, còn vả Việt Bắc lành? Tổng được mọi thứ trong bụng ra thấy đỡ chóng mặt, rức đầu, ông gượng vốc nước chiêu vài ngụm. Bụng lại rỗng không, cái đói tiếp tục dày vò (Về sau ông có dịp hỏi người dân địa phương mới biết, vả ăn lúc đói dễ say, cũng như bị ngộ độc vậy). Len lỏi một hồi trong khu rừng rậm, ông đến được một cái nương đã bỏ hoang nhiều vụ. Vận may trước mắt ông, có một cây đu đủ còn sót một quả khá to chín đỏ. Ông hái xuống thì thấy nửa bên kia quả đã bị khoét rỗng, vết răng chuột còn hằn, chú chuột núi nào đó súyt nữa đã nâng tay trên của ông thứ thực phẩm bổ dưỡng. Ăn xong nửa trái đu đủ ông thấy người khoẻ hẳn, lên đường ngay. Không biết giờ này Nôm đã tìm ra tung tích của Phon Kẹo chưa, hai người đã hẹn gặp lại nhau vào lúc nửa đêm ở nhà trưởng bản Phăn.

Trời nhập nhoạng tối. Bỗng phía trước loé ánh lửa rồi vụt tắt. Ông rút khẩu súng ngắn, bò trườn về phía ấy. Tiếng rên khe khẽ vọng lại. Ông bò tới gần, quát:

- Ai?

Không có tiếng đáp. Ông Nhị Nguyễn lại hỏi:

- Ai đây?

- Miêng.

- Phon Kẹo à?

- Đội trưởng à?

Rồi ánh lửa lại bật sáng. Ông Nhị Nguyễn chạy đến, nhận ra Phon Kẹo nằm trên sườn dốc, cái tay trái bị hổ vồ đạo nào đang giơ bật lửa lên cao cho ông nhìn thấy, một bên đùi đầm máu, đạn xé ông quần rách tướp. Nhị Nguyễn đỡ ông gồi đầu vào đùi mình, trong ánh lập loè của bấc bật lửa thấy máu đã khô cứng cả nửa ống quần. Phon Kẹo thở dốc, máu ra nhiều làm ông kiệt sức. Nhị Nguyễn nói:

- Tôi công ông về bản.

- Nước! Phon Kẹo rên rảm.

Ông Nhị Nguyễn đặt đầu Phon Kẹo lên đồng lá khô vừa vun lại, chạy xuống chân đồi. May mà cách chỗ Phon Kẹo nằm không xa có một khe nước, ông chặt một ống nứa hứng đầy. Phon Kẹo vồ lấy ống nứa uống ừng ực.

- Sếp Xu phục kích trên đường về bản- Phon Kẹo thều thào- Miêng trúng đạn trước. Anh em bắn trả. Miêng lết vào bụi. Biết hai eng đã chết cả, miêng lăn xuống một cái khe cỏ trón. Sếp Xu đã cho lính tìm rát suốt cả chiều. Chúng rút, miêng bò lên đây. Miêng chết là cái chắc rồi đội trưởng à.

Ông Nhị Nguyễn vội đỡ Phon Kẹo ngồi dậy, do động vào chỗ vết thương lại tứa máu, sũng ướt ống quần. Ông đau đớn, nghiêng răng mà vẫn bật ra tiếng rên, ngồi bệt xuống đất. Nhị Nguyễn nhìn quanh. Và giống như anh đội viên đạo nào đã lấy lá nhai dẹt vào vết răng hổ, ông cũng dứt một nắm lá cây chó đẻ trong bụi cho vào mồm nhai, sau đó đắp cả vào chỗ vết thương ở đùi Phon Kẹo, rồi xé vạt áo của mình băng lại.

- Mất nhiều máu quá! Phon Kẹo rên rĩ.

Ông Nhị Nguyễn lại khom lưng định cõng, Phon Kẹo ngồi dựa vào gốc cây, nói:

- Nước nữa.

Ông Nhị Nguyễn đưa ống nước về, đã thấy Phon Kẹo gục mặt xuống đầu gối. Ông nâng đầu, đưa từ từ nước vào miệng, hết nửa ống nước xem ra Phon Kẹo đã tỉnh hơn. Ông ta ra hiệu cho Nhị Nguyễn sát gần hơn, thều thào:

- Lần này đi miềng đã linh cảm chuyện chẳng lành. Tính kỹ giờ xuất hành từ Pạc Xoòng về, mà ruốt cuộc giờ hoàng đạo thành hắc đạo. Cái hạn bốn chín lớn quá, cách nào cũng không qua khỏi. Không chết vì con hổ dữ thì phải chết dưới tay con quỷ ác. Âu là số trời eng à!

Phon Kẹo dừng vì quá mệt và lại uống hết cả ống nước. Ông thều thào tiếp:

- Có một việc muốn nhờ cậy đội trưởng, chừ có thuận cho miềng chẳng?

- Ông cứ nói. Tôi sẽ hết sức.

- Miềng có một bảo vật giấu trong cái hộp hai đáy để ở đầu giường. Khi miềng chết, eng nhớ lấy bảo vật ấy để vào quan tài cho miềng được toàn thây. Nhờ cậy eng chuyện ni, đừng quên.

- Ông nói gì vậy!- Nhị Nguyễn kêu lên- Bảo vật nào? Sao lại chết toàn thây?

Dường như toàn bộ sức lực còn lại được huy động nốt, giọng Phon Kẹo âm sắc rõ hơn:

- Miềng vốn là quan hoạn của hai triều Khải Định và Bảo Đại mà. Cách mạng nổi lên ở Huế, miềng sợ chạy dạt sang đây...

- Ông bảo sao? Ông Nhị Nguyễn hỏi lại.

- Từ năm mười lăm tuổi miềng đã bị xẻo “của quý” để được vào cung.

Phon Kẹo từ từ nhắm mắt, không nói thêm câu nào nữa. Ông Nhị Nguyễn cúi xuống áp tai vào ngực ông ta, tiếng tim đập dứt quãng, yếu ớt. Ông liền khom người để Phon Kẹo nằm ngả lên lưng, đứng lên. Sau đó ông cứ ngất ngư đạp bừa bụi, gốc cây mà tụt xuống chân đồi.

Bản Pha Lan trước mặt. Tối mờ. Có những ánh đèn lập loè. Vừa đến cổng, bỗng có toán lính Nha Hồn xô ra. Ông nói:

- Ông Phon Kẹo bị ám hại. Tôi vừa tìm thấy trên rừng.

Mấy người lính xúm lại. Một người vội đỡ thay cho Nhị Nguyễn, cõng Phon Kẹo chạy băng băng vào bản. Nai koong Nõn đang ở đấy, ông từ Pạc Xoòng về Pha Lan lúc trưa khi nghe tin Phon Kẹo và hai người lính bị phục kích. Phon Kẹo được đưa thẳng lên sàn, đặt nằm ngửa giữa nhà. Mặt ông bệch như đồ sập. Nai koong Nõn cúi xuống gọi mấy lần, mắt Phon Kẹo vẫn nhắm nghiền không trả lời. Nhiều dân bản biết tin kéo đến đứng vây quanh, nét mặt ai cũng thất thần. Bỗng mắt Phon Kẹo từ từ mở, nhìn nai koong Nõn, đôi môi bệch như vôi của ông mấp máy mấy tiếng dứt quãng:

- Sếp...Xu...bản...

Sau đó hàm cứng lại, mắt ông ta cứ trừng trừng hướng lên trần nhà. Ông Nhị Nguyễn cúi xuống áp tai vào ngực Phon Kẹo, lặng phắc không còn động tĩnh

gì nữa. Ông ngừng lên nhìn nai koong Nõn lắc đầu. Nai koong Nõn đưa tay vuốt mắt cho người trợ thủ đắc lực, xấu số của mình. Lúc đó có tiếng giầy đinh rầm rập, tiếng nói ồn ào dưới chân cầu thang, nai koong Nõn đưa mắt bảo ông Nhị Nguyễn tạm lánh vào trong buồng. Ông vừa vào buồng thì sếp Xu cùng hai tên lính Âu Phi bước lên sàn nhà. Sếp Xu hất hàm hỏi nai koong Nõn:

- Ai tìm thấy ông ta?

Nai koong chỉ về phía người lính vừa công Phon Kẹo. Sếp Xu nhìn anh ta hỏi xẵng:

- Thấy ở đâu?

- Trong bụi. Gần chỗ hai người lính chết. Người dân vệ trả lời khá tự nhiên dù không có chuẩn bị trước.

- Không đúng!- Sếp Xu sùng sộ- Sao tao đã tìm kỹ xung quanh mà không thấy?

Thực ra đó là câu nói hớ, nai koong Nõn liền tấn công:

- Lúc họ vừa bị bắn các ông đã có mặt ở đó rồi sao?

Sếp Xu biết là giấu đầu hở đuôi, liền chống chế:

- Nghe tin họ bị đội công tác Việt Nam phục kích, một lúc lâu chúng tôi mới đến được.

Nai koong Nõn đầu lý:

- Ông nói vậy không đúng! Mãi về sau lính Nha Hồn có mặt thì có còn lính nào của ông đâu. Ông đã bắn và rút trước đó rồi.

- Ông bảo sao, chúng tôi bắn? Sếp Xu mặt đỏ lựng, mắt trợn ngược.

- Chúng tôi có bằng chứng, các ông phục kích họ chứ không phải đội công tác Việt Nam.

- Bằng chứng nào? Sếp Xu sùng sộ.

- Trước lúc tắt thở- Nai koong chỉ Phon Kẹo, nói rành rọt- ông Phon Kẹo còn nói được câu “Sếp Xu bắn”. Tất cả những ai có mặt ở đây có thể làm chứng.

Nai koong vừa dứt lời, mọi người xung quanh ào ào hưởng ứng. Sếp Xu đỏ họng, đứng yên chưa biết nên thế nào thì tên Âu Phi ghé vào tai hắn nói câu gì đó. Lát sau sếp Xu nói với nai koong Nõn:

- Chuyện này sẽ điều tra. Chúng ta đang liên kết với nhau, làm gì có chuyện bắn lẫn nhau. Ông đã cử người thay ông Phon Kẹo chưa?

- Lo tang lễ cho ông ấy xong chúng tôi mới bàn. Việc ông trước mặt nói liên kết mà lại bắn vào gáy chúng tôi, cần phải làm rõ, có vậy cái gôm này mới tồn tại được. Người Nha Hồn chúng tôi bị giết quá nhiều rồi.

Nói xong nai koong quay sang bảo người nhà lo khâm liệm cho ông Phon Kẹo, tỏ ra không quan tâm đến những kẻ không mời mà đến ấy nữa. Sếp Xu nói vót vát với nai koong:

- Phon Kẹo không phải người Nha Hồn, ông đã biết chưa?

Nai koong Nõn quay lại, đôi mắt giận giữ nhìn hắn, nói:

- Tôi không cần biết! Tôi sẽ làm tang lễ người Nha Hồn cho ông ấy.

Mọi người xúm quanh thi hài, trơ ra sếp Xu và hai tên Âu Phi. Chúng lẳng lẳng xuống cầu thang. Ông Nhị Nguyễn sực nhớ đến lời trăng trối của ông Phon Kẹo lúc trong rừng, liền đưa mắt tìm. Đây rồi, cái hộp gỗ nhỏ để ở góc đầu giường, ông cầm mở ra chỉ thấy mấy thứ kim chỉ, gương, lược. Cái hộp hai đáy, lời Phon Kẹo nói vậy. Ông liền tì thân hộp vào sát người rồi kéo mạnh phía dưới, bỗng bật ra đáy nữa. Quả nhiên có một cái bao nhỏ bằng lụa ép dẹp để trong cái đáy thứ hai, “của quý” của ông ấy đây rồi! Ông Nhị Nguyễn vội lấy cái bao lụa bỏ vào túi áo ngực, xong lấp lại đáy hộp. Đúng lúc đó nai koong Nõn đi vào, bảo:

- Chúng đi rồi. Ông ra được rồi.

Trưa, cổ áo quan gỗ mới làm xong. Khi nắp ván thiên sắp đóng đinh, ông Nhị Nguyễn lẳng lẳng bỏ vào phía giữa thi hài cái bao lụa, cử chỉ ấy không qua được mắt nai koong Nõn. Nai koong hỏi:

- Anh bỏ vào cái gì ?

- Một thứ của ông ấy trước khi chết yêu cầu tôi bỏ giúp, tôi cũng không biết là thứ gì. Ông Nhị Nguyễn trả lời.

- Có nên mở ra xem không? Nai koong lại hỏi.

- Không nên! Đó là tâm niệm của người chết...

#

#

Mãi đến lúc này, khi ông Nhị Nguyễn hồi tưởng lại những sự việc kể trên, ông mới biết thêm bí ẩn đời tư của hoạn quan xấu số, người mà trước khi đi đâu cũng bám chọn giờ hoàng đạo, tránh giờ hắc đạo mà chỉ toàn gặp điều xui xẻo. Ông ấy đã thành “người âm” từ hơn nửa thế kỷ trước tại cao nguyên Nam Lào xa xôi, bỗng dưng vụt hiện đến gặp ông Nhị Nguyễn trong ngày ông sắp già biệt cuộc đời để tri ân.

Chào trước, Phon Kẹo hỏi ngay rằng có còn nhớ cố nhân không? Ông Nhị Nguyễn cười nói là, ông không thay đổi nét mặt dù đã năm mươi năm trôi qua.

- Dưới suối vàng- Phon Kẹo nói- tôi vẫn đợi ơn ông. Ông đã hai lần cứu tôi. Chỉ vì căn số tôi quá nặng nên yếu mạng, nếu còn đến giờ đã hơn trăm tuổi rồi đấy. Mà hoạn quan mấy người được trời cho tuổi đầu.

- Mãi đến khi ông sắp chết tôi mới biết điều bí mật của ông đấy. Ông Nhị Nguyễn cười bảo.

- Thế hôm tôi bị hổ vồ, cởi truồng mà ông không để ý à?

- Có thấy, rồi nhiều việc quá quên bẵng. Hôm lấy “của quý” của ông trong hộp lại không còn thì giờ để mở ra xem nữa.

- May cho tôi đấy. Bảo cụ người thứ hai biết là mất thiêng, có cho vào áo quan cũng coi như không được toàn thân đâu.

- Vây ư- Ông Nhị Nguyễn ngạc nhiên và hỏi- Sao ông lại thích đọa đày thân xác mình như vậy?

Ông Phon Kẹo bỗng ngửa mặt lên trời, cười mà có giọt lệ ứa ra từ đôi mắt nhắm tịt, đó là cái cười mang đủ mọi dư vị chua chát đắng cay! Im lặng hồi lâu ông ta mới nhỏ nhẹ kể về cuộc đời thăng trầm của mình. Và lời kể liền mạch, lưu loát như từ một ngọn nguồn được tích tụ suốt hơn nửa thế kỷ giờ mới có dịp khơi cho tuôn chảy:

-Tôi là út ít một nhà đa đình ở Huế. Tên cúng cơm Èo, Lê Èo. Sở dĩ tên kỳ như thế vì tôi đẻ thiếu tháng, èo uột tướng không nuôi nổi, má bảo nó èo uột như tàu môn úa, đặt tên nó là “Èo”, tên xấu vậy cho âm tào địa phủ khởi bắt. Ba tôi đầu bếp trong Đại Nội, ông đi suốt từ lúc chưa bảnh mắt tới khi tối mịt mò mới về, người lúc nào cũng sặc mùi xào nấu. Vây mà suốt đời ông có một mơ ước cháy bỏng là được làm quan, dù có là chức quan bé tí hin. Dầu lành nghề nấu bếp, ông chỉ là thợ bị sai phái, còn quan nấu bếp không đến lượt. Ông ngâm hờn trong dạ về điều đó. Các anh tôi chẳng ai nói được nghiệp ba, quanh năm chỉ đi làm mướn. Mọi hy vọng ba dành cho thằng út. Tuy tôi còi cọc, hình như là trí khôn của cả nhà dồn lại. Sáng dạ, nhưng không hiểu sao thi đình hai lần đều trượt và lần nào ba cũng an ủi: học tài thi phận, con không dốt nát đâu, nhất định nhà ta phải có người làm quan dù ở hàm thứ phẩm! Đó là năm Khải Định thứ ba, tôi chớm vào tuổi mười lăm, đang lớn phồng phao. Một hôm ba gọi riêng tôi vào trong buồng để nói về điều hệ trọng. Một bạn phụ bếp ở cung Diên Thọ đã cho ba biết, Tử Cẩm Thành đang tuyển thái giám. Chính vì tin báo ấy mà trước khi gặp, nói chuyện với tôi, ba đã lảng lảng đi tìm hiểu khá kỹ về chức quan này. Hoạn quan ở ta có từ thời Lý gọi là Hoạn môn chi hầu, đến đời Trần đổi thành Nội thị, đời Lê gọi là Tả, Hữu thái giám. Triều Nguyễn chia thái giám làm năm trật, cao nhất là Điện sứ, thấp nhất là Thừa biên. Các vương triều đều đã dùng hoạn quan vào việc hầu hạ cung phi trong hậu cung. Nếu hoàng hậu không sinh được thế tử thì con trai của các cung phi được xếp hạng cao nhất sẽ được nối ngôi. Cần hoạn quan để canh chừng trong hậu cung, bảo đảm rằng mỗi đứa trẻ sinh ra ở đó đích thị là giọt máu rồng. Những người không phải hoạn quan, thậm chí là họ hàng thân quyến vua cũng không được bén mảng đến Tử Cẩm Thành nơi cung tần mỹ nữ ở, vi phạm sẽ bị xử trảm. Mặc nhiên, hoạn quan luôn có một vị trí đặc biệt là bảo toàn sự thiêng liêng, kín đáo bao quanh phẩm cách của hoàng đế. Trong lịch sử, có hoạn quan leo lên ghế quyền lực chỉ dưới một người, trên muôn người, đó là trường hợp của các vị Việt quốc công đời Lý: Lý Thường Kiệt, Việp quận công đời Lê: Hoàng Ngũ Phúc và Tả quân đời Nguyễn: Lê Văn Duyệt. Không nói gì cao xa đến những vị đã được lưu danh muôn thuở đó, thì chức quan này dù phải chịu thiệt thòi khiếm khuyết thân thể, bù lại luôn được tin dùng, suốt đời ăn trắng mặc trơn, quanh quần bệ rồng. Buổi đầu vào cung dù ở trật thấp nhất là hạ đẳng, lương tháng tiền một quan, gạo một phương (mỗi phương khoảng 20 kg), đã là bằng số lương bổng đầu bếp mấy chục năm của ba rồi. Chính vì lẽ đó ba đã gặp riêng thuyết phục tôi. Thoạt

nghe, tôi co dúm người khi nghĩ đến chuyện bị thiến. Tôi đã thấy người ta thiến chó. Người thợ dùng đầu gỏi đê nghiền đầu con chó xuống, tay tóm hai hòn cà, tay kia đưa con dao bài xẻo gọn, rồi cho vào chỗ vừa cắt nắm muối sát trùng trong tiếng tru thảm thiết của con vật. Hàng tuần sau đó con vật cụp đuôi, mắt lăm lăm lét nhìn quanh, thấy người là chui tọt vào gầm giường rên ư ử. Chỉ khi vết thương đã lành sẹo, nó mới trở lại ăn uống bình thường, rồi tron lông béo mẫm gặp chó cái cứ đứng đưng như không. Nhưng ba tôi là người kiên trì, tìm mọi cách truyền sang tôi khát vọng làm quan để đổi đời. Có thể vì tôi là con của ba, cũng sẵn trong người cái máu thích làm quan, cuối cùng tôi ưng thuận, nghiền răng bước vào cuộc tuyển nghiệt ngã nhất trên đời. Tôi còn nhớ rất rõ đó là một ngày đầu năm 1918, tôi được dẫn đến một căn nhà lá ngoài Thành Nội. Trước tiên người ta đưa tôi một ca đựng thứ nước màu đỏ đậm như máu bảo uống hết một hơi, về sau tôi mới biết đó là ma phế thang, làm tê thần kinh, đỡ đau mỗi khi mổ xẻ. Thợ thiến gọi là “đao tử tượng” trạc ngoài năm mươi tuổi, là một tay dao lão luyện của triều đình. Khi tôi vừa tụt quần xuống, đôi mắt như cú nhòm nhà bệnh của đao tử tượng sáng lên, lão bảo, cái thằng oắt này đúng là xấu dầy tốt củ, đáng mặt đàn ông lắm! Mà quả “của quý” của tôi quý thật, đã đôi lần tôi tắm trường với bạn trai cùng trang lứa, kể cả những thằng tuổi hơn tôi, bự hơn tôi mà “của quý” của chúng đều là “đàn em” tôi về kích cỡ to dài. Đao tử tượng bảo, thường thì tuyển hoạn quan nhằm vào những đứa ái nam ái nữ “của quý” tẹo teo như ngón út, xoắn tọt vào móc mãi chẳng ra. Khi lão thợ thiến liếc con dao bản mỏng cong như lưỡi liềm vào hòn đá mài rồi hơ nó lên ngọn lửa để sát trùng, miệng vẫn còn lảm bảm: tiếc thật! Sau này có dịp gặp lại, lão thổ lộ đã từng xẻo không dưới ba chục cái “của quý”, thì chỉ có vài đứa là được như của tôi, nhưng chúng đều có dáng vóc cao nhón hơn hẳn tôi. Tôi đang trong tâm trạng thảng thốt, hoảng loạn thì có cả một kíp đầu trâu mặt ngựa vào cuộc với tính chuyên nghiệp cao. Một tiểu đao tử tượng bước nhanh đến đê nghiền tôi xuống cái phản thấp, hai gã khác lù lù ém sẵn nơi cuối phản, tay như gọng kìm sắt nắm vào cổ chân tôi dang rộng hai chân ra. Một gã nữa cúi xuống cầm dải vải mỏng cuốn kín vùng đùi và bụng của tôi chỉ để hở khoảng háng. Khi tôi đang bị banh như con ếch sắp bị lột da thì lại xuất hiện thêm tiểu đao nữa cầm con dao bài nhỏ cạo sạch đám lông lún phún xung quanh khúc dương vật còn chưa biết mùi đời đang mềm oặt, sau đó bôi lên đó thứ nước âm ẩm, tê tê. Xong xuôi, đại đao tử tượng ra tay. Lão cúi người với con dao liềm trong tay, loáng một cái đã xẻo gọn toàn bộ “của quý” của tôi. Cảm giác đau đớn cùng đến một lúc với sự tiếc nuối làm tôi rú lên, chắc hẳn còn to hơn, thắm hơn tiếng tru của con chó thiến nọ. Máu đỏ lòm nơi háng, tôi muốn xiu mà đao tử tượng còn xốc nách bắt đi đi lại lại trong phòng hàng giờ cho đến khi ngát hẳn. Khi tôi tỉnh lại, thấy ba đang ngồi bên, bộ mặt ông lộ rõ vẻ đau đớn đến cùng cực, như già đi hàng chục tuổi. Toàn bộ phần háng tôi được băng lại với những tầng giấy thấm đệm bên trong đã khô máu cứng ngắt. Ba bảo, trong vòng ba ngày không được uống một ngụm nước nào để tránh đi giải. Trong ba ngày ấy tôi đau

đón, có lúc lên cơn sốt và khát khô họng. Thật lạ, đến ngày thứ tư như dự liệu của đao tử tượng, tôi thấy người nhẹ nhõm hẳn, không sốt và họ đến tháo băng. Thì ra áp vào chỗ “của quý” vừa bị xẻo còn có một ống sắt tròn nhỏ. Lập tức họ bê cái nôi đồng đến ghé miệng vào trước ống sắt, tôi tuân ngay vào đấy cả nôi đầy nước tiểu tích tụ của ba ngày. Đao tử tượng đến kiểm tra vết thương, tỏ ý hài lòng cao thiên thành công mỹ mãn, lão còn bảo nhiều ca hồng do bị nhiễm trùng sốt lên sốt xuống, có người biến chứng thành bệnh mà chết. Sau khi kiểm tra xong, lão móc túi đưa ba tôi sáu nén bạc, nói đó là cái giá triều đình trả cho kẻ bị thiên, cụ thể ba nén cho bát máu bị mất, nửa còn lại cho sự đau đớn thể xác tuy không định lượng được. Rồi lão móc vào túi áo bên kia, đưa tiếp cho ba cái túi lụa nhỏ, bảo “của quý” đã được xử lý khô cong rồi đấy. Đao tử tượng còn cho biết quy trình sấy “của quý”: vừa xẻo được là quẳng ngay vào khay đựng vôi bột cho hút hết máu mủ đi, sau đó dùng giấy bản lau sạch, để tiếp nó vào chén đựng hương liệu ướp cho thơm tho. Khi ba cầm cái túi lụa, mùi hương liệu xộc vào mũi làm tôi muốn ói. Ba còn được đao tử tượng bày cho cách dùng túi “của quý” như bùa bỏi làm cho nhà hoạn phát. Treo cái túi lên xà ngang ở từ đường tổ, mỗi năm lại rút dây cho nó cao thêm lên một tí để biểu thị sự thăng quan tiến chức. Còn nữa, khi người yêm hoạn qua đời, phải lấy ngay cái túi lụa đựng bảo cụ đặt vào giữa háng tử thi, là để được chết toàn thân, nếu không Diêm Vương kiểm thấy thiếu sẽ cho đầu thai kiếp sau thành con la, nửa lừa nửa ngựa không sinh sản được. Nhiều lần tắm, tôi bâng khuâng nhìn xuống háng, trống trơn. Chỉ có đám lông lá thừa thớt trùm xung quanh cái lỗ giếng nước tiểu hoang phế. Cũng từ ngày ấy tôi mắc chứng đái dầm, ngay cả lúc ban ngày nếu buồn tiểu mà không đi nhanh là són ra quần. Hoạn quan nào cũng “dắm đài” nên đũng quần luôn ẩm và khai, đến đâu dân Thành Nội cũng gọi đó là “mùi hoạn quan”. Tôi thành hoạn quan suốt hai mươi bảy năm, đến khi cách mạng Tháng Tám nổ ra. Buồn là đến tận triều Nguyễn cuối cùng sụp đổ, tôi chỉ thăng được một trật là Cung phụng thái giám, tức lương ở mức á đẳng, còn ba trật phía trên nữa không bao giờ với tới, dù mỗi năm ra từ đường ba đều lạng lẽ rút dây cho cái túi lụa lên cao một tí, cuối cùng nó cũng đụng đến tận xà. Còn nhớ khi được thăng trật, tôi phải về từ đường lấy túi lụa mang vào Thành Nội cho thượng quan xem cái bảo cụ, để chứng minh là tôi đã được tỉnh thân, là hoạn quan đích thực. Đó cũng là lần đầu tiên tôi được tận mắt nhìn “của quý” của mình khi bị sấy khô, nó teo tóp, xoắn vặn như một miếng tóp mỡ, lơ phơ vài sợi lông chấy xém bám quanh nom thật thảm thương. Ba qua đời khi tôi làm quan hoạn được tròn mười năm, thời gian ấy đủ để ông dự liệu hết con đường quan trường hẩm hưu của tôi. Có thể vì thế mà trước lúc lâm chung ông gọi tôi đến bên, nước mắt giàn giụa, nói: “Ba hại út rồi!” Nhưng tôi không khi nào giận ba, nghĩ cái số tôi thế, trời cho có thế, phải chịu. Trong nhiều năm ở hậu cung tôi chỉ biết thêm một nghề do một phi tần được vua sủng ái dạy, như để trả ơn tôi đã chăm sóc bà chu đáo. Đó là nghề bảm độn, đoán số tử vi. Bao năm qua tôi thường giở ngón nghề ấy để thể hiện cái tài hơn người của mình, ngặt là đoán cho người thì trúng mà đoán

cho mình đều trạch, quả dao sắc không gọt được chuỗi. Ngay hôm được các ông cứu thoát khỏi miệng hổ ở rừng Phù Luồng, nhìn ông tôi đã biết quý tướng hơn hai ông kia, có quý nhân phù trợ, vào nơi nước lửa, xung quanh tôi cả ông vẫn sống nhăn. Điều mà ai cũng thêm muốn, đó là hậu vận ông cực tốt, con cái phương trưởng đê huê. Nhưng đến giờ phút này tôi muốn nói thêm một điều, xin ông đừng giận. Ông chỉ có một hãm cách trong lá số rất đẹp của mình, là nhật nguyệt phản bôi, luôn có kẻ ganh ghét không khi nào lên được cấp trưởng, thâm niên phó. Và ông có con dị bào mà đến lúc chết không được nhìn mặt. Sở dĩ hồi đó tôi chưa bao giờ nói về vận số với ông, vì nghĩ người cách mạng như ông không tin vào những điều gọi là mê tín dị đoan ấy.

Nói một hồi dài, Phon Kẹo dừng lại, dường như ông ta không còn gì để nói nữa và muốn “biến”. Ông Nhị Nguyễn bảo đừng đi vội, ông vẫn chưa nói tại sao lại lưu lạc nơi đất khách quê người như vậy?

- À, chuyện này cũng là nằm trong vận số tôi phải chết thảm nơi đất khách quê người- Linh hồn hoạn quan Lê Èo chiều lòng ông Nhị Nguyễn mà nán lại thêm ít phút, kể tiếp- Lúc dân Thừa Thiên- Huế nổi dậy cướp chính quyền, quan lại trong Thành Nội hoang mang cực điểm, nhất là khi vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Một ông cũng hoạn quan như tôi hoảng quá trèo tường trốn ra, ai dè chân vừa tiếp đất gặp đúng ông du kích trẻ đi tuần, bảo là quân phản động, “đòm” phát súng trường chét tươi. Tôi thì bàn với một hoạn quan khác, thời mới không có chỗ cho hoạn quan chúng mình đâu, phải trốn sang đất nào có vua mới yên thân. Tôi vốn biết mình có cái hạn thiên di năm ấy, nên rủ thêm bạn cùng trốn, cũng là muốn người ta chia xẻ bớt hạn cho mình. Trước khi rời Huế, tôi còn kịp lên về từ đường tổ, lấy cái túi lụa treo trên xà nhà xuống cất kỹ trong người. Quả nhiên người bạn thái giám kia đã giúp tôi trót lọt vượt qua vùng binh lửa, sang đất Nam Lào và chấp môi được với một người họ hàng đã ba đời sống ở Chăm Pa Xắc. Tá túc ở đó vài năm, một hôm tình cờ tôi gặp nai koong Nồn trong lần về thăm quê vợ. Ông thấy tôi hiền lành lại có chút chữ nghĩa thì mến và hay gặp gỡ chuyện trò. Tôi nói nhiều về dịch lý với ông, lại một lần đã giúp cho bà vợ ông tránh được họa sông nước nhỡn tiền. Hôm ấy tôi đến nhà ông chơi, chợt thấy sắc mặt bà vợ ông khác thường, mới hỏi về ngày tháng năm sinh, giờ sinh, bấm đốt ngón tay tính ra đại hạn. Bà đang định thăm nhà người bà con bên kia sông, Tôi vội can ngăn, bà đồng ý ở nhà, cũng là muốn kiểm nghiệm cái tài tử vi độn số của tôi. Thật trùng khớp, chuyên đồ sang sông buổi sáng hôm ấy đến giữa dòng gặp gió lốc bị lật, mười mấy người chết đuối. Từ đó ông bà rất tin tôi, mỗi khi muốn làm việc gì hệ trọng đều hỏi ý kiến tôi. Đầu năm 1950, trong lần thăm lại Chăm Pa Xắc, nai koong Nồn rủ tôi theo ông về Pha Lan và còn muốn tôi ở đó lâu dài, khuyên tôi cải thành người Nha Hồn cho dễ sống. Việc này khá đơn giản, ông nhận tôi là cháu ruột, bao năm sống xa quê nay lại về quê. Tôi biết cái số tôi long đong, định tự cải hoán số cho mình để được may mắn lúc cuối đời, nên nhận lời. Mấy năm ở Nam Lào tôi thông

thạo phong tục tập quán, tiếng nói của từng bộ tộc, nên việc cải thành người Nha Hồn không khó khăn gì. Tôi có cái tên mới Phon Kẹo từ đó...

BẦY

Mùa khô năm 1952. Chiến sự diễn ra trên khắp cao nguyên, nóng bỏng nhất vẫn là mặt trận nam Chăm Pa Xắc, gồm cả vùng Nha Hồn. Quân Pháp đã dùng máy bay khu trục, tàu chiến chở quân đổ bộ đánh lan toả khắp toàn tỉnh. Bộ đội địa phương và dân quân du kích đã kháng cự quyết liệt, nhưng lực lượng địch quá mạnh nên bị tan rã dần. Để bảo toàn lực lượng, ta chủ trương cho các đội xây dựng cơ sở bám trụ tại địa bàn, ăn mặc, đi lại giống như người địa phương và hoạt động theo từng mùa. Mùa khô ban ngày gặp cơ sở tại rừng, ban đêm vào bản; mùa mưa gặp cơ sở tại chòi ruộng nương hoặc ở ven rừng. Nhị Nguyễn ngoài việc liên hệ với trưởng bản Phấn và một vài cơ sở mới gây dựng, thỉnh thoảng vẫn về thăm mẹ con Xảo Xọi. Lần nào về, ông cũng mang theo những thứ đã chuẩn bị sẵn trong rừng, củi chẻ thật khô để mẹ đun không bị khói; măng thái mỏng, luộc sẵn cho mẹ dễ nấu; chọn thứ rễ chay cùi dày cho mẹ ăn trâu; thu lượm cục nhựa cà boong để mẹ thấp sáng; còn lấy cả cây khua cao ho phơi khô để sẵn trong nhà trị bệnh sốt rét. Xảo Xọi thì lần nào gặp lại ông trong vài giờ ngắn ngủi cũng đau đầu nhìn mà không thể gần gũi chần gỏi, vì nàng đã hứa giữ cho ông tránh bị kỷ luật. Một lần, như không chịu nổi chỉ là “suông” như vậy, Xảo Xọi nhất quyết đòi vào rừng ở với chồng một đêm, nói thế nào nàng cũng không nghe. Nàng cứ lẳng nhẳng theo chân, ông phải dừng bước, thuyết phục:

- Chúng mình đã giao hẹn với nhau rồi kia mà, em yêu anh thì phải giữ cho anh chứ...

Chưa để ông nói hết, nàng đã tiến sát, níu tay vào vai ông kéo lại và nói nhỏ:

- Đã hai tháng nay em chưa thấy kinh đây.

Nghe vậy, ông choáng thực sự, đứng ngây và cứ để mặc nàng hôn lên khắp mặt. Nàng bỗng nhận ra ngay cái điều khác lạ ấy trên bộ mặt ngay thuôn của ông, liền hỏi:

- Em có con anh sợ à?

Phải một lát ông mới bình tâm trở lại, kéo nàng ngồi xuống một tảng đá dưới gốc cây to. Mãi sau ông nói được một câu:

- Xảo Xối à, nếu bây giờ chúng mình có con thì quá sớm...

Nàng ngồi yên hồi lâu trong vòng tay ông, dường như lúc đó trong đầu mỗi người đều đang nghĩ về một điều khác hẳn nhau. Hai người cứ ngồi vậy im lặng cho đến tận gần sáng, mái đầu đều ướt sũng sương đêm mà không hay. Ông lẳng lặng đưa nàng về đến vườn nhà, rồi quay trở lại rừng. Trong lòng ông ngổn ngang bao âu lo, giằng xé. Nàng có con với ông thật rồi sao? Đến lúc nào đó chuyện vỡ lở, sẽ dở dang cho cả hai người, ông bị kỷ luật đuổi đi hoặc phải trở về nước, còn nàng mang tiếng hoang thai. Nhưng lần sau gặp lại, nàng chỉ bảo, anh cứ yên tâm, em không bao giờ để anh phải buồn và lo lắng cả. Cũng từ hôm đó ông như gặp một Xảo Xối khác, không còn hồn nhiên, đăm đuối như trước mà đôi mắt nai của nàng thường ánh lên nổi ủ dột, ngơ ngác. Rồi một đêm, vừa gặp ông từ rừng trở về, nàng nói ngay:

- Em lại thấy kinh rồi!

Nàng cô nói một cách nhẹ nhàng, bình thản, như đã được chuẩn bị rất kỹ về tinh thần cho câu nói ấy. Còn ông bỗng không dẫu được tiếng thở phào nhẹ nhõm. Ông kéo nàng lại gần hôn lên má, cử chỉ hàm ý thay cho lời cảm ơn. Khác hẳn mọi lần, nàng đón nhận cái hôn ấy hững hờ. Suốt cả buổi nàng ít nói hẳn và khi ông đi nàng chỉ tiễn đến hết vườn nhà. Ông cảm nhận được ngay sự thay đổi khác thường trong ứng xử của nàng và bỗng canh cánh trong lòng ý nghĩ rằng mình là một kẻ hèn đốn, tồi tệ. Nhiều đêm nằm giữa rừng hoang sương muối, ông trần trọc không ngủ khi bên cạnh Nôm ngủ rất ngon. Ông bỗng nhớ hơi nàng. Nhớ cái cơ thể bùng bùng mãnh liệt của nàng trong tưởng tượng và lại cùng ông chìm trong hoan lạc. Chỉ cần chạy mươi phút đường rừng là đến nhà và có nàng bằng xương bằng thịt thôi, và biết chắc rằng giờ này nàng cũng đang trần trọc một nỗi chờ đợi bén hơi cháy bỏng không kém. Có đêm ông mộng tỉnh. Cũng có đêm, chỉ khác anh chàng Lèng đạo nào trên đường vượt Trường Sơn sang Trung Lào, không nằm úp thìa, mà ông quay lưng lại với Nôm mà tự thủ dâm. Dù là con người lý trí sắt đá thì tránh sao có lúc con người bản năng trỗi dậy thẳng thừng như vậy. Ông bỗng tự xấu hổ cho mình. Nhưng rồi sự lo lắng, tự vấn lương tâm về một điều khó xử đang bày ra trước mắt, đã làm bản năng hoang dã ấy bỗng chốc nguôi ngoai thành một nỗi cụt hứng nhạt nhoà. Mình có thật lòng yêu Xảo Xối hay chỉ là thằng Sở Khanh lừa lọc không hơn không kém? Rồi ông tự biện hộ cho mình. Nhưng dù biện minh thế nào, trong lòng không thể không có nỗi ân hận: đáng lẽ ta phải luôn giữ được khoảng cách với nàng bằng sự lạnh lùng, tỉnh táo, không thể để một phút giây nào được phép chen vào sự si mê bản năng. Ta đã sai lầm khi đẩy tình cảm đến tận

cùng. Nhưng dù thế nào, ông cũng không thể hành xử như anh chàng Lèng khi trở về trạm Đô Lương, bằng mọi giá cưới và từ bỏ con đường đã chọn. Rốt cuộc ông vẫn loay hoay, muốn thoát ra khỏi hoàn cảnh hiện tại mà không được...

Thế rồi, chiến cuộc trên cao nguyên đã đến hồi khốc liệt, không cho phép ông giành thì giờ cho nghĩ vẩn vơ, dằn vặt riêng tư nữa. Chỉ thị của trên là phải tìm cách trừng trị ngay tên sếp Xu, cũng là chuẩn bị cho việc phối hợp với đại đội võ trang tuyên truyền tấn công nhổ gọn bớt Huội Koòng.

#

Từ dạo đó, bà mẹ của Xảo Xọi đã thành một đầu mối liên lạc với đội công tác. Âm hiệu được đặt ra, ban ngày nhìn trên bờ rào nhà mẹ phơi áo trắng, còn ban đêm thấy ngọn đèn cà boong đưa qua đưa lại, thì có địch ở trong bản chớ có vào. Một đêm, ông Nhị Nguyễn cùng ông Nôm trên đường về nhà trưởng bản, bỗng thấy ngọn đèn treo ở sàn nhà Xảo Xọi lắc lư, hai người liền dừng lại. Phía trước, nhà trưởng bản ánh đuốc cà boong bập bùng, tiếng bước chân chạy rầm rập. Hai người bí mật tiến sát hơn phía ngoài hàng rào nhà trưởng bản. Nghe tiếng tên sếp Xu quát tháo âm ỉ:

- Trói thằng gián điệp lại! Đưa về đồn!

“Thằng gián điệp” là ông Phấn đang bị trói gô trước sân, vợ con ông gào khóc giữ lại. Mấy tên lính nguỵ liền lôi sênh sếch hai mẹ con vào nhà, còn sếp Xu khẩu súng lục trong tay thúc thúc vào bụng ông Phấn, hỏi:

- Người của đội công tác trốn đâu?

- Tôi không biết đội công tác nào cả! Ông Phấn trả lời.

- Thế thằng vẫn ở trong nhà mà đi đâu rồi?

- Ông anh họ tôi, đã về Chăm Pa Xác được một tuần rồi.

- Nói láo! Sếp Xu vả mạnh vào miệng ông Phấn- Tao còn biết có hai thằng thường đi về nhà mà. Ủng công tao đưa mà lên, rõ là nuôi ong tay áo. Về đồn, tao còn nói chuyện tiếp với mà!

Ba tên lính ba tiểu liên, cùng tên sếp có súng ngắn, ông Nôm thì thào vào tai ông Nhị Nguyễn ý định tảo bạo chọt nẩy ra, trên đường chúng giải ông Phấn về đồn bất ngờ ta nổ súng, vừa giải thoát cho Phấn vừa diệt được sếp Xu. Ông Nhị Nguyễn sau ít giây suy tính lắc đầu. Nói thì dễ vậy, thực hiện không đơn giản, chúng đông hơn, giải cứu không thành lại thêm tổn thất, tốt nhất vẫn là cách đột nhập nhà riêng để khử hẳn như đã bàn. Hai người đành lặng lẽ rút. Chiều hôm sau được tin báo, ông Phấn bị tra khảo, sau đó đưa về nhà tù tỉnh A Tô Pơ rồi. Sếp Xu lại dựng lên ở Pha Lan một trưởng bản mới trong số dân vệ gôm Nha Hồn, người này còn trẻ, bạc nhược, chúng bảo gì nghe đấy nhưng cũng chẳng ra mặt chống cách mạng. Đội công tác lại mất một cơ sở tin cậy. Phải sớm tiêu diệt tên đồn trưởng ác ôn thì mới vực dậy được tinh thần của quần chúng.

Trên báo về, sẽ tăng cường cho Pha Lan một đội viên nữa trước khi vào hang bắt cọp. Buổi chiều hôm đó trong rừng sâu, người đội viên mới đến trình diện, ông Nhị Nguyễn lại thêm một lần bất ngờ, chính là Đỗ Trường. Đã hơn nửa năm kể từ lần gặp nhau trên cứ, sau đợt chấn chỉnh nội bộ, anh ta bị làm bản kiểm điểm và cách chức đội trưởng.

- Không biết ai ton hót với chính uỷ, hôm bị triệu về, ông “xà- lù” mình ghê quá- Vừa gặp, Đỗ Trường đã chĩa mũi dùi ngay vào Nhị Nguyễn- Mình thì vẫn bảo lưu ý kiến cho rằng hành động mạnh như vậy là đúng và không hề quá tả. Điên tiết ông ấy cách liền cái chức đội trưởng. Mình xin chuyển vùng. Mấy tháng ngồi chơi xơi nước chờ quyết định, thì hôm rồi chỉ huy gọi lên, tăng cường cho Pha Lan. Chỉ huy bảo, xong việc mới chuyển. Cậu có biết đứa nào ton hót không?

Rõ ràng anh ta đang khiêu khích. Ông Nhị Nguyễn thì vẫn chơi bài ngựa như đã từng phát biểu chính kiến trong hội nghị hôm đó:

- Chắc cậu vẫn nhớ- Ông nói- trước mặt cậu và ông chỉ huy trưởng phân khu, mình vẫn nói hành động như vậy là quá tả. Mình không hề nói sau lưng. Mọi chuyện sau đó do cấp trên phân xử.

- Thì hiện mình lại về đây cùng với cậu thực hiện cái quá tả ấy đấy! Đỗ Trường lộ vẻ giễu cợt.

Ông Nhị Nguyễn thấy nóng mặt, gay gắt:

- Nếu cậu chưa thông nhiệm vụ, mình sẽ báo về cứ cho cậu nhận việc khác. Tên sếp Xu gian ác, nguy hiểm nếu không loại trừ sẽ còn gây nhiều tổn hại cho phong trào, còn những trưởng bản kia họ không đáng phải nhận bản án tàn nhẫn như vậy. Hai sự việc khác nhau một trời một vực.

Ông Nôm từ nãy đến giờ ngồi im nghe hai người nói qua lại, liền can:

- Thôi, thôi. Các anh cãi nhau làm gì, tập trung vào việc chính đi.

- Cậu đừng tưởng đội trưởng là oai nhá- Đỗ Trường còn hậm hực- Mình từng mấy năm làm cái anh đầu chày đít thớt ấy rồi. Ai chẳng có lúc hờ sùng, phải mở lối cho người ta tiến chứ đừng thừa cơ đâm vào mạng sườn nhau.

- Cậu cố chấp lắm. Có ai chặn lối cậu tiến đâu. Có ai đâm vào mạng sườn cậu đâu. Ông Nhị Nguyễn cười nhạt.

- Cậu vừa báo cáo cáo báo mèo gì- Giọng Đỗ Trường xem ra đã xuống thang- Anh em với nhau mà động một tí đã báo cáo.

- Thôi, chấm hết tranh luận- Nôm nói- Đến giờ, tôi đi ra cửa rừng nhận lương thực đây.

- Anh đi đi. Ông Nhị Nguyễn nói.

- Cho mình đi với- Đỗ Trường nói- Mới đến cũng cần làm quen với cơ sở.

Thời kỳ này địch lùng sục mạnh, các thứ ăn uống do cơ sở tiếp tế không đều, có nhiều hôm hai anh em phải ăn quả rừng thay cơm. Qua ám hiệu, cơ sở báo đã có gạo, muối để vào nơi quy định, ra đây chỉ việc lấy mang về chứ không trực tiếp gặp người. Ông Nhị Nguyễn định gàn Đỗ Trường không nên đi, nhưng anh ta đã theo chân Nôm mất hút vào lùm cây rồi. Khoảng một giờ sau, hai người trở về

mang theo mấy cân gạo, mấy củ sắn, ít rau và gói muối. Trong lúc nhóm lửa nấu cơm, ông Nôm nói nhỏ với Nhị Nguyễn:

- Cô Xảo Xoi cũng tự dung đến chỗ ấy, mang theo mớ rau này đấy.
- Xảo Xoi có nói gì không? Ông Nhị Nguyễn vội hỏi.
- Cô chỉ bảo mẹ bị mệt và nhớ anh.
- Đỡ Trường có gặp Xảo Xoi không?
- Anh ấy cũng đứng đấy, còn hỏi mẹ nuôi anh Nhị Nguyễn bị ốm à, em là em nuôi anh ấy à.
- Xảo Xoi nói gì với cậu ấy?
- Không nói gì, chỉ cười cười.

Cơm nước xong, ba người chụm đầu bàn lần cuối kế hoạch đột nhập nhà riêng tên sếp Xu. Đỡ Trường khi vào công việc thì như đã quên ngay lời qua tiếng lại gay gắt vừa rồi, anh còn góp thêm vài điều vào bản kế hoạch khá là chu toàn. Nhà sếp Xu cách đồn Huội Koòng chừng hai trăm mét, tuy không có lính canh, nhưng chòi canh trong đồn có thể quan sát được mọi động tĩnh bên ngoài nhà. Nửa đêm cả ba sẽ đột nhập vào khu vực nhà riêng của hấn, Đỡ Trường chưa thông thạo địa hình, ém ở ngoài cổng yểm hộ khi cần thiết, còn Nhị Nguyễn và Nôm vào sâu bên trong. Năm qua, ông Nhị Nguyễn vẫn có khẩu súng ngắn Pháp nhãn hiệu Saint-etienne cổ lỗ chưa lần nào dùng đến, lại không có đạn chuyên dụng, ông đã phải cưa ngắn bớt đầu đạn cac-bin để lắp cho vừa ổ quay. Ông đã vào một hang sâu tập bắn thử, chỉ có một nửa số đạn cưa đầu nổ, còn lại bị xịt. Đỡ Trường muốn nhường khẩu Packhooc anh vẫn dùng đáng tin cậy hơn cho Nhị Nguyễn, nhưng việc yểm trợ vòng ngoài cũng rất cần khẩu súng tốt, nên ông không đồng ý đổi. Ông bảo, loạt đạn sáu viên mới lắp, bắn ở cự li gần như thế, chỉ cần nổ một viên cũng đủ kết liễu đời tên ác ôn. Hàng tháng nay chuẩn bị, chờ có thời cơ thuận lợi là xuất quân. Thời gian gần đây, sếp Xu bắt bớ, bắn giết nhiều nên cũng linh cảm sẽ bị cách mạng trừng trị, ít về ngủ ở nhà, có về thì bao giờ cũng mang theo lính hộ vệ rồi trở lại đồn ngay. Chiều nay hấn về giỗ bố, có mời nhiều khách đến nhậu nhẹt, thế nào đến khuya cũng ngủ lại, mà nếu hấn không ngủ lại thì khi hấn trở về đồn sẽ thừa lúc không phòng bị mà khừ. Đây là một thời cơ hiếm hoi. Đến buổi chiều, cơ sở lại báo thêm một chi tiết, sếp Xu mới sửa nhà xong, có bốn cái cột trụ được quét vôi trắng tinh phía đằng trước, càng giúp cho trong đêm dễ nhận biết mục tiêu. Tin này là do em Bun Mạc, con trai của một liệt sĩ Ít Xa La cung cấp. Bun Mạc mới mười hai tuổi, cha mất từ lúc lên năm, nhà gần đồn Huội Koòng. Một lần tên sếp Xu đi đâu về thấy em đang chơi quanh quần gần đấy, hấn quắc mắt hỏi:

- Nhóc, có biết Ít Xa La bạn với bố mày ở đâu không?
- Em lắc đầu bảo không biết. Tên sếp liền rút súng ngắn ra dọa:
- Không nói tao bắn bẻ sọ thằng Ít Xa La con.
- Bun Mạc liền trả lời cứng cỏi:

- Ông có súng thì cứ bắn, chứ tôi trẻ con biết gì mà nói. Ít Xa La là người lớn, đi đâu họ cũng bảo cho trẻ con biết được à.

Tên đồn trưởng dờ miệng, hậm hực dứt súng vào bao bỏ đi.

Hôm đó đúng vào ngày rằm. Khi cả ba đến nơi tập kết, thì cũng là lúc mặt trăng vượt qua một đám mây đen, hiện ra tròn trịa như cái mâm bạc, lập tức cảnh vật xung quanh như được dát bạc sáng trưng. Ngôi nhà của sếp Xu nằm địa bản Huội Koòng, đêm nay càng nổi bật với bốn cái cột trắng lừng lừng trước hiên và xa hơn, vẫn có thể nhìn thấy bóng tên lính gác bông súng đang ngồi im lìm trên cái chòi canh cao lêu đêu ở đồn. Trong nhà sếp Xu có ngọn đèn măng xông sáng trắng một khu, tiếng ồn ào vọng ra không ngớt. Ông Nhị Nguyễn nhìn đồng hồ, mới hai mươi hai giờ, vậy là ba người vượt qua khu rừng thưa của dãy Phù Luồng, đến sớm hơn dự kiến gần một giờ. Đổ Trường ghé vào tai ông nói nhỏ:

- Từ đây đến cái cổng trắng cùng lắm mất chục phút, cậu ước lượng mười lăm phút là thừa quá đấy.

Có lẽ anh ta đúng, thời gian tiếp cận ngôi nhà phải sao không thừa thiếu một phút nào để tránh bị lộ diện nhiều ở chỗ quang đãng. Rõ là anh ta có kinh nghiệm hơn ông trong trận đánh cụ thể thế này. Bồng Nôm ngồi bên bấm hai người chú ý, có một cái bóng nhỏ bé đang qua trước nhà sếp Xu và có ý đi chậm lại lại, ngó nghiêng. Nôm thì thào:

- Bun Mạc hay sao ấy?

Ông Nhị Nguyễn đã gặp Bun Mạc, nên nhận ra ngay cái dáng loắt choắt của cậu ta đang xách một cái giỏ khá to. Giờ này nó đến đây làm gì? Bồng từ phía sau hai cột trắng xô ra hai tên lính, một tên túm lấy Bun Mạc quát:

- Đi đâu?

- Cháu đi thăm bà ngoại bị ốm. Tiếng Bun Mạc lạnh lạnh.

- Xéo mau! Tên đó bỏ cậu bé và hai đứa cùng trở vào sau hai cột. Bun Mạc vụt đi qua. Đổ Trường quay sang nói với Nhị Nguyễn và Nôm:

- Vậy là các anh chưa tính đến hai lính gác đứng sau cột, mà chỉ có tên gác ở ngoài đường, giờ chưa thấy đâu.

Biết đâu cậu bé cũng linh cảm đêm nay đội công tác đột nhập, mà muốn làm cho địch bộc lộ lực lượng canh phòng? Không loại trừ điều ấy, nhưng nhiều khả năng cậu bé có việc sang nhà ngoại thật, chỉ tình cờ qua đây thôi. Hôm trước cơ sở đã báo, khi về nhà sếp Xu thường bố trí một tên cầm tiểu liên canh chừng phía ngoài đường, nay chúng đột ngột thay đổi vị trí gác và tăng thêm lính, tình huống mà Bun Mạc tạo ra đã làm rõ điều đó.

Thời gian dường như trôi chậm chạp hơn bình thường. Bầu trời thăm thẳm, mặt trăng tròn vành vạnh đã lên đến đỉnh đầu. Nửa đêm, phía cầu thang rậm rịch, lũ khách đang đi ra. Có cả thầy bốn, năm tên ngất ngưỡng chắc toàn cấp chỉ huy trong đồn, khi chúng ra đến đường đã thấy hai tên lính lúc nãy súng quàng chéo sau lưng nhập bọn. Bọn chúng kéo nhau ra giữa con đường rải đá vắng lặng, ngả ngón đi về phía đồn. Cả ba Nhị Nguyễn, Nôm và Đổ Trường, đều căng mắt nhìn

từng đưa trong toán đó, không có cái đầu cắt cua, dáng to bè, chân khùnh khùnh của sếp Xu, vậy là đêm nay hẳn ngủ lại nhà. Và hẳn còn khinh xuất, không cắt cử lính ở lại canh phòng. Giờ báo tử tên ác ôn đã điểm!

Chừng nửa giờ sau, đèn măng xông trong nhà phụt tắt. Một ngọn đèn dầu trên sàn le lói hắt ánh sáng ra ngoài. Xung quanh im ắng, chỉ có tiếng côn trùng râm ran xa gần. Ông Nhị Nguyễn nhìn đồng hồ, đã một giờ sáng. Cả ba vọt đứng dậy, theo hàng dọc lẩn nhanh vào bóng tối của lùm cây, mái nhà, hướng về phía ngôi nhà sàn cao to nhất bản lộ lộ bốn cột trắng. Đến nơi, Đỗ Trường không vào mà dấu mình đứng vị trí tên lính gác ban nãy, trong khi Nôm và Nhị Nguyễn vượt qua dây nhà ngang bên trong. Nhà sếp Xu trước đây vẫn có một con chó Bẹc-giê thả vào đêm, cả tháng vừa qua cơ sở của ta đã tìm mọi cách đánh bả, bị hụt mấy lần, mãi đến chiều hôm trước mới diệt được con vật dữ dằn ấy, chắc hẳn sếp Xu chưa kịp thay thế. Hai người vào đến nơi vẫn không có tiếng chó sủa, âu cũng là đến ngày tận số của hắn. Hai người vững tâm vượt qua khoảng trống ở sân, đến sát chân cầu thang. Sàn, vách của nhà toàn bằng gỗ, phía trên lặng như tờ. Nhị Nguyễn rút súng trong cặp quần, trèo lên, Nôm theo sát, thủ trong tay con dao găm. Dừng lại ở đầu cầu thang. Sàn nhà rộng thênh thang, không quây thành buồng riêng, nhìn thấy hai cái màn màu xanh thẫm và trắng mắc ở hai góc, có tiếng ngáy khá to phát ra từ nơi màn xanh. Ông Nhị Nguyễn đoán, sếp Xu nằm trong cái màn xanh, có thể vợ hắn ngủ ở bên màn trắng. Nhón chân bước trên sàn, gặp phải tấm ván mỏng hơi lún xuống cũng đủ làm tim ông đập mạnh. Kẻ đang nằm kia là một sát thủ máu lạnh, trong khi ông chưa một lần xung trận kiểu này. Hồi hộp còn vì mong sao sáu viên đạn ổ quay chỉ cần ít nhất nổ được một! Ngọn đèn hoa kỳ đặt trên giá gắn ở vách phía sau lưng ông nên bị sắp bóng, và lại cái màn sẫm màu đứng ngoài nhìn không rõ mặt kẻ đang nằm. Ông ra hiệu cho Nôm vén màn, bật máy lửa. Có thể do ngôi lâu ngoài sương ẩm, xoẹt đến cái thứ ba bác mới cháy. Quả là hắn. Nhưng lửa vừa bật lên, thì tiếng ngáy dứt, tên sếp Xu mở bừng con mắt trắng dã, nửa tỉnh nửa mê. Ông Nhị Nguyễn giơ súng về phía đầu hắn, chợt nhận ra ngay sát hắn phía bên trong, còn có đứa bé trai trạc mười tuổi đang ngủ say. Đầu súng khựng lại. Tích tắc do dự đó, nếu tên ác ôn choàng mắt, tỉnh hẳn nhận ra ông thì sẽ hỏng mọi việc, may sao cơn mê hoảng đã qua, hắn lại từ từ nhắm mắt. Lần này đầu súng dí gần sát vào bộ mặt nhậy mỡ như cái thót và đôi môi dày đang chóp chép hơi rượu phả ra nồng nặc của hắn. Ông bóp cò. Cắc! Cắc! Cắc! Mắt hắn mở bừng. Thoáng giật mình, tay súng của ông hơi chúi xuống. Đoàn! Viên thứ tư nổ khi mũi súng chạm vào phía dĩa ngực hắn. Hắn rống lên giãy dụa. Tiếng thằng bé thét khiếp đảm cùng với tiếng người đàn bà bên màn trắng ú ớ líu lười. Ông Nhị Nguyễn kịp dí súng vào chỗ màn xanh bùng nhưng bóp cò tiếp. Lại “cắc”! Hai người vọt đến chân cầu thang, trong khi tên ác ôn giãy giụa rồi thoát được ra khỏi màn, gào thét nhảy ào xuống đất, lao ra hướng công. Ông Nhị Nguyễn bám theo hắn, bóp cò, vẫn “cắc”! Ngay sau đó một tiếng “đoàng” vỡ trời đêm, tên Xu ngã vật ra đường. Đỗ Trường vừa kịp ra tay tiếp ứng. Rồi cả ba

cùng chạy thẳng về nơi vừa tập kết, trong lúc đến lượt trên đôn hoảng loạn, gào loạn xị, vài tràng súng liên thanh xả đại ra xung quanh...

#

Vụ trừ khử tên ác ôn rung động toàn Nha Hớn, bà con hả lòng hả dạ, còn bọn nguy hoảng hồn không còn dám xuống bản nghênh ngang như trước nữa. Sếp Xu bị hai phát đạn gần như đối xứng nhau vào phía trước ngực phải và phía sau ngực trái, đã chết ngay trong đêm. Vợ con hấn thì khiếp vía, đã cao chạy xa bay về tỉnh lị Chăm Pa Xắc. Cấp trên khen nhóm Nhị Nguyễn hành động mau lẹ, hiệu quả, nhưng không hiểu sao đã biết chuyện đội trưởng lần đầu vào hang bắt cộp lại sử dụng khẩu súng tậm tịt đến thế, đáng lẽ trước khi đi phải báo cáo xin đổi vũ khí tốt hơn. Trên chỉ nhắc nhở điều này, còn khen ngợi Đỗ Trường đã ra tay kịp thời. Ông Nhị Nguyễn nói vui với hai người: cầu được ước thấy, sáu viên đúng là chỉ nổ có một!

Xong một việc lớn, ông Nhị Nguyễn nghĩ ngay đến việc về thăm bà mẹ Xảo Xọi đang bị ốm. Đỗ Trường xin đi cùng, bảo là muốn biết thêm một vài cơ sở trong bản. Ông Nhị Nguyễn gạt đi, lấy cớ là anh ta cần về cứ báo cáo tình hình, nhân tiện đổi cho ông khẩu súng ngắn. Đỗ Trường về mặt không vui. Thâm tâm Nhị Nguyễn không muốn anh ta biết cơ sở này, bởi chuyện quan hệ giữa ông và Xảo Xọi càng kín càng tốt. Đêm đó Nôm cũng về thăm nhà trưởng bản Phấn.

Bà mẹ Xảo Xọi mệt nặng, có lẽ do cảm hàn, ông Nhị Nguyễn mang về cả cơ sở thuốc của mình. Mới nửa tháng không gặp, gương mặt bà hốc hác. Xảo Xọi đang lúi húi nấu nồi cháo. Bà mẹ cười nói với Nhị Nguyễn:

- Mẹ nghe tin đã diệt được thằng sếp Xu mừng như khoẻ ra. Không hiểu sao cái đêm hôm ấy Xảo Xọi cứ bồn chồn vào ra không ngủ được, nó bảo với mẹ là bỗng thấy lo cho con lắm. Mẹ hỏi, nó bảo chỉ là cảm thấy như thế thôi chứ không biết anh đang làm gì. Ngay sáng hôm sau, tin thằng Xu bị chết loang đến bản, nó sượng quá chạy vào chỗ mẹ nằm bảo, nhất định là do đội của anh làm được chuyện này và nghe nói đã trở về an toàn cả.

Xảo Xọi bưng lên bát cháo loãng, bà mẹ ngồi dậy húp hết, rồi ông Nhị Nguyễn lấy thuốc cho bà uống. Bà lại nằm, còn giục hai người ra ngoài nói chuyện, chắc hẳn mẹ cũng linh cảm thấy sự khác thường trong quan hệ giữa hai người thời gian qua.

Lúc ông Nhị Nguyễn trên rừng về, Xảo Xọi đang ở trên vườn hái mấy thứ lá thuốc nấu nước xông cho mẹ. Nàng bỏ cả lá chạy ra ôm lấy ông, cử chỉ nồng nhiệt khác hẳn những lần trước, có lẽ do nàng vui vì tin sếp Xu bị diệt. Nàng đẩy người hơn, ánh mắt vui hơn. Ông hỏi ngay, mẹ ốm thế nào, nàng bảo đã mệt hai tuần nay. Rồi nàng chưa cho ông lên nhà, mà bắt đứng ngoài vườn hỏi rói rít:

- Anh bắn trúng nó hả?

- Cả bạn anh bán nữa nó mới gục- Ông Nhị Nguyễn cười bảo- lần đầu chưa quen.

- Bạn anh là cái anh cao to hôm trước em gặp ngoài rừng hả?

Ông Nhị Nguyễn gật đầu, hỏi lại:

- Sao hôm ấy em lại tự tiện ra nơi hẹn, không đúng quy định của bọn anh?

- Em biết- Xảo Xọi nói- nhưng hái được nắm rau dả nàng, các anh lâu không có chất tươi, em mang ra định để đấy rồi về, thì gặp đúng lúc các anh đến lấy.

- Anh ấy có hỏi chuyện em không?

- Có hỏi, em thấy người lạ, không nói gì. Có sao không anh?

- Không sao. Ông Nhị Nguyễn nói và đi vào nhà.

Khi hai người ra ngoài nhà ngồi, ông Nhị Nguyễn hỏi:

- Em có khoẻ không?

- Em bình thường thôi- Xảo Xọi nói rồi cúi xuống nói nhỏ- Em chỉ hay nhớ anh thôi.

Ông Nhị Nguyễn ngồi nhìn nàng cúi đầu im lặng, thương quá mà không thể làm cách nào khác. Lâu nay ông vẫn tâm niệm, mình đã có một người vợ bé nhỏ, ít hơn ông hàng chục tuổi, thơ ngây và nồng nhiệt, thật chẳng còn mong gì hơn nữa. Nhưng hoàn cảnh lại trở trêu, không cho phép được kết hôn, giờ đây ông đã dự liệu đến cuộc chia li sắp tới, liệu con nai nhỏ bé, dễ thương của ông có chịu đựng nổi điều khắc nghiệt ấy? Nhiều khi ông nghĩ, giá đừng quen nàng, đừng gần gũi nàng thì nàng sẽ đỡ khổ hơn, có được một hạnh phúc trọn vẹn với một ai đó cũng yêu nàng hết mình.

- Anh nghĩ gì thế? Xảo Xọi chột ngẩng lên hỏi.

- Anh lo cho mẹ, cho em. Ông nói.

- Hàng ngày mẹ vẫn hay nhắc anh nhiều hơn là em nhắc đấy. Cái gì cũng Nhị Nguyễn. Đun nấu trong bếp, mẹ bảo củi của Nhị Nguyễn. Thắp đèn mẹ bảo cà boong của Nhị Nguyễn. Ăn trà mẹ bảo, rẽ chay Nhị Nguyễn khéo chọn ăn ngon quá. Mẹ quý anh còn hơn cả em.

Nói đến đây Xảo Xọi nhìn ông cười và đôi mắt nai ánh lên niềm vui thường nhật. Ông Nhị Nguyễn ngồi xích lại gần hơn, nói:

- Anh có thể phải đi xa đấy.

Đôi mắt nai hốt hoảng.

- Anh là bộ đội mà,- Ông nói tiếp- nay chiến trường này, mai chiến trường khác là chuyện thường.

- Đi rồi anh lại về với em chứ?

- Chiến trường bên nước em, rồi cả chiến trường rộng lớn bên nước anh nữa. Không thể nói trước điều gì. Người lính nào cũng vậy mà.

- Anh đi xa nhưng không bỏ em chứ?

- Sao em hỏi câu này nhiều thế?

- Em cứ sợ...

- Anh hỏi lại lần nữa- Bỗng ông Nhị Nguyễn nhìn thẳng vào nàng- Em có con rồi phải không?

Giương mặt Xảo Xối bỗng trở nên nhợt nhạt, nàng im lặng hồi lâu mới ngừng lên, giọng trở nên thẳng thốt, như chính mình cũng không tin lời mình nói:

- Chưa! Em vẫn giữ cho anh đấy.

Ông Nhị Nguyễn trở lại rùng với tâm trạng khá nặng nề, vẫn là điều khó xử lâu nay với người con gái ấy đang đè nặng lên lương tâm. Gần đây, có lúc ông còn định tìm lối thoát như cách Lềng Cảnh đã làm, nói thật với tổ chức, chịu kỷ luật ra quân và về Pha Lan sống với nàng. Thế có nghĩa là chấm hết cuộc đời binh nghiệp ngắn ngủi và cả sự nghiệp sẽ gây dựng lên sau chiến tranh khi trở về nước mà ông đã nghĩ tới. Thế còn có nghĩa là người duy nhất sống sót đã phụ lòng những thủy thủ đã phải bỏ mình trên biển, cùng nỗi đau đớn, nhục mạ do kẻ thù gây ra cho chính người ấy lúc bị bắt. Như thế cái giá của cuộc tình này là quá lớn...

Thêm một tuần trôi qua. Bỗng có giấy gọi ông Nhị Nguyễn về căn cứ. Chắc lại một nhiệm vụ mới và với khẩu súng Braoning ngon lành vừa được phát, chuyện diệt một tên ác ôn như sếp Xu đã trở nên dễ dàng hơn nhiều. Gặp ông lần này không phải chỉ huy trưởng, mà là chính uỷ phân khu. Chính uỷ hơn ông vài tuổi, cũng quê ở Hà Nội và khi nhập ngũ là nông dân ở ngoại thành. Ông vẫn được anh em đặt cho biệt danh “Chính uỷ thích đùa”, tức là muốn nói đến tính hóm hỉnh, dễ dãi của ông khi làm việc. Những lần gặp trước, chính uỷ xởi lời cạ cạ, tở tở, đồng hương, đồng chí mà lần gặp này nét mặt lạnh băng. Không có lời chào, chính uỷ nhìn thẳng vào ông, hỏi:

- Có đúng là anh có quan hệ bất chính với một cô gái ở bản Pha Lan?

Ông Nhị Nguyễn đờ người. Xảo Xối vẫn giữ kín bưng, bà mẹ càng không có lý do để nói ra, vậy sao chính uỷ biết chuyện? Sau ít phút định thần, ông tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi lại:

- Thủ trưởng nói tôi không hiểu. Ngoài việc vào bản gây dựng cơ sở, đã mấy tháng nay chúng tôi sống trong rừng sâu. Thủ trưởng hỏi thêm anh Nôm thì rõ.

Anh chính uỷ im lặng, lát sau nói tiếp:

- Lúc đầu chính tôi cũng ngạc nhiên. Anh là một trí thức đã được rèn luyện qua nhiều thử thách khắc nghiệt. Đang định đề bạt và chuyển anh về quân khu. Nhưng đơn tố cáo đã đưa ra bằng chứng rất cụ thể, còn nói rõ cả ngày giờ anh gặp và nói những gì với cô gái người Nha Hồn ấy. Tôi nghĩ sự việc đã đến mức nghiêm trọng, nên thành khẩn với tổ chức, đừng chối quanh nữa.

Ông Nhị Nguyễn hỏi:

- Ai đã tố cáo tôi?

Chính uỷ nói:

- Anh không cần biết ai viết đơn. Giờ tôi nói cụ thể hơn để anh xác định thái độ và không dối quanh: cô ấy tên là Xảo Xối, hiện đang ở cùng với mẹ. Sự việc

quan hệ giữa anh và cô ta trong đơn khẳng định là chưa lâu, khoảng vài tháng nay, khi cậu về gây dựng cơ sở ở Pha Lan. Vậy đây.

Người có thể tố cáo trước hết là Nôm. Cậu ta ở với mình từ đầu, nhưng là người hiền lành ít nói, vả lại chưa bao giờ cậu ta đến nhà Xảo Xối, chỉ biết cô khi anh giới thiệu một lần gặp ở bìa rừng. Nếu có chuyện gì, với tính cách bộc trực vô tư, cậu ấy sẽ nói ngay chứ không khi nào lại viết đơn tố cáo ông cả. Hay chính là nàng, vì sợ mất ông mà đã phải làm chuyện này? Không khi nào! Ông nghĩ lại. Chỉ còn Đỗ Trường. Anh ta vừa chân ướt chân ráo về đội, lại vừa tham gia trận đánh rất tốt, anh ta đã biết gì về Xảo Xối mà tố mình?

Chính uỷ hạ giọng và thật bất ngờ khi cách nói của ông trở nên bỗ bã, dường như đây chính là cách đơn giản nhất để vị “Chính uỷ thích đùa” thuyết phục cấp dưới nhận ra khuyết điểm :

- Ai tố cũng vậy cả, cái chính là không có lửa sao có khói? Nhân tiện kể thêm với cậu một kinh nghiệm của tớ, vì sao không chết vì người đẹp khi vào bản làm dân vận. Mình keng trai chưa vợ, thiếu gì gái mê. Nhưng bất luận là ai, trong trường hợp nào, bập vào là toi. Cho nên, hễ gặp em nào trông ngon, đầu mày cuối mắt là tớ lại nhảm trong đầu mỗi câu thần chú: “sướng cu mù mắt; sướng cu mù mắt”. Cứ nhảm nhiều lần là tỉnh ra tránh được bùa mê thuốc lú của sắc đẹp. Gặp cao thủ bám dai như đĩa, nhảm câu chú ấy liên tục mà xem ra khó thoát, thì dùng đến chiêu an toàn nhất là ù té quyền, tức phòng hoả hơn cứu hoả. Đơn giản thế thôi. Ấy là trường hợp gặp em ở Chăm Pa Xắc cũng bằng tuổi Xảo Xối của cậu, hồi mình mới sang Nam Lào. Thâm tâm thích người ta bỏ mẹ, đêm thường nằm mơ “cuối” người ta liên tục. Mà em cứ lãn xả, biết để vậy khó thoát, thế là chọn một buổi sáng, ngủ dậy còn tỉnh táo, tớ chủ động đến báo cáo tổ chức và xin chuyển, lúc đó tổ chức còn đôi chút vãn vi, lưỡng lự chưa muốn cho chuyển, tớ đe, đã báo rồi nếu xảy ra chuyện gì là không chịu trách nhiệm đâu thủ trưởng nhà. Bộ tổ chức cũng không dám để ở lại. Biết là dùng chiêu ấy là hạ sách, người ta sẽ giận, cho là hèn. Hèn còn hơn mù mắt! Đây lý sự của thằng ít học bọn tớ, chỉ đơn giản như vậy mà hiệu quả, tránh được sai lầm khuyết điểm, chứ không như bọn “tạch tạch sè” các cậu, phức tạp vấn đề bỏ mẹ. Thôi nói đông nói dài vậy, bây giờ trước hết phải giải quyết hậu quả cho cậu. Ngồi đây viết tường trình, viết đến khi ra vấn đề thì thôi.

Ông Nhị Nguyễn thấy không cần loanh quanh nhiều lời làm gì nữa. Và ông kể lại với chính uỷ những nét chính trong quan hệ giữa hai người, từ lần đầu đến Pha Lan phải đóng vai chồng nàng và về tập tục của người Nha Hồn, ông cũng thổ lộ điều khó xử hiện giờ của mình.

Ông đã nói xong hồi lâu, cả hai đều ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Bỗng chính uỷ quát mắt hỏi:

- Cậu khẳng định chưa có con với người ta chứ?

Ông Nhị Nguyễn nói:

- Chính hôm rồi Xảo Xoi vừa nói lại lần nữa với tôi về điều ấy. Tôi đã nói hết với thủ trưởng và xin nhận mọi kỷ luật. Tôi chỉ có một nguyện vọng, phục vụ lâu dài trong quân đội, hoặc chí ít cũng là khi chiến tranh kết thúc. Còn quân đội không chấp nhận được, buộc tôi phải ra quân, xin cho tôi được lấy cô ấy, sau đó hoặc là về Việt Nam, hoặc là ở lại đây, tùy cô ấy quyết định.

- Không ra quân dễ thế đâu- Chính uỷ gằn giọng- có thể còn ra toà án binh nếu người ta nhất quyết bắt đền và chuyện thành to, ảnh hưởng đến quan hệ với bạn. Hủ hoá là tội nặng ngang tội phản quốc. Giờ cô ấy mà có mang và tổ cậu là phiền đấy. Dừa cột, chứ không nhẹ đâu. Đến lúc ấy, tuy đồng hương thật, tớ cứ phải việc công chiếu phép công mà làm thôi.

Ông Nhị Nguyễn nói ngay:

- Tôi không hề nghĩ đến đồng hương đồng chí gì trong chuyện này.

- Được- Chính uỷ bồng đập tay xuống bàn làm cuốn sổ và cây bút nảy tung lên- Cậu không phải thách. Tháng trước ở mặt trận phía Bắc đã có một quân nhân phải ra toà án binh vì phạm vào kỷ luật quân tình nguyện đấy!

Nói xong chính uỷ quay ngoắt, nhìn ra xa hẳn là muốn xả bớt cơn tá hoả chợt ập đến. Ông Nhị Nguyễn ngồi trơ như khúc gỗ vô tri. Mọi chuyện đã kết thúc thật tồi tệ, giờ hoàn cảnh ông như đang chui bụi rậm, rúc phía nào cũng gai cào toé máu. Bồng chính uỷ quay lại, giọng đã dịu hơn, cái nhìn thì độ lượng, đau xót:

- Trước khi cậu lên đây, tớ đã nghĩ đến hướng giải quyết chuyện này nếu điều tố cáo là đúng. Thôi giờ cậu viết bản kiểm thảo, tự nhận mức độ kỷ luật và nguyện vọng. Trong Đảng uỷ chỉ huy quyết sau. Tất nhiên, chuyện này cần khoan lại, không nên để lộ ra diện rộng, xử lý nội bộ sẽ tốt cho cậu, cho cô ấy và cho cả quân tình nguyện chúng ta.

Ông Nhị Nguyễn cứ ngồi thừ và cảm thấy đầu óc rỗng không, mọi chuyện giờ đây đã trở nên vô nghĩa. Chính uỷ đang lúi húi lục tìm một thứ gì trong tủ, bồng quay lại nhìn ông, hỏi:

- Sao? Hết chữ, không viết nổi hả?

- Tôi hỏi thật thủ trưởng- Ông Nhị Nguyễn nói- Hủ hoá với yêu thật lòng có khác nhau không?

- Trong quân ngũ thì một rọ cả. Đùng vòng vo Tam Quốc nữa. Quân lệnh như sơn, không có chỗ cho từ “yêu”. Viết. Kỷ luật. Chỉ có vậy!

Ông Nhị Nguyễn ở lại trên căn cứ thêm ít ngày chờ phán quyết cuối cùng. Và chính uỷ đã gặp lại, nói là, nhẹ nhất rồi đây, cảnh cáo ghi lý lịch, khai trừ lưu Đảng; cách chức đội trưởng; hạ cấp; đuổi về nước. Nhận tờ quyết định ông không hề choáng, điều này đã được dự liệu từ trước. Không thể khác!

Nhưng điều làm ông khổ tâm nhất là không biết sẽ phải nói với Xảo Xoi và mẹ nàng như thế nào, trước khi lên đường. Tối hôm đó ông đến nhà nàng. Bà mẹ đã đỡ mệt hơn, bà mừng rỡ khi thấy ông, trái lại vẻ mặt Xảo Xoi lại lộ rõ lo lắng, bồn chồn, bất an, quả nàng là người có linh cảm mạnh. Ông cố giữ vẻ mặt bình thản trước mặt hai người, nhưng giọng nói gượng gạo của kẻ mất hồn. Rồi bà mẹ

theo lệ thường, cố tình lấy cớ làm một việc gì đó để cho hai người ngồi với nhau lâu.

Ông ngồi thừ nhìn nàng hồi lâu, chưa biết nên nói cái tin sẽ là quá sốc ấy thế nào, thì đôi mắt nai đã đăm lẹ, nói trong tiếng nấc nghẹn ngào:

- Anh phải đi xa phải không?

Ông vẫn ngồi yên, đưa nàng cái khăn mùi xoa trong túi để lau nước mắt, cái khăn có thêu con chim hoà bình của Nghĩa tặng dạo nào. Rồi nàng đã tỉnh tâm lại, nói tiếp:

- Mấy đêm em không ngủ được, nghe anh Nôm nói anh lên cứ hạp, là em đã biết có điều dữ. Anh nói thật đi, có chuyện gì rồi phải không?

- Cấp trên đã biết chuyện của chúng ta- Ông Nhị Nguyễn nói nhỏ, chậm rãi- Anh đã nhận cả. Anh phải về nước ngay.

Gương mặt nàng bỗng đờ dại, bệch ra như sáp. Nàng ngả người, tựa vào vách cho khỏi ngã và cứ để nước mắt tuôn trào đẫm hai má, lăn chã rơi từng giọt xuống ngực. Ông cũng muốn khóc, nhòa người, ôm nàng, không thể nói thêm được câu nào. Hai người cứ thế ngồi im lặng có đến hàng giờ. Rồi nàng ngẩng lên nhìn ông, nài nỉ:

- Anh cho em về Việt Nam với. Được không?

Ông có phần bất ngờ. Mãi sau mới nói:

- Anh có bị đuổi đâu, vẫn trong quân mà.

- Họ đuổi anh về còn gì. Xảo Xoi nghẹn ngào.

- Anh bị cách tuột cả. Về làm lính trơn.

- Sao họ ác thế!- Xảo Xoi nói- Anh yêu em là có tội à?

- Anh đã nói với em rồi- Ông Nhị Nguyễn nói- Quân đội không có kỷ luật thì còn gì là quân đội. Họ không ác đâu, do anh sai.

- Em mới sai. Vừa gặp đã yêu anh liền. Anh là người đàn ông đầu. Không thể còn ai nữa đâu. Vì em anh mang tội, chứ em không hối vì đã yêu anh. Anh có hối là đã yêu em không?

- Không- Ông nói – Anh chỉ hối hận là đã làm khổ em, khổ mẹ. Anh không biết nói với mẹ thế nào.

- Anh vẫn yêu em chứ? Nàng lại hỏi ngừng lên đầu đầu nhìn vào mắt ông.

Nhị Nguyễn chỉ biết vuốt nhẹ bàn tay vào bên má bầu đẫm nước mắt của nàng thay cho câu trả lời. Lát sau nàng lại hỏi:

- Sao anh không bỏ luôn về với em? Anh không thích ở Lào thì em về Việt Nam với anh được mà. Đón cả mẹ.

- Anh đã nói với em rồi. Nếu bỏ được anh đã bỏ. Em có nhớ lần anh kể với em về con tàu chở hàng ra Bắc bị tàu chiến Pháp bắn chìm, cả mười hai bạn anh chết cả, chỉ mình anh sống không?

Nàng gật gật. Ông tiếp:

- Nhiều đêm anh cứ mơ cái ngày chìm tàu ấy, những bạn anh bị cá rĩa, chỉ còn lại đôi mắt cứ trợn trừng nhìn anh, không nói. Mấy chục con mắt đều trợn

trùng dưới đáy biển nhìn xéo cả vào một thằng sống sót là anh. Như thế. Anh biết các con mắt ấy nói gì. Anh ở lại trong quân vì lẽ đó.

Nàng là đầu vào vai ông dường như ngủ thiếp vì quá mệt mỏi, quá tuyệt vọng. Ông lại thấy đầu óc rỗng không như lúc ngồi với chính uỷ. Câu chuyện mà vị chính uỷ thích đùa ấy kể càng làm ông thấy chán mình, chán cái anh chàng Sở Khanh hèn đốn trong mình, thì ra tình yêu trên đời này chỉ là cái nhất thời, cái bản năng hoang dã lập tức bị đè bẹp bởi bao lý lẽ biện minh xem ra đều chính đáng cả, nhưng thực chất là sự nguy tạo và mọi dối lừa dồn cả vào người con gái nhẹ dạ, yếu đuối thế này đây. Ông chợt nghĩ tới mối tình đầu thời sinh viên, thật trớ trêu, sự lênh loãng trong tình cảm giữa hai người trong nhiều năm trời ngày đó, với sự đậm đặc trong có vài tháng bây giờ, rốt cuộc đều kết thúc bằng con số không cả thôi. Trên đời này vẫn còn nhiều thứ quan trọng hơn tình yêu, mặt trận không có chỗ nào cho tình yêu nướng nấu cả. Thật cay đắng và trớ trêu biết bao! Bỗng Xảo Xối như bừng tỉnh một giấc ngủ dài, thoát ra khỏi vòng tay ông, ngồi đối diện và nói thật rành mạch với ông:

- Em muốn có con với anh!

Ông cười gượng, giơ tay kéo nàng lại gần, nàng ngoắt đầu tránh, nhắc lại:

- Em muốn có con khi anh đi xa!

- Anh chẳng còn lòng dạ nào nghĩ đến điều ấy. Ông nói ra câu ấy mà bỗng thấy miệng mình nhạt thêch, như có điều bất nhẫn mà mình cứ nhắm mắt làm ngơ. Đã đến hồi kết rồi!

- Em biết- Nàng nói- Từ lâu anh vẫn sợ có con. Em phải hỏi anh lần nữa, anh có còn yêu em không?

- Em hỏi điều ấy làm gì nữa? Ông ngán ngảm hỏi lại.

Đôi mắt nai bỗng ánh lên sự dữ dằn hiểm thấy, nàng nói trong nỗi thất vọng ê chề:

- Em biết mà, anh đi là hết. Hết yêu em. Hiểu rồi. Anh chạy trốn!

Ông Nhị Nguyễn không ngờ Xảo Xối nói ra được câu ấy, chẳng phải chính ông cũng nghĩ về mình như vậy sao!

- Dù thế nào- Xảo Xối lại nói trong nỗi tuyệt vọng- Đến giờ em vẫn yêu anh. Cả lúc anh trốn chạy...

Ông nhớ mãi cái buổi chiều hôm ấy, lui thủi một mình trên con đường mòn hun hút, rời cao nguyên Bô Lô Vên với cái ba lô mỏng xếp đưng cái án kỷ luật sau lưng. Và chỉ còn khẩu Saint-etienne cổ lỗ trể nải vồ vồ bên hông là bạn đường, ông trả lại khẩu súng ngắn mới lĩnh và cô tình mang nó về nước, khẩu súng từng gắn với ông bao buồn vui, khẩu súng đã hết đạn. Chiều hôm đó ông đi như chạy không dám quay đầu lại, sợ cái ánh mắt nai tuyệt vọng, đau đớn của nàng xoáy đuổi sau lưng. Về nước, ông Nhị Nguyễn về một đơn vị chiến đấu, tuy không bị cách tuột xuống lính trơn, còn là trung đội phó. Hồi mới vào quân đội, ông từ phó giám đốc đài phát thanh được phiên sang đại đội bậc trưởng, vậy là ngoài kỷ luật về Đảng, ông bị giáng liền mấy cấp. Lúc ấy có anh cán bộ chính trị tiểu đoàn còn

nói, may cho cậu không bị tước quân tịch, ra toà án binh là án dựa cột chứ tội chẳng nhẹ đâu. Ông thì không nghĩ đến chuyện “may” hay “không may”. Ngay cả cảm giác hồ thẹn cũng chỉ là thoáng qua, ông vẫn dám nhìn thẳng vào mắt người khác khi nói chuyện, bề ngoài vẫn tỏ ra bình thản với anh em trong đơn vị mới. Ấy là do ông luôn chủ động, một khi dám làm dám chịu, mình đã yêu Xảo Xoi thật lòng, sai là yêu không đúng chỗ, đúng lúc, phải trả giá là điều không tránh khỏi. Đôi lúc ông lại tự hỏi: sao người đời hay móc chuyện này ra để hù dọa nhau thế nhỉ? Ông không sợ sự hù dọa. Nhưng với “toà án lương tâm” thì khác, sợ phải đối mặt với chính mình và lạ là càng về cuối đời sự tự buộc tội càng trở nên nặng nề hơn. Đó thực sự là pháp trường trắng.

Trong hồ sơ lý lịch của ông, chiến trường quen thuộc là Lào và thế là sau khi về nước chưa được bao lâu, ông được điều động trở lại Lào, không phải Nam Lào, mà là nơi ông đã từng đến hồi chưa nhập ngũ, là Trung Lào. Tiểu đoàn của ông sáp nhập với một vài đơn vị khác lớn hơn, lập nên sư đoàn Trường Kỳ. Chiến thắng Điện Biên Phủ đông xuân năm 1953- 1954, tiếp đến là thời kỳ hoà bình lập lại trên miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà. Đế quốc Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến trường Đông Dương, các sư đoàn chủ lực của quân đội ta đều có mặt ở các chiến trường, sư đoàn Trường Kỳ vẫn chủ yếu hoạt động ở Trung và Bắc Lào. Cuối năm 1953, ông đã về gặp lại bố mẹ và em gái ở Việt Bắc. Trong lần về phép ấy, ông quen một người bạn thân của em gái, cô ấy xinh xắn nét na và hai người gọi là có “tìm hiểu” cho có lệ. Năm 1955 ông có con trai đầu lòng, bốn năm sau lại có thêm cô con gái. Hình ảnh Xảo Xoi được vùi sâu chôn chặt trong ký ức, khi có gia đình rồi, có lý do để quên hẳn những bóng hồng đã đi qua đời mình, nhớ chẳng để làm gì mà thêm vương bận trong lòng.

#

Lúc gần đất xa trời này, mà ông Nhị Nguyễn lại nhớ đến người chỉ huy trung đoàn mình thời chống Mỹ, bởi cũng thật tình cờ, hôm nay chính là ngày giỗ của anh ấy. Ai đã là lính trung đoàn 55, sư đoàn Trường Kỳ thì không thể quên cái ngày tang tóc ba mươi năm năm về trước. Chuyện tồn thất đau lòng xảy ra có vài giờ sau khi quân ta đập tan sào huyệt của phi Vàng Pao ở Long Chặng. Trên đường xuống kiểm tra tiểu đoàn vừa thắng trận, trung đoàn trưởng đã bị trúng bom. Một tốp máy bay cường kích F4H quân thảo tuyệt vọng trên bầu trời Cánh Đồng Chum- Xiêng Khoảng hùng cứu vãn tình thế, đến khi trên đường trở về căn cứ U Ta Pao, Thái Lan, một chiếc đã trút hú hoạ một quả bom còn sót lại. Ông Nhị Nguyễn lúc đó đang ở hầm chỉ huy tiểu đoàn, nghe tiếng nổ rung chuyển núi rừng thì linh cảm ngay chuyện chẳng lành, giờ này trung đoàn trưởng đã đến gần nơi đơn vị đóng rồi, ông vội hô anh em chạy lên phía đèo, đã thấy trung đoàn trưởng và anh trợ lý tham mưu đi cùng nằm trong vũng máu. Quả bom nổ gần, làm

hai người đều bị nhiều vết thương, khuôn mặt biến dạng, quần áo rách bươm. Cái chết đến với người trung đoàn trưởng nổi tiếng dũng cảm xông pha trận mạc bao nhiêu năm, một cách nghiệt ngã và vô lý đến thế. Khi nghe tin anh ấy hy sinh, cả mặt trận sững sờ, không ai có thể tin nổi!

Cái ngày ông vừa đặt ba lô xuống trạm khách đơn vị đầu tiên phải trình diện sau khi về nước, đã gặp ngay một người gày mảnh, đi xiêu xiêu từ đầu đến, giơ tay bắt trước, cười xuê xoa và nói khơi khơi:

-Tôi là đại đội trưởng. Đã nghe chuyện của anh ở Chăm Pa Xác rồi. Vậy giờ anh là trung đội phó già nhất toàn quân đấy nhé. Đừng ngại. Có đủ chiến dịch cho anh làm lại từ đầu.

Ông hoàn toàn bất ngờ, hững hờ trước lối làm quen như vậy. Một nông dân mặc áo lính, nói năng cục mịch, đường đột. Ông hơn anh ta đến bốn, năm tuổi, đáng ra anh ta không nên xía vào nỗi đau của người vừa chân ướt chân ráo về đây. Lúc đó bực người đại đội trưởng ấy lắm, nhưng ông nuốt giận không nói lại câu nào. Rồi ông biên chế vào một đại đội khác chứ không cùng đại đội với anh ta. Đến chiến dịch Điện Biên Phủ, người nông dân mặc áo lính ấy nổi lên như một anh hùng, hai lần bị thương vẫn không rời trận địa và đại đội cửa mở của anh đã xuất sắc trong trận mở màn đánh vào đồi A1. Bằng một thời gian khá dài, trong huấn luyện thời bình, rồi đến các đợt đi B ngắn, năm 1971 ông được điều trở lại chiến trường C, nhận nhiệm vụ tại trung đoàn 55. Đây cũng là lần cuối cùng ông sang đất bạn. Ông lúc đó là tiểu đoàn phó, đơn vị mới lại chính là đơn vị của người nông dân mặc áo lính ấy, với cương vị trung đoàn trưởng. Hơn một chục năm gặp lại, anh ấy ít thay đổi về vẻ ngoài, vẫn gầy, dáng xiêu xiêu, tất bật, tiếng oang oang. Sau khi chính uỷ trung đoàn dặn dò, trao đổi xong, trung đoàn trưởng liền hỏi tiếp ông một câu như đánh đố:

-Anh sang đất bạn cũng được nhiều năm rồi. Có biết ai đặt tên nước Lào là Triệu Voi không?

Lại vẫn là sự đường đột không nên có với cấp dưới mới về. Ông không thể trả lời câu hỏi hóc như thế, mà chắc những vị ngồi đây cũng đều tắc cả. Như đọc được suy nghĩ ấy của ông, chính uỷ trung đoàn một người trông dáng thư sinh, nho nhã mỉm cười nói ngay:

-Anh Nhị Nguyễn ạ. Một quy định bất thành văn của đơn vị này là cán bộ từ cấp trung đội trở lên phải biết không nhiều thì ít về lịch sử của đất nước bạn, cũng như ta hiểu sử ta đây. Mà người gương mẫu trong chuyện này là trung đoàn trưởng.

Sau buổi gặp mặt, trung đoàn trưởng lại chủ động mang cho ông mượn một cuốn vở ghi chép của mình. Cuốn vở đã nhàu, qua tay nhiều người, có trang nhoè ố có lẽ do bị nước mưa thấm vào trên đường hành quân, chữ viết bút mực thì tháu song không mất nét, mất dấu, cũng dễ đọc. Máy chục trang vở học trò toàn là các gạch đầu dòng và hàng chữ đầu được kẻ đậm chân, na ná một cuốn từ điển về địa lý- lịch sử. Ngay gạch đầu dòng đầu tiên là “Đất nước Triệu Voi”, viết: “Vua Pha

Ngừm lên ngôi năm 1316, sau khi đã thống nhất các tiểu vương quốc Chăm Pa Xắc ở miền nam, Xiêng Khoảng ở đông bắc, Muông Si Va cùng thành phố Luông Prabăng phía bắc, đặt tên nước là Lạng Xạng, nghĩa là Triệu Voi”. Hay ở mục từ “Cánh Đồng Chum”: “Thuộc tỉnh Xiêng Khoảng, số dân 16 vạn, 30 bộ tộc, độ cao 1200 m so với mặt nước biển. Trên một vùng ở trung tâm cánh đồng có khoảng 700 chum đá khổng lồ, được xác định niên đại là 3000 năm”... Khi ông Nhị Nguyễn trả lại trung đoàn trưởng cuốn vở, hỏi là lấy đâu ra những tư liệu tỉ mỉ như vậy, trung đoàn trưởng liền vui vẻ kể: “ Cái cách mình tìm kiếm tư liệu như con kiến tha mồi vậy. Hai lần về phép đều ém lại thủ đô vài ngày, sục vào các hiệu sách, thư viện. Còn gõ cửa nhà mấy bác giáo sư có tiếng của Viện Sử nữa. Hoá ra ở ta sách vở về nước Lào đâu có nhiều. Có vị giáo sư mình đến hỏi, thì vị ấy khai thác lại mình và bảo chính mình mới là chuyên gia về phong tục tập quán của bạn. Ấy là do trước lúc về nước cũng đã lót dạ được dăm ba điều rồi, lúc nào rảnh rỗi hành quân đến nơi nào, là mình đều tranh thủ hỏi chuyện khai thác các bô lão, trưởng bộ tộc, sư sãi. Thế rồi kiến tha lâu đầy tổ, mấy năm tích được khối thứ, cho tuốt tuốt cả vào quyển vở này. Ngân ấy trang thôi, anh em truyền tay nhau đọc, rồi cũng thuộc, có cậu còn mạnh mẽ lên lớp cho các thông tin viên ở đơn vị bạn. Hôm rồi chính uỷ mặt trận không biết điều tra từ đâu, mà trong cuộc họp quân chính đã biểu dương, lính trung đoàn 55 am hiểu lịch sử, tập quán nước Lào nhất toàn quân. Mình hơi sượng, xin đính chính ngay. Nhất toàn quân thì không dám đâu thủ trưởng ạ. Gọi là có chút của hồi môn nhét ba lô, nhờ có làm rẻ thì cũng đáng mặt là chàng rẻ hiểu biết chút chút về tổ tông bên nhà bố mẹ vợ. Nghe vậy chính uỷ liền nửa đùa nửa thật nghiêm mặt bảo, đang chiến đấu, cậu nào có ý định làm rẻ là tôi cạo trọc đầu luôn, cho ở chùa thành sư đấy. Cả hội trường cười ầm.”

Chỉ một thời gian ngắn ông Nhị Nguyễn tiếp xúc với trung đoàn trưởng trung đoàn 55, từ lúc nào ác cảm chuyển sang mến cảm, gần gũi. Anh ấy không để bụng, không nghĩ xấu về ai, thẳng ruột ngựa, chân thành vậy, sao mà giận lâu được. Ông còn hỏi chuyện vài lính cựu của trung đoàn, được biết sơ sơ về “trình độ” của thủ trưởng: trốn nhà đi bộ đội từ năm mười sáu tuổi, mù chữ, đến chiến dịch Điện Biên Phủ là đại đội trưởng đã học hết cấp hai, vài năm sau hết cấp ba bổ túc. Hoàn toàn là tự học. Con người này lúc nào cũng ham học hỏi, không dẫu dốt. Một lần sau cuộc họp với tiểu đoàn ông, trung đoàn trưởng ghé tai nói: “Anh là người nhiều chữ nhất trung đoàn ta đấy, tôi muốn anh dạy cho ít tiếng Pháp, mà chịu chưa biết bố trí vào lúc nào.” Tưởng nói chơi vậy, rồi anh ấy làm thật, tìm được một khoảng trống công việc vào tối thứ bảy. Hàng tuần cứ đúng tám giờ tối ông Nhị Nguyễn lại lên lán trung đoàn trưởng. Bên ngọn đèn bão tù mù, thầy trò đánh vật với chữ Tây, anh ấy được cái nhớ mặt chữ nhanh, kiểm tra sơ sơ từ mới đều viết không lỗi chính tả, chỉ phát âm thì giật cục như gà ghe. Nhưng rồi học buổi đực buổi cái, ở chiến trường làm gì có thứ bảy, chủ nhật, làm gì có ngày nghỉ...

Một người nữa luôn “gắn” với ông trong thời gian ở sư đoàn Trường Kỳ, chiến trường C, không phải ai khác, chính là Đỗ Trường. Như Đỗ Trường kể thì sau khi ông phải về nước, anh ta thay làm đội trưởng một thời gian ngắn rồi cũng rút, trên điều đến một trung đoàn bộ binh thuộc Quân khu Bốn, rồi vào mặt trận Trị Thiên. Trước khi sang đây, anh thăng tiến có phần nổi trội theo ngạch chính trị, khi ông Nhị Nguyễn là tiểu đoàn phó thì anh đã là phó chính uỷ trung đoàn, tức cao hơn hai bậc. Ông Nhị Nguyễn không quan tâm đến cấp bậc của anh ta, mà chỉ thấy ngạc nhiên một điều, người này hình như cứ bám riết lấy ông như một tiền định vậy! Ông không ghét anh ta, mà cũng chẳng thân, từ lâu chỉ cảm thấy đây không phải là người có thể dốc bầu tâm sự. Đỗ Trường thì khi nào gặp ông cũng tỏ vẻ thân tình, hồ hởi, lại còn có lần trước mặt mọi người, chỉ vào ông nói, đây là thủ trưởng cũ của tôi trong đội công tác võ trang tuyên truyền ở cao nguyên Bô Lô Vên. Nghe vậy ông biết anh ta giả đò khiêm tốn, ông làm đội trưởng của anh ta chỉ chưa đầy một tháng, đó là lần cùng vào hang bắt cọp ở Huội Koòng. Dù sao cả hai đều ý tứ, không khi nào nhắc lại những chuyện đã đụng chạm nhau ngày trước.

Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng là mảnh đất dụng võ muôn đời. Suốt thời chống Mỹ, tại đây đã diễn ra nhiều chiến dịch lớn, ta- địch cứ giành đi giật lại từng thước đất. Từ cuối năm 1960, đầu 1961 quân tình nguyện Việt Nam và Pathét Lào đã giải phóng một vùng rộng lớn gồm hai tỉnh Sầm Nưa và Xiêng Khoảng. Năm 1969 quân chính phủ phái hữu, quân Thái Lan được sự hậu thuẫn của Mỹ mở cuộc hành quân lớn mang tên Cù Kiệt, quân ta đánh chặn chúng từ nhiều phía và chiếm lại Cánh Đồng Chum- Xiêng Khoảng. Khi quân ta về nước địch lại tràn ra đóng ở nhiều nơi. Năm 1970 bộ đội tình nguyện cùng bộ đội bạn đánh đuổi quân địch giành lại vùng đã giải phóng. Năm sau lại có chiến dịch lớn, lần này nhằm vào sào huyệt của Vua Mèo Vàng Pao ở Sầm Thông- Long Chẹng.

Trung đoàn 55 được chỉ huy mặt trận điều đi phối thuộc với sư đoàn bạn, đánh vào căn cứ trung tâm án ngữ cửa ngõ Long Chẹng. Đây là một thung lũng nhỏ, xung quanh đồi núi trùng điệp, địch đã bố trí các cứ điểm liên hoàn có hỏa lực mạnh để yểm trợ cho nhau, gợi nhớ lại một “tiểu Điện Biên Phủ” thời chống Pháp. Sau khi đi trinh sát về, trung đoàn trưởng họp bàn, giao các tiểu đoàn trưởng từng mục tiêu tấn công. Bài bản vẫn như cũ: pháo rót cấp tập mở màn, khống chế các cứ điểm, sau đó cả ba tiểu đoàn tập trung binh lực chọc thẳng vào trung tâm, mở toang cánh cửa sào huyệt Long Chẹng. Đó là cách đánh nhanh thắng nhanh, áp đảo bằng số quân đông, hỏa lực mạnh. Mọi việc chuẩn bị đâu vào đấy, còn bốn ngày nữa là đến giờ G, thì dùng một cái, lệnh trên điều hai tiểu đoàn đi làm lực lượng dự bị cho mũi vu hồi hai bên sườn đánh vào căn cứ đầu não địch. Còn trợ khác tiểu đoàn của ông Nhị Nguyễn và một đại đội đặc công. Đúng lúc đó, tiểu đoàn trưởng bị sốt rét ác tính phải đưa về tuyến sau, ông Nhị Nguyễn được chỉ định là quyền tiểu đoàn trưởng, chỉ huy đơn vị đảm nhận mũi chủ công. Thế là toàn bộ kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh bị đảo lộn. Phải chọn lại mục tiêu và cách đánh. Bàn nát nước, cuối cùng đi đến thống nhất, chuyển từ đòn chớp nhoáng

sang bóc dần biên ngoài, khi chúng suy yếu hoảng loạn mới hợp lực xoá sổ toàn cứ điểm.

Hôm đó, ông Nhị Nguyễn cùng chính trị viên tiểu đoàn nhận xong nhiệm vụ, đang định về triển khai thì có đoàn của phó tư lệnh mặt trận xích đến kiểm tra. Phó tư lệnh dáng nhỏ thó, rắn chắc, nước da đen xạm, một trung đoàn trưởng nổi tiếng thời Điện Biên mà ông Nhị Nguyễn đã nghe danh, nhưng đây là lần đầu giáp mặt. Hồi chiến dịch Điện Biên, trung đoàn trưởng hiện giờ là cấp dưới trực tiếp của phó tư lệnh và lính ta vẫn truyền nhau, đó là một cặp bài trùng đánh đâu thắng đó. Trung đoàn trưởng trung đoàn 55 đón cấp trên với sự trọng thị, còn có cả tình thầy trò, có thể nhận ra ngay điều này trong cử chỉ, chào hỏi. Phó tư lệnh đi nhanh đến bên cái bàn lớn đặt giữa nhà, tấm bản đồ đang để mở, rồi hỏi là đã điều hai tiểu đoàn đi chưa, kế hoạch tác chiến thế nào? Trung đoàn trưởng báo cáo xong, chỉ vào ông Nhị Nguyễn nói:

- Đây là đồng chí quyền tiểu đoàn trưởng, được trao nhiệm vụ mở màn đánh vào cụm cứ điểm Tây bắc.

- Sao lại Tây bắc mà không phải là Trung tâm ? Phó tư lệnh lừ mắt, đặt năm đấm trùm lên giữa tấm bản đồ tác chiến.

- Chúng tôi chỉ còn đủ sức đánh vào khu hai- Trung đoàn trưởng nói- còn khu một ta dùng pháo không chế, với khu ba...

- Cách đánh như thế không đúng với tinh thần chỉ đạo của Mặt trận- Bỗng phó tư lệnh ngắt lời- Phải tập trung lực lượng đánh thẳng vào khu một!

Tất cả lặng đi. Nhị Nguyễn thấy nét mặt trung đoàn trưởng lộ rõ sự căng thẳng, rồi ông thoáng nhìn ra phía ngoài như muốn thư giãn giây lát để lấy lại tinh thần. Một cán bộ tham mưu trung đoàn định trình bày thêm điều gì đó, phó tư lệnh phác một cử chỉ gạt đi. Ông tiếp:

- Tôi đem lệnh của Mặt trận xuống. Các anh phải chấp hành lệnh.

- Nhưng đây là lệnh nướng quân! Bỗng trung đoàn trưởng quay lại, nói rồi nhìn thẳng vào ông thầy võ đoán của mình, một phản ứng làm tất cả mọi người sững sốt. Phó tư lệnh cũng thoáng bất ngờ, song không nói gì, ông cúi xuống tấm bản đồ, đôi mày rậm nhíu lại, sau đó ông ngồi xuống cái ghế đầu để cạnh giường trung đoàn trưởng vẫn nghỉ trưa ngay tại sở chỉ huy. Ông Nhị Nguyễn theo dõi nét mặt phó tư lệnh, vẫn không thể hiện phản ứng bộc phát gì. Vị này hơn ông mấy tuổi, hoạt động tiền khởi nghĩa, và giờ đây bản lĩnh, sự từng trải làm ông ấy vẫn đủ bình tĩnh để chịu đựng, ngấm ngời về lời nói như xương hóc vừa rời của cấp dưới. Sau mấy phút im lặng, phó tư lệnh đứng lên đến bên trung đoàn trưởng, giọng trầm hẳn:

- Anh nói lại lần nữa phương án tác chiến xem nào.

Nghe trung đoàn trưởng trình bày xong, phó tư lệnh lại hỏi:

- Anh vẫn không chấp hành chứ gì?

- Tôi không thể chấp hành được cách chỉ huy như thế! Không chắc thắng lại có thể gây nhiều tổn thất cho bộ đội. Giọng trung đoàn trưởng vẫn chưa có dấu hiệu xuống thang.

Chính uỷ trung đoàn từ nãy đến giờ im lặng, đến bên trung đoàn trưởng nói nhỏ:

- Anh nóng quá đấy, tất cả ở đây cùng bàn lại xem thế nào đã.

- Thôi, nghỉ giải lao! Bỗng phó tư lệnh bất ngờ ban ra cái lệnh như muốn tháo ngòi nổ. Giải pháp của ông đơn giản vậy, xem ra có tác dụng với mọi người. Trung đoàn trưởng một mình bách bộ vài vòng quanh sân, còn phó tư lệnh thì lại đến bên bản đồ và quay sang trao đổi với mấy cán bộ tham mưu đi theo. lát sau ông đến cạnh Nhị Nguyễn hỏi:

- Đồng chí thấy nếu cứ đánh thẳng vào trung tâm có đảm bảo chắc ăn không?

Ông Nhị Nguyễn nhìn phó tư lệnh lắc đầu:

- Chúng tôi đã trình sát kỹ. Phương án của trung đoàn trưởng chắc thắng và tránh được tổn thất.

Phó tư lệnh lại hỏi:

- Liệu xong cụm Tây bắc, anh còn đủ sức đánh tiếp?

- Đánh lần ít gây thương vong, lực lượng địch đã bị bóc trụi, khi tổng công kích là nắm chắc phần thắng.

Trở lại cuộc họp. Phó tư lệnh nói:

- Thời gian gấp lắm rồi, có muốn thay đổi cũng chẳng kịp. Các anh đã chuẩn bị thế nào cứ làm vậy. Phía bạn, sẽ điều đến một đại đội bộ binh phối thuộc cùng các anh. Không thắng là tôi đưa các anh ra toà án binh đấy!

Ông đến bên trung đoàn trưởng như muốn dàn hoà, hỏi tiếp:

- Tiên tiêu trung đoàn bộ đặt ở chỗ nào cậu nhỉ?

Trung đoàn trưởng chỉ vào một điểm trên bản đồ, phó tư lệnh đưa tay chỉ chỗ khác nói:

- Vị trí chỉ huy phải dễ quan sát dễ nắm quân chứ, cậu cho vào chỗ này đi.

- Thủ trưởng nhìn nhầm địa hình, do bản đồ vẽ không chuẩn đấy- Đến cả tình huống này trò vẫn không chịu nhường thầy một li- Chúng tôi đã đến tận nơi, vị trí chọn là gần trận địa nhất rồi.

Buổi trưa. Họp xong, ông Nhị Nguyễn cùng chính trị viên tiểu đoàn trở về ngay nơi đơn vị đang tập kết, thì ập mưa. Ông trời như bực dọc trút cho xong số nước còn sót lại cuối mùa, ào ạt chốc lát rồi tạnh liền. Mấy lán lợp lá trung quân dột như giá, lính trùm áo mưa, căng tăng trong lán vẫn ướt lướt thướt. Phút chốc mặt đất nhão nhoét. Đó còn là thời cơ cho tí con vắt nhỏ như que tăm mai phục dưới lá tua tua ngهن lên bám dính vào người nào đi suợt qua. Những lần trước, về đến lán chỉ huy ông Nhị Nguyễn thế nào cũng dừng trước thềm, để mắt xem có vắt gọt đi, lần này kệ vắt, cởi bỏ áo mưa là ông ngồi ngay vào trước cái bàn nứa và cầm cúi nhìn lên tấm bản đồ chiến sự cài trên liếp. Cán bộ trung đội, đại đội ở các

lấn xung quanh thấy ông và chính trị viên đội mưa bước sầm sập vào lán như vậy, đoán thể nào cấp trên cũng có quyết định thay đổi gì đó rất khẩn trương, không đợi phải triệu tập đã nhao sang đủ mặt. Tất cả trùm vãi ni lông, đứng sát nhau thành vòng tròn chăm chú nghe mệnh lệnh từ hai người chỉ huy. Anh trợ lý tham mưu tay cầm sổ, bút chì, tay nhăm nhăm cái que nửa vót nhỏ, chỉ đợi thủ trưởng cần chỉ bản đồ là đưa ngay. Sau khi chính trị viên có mấy lời ngắn gọn gọi là “quán triệt tinh thần chỉ đạo của trên”, ông Nhị Nguyễn vừa chỉ lên bản đồ vừa nói về phương án tác chiến mới, từng đại đội nhận các mũi tấn công cụ thể. Cuối cùng ông nhắc lại câu kết luận của trung đoàn trưởng: “Vây chặt. Lấn tận hàng rào, sát chiến hào địch không cho máy bay lên thẳng hạ cánh. Không cho thẳng dưới lên, thẳng trên xuống, thẳng trong đồn ra. Phải làm cho chúng ăn không ngon, ngủ không yên, thẳng sống nằm lẫn với thẳng chết!”

Thay cách đánh gấp gáp như vậy, mà phổ biến xong không ai có ý kiến gì khác, ý cấp trên và ý người lính ở cơ sở đã gặp nhau, đó là cách đỡ tốn máu nhất. Mọi người lục tục toả nhanh ra khỏi lán chỉ huy. Cậu trợ lý tham mưu khi cuộn tẩm bản đồ lại, chợt phát hiện sau mang tai quyền tiểu đoàn trưởng treo lưng liêng một con vắt mọng máu đã to bằng ngón tay, chưa hết, nhìn xuống chân nhoe nhoét máu, móc ra mấy con nữa bám ở mu và gan bàn chân. Ông Nhị Nguyễn chợt có so sánh, thứ vắt rừng Lào không khác mấy với thứ đĩa vũng Việt Bắc, hễ có dịp là chúng thoả thê hút no máu. Nhanh thế, thoát đã hai mươi năm có lẽ, ngày đó ông mới ngoài hai mươi, giờ sắp sang tuổi ngũ thập tri thiên mệnh rồi!

Không còn thì giờ nấu cơm, từ chỉ huy đến lính mỗi người một phong lương khô. Trong vài phút, khắp các lán bỗng nổi lên không dứt tiếng sồn sột, lục cục của nhai nghiền thứ bánh ép nén chặt như cục đá, rất tiện cho người lính chén để lấy sức vào trận và khi ngừng lên nhìn nhau, quanh mép, lỗ mũi ai cũng lem nhem dính đầy bụi bánh trắng phơ. Rồi chiêu thêm ngụm nước, xúc xồng xọc ực xuống bụng là xong bữa. Thu dọn lên đường. Tổng gọn các thứ còn để ngoài như bát đĩa, bàn chải, khăn mặt vào các túi ba lô con cóc. Súng đạn khoác lên người, ai cũng nhanh tay bẻ thêm mấy cành lá tươi cài lên mũ đội đầu và sau lưng. Loáng một cái cả tiểu đoàn mấy trăm con người đã đứng kín trên bãi cỏ, lá nguy trang rùng rùng, súng, xẻng công binh, cuộc chim va nhau lách cách không dứt. Ông Nhị Nguyễn gọn gàng mũ cối, ba lô, khẩu súng ngắn K54 đeo trễ bên hông, bước nhanh ra bìa rừng, đưa mắt một lượt tỏ ý hài lòng về sự tập kết gọn nhanh của các đại đội, trung đội. Những gương mặt trẻ ngời ngời, hướng cả về phía ông. Rồi đội hình hàng dọc lặng lẽ chuyển động. Ông Nhị Nguyễn cùng đại đội một đi đầu.

Bầu trời quang quẻ, xanh ngắt. Mặt trời trên đỉnh đầu mỗi lúc thêm chang chói, các lùm cây hơi nước bốc ngun ngút. Càng trèo lên cao càng thoáng đãng, tầm mắt mở dần ra. Đã thấy lác đác những cây thông lớn mọc hai bên con đường mòn, ông Nhị Nguyễn chợt nhớ lại cuộc vượt Trường Sơn lần đầu khi ông còn chưa trong quân ngũ, vậy là trở lại vùng đất Sốp Sang năm xưa rồi. Ông hỏi đại đội trưởng đại đội một đang đi bên, có biết tên những bản gần đây, anh lắc đầu,

bảo lần đầu đến nơi này. Chừng hơn một giờ leo dốc, ông nhắc đại đội trưởng cho bộ đội nghỉ giải lao. Bỗng phía trước có hai người đang lui cui xuống dốc, một bà già và cậu thiếu niên. Người đàn bà nhỏ bé gầy quắt queo, gương mặt tiêu tụy, cái váy thì nhàu nhĩ nhiều miếng vá vải gai, áo cũng đụp mảnh ở vai, ở ngực. Lại là bà ta còn đeo một khẩu súng các bin, dường như khẩu súng quá nặng làm lưng bà còng hẳn xuống. Anh đại đội trưởng bước tới gần ra hiệu cho người đàn bà dừng lại và hỏi, sao lại có súng?

- Mình là du kích bản Sộp Phác mà- Người đàn bà nói- Đây là con trai mình, nó cũng là du kích. Súng còn có ít đạn lắm, bộ đội viện trợ cho một băng nhé.

Ông Nhị Nguyễn đang đứng cạnh gốc thông bên đường, bỗng giật mình khi nghe nói đến tên bản Sộp Phác. Ông bước lại gần hỏi:

- Chị du kích tên gì?

- Vi Lãm.

Ôi, cô gái xinh nhất bản năm xưa đây sao? Và ông tự nhủ, không phải, thiếu gì người trùng tên, người đàn bà này dễ phải năm năm, sáu mươi tuổi rồi, còn Vi Lãm ông đã gặp năm ấy giờ cùng lắm chỉ độ ngoài bốn mươi thôi. Ông hỏi lại lần nữa:

- Chị là Vi Lãm, người bản Sộp Phác?

Người đàn bà gật đầu. Ông đến bên và nhìn vào đôi mắt mệt mỏi của chị, khó có thể hình dung được hai mươi năm trước, đó là một đoá hoa rừng rực rỡ. Bỗng Vi Lãm ngã bệt xuống vệ đường, mặt tái nhợt, mồ hôi lấm thấm trên trán. Cậu con vội đỡ mẹ và quay sang nói với anh đại đội trưởng:

- Mẹ mình đã nhịn đói hai ngày nay, toàn ăn nõn chuối rừng.

Anh đại đội trưởng vội lấy trong ba lô ra phong lương khô đưa cho cậu bé, cậu bé một nửa đưa mẹ, còn lại định cất vào túi. Vi Lãm bảo, con cũng ăn đi và chị chậm rãi nhai cho đến hết miếng bánh. Ông Nhị Nguyễn ngồi xuống cạnh, đưa bi doong nước, chị uống ực một hơi, nói với ông:

- Mình thấy mắt không còn hoa, đầu không váng nữa. May quá, nếu mẹ con cứ đi tìm trong rừng thì biết đến bao giờ mới gặp được bộ đội.

- Vi Lãm còn nhớ một anh bộ đội Việt Nam tên là Lèng Cảnh không? Ông Nhị Nguyễn hỏi, bởi trong lòng vẫn phân vân, chắc gì đã phải cô ấy.

Người đàn bà mở to đôi mắt nhìn ông, rồi hỏi lại:

- Anh Lèng Cảnh à. Sao thủ trưởng biết anh ấy?

Vậy đúng cô ấy rồi! Thời gian, chiến tranh, đói khát đã làm Vi Lãm thay đổi ghê quá, có thể chị ta không còn nhớ ông cùng Nguyễn Văn Bình, nhưng quên sao được cái anh chàng to con đẹp mã, tán tỉnh sạt sạt ấy cơ chứ. Và rất có thể thằng bé này cũng là con anh ta? Như chợt hiểu con mắt xăm soi ông nhìn thằng bé, Vi Lãm bảo ngay:

- Bố cháu là du kích, mới chết trong trận chống càn. Nó mười lăm tuổi thôi mà.

Mắt Vi Lãm bỗng nhòa lệ. Mấy chiến sĩ hành quân phía sau vừa đi đến đứng xung quanh hai mẹ con Vi Lãm. Anh đại đội trưởng hỏi, bây giờ hai người đi đâu? Vi Lãm nói là đội du kích Sộp Phác vừa mất người chỉ huy, chưa biết phải làm gì và mẹ con chị cứ đi tìm bộ đội Việt Nam xin tiếp viện vũ khí, lương thực trước đã. Ông Nhị Nguyễn gật đầu bảo mẹ con Vi Lãm cùng đơn vị quay lại bản. Xế chiều mới đến Sộp Phác. Ông Nhị Nguyễn vẫn nhận ra cái bản nhỏ bé của người Lào Mông nằm trong khu rừng thông, hơn hai mươi năm về trước ba anh em đã qua đây, nhưng giờ vắng teo, tiêu điều. Ngôi nhà tranh cạnh đường mòn bị thiêu rụi còn trơ cái nền đầy tro than đen xì. Thấp thoáng trong rừng là những mái nhà lợp xúp, xiêu vẹo. Tháng trước, một toán phỉ Vàng Pao từ cụm Tây bắc nông ra cướp bò, lợn, lương thực, bị đội du kích của chồng Vi Lãm chống trả, phải rút chạy bỏ lại mấy xác. Địch đông hơn, trang bị mạnh hơn, chồng Vi Lãm trúng đạn bị mất nhiều máu, vài giờ sau tắt thở, mộ anh ở ngay trên đồi thông trước bản. Trưởng bản trạc tuổi Vi Lãm ra đón bộ đội, nói với ông Nhị Nguyễn:

- Dân bản sau trận càn chạy cả vào núi, nay đang về mỗi ngày một ít. Nhà nào cũng đói rạc dài thủ trưởng à.

Đại đội hành quân sau cùng đã đến đủ, cả tiểu đoàn tập trung trước con đường vào bản. Ông Nhị Nguyễn trao đổi với chính trị viên cùng các đại đội trưởng, trích ra một số gạo, muối và thịt hộp giúp dân bản. Các đại đội liền cho người đưa gạo, thực phẩm đến từng nhà. Đêm đó cả tiểu đoàn ngủ lại bản Sộp Phác. Ông hỏi Vi Lãm về đội du kích. Hiện còn chưa đến một chục người, chị tạm thời là đội trưởng thay chồng và được nhận thêm hai băng đạn cac bin cùng mấy trái lựu đạn. Cậu con trai Vi Lãm bỗng cầm tay ông nói:

- Bác ơi, cho cháu đi theo với. Cháu bắn súng được mà.

Ông Nhị Nguyễn xoa đầu nó, nói là chờ sang năm lớn tí nữa mới nhập ngũ được, giờ cháu phải ở nhà cùng mẹ và đội du kích giữ bản, chống lại bọn phỉ. Thằng bé phải chịu, mặt buồn thiu. Lúc sắp chia tay, Vi Lãm còn hỏi ông về Lèng Cảnh, ông bảo bao nhiêu năm nay cũng không hề gặp lại anh ta. Vi Lãm kể:

- Lần ấy em và chồng em trong rừng Sấm Thông, nhìn ra thấy toán lính Mèo đang đi tuần trên đường cái. Có một người nom giống anh Lèng Cảnh lắm, nhưng do anh ta đội mũ chụp xuống mặt nhìn không rõ mặt. Chồng em bảo, làm gì có chuyện ngược đời thế. Em tin là nhìn nhầm.

Vừa đến nơi tập kết là các đại đội cắm đầu hi hục đào hầm hào, nguy trang phía trên. Khu vực trận địa bao vây chằng chịt đã được hình thành, cách cụm cứ điểm Tây bắc của địch chừng nửa cây số. Ông Nhị Nguyễn dùng ống nhòm quan sát. Không có gì thay đổi so với một tuần trước, khi ông cùng trung đoàn trưởng đi trinh sát, đến sát hàng rào ngoài cùng. Cứ điểm nằm trên các mỏm đồi thấp, tạo thành thế chân kiềng yểm trợ lẫn nhau và nhắm về yểm trợ cho cửa ngõ vào Long Chặng. Những đường hào xẻ dọc ngang đỏ lừ máu máu, ở mỗi đoạn hào lại nổi lên ụ lô cốt, hầm ngầm đắp bằng bao cát trắng phau, bên trên có mái lợp tôn. Mấy chục lô cốt, hầm ngầm liên hoàn, cùng năm lần hàng rào thép gai bao

quanh, biến cứ điễm thành một cái rọ thép kiên cố không dễ chọc thủng. Không có đường bộ lên xuống căn cứ, mọi tiếp tế đều bằng máy bay. Sân bay trực thăng lọt thỏm vào giữa ba cứ điễm vây quanh. Đó là nơi tiếp máu, tiếp nước cho mấy trăm tên lính Mẹo đang cố thủ. Ta đã bố trí khẩu đội pháo phòng không 12,7ly gần đó để khống chế máy bay địch lên xuống. Có một chiếc trực thăng lượn vài vòng trên không rồi từ từ đổ xuống cát bụi tung lên đỏ lòm. Hai tên trong lô cốt gần nhất chạy ra đón, ba tên trong máy bay đi ra, rồi chúng cùng mất hút trong đường hào. Anh trợ lý tham mưu ngồi bên ông nói nhỏ:

- Đây là sở chỉ huy tiêu đoàn Mẹo mang số hiệu BC81.

- Khẩu đội mười hai ly bẫy đã báo cáo về chưa? Ông Nhị Nguyễn hỏi.

- Đã vào vị trí- Anh trợ lý tham mưu nói- Họ ở mồm đồi kia, cách căn cứ này khoảng sáu trăm mét, rất dễ khống chế ở tầm thấp.

Trung đoàn trưởng lại điện xuống hỏi về tiến độ đào công sự, còn thông báo, Mặt trận vừa đồng ý tăng cường cho trung đoàn 55 hai nghìn năm trăm quả đạn cối 120 ly, như vậy mở màn trận tấn công mỗi cứ điễm của cụm Tây bắc sẽ xoi trước bẫy, tám trăm quả cối, tiểu đoàn của Nhị Nguyễn tha hồ mà vây chặt, lấn sâu. Tảng sáng. Bầu trời, mặt đất sương núi đặc quánh như sữa. Thỉnh thoảng từ căn cứ còn phụt lên quả pháo sáng, thể hiện nổi phấp phỏm thường trực của bọn phi đang chúm xuống đất cố thủ sẽ bị tấn công bất cứ lúc nào. Các đại đội ta đã ém sát chân hàng rào từ lúc quá nửa đêm, các đài thông tin đều thông suốt, đạn gạo tập kết sau lưng người lính đủ để đánh liên tục hàng tuần, mà yêu cầu phải dứt điễm xoá sổ căn cứ trước mặt trong vòng bốn ngày. Sắp đến giờ G. Ba chiến sĩ của mở thuộc đại đội một lên cắt rào ngoài cùng, đặt mìn, bộc phá đầu dây, trở về nằm yên đợi lệnh. Ông Nhị Nguyễn ngồi bên điện đài, mấy lần liếc nhìn đồng hồ. Sao lại có cảm giác hơi hồi hộp thế này nhỉ? Phải rồi, từ khi về nước đã gần hai mươi năm, không kể thời gian tập huấn kỹ, chiến thuật ở Miền Bắc, có thời kỳ tăng cường cho mặt trận Trị Thiên, cho B6, còn chủ yếu ông tham gia các chiến dịch bên nước bạn, thì đây là trận ông cảm nhận trách nhiệm phải thắng đề nặng lên vai nhiều nhất, không chỉ với mình, mà cho người thủ trưởng “bướng với cấp trên” kia nữa! Chắc lúc này anh ấy cũng hồi hộp chứ, dù đó là người lính dạn dày trận mạc nhất. Đại đội trưởng đại đội một thì thào vào tai ông:

- Như sấm sờ lần thế này biết chọc vào chỗ nào đây thủ trưởng?

- Cứ nhè mặt mà choang. Hỏi gì nhiều! Ông Nhị Nguyễn tai không rời ông nghe.

Đến giờ G, nhưng không nghe lệnh của trung đoàn trưởng truyền xuống, cũng tức chưa thấy đạn cối đập. Quá đến năm phút. Ông Nhị Nguyễn sốt ruột hỏi vào bộ đàm:

- Sao chưa nổ súng, thủ trưởng?

- Trời mù thế nổ súng vào đâu! Tiếng trung đoàn trưởng trong điện đài vang lên đến nhức tai. Rõ ràng anh ấy còn sốt ruột hơn, chắc chỉ huy Mặt trận cũng vừa giục, sao chậm giờ. Mười phút nữa. Bỗng có cơn gió thổi mạnh làm các lùm cây

xung quanh trận địa ngã nghiêng. Màn sương loãng ra, ông trời đang vén bức màn giăng mắc quái quỷ, đã thấy tháp thoảng mảng màu xanh thẫm từ phía mấy mỏm đồi trên cứ điểm . Anh đại đội trưởng nói như reo:

- Đến lúc rồi!

Ba chiến sĩ cửa mở đều cúi thấp, tay cầm chắc cái kíp điện. Giọng trung đoàn trưởng vang lên rõ ràng trong điện đài:

- Pháo đập!

Loạt cối 120 ly đầu tiên trùm lên cả ba cứ điểm cùng một lúc, chính xác đến từng xăng ti mét. Loạt sau trùm lên loạt trước. Phút chốc cả căn cứ địch chìm trong biển khói bụi đỏ một góc trời. Tiếng chúng la ó, rồi cối, đại liên từ các lỗ châu mai, hầm hào trong đồn bắn như đổ đạn ra xung quanh, chúng đã hoảng loạn vì bị ăn đòn phủ đầu quá bất ngờ. Khoảng nửa giờ sau, pháo ta chuyển làn. Ông Nhị Nguyễn bật dậy hô:

- Tấn công...

Chiến dịch diễn ra đúng như dự kiến, trong bốn ngày liên tục vây lấn, tiểu đoàn của ông Nhị Nguyễn đã đè bẹp cụm cứ điểm kiên cố nhất của địch trong tuyến phòng thủ vòng ngoài. Trong trận đánh mở màn này, ở đại đội Pathet phối thuộc, chia lửa cùng tiểu đoàn ông, đã nổi lên một gương mặt, mà như nhận xét của những người xung quanh, còn rất trẻ mà khi xung trận như một chiến binh dày dạn. Đó là chiến sĩ trinh sát mười tám tuổi Khăm Đi . Còn điều đặc biệt này nữa, ai cũng bảo, sao cái dáng, khuôn mặt cậu ấy giống quyền tiểu đoàn trưởng của mình đến thế! Chỉ khi kết thúc chiến dịch, có được chút thời gian nghỉ ngơi, ông Nhị Nguyễn mới có dịp gặp và hỏi chuyện lâu với Khăm Đi, để rồi sửng sờ khi biết đó chính là giọt máu của ông với Xảo Xoi ngày ấy ở bản pha Lan.

Một ngẫu nhiên khác, cũng dường như là sự bõn cọt của số phận. Trong số lính Vàng Pao ra hàng ở cứ điểm Tây bắc, có một người tên Chăn Phết, mà khi đội trưởng du kích Vi Lãm đến cùng các chiến sĩ Pathét giải hàng binh đi, đã nhận ra đây chính là Lèng Cảnh. Ông Nhị Nguyễn do phải bận rộn với trận đánh tiếp theo vào căn cứ trung tâm, mà không biết chuyện này, về sau Vi Lãm mới kể lại .

#

#

Ai đang đứng run rẩy trước mặt mình thế nhỉ? Ông Nhị Nguyễn bỗng thấy hấn hiện ra, đứng nghiêm theo kiểu nhà binh, cái lưng không cánh cung, tóc thì dài trùm gáy trắng như cước, râu quai nón cũng bạc phơ. Hấn nói:

- Em biết anh sắp về cõi, mới dám đến trình diện. Anh còn căm ghét em không? Lèng Cảnh đây mà.

- Mày là Lèng Cảnh, cái thằng vong bản theo giặc đó ư! Ông Nhị Nguyễn chọt hét lên- Chúng ta ở hai trận tuyến, còn gặp nhau làm gì nữa?

- Sao bây giờ anh nóng nảy thế...

Lèng tỏ ra ôn tồn, lời hấn không cộc cằn như xưa, mà vẫn vẻ ra phết. Hấn nói tiếp:

- Đạo em, anh Bình và anh đi trong rừng miền Trung Lào, em thấy anh mát tính lắm kia mà. Có khi nào quát tháo cấp dưới như vậy đâu. Hấn già đậm bản tính. Em không thọ bằng anh, đã biến khỏi mặt đất cách đây tròn mười năm rồi. Làm nghề thuốc em biết, nữ tích huyết như tích tặc, nam tích tinh như tích ngọc, mà em chơi bời, dâm dục quá thái thì khí huyết suy kiệt, tồn thọ là đúng thôi. Em biết việc mình làm còn bị tổn âm đức nữa kia. Giờ nắm xương gửi đất khách quê người, mà hồn cứ lang bang tìm về nơi quê cha đất tổ. Tiện hôm nay qua Hà Nội, thấy anh nằm bất động thế này mới tạt vào thăm. Nom anh chẳng khác hôm bị sốt rét ác tính nằm như chết rồi trong rừng Lào. Chỉ khác ngày trước nằm trên đất, nay nằm trên giường thép sáng choang. Em chắc anh cũng phải nể, bình tĩnh nghe em trình bày, vì em từng là ân nhân cứu mạng anh kia mà.

Ông Nhị Nguyễn bỗng thấy thương hại cái kẻ thân tàn ma dại kia, suốt đời ỷ vào bản năng không chịu tu tỉnh, học hành, phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác để cuối cùng tự huỷ hoại mình. Phải rồi, cậu ta từng cứu mạng ông bằng bài thuốc lá lấu dút bừa trong rừng Lào cơ đấy, để xem hấn thanh minh thế nào.

- Sau chuyến đi ấy- Hấn nói tiếp- em về đến trạm Đô Lương, một mực đòi cưới Pen Ni. Lúc đó việc lấy vợ người nước ngoài là điều phiến toái khó giải quyết cho cấp trên. Tính em xưa nay vẫn dâm dê, không nhịn được, liền ăn cơm trước kẻng. Cái bụng lùm lùm của cô ấy chẳng giấu nổi con mắt như cú nhòm nhà bệnh của “Trạm trưởng không biết đùa”. Thế là em bị kỷ luật đuổi khỏi trạm. Pen Ni cũng phải theo chồng. Thì bỏ Chợ Đồn dắt nhau về thẳng quê vợ mở hiệu thuốc nam. Nếu chỉ có vậy, em đã chẳng phải đến muối mặt tự thú với anh hôm nay. Ông trời thật hay chơi khăm kẻ lớ ngớ, không vững lập trường như em, sui khiến thế nào mà em lại trở thành kẻ bên kia chiến tuyến, đối đầu với anh. Trong chiến dịch Sấm Thông- Long Chặng cuối năm 1971, anh là tiểu đoàn phó quân tình nguyện, thì em là tiểu đoàn phó tiểu đoàn BC 81 quân Vàng Pao núp dưới cái tên Chấn Phết...

Ông nhị Nguyễn nghe đến đây mới quắc mắt, gằn giọng như quan toà sau cú gõ búa gỗ xuống bàn, mà tra xét:

- Lèng Cảnh Chấn Phết! Nói xem động cơ sâu sa nào làm mày đồ đôn theo giặc?

- Có sâu sa gì đâu anh- Lèng ngược nhìn ông, giọng thật buồn tủi- Em đã ba mặt con với Pen Ni rồi, đang yên đang lành thì gặp cái cô Bua Khăm ấy. Tiếng Lào “bua khăm” có nghĩa là bông sen vàng, cô ta đẹp ơi là đẹp! Em bị bùa mê thuốc lú, bỏ vợ bỏ con, cứ lúi lũi theo cô ta vào núi. Ai dè nó chính là tì thiếp của vua Mèo. Nó chuyên nghề giăng bẫy những kẻ mê gái, háo sắc như em. Biết em người Việt lại có tài bắn súng bách phát bách trúng, Vàng Pao sung em vào tiểu đoàn bảo vệ vòng ngoài cụm cứ điểm Tây bắc. Em bị các anh bắt, rồi giao cho Pathét, họ giáo dục, cải huấn hai năm thì thả. Pen Ni giận em lắm, không cho vào

nhà, các con cũng không nhận bố. Em buồn quá định bỏ về nước, nhưng lên đại sứ quán xin không được visa vì em có lý lịch bất hảo. Em lại quay về quê Pen Ni, quỳ dưới chân cô van xin cho được vào nhà. Cuối cùng cô ấy giao hẹn không coi nhau là vợ chồng nữa, em chỉ là khách trọ dài ngày trong nhà thôi. Em lại làm nghề lang vườn kiếm sống qua ngày đoạn tháng. Đến năm em gần bảy mươi, như ngọn đèn leo lét, cơn gió nhẹ thổi qua đã tắt ngóm. Pen Ni thì hiện vẫn còn khoẻ mạnh, đẹp lão, cháu chắt đầy nhà. Đến ngày giỗ em, cô ấy vẫn làm mâm cơm gọi về. Lần nào trong câu cúng lằm rằm cũng gọi em là người chồng tội lỗi. Lúc đầu em nghe chối tai, dỗi định bỏ không về chén cỗ nữa, mà có lần hiện vào giấc mơ của cô ấy bảo, đã làm cơm mời người ta về còn rửa đũa, trời đánh tránh miếng ăn chứ. Cô ấy không chịu, đối đáp liền, cứ đánh cho tránh bùa mê. Thân tàn ma dại còn mê được ai nữa, nhưng qua chuyện này mới thấy cơn ghen tuông của đàn bà thật sâu bèn, đến chết rồi cũng không hết cắn kẻo ở hai lòng, phải không anh!

Giờ gặp anh, được nói lại mọi chuyện như vậy là em thanh thoả trong lòng rồi. Em sai nhiều quá là do cái tính gặp chẳng hay chớ, không chịu nghe lời khuyên của anh hôm chia tay ở ngã ba sông trên đất Thái mới ra nông nổi này. Giờ sang thế giới bên kia, sám hối thì đã quá muộn. Vậy mà em vẫn muốn anh tha lỗi, để dưới suối vàng còn có dịp đến thăm nhau. Thôi em đi đây!

Hắn biến trong chớp mắt như khi hắn hiện ra. Ông cũng lặng thinh và nghĩ: cái thằng này, đúng như nó đã từng nói hôm rời bản Sốp Phác, suốt đời cái đầu không chỉ đạo được cái cu(!)

TÁM

Chín giờ sáng hôm sau. Cuộc hội chẩn qua Internet ngay trên giường bệnh tại nhà riêng ông Nhị Nguyễn bắt đầu. Trên máy vi tính luôn có hình ảnh, cùng trao đổi qua lại của các giáo sư y học Mỹ và Việt Nam, tất nhiên có cả sự tham gia của Long, cậu con trai tiến sĩ của ông nữa. Giá họ nói với nhau bằng tiếng Pháp, đây lại toàn tiếng Anh, ông không hiểu gì nhiều. Bộ não của ông thì được bổ dọc bổ ngang mà họ gọi là “cắt lớp”, cứ luôn xuất hiện trên màn hình. Ông bỗng nghĩ, không biết những bạn bè lứa ông, có ai được làm vật thí nghiệm lý thú như thế này không nhỉ? Hôm trước ngày ông bị “quạt đổ”, vừa đi đánh cầu lông về thì gặp cô cháu nội ở công, trên tay nó có một cuốn sách khá dày, ông xem bìa, cái tên rất lạ: “Thế giới phẳng- Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21”. Con bé nói, best-seller đây ông ạ. Ông hỏi lại, cháu nói gì vậy? Nó bảo, sách bán chạy nhất hiện nay đây. Nó còn bảo, thế giới bây giờ phẳng chứ không tròn như thời ông còn trẻ đâu. Ông xoa đầu cháu bảo, dạo này mới vào năm đầu đại học mà cháu gái ông đã hài hước ra trò. Cô bé liền đưa cuốn sách cho ông bảo, cháu mới mua, ông đọc trước đi, sẽ thấy thế giới bây giờ là phẳng, cháu không nói đùa đâu. Ông chưa kịp đọc trang nào trên cuốn best-seller đó thì ngã bệnh. Cô bé cháu nội ông vẫn thường đến thăm, có lần nó chỉ vào bìa cuốn sách ấy có ý hỏi, ông đã kịp đọc chưa, ánh mắt ông nói với nó là chưa, rất tiếc. Nó liền hiểu ý và nói, cháu tóm tắt, tại sao thời ông thế giới tròn, bây giờ lại phẳng ông nhé. Nghe nó giảng giải vòng vo, ông cũng hiểu phần nào. Vậy đây, cuộc cách mạng khoa học công nghệ thời nay đã

khiến con người nhìn nhận mọi thứ theo nhãn quan mới của xu thế toàn cầu hoá, như cuộc hội chẩn từ nửa vòng trái đất hôm nay, đã nói lên cái sự “phẳng” ấy. Kỳ diệu biết bao!

Mãi đến trưa, cuộc hội chẩn qua Internet mới kết thúc. Vị giáo sư cầm tay ông, nói:

- Bác yên tâm nhé. Chỉ ít bữa nữa những người bạn ở Washington sẽ gửi đến loại thuốc mới nhất có thể giúp não phục hồi nhanh hơn.

Khi giáo sư về rồi, Long nói với ông:

- Ba ạ. Cuộc hội chẩn cho ta cách điều trị mới. Ông giáo sư ở Washington nói là, cũng trong tháng này ông đã có cuộc hội chẩn với một bệnh viện ở Thượng Hải, Trung Quốc và người bệnh bị lỵ não tình trạng giống như ba, sau một tuần dùng loại thuốc mới bệnh nhân đã nói được, nhưng chỉ có khác là bệnh nhân ấy mới bảy mươi tuổi.

Nghe cậu con nói, ông hiểu ngay, nỗi lo lớn nhất của các vị trong cuộc hội chẩn hôm nay chính là ở tuổi tác của ông, ông hơn người bệnh Thượng Hải kia đến mười lăm tuổi cơ mà. Ngày xưa “thất thập cổ lai hi”, mà nay ông đã ngoài “bát thập” rồi, trời cho tuổi thọ quá nhiều rồi, còn mong gì hơn nữa. Dù sao ông vẫn nuôi một hy vọng mong manh, nói được dù chỉ trong ít phút trước khi già biệt cõi đời này, về những điều riêng tư mà suốt bao nhiêu năm qua ông vẫn giữ kín trong lòng.

Cậu cả Đào Hữu Long từ bé tính tình nhu mì, hiền như con gái. Nó bộc lộ năng khiếu toán từ rất sớm. Hồi học phổ thông do còi, chậm lớn nó hay bị đùa lớn bắt nạt, nhưng mỗi khi làm bài kiểm tra hay thi viết, thể nào mấy đứa ấy cũng lại sun xoe nịnh nọt nó, không thì dùng hồng có lời giải mà chép. Năm nào Long cũng đứng đầu lớp. Ông hả lòng hả dạ, con hơn cha nhà có phúc. Đường học hành khoa cử, công danh của nó cứ nhẹ tênh, thẳng băng, có hàm phó giáo sư, giáo sư từ khi còn rất trẻ. Thế rồi Long lấy vợ. Hình như chúng nó cứ mãi mê công việc, khi đùa con gái lớn lộ ngọc rồi, ông phải nhắc, vợ chồng còn trẻ, cố một thằng “đít nhôm” nữa để cho ba có nối dõi tông đường. Nó cười bảo, ba còn phong kiến, con trai, con gái như nhau cả, chỉ một là đủ.

Đứa cháu nội của ông mới ghê, táo tợn như con trai. Năm mới vào cấp ba đã có bạn trai. Một lần gặp riêng, ông hỏi khéo cũng là có ý răn đe:

- Quan hệ của cháu với mấy cậu bạn vẫn hay đến nhà, là cùng giúp nhau tiến bộ trong học tập đấy chứ?

Con bé nom khá đom đống, có cái đầu cắt tìa mà nó gọi là “tém” nhuộm vàng hoe, lại mặc thứ quần áo bó sát thân, trả lời không ra thật cũng chẳng phải đùa:

- Chúng cháu ngoài điều ông vừa nói, còn có pha thêm vị đắng tình yêu như những chuyện tình trong phim Hàn Quốc đấy ạ. Cậu bạn cháu ngoài đời ngu ngơ lắm ông ạ.

- Ngu ngơ, cháu chơi với nó làm gì! Ông phật ý, bé tí đã dính vào yêu đương! Con bé cười tí mắt bảo:

- Thế chúng cháu mới chơi được với nhau chứ. Cháu có cái thiếu mà bạn cháu có cái thừa, cộng lại là vừa.

Ngày đó Long đang ở nước ngoài, ông kể với con dâu về mối lo ngại quá đả của đứa cháu nội, thì mẹ nó lại bình chằm chặp:

- Thế hệ trẻ bây giờ, ngay cả con cũng không hiểu được hết. Kệ cho nó phát triển tự nhiên ba ạ.

Nó cứ lớn lên, chẳng có gì nghiêm trọng như ông tưởng. Khi nó có giấy gọi vào đại học, ông gọi đến bảo, cháu thích ông thưởng cho cái gì nào? Con bé, lúc này đã thôi tét, có cái đầu kiêu gì khác ông không biết tên, tóc ngắn như đầu con trai và biến thành màu hạt dẻ, liền cười bảo cháu cảm ơn, nhưng điều cháu nói ra ông không được mắng cháu cơ, đây là ông đã thưởng rồi, được lời khen của ông khó lắm mà. Ông cười, con bé dạo này mồm mép đáo để. Thì ra, nó vừa mới chính thức có bạn trai, bạn ấy cũng học giỏi, đỗ một lúc hai trường, hai đứa hẹn với nhau học xong, lập công ty riêng rồi mới nghĩ đến chuyện cưới xin. Nghe nó nói vậy trong lòng ông không vui, vẫn là vướng vào vòng tình ái quá sớm quên cả sự nghiệp đang mở ra trước mắt, nhưng nó đã nói trước vậy, thì phải cười cười mà cho qua thôi. Bọn trẻ bây giờ lạ thế. Kinh nghiệm sống của người lớn muốn truyền lại thì chúng bỏ ngoài tai. Dường như chúng không cần biết nhiều đến quá khứ, chỉ cần sống cho hôm nay, điều mà thời ông đương chức vẫn mỗ xẻ, phê những kẻ như thế là “sống gấp”.

May mà cậu cả, thế hệ nối tiếp ông, còn có nhiều điểm tương đồng, nhưng lại có nhược điểm, hình như chúng mải mê làm ăn, ít quan tâm đến thời cuộc, chính trị. Tỉ như việc Long được hai trường đại học danh tiếng ở Thụy Sĩ và Mỹ đều mời sang làm giáo sư, hôm đó nó có hỏi ý kiến ông. Ông nói:

- Ba biết Thụy Sĩ là nước trung lập. Khoa học công nghệ cũng tân tiến lắm, con nên sang đây. Còn Mỹ, một thời gian dài là kẻ thù của ta, sang đây làm việc có hay lắm không?

Nó trả lời:

- Thời bây giờ là hội nhập toàn cầu ba ạ. Nền khoa học công nghệ của Mỹ vẫn là hàng đầu thế giới. Có lẽ con sẽ nhận lời sang đại học Washington.

Vậy là nó hỏi cho có lệ, đã có chủ ý cả rồi. Báo chí nhiều lần viết ca ngợi công trình nghiên cứu của nó, ông không giấu được niềm tự hào mỗi khi tâm sự với bè bạn. Về nhà là nó lại vùi đầu vào sách vở chuyên môn, đến vợ con cũng thấy ít nói chuyện, ông cứ tưởng nó chỉ coi ông là cái bóng trong nhà, cái bóng của quá vãng xa lạ với ngày hôm nay. Nhưng rồi ông hiểu ra, Long là đứa hiếu đễ, luôn lắng nghe và trân trọng cống hiến của ông. Có lần nó bảo, con có cậu bạn học hồi phổ thông giờ nổi tiếng nông, lập dị. Hôm rồi gặp lại nó bảo, cụ nhà anh giống cụ nhà tôi, cùng tuổi, cùng kéo nhau lên chiến khu, không thể hiểu nổi làm sao các cụ sống được, đôi khi còn khoe với con cháu về cái thời ăn như cơm tù, ở

như nhà tu, nói như lãnh tụ ấy cơ chứ. Đến thời nay thì thế hệ bọn mình, con mình lại quay ngoắt ba trăm sáu mươi độ. Rặt nói đến vàng, đô, địa ốc, chứng khoán khô khan, nhạt thếch, nghe đến rác cả tai, không thể hiểu nổi những kẻ quanh mình là người thật hay người máy. Cậu ta cực đoan, nói quá ra vậy thôi. Con thì nghĩ, thời nào chẳng có hay, dở, cái đáng trân trọng, cái đáng bỏ đi. Nhưng thế hệ của ba là đặc biệt, là vàng mười, ai còn đến hôm nay, từng tham gia kháng chiến, cũng đều như một bảo tàng sống về chiến tranh cách mạng cả. Ba có nhiều cái đáng để viết lại cho hậu thế bọn con đọc lắm chứ. Nghe cậu cả nói vậy ông cũng hả lòng hả dạ, cười bảo, ba và những bạn cùng trang lứa ngày ấy rời Hà Nội lên chiến khu không hề có toan tính gì cho cá nhân, dân thân như một bản năng sinh tồn, mà khi đã lùi xa đến hôm nay, chắc hẳn lứa hậu sinh các con khó mà hiểu hết. Bởi thế ba vẫn nghĩ, viết làm gì cho tốn giấy mực, ai đọc? Long lại bảo, mỗi loại sách đều kén độc giả, con vẫn thích tìm hiểu về sự kiện, con người thời ba sống, miễn là cuốn đó thú vị, cứ liệu lịch sử đưa ra đều rõ ràng, chân thật. Chắc là đến con con, cháu con cũng vẫn chung ý nghĩ ấy đấy, ba đừng ngại không có bạn đọc, không còn ai thích nhìn lại quá khứ. Chính sự khích lệ đó làm ông hứng khởi, mấy năm gần đây chủ ý dành nhiều thời gian sưu tầm tài liệu, gặp bạn bè để hỏi thêm về những điều chưa rõ, định bụng sẽ viết ra cái gì đó không lẫn với những tập hồi ký khác, nếu không in được cũng là món quà tinh thần để lại cho con cháu trong nhà. Nhưng con đột quy bất ngờ đã phá hỏng tất cả. Và cả câu chuyện tình ngắn ngủi ở Pha Lan nữa, từ lâu ông đã vùi sâu chôn chặt trong lòng, mà giờ gần đất xa trời, muốn công khai điều bí mật ấy cho cả nhà biết thì đã quá muộn rồi...

Từ chiều đến giờ ông cứ nghĩ miên man chuyện nọ xọ chuyện kia như vậy về con, cháu trong nhà đến những biến cố của đời mình, rớt cuộc vẫn còn nỗi day dứt, tiếc nuối của người sắp rời xa dương thế, đó thật sự là “khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan”.

Rồi luồng suy tư bị đột ngột cắt đứt khi Long từ nhà ngoài vào, nói với ông:

- Ba ạ, có bác bạn với ba ở Nam Lào đến thăm ba.

Một ông già da mặt xạm bởi nhiều nốt môi lấm tẩm trên trán, bên thái dương, râu tóc thì đều bạc phơ loã xoã, nhanh nhẹn bước vào. Ông Nhị Nguyễn nhận ra ngay đó là người đồng hương, “Chính uỷ thích đùa” ở cao nguyên Bô Lô Vên đạo nào.

Ngày còn quân ngũ, hai người đã nhiều lần gặp nhau trong các hội nghị quân chính, hay đợt chỉnh quân. Hết chiến dịch này đến trận đánh khác đều khăn trương, bề bộn, tối mắt tối mũi vào chuẩn bị phương án tác chiến, còn đâu thì giờ nói chuyện riêng tư. Và lại ông ấy bên ngạch chính trị, ông bên quân sự ít có dịp được ngồi lâu với nhau. Bằng một thời gian khá dài, lần gặp mới nhất là trước ngày ông bị “đổ” không lâu, cả hai đều đã nghỉ hưu được nhiều năm. Nhị Nguyễn cựu trung tá, trung đoàn phó, còn ông ấy cấp cao hơn nhiều, cựu thiếu tướng, chính uỷ quân đoàn. Hôm đó hai lão chiến binh gặp lại nhau tay bắt mặt mừng,

một hồi chuyện đã vãn, ông Nhị Nguyễn mới hỏi về một thắc mắc lâu nay vẫn để trong lòng:

- Chắc bây giờ bác không còn phải giữ bí mật nữa. Ai đã tố cáo tôi quan hệ bất chính với Xảo Xối, cái cô xinh tươi ở bản Pha Lan ngày ấy?

“Chính uỷ thích đùa” từ khi nghỉ hưu vẫn yên vị ở quê thuộc ngoại thành thủ đô, bảo là chủ ý để râu dài cho giống một lão nông tri điền. Nghe bạn hỏi vậy ông vuốt râu cười khà, vẫn cái giọng thích dông dài với cấp dưới dạo nào:

- Gớm, sắp xuống lỗ mà vẫn còn nhớ em xinh tươi cách nay nửa thế kỷ cơ đấy. Điều cậu hỏi, làm mình cũng nhớ lại một em ở Chăm Pa Xắc mà hồi trên cứ mình đã kể cho cậu nghe. Chả là sau ngày nước nhà thống nhất, mình có chân trong đoàn đại biểu quân sự nước ta sang thăm Lào, cô ấy nhận ra mình ngay lúc mình ngồi trên lễ đài cuộc mít tinh chào mừng đoàn. Cô tìm mình bằng được, vừa gặp đã hỏi ngay: “Thưa, ông còn nhớ em là ai không ạ?” Nói thật, mình cũng nhận ra cô ấy, chỉ đậm hơn thôi, chứ vẫn có nét của người mỏng mày hay hạt thời trẻ, nhưng không hiểu sao lúc đó mình lại giả bộ ngờ ngờ, nói là xin lỗi chị, tôi chỉ trông quen quen, bao nhiêu năm rồi không thể nhớ hết những người bạn trên đất nước Triệu Voi được. Thế là trước các quan khách, cô ấy chơi luôn mình một vở: “Vâng, ông bỏ quá cho em, do đến giờ em vẫn không quên được người ấy. Có thể em đã nhầm vì có nhiều nét giống với ông. Anh ta là người giỏi bỏ của chạy lấy người lắm ông ạ.” Mình tái cả mặt mà vẫn phải gượng cười, hoá ra bao nhiêu năm qua cô ấy vẫn còn giận thì giận mà thương thì thương!

Câu chuyện của ông bạn chính uỷ lại làm ông Nhị Nguyễn chạnh lòng. Ông bỏ của chạy lấy người khi chưa có gì sâu sắc, chứ tôi hèn hơn nhiều, bỏ cả đứa con lại cơ! Ông nhắc:

- Bác chưa trả lời câu tôi vừa hỏi.

- À, là cái cậu Đỗ Trường đấy mà- Cụu chính uỷ trả lời thẳng tưng- Cậu ta trực tiếp cầm đơn lên đưa cho mình. Mình hỏi, anh vừa về sao đã biết chuyện này, anh Nôm ở đây bao lâu không thấy nói gì? Cậu ta nói, do tôi nhạy cảm về chính trị nên đã nhận ra ngay sự khác thường khi lần đầu gặp Xảo Xối ở bìa rừng lúc đi nhận thực phẩm tiếp tế. Cậu ta còn nửa đùa nửa thật bảo, cô ta trẻ đẹp, phốp pháp thế, ai gần mà chẳng chết. Mình xác định thái độ ngay, đồng chí nói nghiêm túc đấy chứ, đây là sinh mạng chính trị của đồng đội, không phỏng đoán câu âu được đâu. Cậu ta khẳng định sự thật trăm phần trăm, do đã bí mật theo dõi lúc Nhị Nguyễn về bản thăm bà mẹ bị ốm. Cậu ta bảo, chính mắt trông thấy Nhị Nguyễn ôm hôn Xảo Xối trong vườn. Do ngồi nấp trong bụi cây khá gần nơi hai người trò chuyện, nên còn nghe được hầu như toàn bộ những câu đối đáp. Cậu ta còn bảo, cứ trông cung cách anh chị gần gũi nhau thế, ngủ với nhau là cái chắc rồi chính uỷ ạ. Ngày ấy chỉ huy phân khu đã bàn rất kỹ về trường hợp của cậu, phải ra quyết định kỷ luật như vậy, không thể khác. Mình còn sợ một khả năng, cậu phá ngang, bỏ ngủ ở lại với cô ấy, nếu cậu làm thế thì quả rất khó cho đơn vị vì đang làm

nhiệm vụ quốc tế. May mà cậu đã xử sự đúng đắn. Ngày đó cậu có oán tố chức không?

- Oán thì tôi đã chẳng được như thế này- Ông Nhị Nguyễn nói- Minh sai, oán ai được. Nhưng thật không ngờ anh ta...

Cựu chính uỷ tiếp lời:

- Cậu biết vậy, cũng không nên giận Đỗ Trường. Cậu ta làm đúng nguyên tắc tổ chức. Và cũng đừng nghĩ cậu ta có ý định tranh chức đội trưởng...

- Không bao giờ tôi nghĩ thế- Ông Nhị Nguyễn ngắt lời- Viết đơn tố cáo là quyền của anh ta. Nhưng mình chỉ thấy ngạc nhiên khi anh ta đi rình mò nghe trộm như vậy. Về sau gặp lại, anh ta không thấy nhắc đến chuyện ấy nữa, mà mình đâu có ngờ hẳn tố cáo. Chắc hẳn lúc đó anh ta vẫn cảm tôi đã mang chuyện quá tả trong đời xử với tộc trưởng Nha Hồn nói với chính uỷ Cầu, nên trả đũa. Vậy là huê một đều. Thôi, biết vậy, nhắc lại chuyện từ đời tám hoánh ấy phỏng có ích gì nữa đâu.

Cựu chính uỷ vẫn chưa tỏ ý muốn thôi, ông hỏi tiếp:

- Giờ anh em mình sắp về thế giới bên kia cả rồi, mình hỏi thật cậu một điều. Hai người đã sâu sắc với nhau như vậy, mà sao lúc đó cậu vẫn khẳng định với mình là chưa có con với nhau và rồi về nước là cưới vợ ngay?

Giây lát suy nghĩ, ông nhị Nguyễn nói:

- Lúc trình bày với bác, chẳng phải tôi đã nói chính cô ấy bảo với tôi là chưa có gì. Nếu tôi biết Xảo Xội cố tình giấu chuyện đã có thai thì có lẽ sự việc khác hẳn rồi đấy, bởi thâm tâm tôi còn rất thương cô ấy. Đúng, chúng ta là người lính phải chấp hành kỷ luật, nhưng đứng trước sự lựa chọn éo le như thế, thì có lẽ phải đặt cái tình cao hơn mọi điều mới thật là nhân bản chứ. Còn bác hỏi, sao vừa về nước đã lấy vợ ngay, lúc đó tôi chỉ nghĩ đơn giản, làm thế cho chóng quên đi mối tình ấy.

- Thế cậu không lúc nào cảm thấy là cô ấy đã có thai sao, cả lúc chia tay về nước, tức là sẽ chia tay mãi mãi? Cựu chính uỷ vẫn xoáy vào “chủ đề” ấy.

- Cũng có lúc tôi nghĩ Xảo Xội đã có thai. Có mỗi một lần đi lại với nhau trên chòi canh nương thôi, thú thực lần sau cũng muốn lắm mà sợ, cái án kỷ luật đang treo lơ lửng đã làm tôi mất hứng. Một khi phải đối mặt với sự thật nghiệt ngã ấy, cũng là không còn quyết sống trọn đời với người ta nữa. Vả lại lúc chia tay về nước, cô ấy vẫn giấu. Về sau nghĩ lại, động cơ cô ấy giấu vì sợ ảnh hưởng đến công tác của mình. Có lúc Xảo Xội đã ước, nói là muốn có con, thực ra là muốn thử xem mình có đồng ý nhận giọt máu đã có hay không, thì chính vì lý do vừa nói, tôi đã không còn tinh táo để nhận ra cái thực chất trong diễn biến tâm lý của cô ấy nữa, mà đã khước từ. Bởi vậy Xảo Xội rất thất vọng, về sau lại biết tin tôi vừa về nước đã lấy vợ, cô càng giận hơn, khi đưa con ra đời không muốn cho biết cha nó là ai. Điều này trong chiến dịch Sấm Thông- Long Chặng, tình cờ tôi gặp Khăm Đi, nó đã nói lại. Và chính Khăm Đi có chung cách nghĩ với mẹ, chỉ coi tôi như một người bạn của mẹ, không phải là cha nó. Tuy không nói ra, nhưng tôi biết

thâm tâm Khăm Đi cũng oán tôi. Bác còn lạ gì, chúng ta sinh vào thời loạn, đâu còn tuổi trẻ lãng mạn, bị cuốn hút vào cuộc chiến trái tim trở nên chai sạn. Thú thực với bác, thời trẻ tôi phải lòng có hai người. Cô đầu chỉ đầu mày cuối mắt với nhau, có thể vì thế nên nhạt, nói thôi là thôi ngay mà không còn vướng bận. Đến Xảo Xọi thì ngược lại. Hoàn cảnh đưa nhau đến say cuồng trong chốc lát, sâu đậm khó quên. Sau chiến dịch Sầm Thông- Long Chặng tôi không có điều kiện gặp lại Khăm Đi nữa. Nhưng từ ngày biết mình có đứa con rồi, tôi day dứt lắm, càng về già nỗi khổ tâm càng lớn hơn, mình là thằng Sở Khanh, thằng hèn, để đến lúc chết người ta còn mang hận trong lòng. Tôi muốn chuộc lại phần nào lầm lỗi bằng việc bù đắp cho phần thiếu thốn tình cảm của Khăm Đi và mong nó chuyển ý. Hôm nay bác hỏi tôi mới nói hết tâm can, chứ trong nhà mình thì chưa ai biết cả. Bao năm qua tôi vẫn giấu kín chuyện này vì nghĩ, bà ấy và các con biết chỉ thêm rầu lòng chứ giải quyết được gì.

- Chắc khi cậu về nước- Cựu chính uỷ nói- không biết là mẹ con Xảo Xọi đã chuyển ngay về thị xã A Tô Pơ?

- Gặp Khăm Đi tôi mới biết, nên khi nó nói sinh ra ở A Tô Pơ tôi vẫn ngỡ ngợ. Vì gương mặt, dáng người nó giống tôi quá ai gặp hai người đi bên nhau cũng bảo vậy, tôi phải gặng mãi nó mới nói hết. Chắc là sau khi tôi về nước, bác có quan tâm đến cô ấy?

Cựu chính uỷ gật đầu, nói:

- Lúc đó dù cậu bảo là không, nhưng thâm tâm mình vẫn linh cảm là cô ấy đã có con với cậu. Mình nghĩ, nếu cô ấy sinh con thì phải có cách giúp đỡ về vật chất, không được nhiều thì cũng có chút ít để an ủi người ta. Cậu biết không, chính là tay Đỗ Trường đã sốt sắng nhận đến nhà cô ấy thăm dò. Lần đầu cậu ta lên báo cáo với mình, thủ trưởng à, cái cô ấy gan lắm cậu rằng chẳng nói nửa lời, chỉ bà mẹ nói thay, toàn ca ngợi cậu ta tốt thế này tốt thế kia thôi. Lần sau Đỗ Trường báo cáo, cái cô gái trẻ ấy đang hiền như con nai bỗng trở nên hung dữ như hổ, bảo anh về đi, tôi hận các anh! Mà bụng cô ta lùm lùm rồi. Lần sau đến nữa, thì mẹ con đã dọn đi rồi.

Chuyện trò hồi lâu, hai lão chiến binh vịn vai nhau đứng dậy. Khi chia tay, vị cựu chính uỷ còn nói với ông Nhị Nguyễn:

- Đúng là ở đời không ai có sự chu toàn, được cái này mất cái kia cậu ạ.

Sau lần gặp ấy, dù không có hẹn trước Nhị Nguyễn vẫn tự tìm sang nhà “Chính uỷ thích đùa” ở ngoại thành. Thật bất ngờ, đó là căn nhà gạch lợp ngói ta, ba gian hai chái như nhà mọi người dân xung quanh, còn đồ đạc cũng chẳng có gì đáng giá, ngoài cái ti vi cũ màn hình nhỏ và cái xe máy rách bụi phủ trắng. Lúc ở đầu làng ông hỏi nhà cựu chính uỷ, thì một bà răng đen mắt toét, đã xăng xái chỉ đường ngay, còn nói, bác ấy tướng tá, chức to nhất xã, mà cái khoản nghèo thì ngang nhà em thôi...Nói đến đây bà ta nhìn trước nhìn sau như sắp làm điều gì vụng trộm, hạ giọng bảo, thật thương cho ông tướng tá ấy, lấy củi ba năm thiêu một giờ, của nả tích góp bao nhiêu năm bị thằng con phá sạch bách trước khi đi tù

về tội biển thủ công quỹ. Được cô con dâu thì đong đánh lảng lơ, chồng vừa vào nhà đá đã bỏ đi với giai rồi. Ông tướng tá ấy, có nhõn thằng cháu nội, thấy bố mẹ ông chẳng bà chuộc với nhau thì chán, bỏ nhà bị sa vào vòng tệ nạn, cũng vừa bị bắt đi trại cai nghiện. Ông ấy từ ngày về hưu cứ liêu xiêu giải quyết hết vụ này đến việc khác trong nhà, trông xòm hăn. Người hiền lành tử tế thế mà sao hậu vận kém thế, hay ngày trước trận mạc giết nhiều nên bị báo oán, hở ông? Ông Nhị Nguyễn nghe vậy thì gai nổi khắp người. Một người luôn tỏ ra lạc quan yêu đời, lấy cười cợt để giao đãi, thực ra chỉ để che giấu cái bi kịch trong nhà lớn đến thế hay sao? Thảo nào lúc gặp nhau, khi hỏi thăm về vợ con, bác ấy cứ lảng và cũng không nói rõ cả địa chỉ nhà nữa, hàm ý không muốn mời bạn sang chơi. Thế rồi hai người gặp nhau trong căn nhà trống trải, âm thấp, có phần lạnh lẽo, lại tiếng rên hừ hừ của bà lão đang ốm trong buồng cứ vọng ra não cả ruột gan, đến lúc đó mới đọc được trên gương mặt “thích đùa” của vị chủ nhà vẻ bối rối, cùng những nếp nhăn hằn sâu của nỗi buồn tủi dường như vô tận. Nhưng suốt buổi trò chuyện, bác ấy không thốt ra lời ta thán nào. Bác ấy có một tinh thần thép, cứ một mực cắn răng nuốt mọi vị đắng chát của riêng tư vào trong lòng, mà không muốn phiền ai chia xẻ bớt cho mình! Ông Nhị Nguyễn nhìn gia cảnh bạn chẳng lòng dạ nào ngồi lâu, qua loa đôi điều rồi đứng dậy cáo từ. Đôi bạn già cúi đầu lặng bước bên nhau đến tận cuối làng. Lúc chia tay, cựu chính uỷ mới nhìn vào mắt ông Nhị Nguyễn, giọng khàn khàn nhỏ nhẹ, vánh vất hé lộ ra những điều đau đớn đã nén chặt bấy lâu: “Thật mừng cho cậu. Các cháu đều giỏi giang, phương trưởng. Vậy là về hậu vận, bọn mình có xách dép cho cậu cũng không xong. Cái mà bọn mình quăng đời trước xem ra thuận buồm xuôi gió hơn, rất cuộc đời của thiên trả địa cả, có còn gì đâu. Có mỗi điều cần cái của cậu hôm nọ nói với mình, về chuyện xưa chuyện xưa ở cao nguyên Bô Lô Vên ấy mà, cậu cũng chẳng nên cắn đứt lương tâm làm gì. Mình hiểu cậu có chủ ý lừa người ta đâu, thật lòng đến với nhau cả, do hoàn cảnh mà phải chia loan rẽ thuy. Thú thực, hôm ta gặp lại nhau, thấy cậu cứ rầu lòng vì mỗi chuyện ấy, mình chẳng muốn nói ra cảnh nhà mình còn bi đát bằng vạn lần, giờ cậu sang đây biết cả rồi đấy, có ai cuối đời trắng tay như mình không, mà vẫn cười được, còn chưa muốn cắn lưỡi chết đi cho rồi cơ mà ...”

Nói đến đây, cựu chính uỷ bỗng nghẹn lời. Một giọt nước mắt chọt ứa ra, ướt nhoè trên gò má rám xạm nhăn nheo. Ông lấy tay chùi vội, sợ người ngoài nhìn thấy giọt nước mắt cay đắng thâm thẳm ấy. Ông Nhị Nguyễn thì không kìm được nổi xót xa cho bạn, choàng hai tay ôm lấy “đồng hương”, mắt rung rung, thủ thi: “Bác ơi, hôm trước bác đã nói với tôi, ở đời không có cái chu toàn cho ai. Biết làm sao được, chữa được bệnh chứ đâu chữa được mệnh. Tôi thăm đường đột không báo trước thế này có thể làm bác không vui, bác bỏ quá cho nhé. Nhưng tôi vẫn còn sang thăm bác nữa đây. Chúng ta đều sắp xuống lỗ cả rồi, có nỗi buồn phiền cũng nên vội bớt cho nhau để lòng thanh thoả được phần nào, tôi nói vậy có phải không?”

Nhưng ông chưa kịp sang thăm lại “Chính uỷ thích đùa” lần nữa, thì bị đột quy. Giờ chính bác ấy lại đến tận nhà thăm ông. Lúc này khi bước vào phòng, vừa nhìn ông nằm đấy, vẫn là cái giọng thường chọc bỡn người ngoài:

- Gớm, đá cũng đổ mồ hôi đấy nhỉ.

Thấy ông nằm bất động, không trả lời được thì “Chính uỷ thích đùa” cảm nhận được ngay mức độ nghiêm trọng bệnh tình của bạn, bước nhanh đến bên nói tiếp:

- Từ sau hôm anh em ta gặp nhau, tuy cậu không yêu cầu, mình vẫn tự đi tìm hiểu để giúp cậu làm sáng tỏ thêm sự việc ở cao nguyên Bô Lô Vên đạo ấy. Nay đã có manh mối rồi đây. Cậu có đồng ý nói ra hay không là tùy.

Rồi cự chính uỷ nhìn xoáy vào ông chờ trả lời. Long liền đến bên cạnh vị khách, nhỏ nhẹ nói:

- Thưa bác, ba cháu từ khi bị tai biến chỉ nghe, hiểu mà không nói lại được đâu ạ.

- Vậy à!- Cự chính uỷ nhìn Long hỏi- Có một chuyện ba anh đã trao đổi với tôi hôm trước, không biết ba anh có cho phép nói ra ở đây không?

- Vâng, bác để cháu hỏi ba cháu.

Cậu con liền đến cạnh ông, hỏi:

- Chắc là bác ấy có chuyện muốn nói riêng với ba đấy, ý ba thế nào?

Trong những ngày bị đột quy vừa qua, khi ông Nhị Nguyễn tỉnh lại, không nói được thành lời, nhưng lại nói bằng ánh mắt và mỗi người thân đều hiểu được ý ông, còn đóng vai trò phiên dịch cho khách đến thăm về những điều ông muốn diễn đạt. Đây có thể là thứ “thần giao cách cảm” khác thường giữa những người cùng huyết thống trong giờ phút âm dương sắp cách biệt chăng? Giờ điều sâu kín cuối cùng trong lòng không thể nói ra thành lời, lại được bác ấy, người duy nhất biết chuyện này có thể giúp thì còn gì bằng! Nếu ông chưa biết gia cảnh của bác ấy thì là một nhẽ, nay mới thấy tấm lòng với đồng đội của bác ấy, gác chuyện buồn đến nẫu ruột của nhà mình, mà giành tâm sức lo cho người khác. Nhưng đây là điều ông không thể nói bằng ánh mắt cho cậu con thông minh tài giỏi hiểu, chỉ có giọt nước mắt không giữ được chột lẫn ra. Tuổi già lạ thế, mau nước mắt như con trẻ vậy. Khóc vì sung sướng con cháu trưởng thành, quây quần; ứa nước mắt nhìn bà lão vất vả sớm hôm vì mình; nay xót cho gia cảnh bạn cũng không tìm được hai hàng lệ. Long thấy vậy thì tỏ ra luống cuống, không hiểu chuyện gì mà làm ông xúc động vậy. Rồi ông kịp định tâm lại. Cự chính uỷ thì dường như hiểu được từ giọt lệ của bạn là nỗi cảm thông với mình, bất ngờ rút trong túi áo ra cái mùi xoa, chấm khô nước mắt trên gò má ông. Ánh mắt ông liền bảo với cậu cả, bác ấy có việc hệ trọng muốn thay ba kể cho cả nhà đấy, con nên gọi mẹ, em vào cùng nghe. Giờ Long hiểu, thở phào và quay lại nói với khách:

- Ba cháu muốn bác kể lại câu chuyện riêng tư nào đó của ba cháu mà bác đã biết hồi hoạt động ở cao nguyên Bô Lô Vên bên Lào đấy ạ.

Nói rồi Long đi ra, lát sau vợ ông cùng con gái, con dâu vào. Đúng lúc đó cô cháu nội vừa đi học về, nó chạy ùa vào thăm ông, sốt sột khoe ngay:

- Ông ơi, cháu được học bổng toàn phần. Sang năm thứ hai mà học giỏi, còn có học bổng ra nước ngoài nữa cơ.

Ông tỏ ý vui. Long đến gần con nói nhỏ:

- Ba chúc mừng con! Nhưng bà, ba, mẹ và cô Hiền có việc riêng với ông nội.

Con bé xịu mặt định đi ra, ánh mắt ông liền bảo với cậu con, cứ để cháu nghe cũng không sao, nó đã lớn khôn rồi! Con bé được phép ngồi lại, nó hớn hờ:

- Cháu cảm ơn ông!

Cụu chính uỷ nhìn vào ông Nhị Nguyễn nói:

- Mình vẫn phải nói trước với cậu chuyện này đã. Sau lần gặp cậu, mình có chủ động liên hệ với tùy viên quân sự đại sứ quán Lào, hỏi về lai lịch một cán bộ Pathet tên Khăm Đi, họ hẹn nửa tháng sau trả lời. Hôm qua mình đến, có kết quả rồi đây. Họ đã tra tìm trong sổ quân lực với các dữ kiện: sinh năm 1953 tại A Tô Pơ, mẹ Xảo Xọi thuộc bộ tộc Nha Hồn đã mất, ông ngoại liệt sĩ, từng chiến đấu ở Sầm Thông- Long Chặng năm 1971- 1972. Đồng chí đó hiện là đại tá, sư đoàn trưởng, đơn vị đang đóng ở thủ đô Viêng Chăn.

Ông Nhị Nguyễn nhìn khắp lượt mọi người trong nhà. Đây là chuyện cuối cùng tôi muốn nói với bà và các con, cháu đây.

#

#

Cuối cùng thì những sức lực còn sót lại trên cõi dương cũng dời bỏ ông Nhị Nguyễn vào khoảng buổi trưa ngày thứ chín, kể từ khi sau cơn hôn mê ông choàng mở mắt, tỉnh nhưng không nói được và vẫn nằm bất động trên cái giường thép đặt tại nhà. “Những thước phim” trong đầu phụt tắt từ lúc nào và ông cảm thấy có hình bóng huynh trưởng phía cao xanh thăm thẳm đang cười cười nhìn mình và giơ tay vẫy vẫy. Ông bỗng thoát ra khỏi cái giường thép để cất lên, rồi bay mãi, bay mãi vào khoảng không vô định...

ĐOẠN KẾT

Tại nghĩa trang thành phố. Trước một nấm mồ phủ đầy hoa. Mọi người có mặt đông đủ, khăn tang trắng xoá, đều cúi xuống chấp tay khấn khứa trước mâm cơm cúng ba ngày đặt ngay tại chân mộ.

Trong lúc đó, có một chuyến bay từ Viêng Chăn vừa hạ cánh xuống sân bay Nội Bài, Hà Nội. Một người đàn ông trạc ngoài năm mươi tuổi, cao lớn, rắn chắc trong bộ com lê màu xám, trên ngực áo cài một mảnh băng đen, vội vã nhận hành lý, rồi được xe của Sứ quán Lào đón, lao nhanh khỏi nhà ga. Đến nghĩa trang, người mặc com lê xám cùng nhân viên sứ quán lấy trong cốp xe ra một vòng hoa lớn, trang trọng đưa đến đặt trước mộ ông Nhị Nguyễn. Dải băng vải màu đen, hàng chữ trắng bằng hai thứ tiếng Việt- Lào: “Kính viếng hương hồn Bác, Trung tá Đào Nhị Nguyễn, nguyên chiến sĩ Quân tình nguyện Việt Nam tại Lào”. Phía dưới dòng chữ ở dải băng đề: “Cháu Khăm Đi”.

Không nhìn vào dòng chữ ở dải băng, tất cả đứng xung quanh mộ, đều nhận ra từ xa, một trong hai người đang khiêng vòng hoa trang trọng bước đến, đó là Khăm Đi, bởi cái dáng, khuôn mặt anh quá giống với người quá cố. Cô cháu gái thắm thì vào tai bà nội đứng bên:

- Bà nhỉ, bác ấy như đại diện cho một đoàn đến viếng ông mình.

Bà Nhị Nguyễn không tìm được đã bật khóc, cúi xuống thấp thêm nén nhang, rồi chấp hai tay trước mộ, khẽ gọi:

- Ông ơi!

Khăm Đi mắt đỏ hoe đến trước mặt, nắm chặt hai tay bà nghẹn ngào nói bằng tiếng Việt khá sõi:

- Thưa bác. Cháu đang đi công tác ở Nam Lào, về nhận được điện từ Hà Nội một ngày sau khi bác trai qua đời, nên đến muộn. Cháu xin chia buồn sâu sắc với bác cùng gia đình ta.

- Người ông ấy nghĩ đến nhiều nhất trước khi đi là anh đấy- Bà Nhị Nguyễn để yên tay mình trong bàn tay thô ráp của Khăm Đi và nói, nước mắt cứ chảy dài.

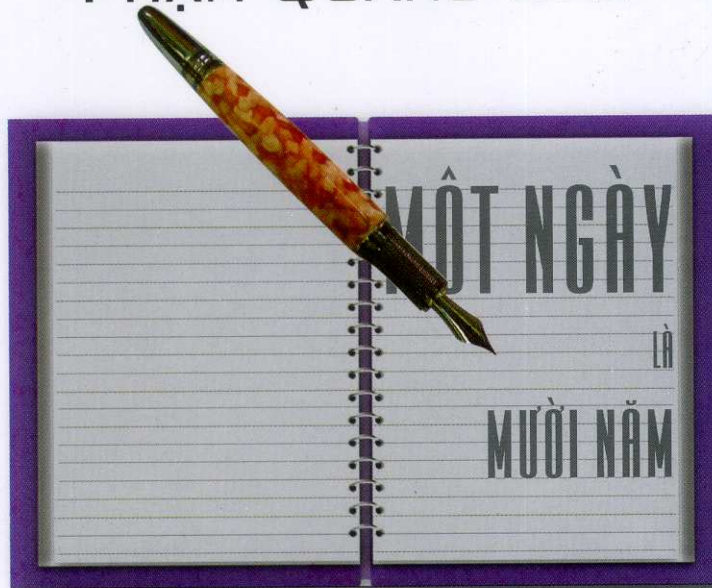
Khăm Đi quay sang bắt tay, bùi ngùi nói lời chia buồn với từng người thân trong gia đình ông Nhị Nguyễn. Cô cháu nội nước mắt lưng tròng, ngược nhìn Khăm Đi, thổn thức:

- Bác ơi, ông cháu đợi bác mãi!

Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội 2007-2008

P.Q. Đ.

PHẠM QUANG ĐẪU



Cuốn sách viết về trạng thái hấp hối kỳ lạ trong buổi hoàng hôn đời người. Thực và ảo. Quá khứ hiện tại đan xen.

Lão cựu chiến binh của một thời, ở góc sâu thẳm nơi lương tâm vẫn còn đó bao trăn trở, tiếc nuối về thuở đầu xanh tuổi trẻ "mối tình mang xuống tuyến đài chưa tan". Dường như đó là gương mặt cuối cùng còn sót lại, một lớp chiến sĩ tình nguyện từng ném trái cả hai cuộc chiến tranh vệ quốc, và làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Lào; cũng có thể qua nhân vật chính này của tiểu thuyết, sẽ đem đến sự khám phá bất ngờ, mới mẻ cho những ai hôm nay còn muốn tìm hiểu hoàn cảnh sống cùng tâm hồn, nhân cách những người lính thuộc thế hệ cha ông mình...

Giá: 40.000đ

